VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

tưởng niệm việt nam cộng hòa
nguyễn văn trung
kiệt tấn và những đam mê đời thường
đoàn nhã văn
tiếng ca dưới sóng
trúc chi
ngày xưa cô tấm
lê minh hà
lửa băng nước
thường quán

truyện
trần mộng tú ● vũ hồi nguyên ● song thao
võ đình ● hoàng nga ● phạm hải anh
ngụ thuyết ● thu thuyền ● nguyễn bình phương

thơ
nguyệt thu ● đức phổ ● như chi ● vạn giả
nguyễn thị minh thúy ● ngu yên ● lê cần sơn
mạc hoài ● ngô nguyên dũng ● thường quán

174
THÁNG 10 2000

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Website:www.saigonline.com/vanhoc/ hay vanhoc.omely.org
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 174 ● tháng 10, 2000

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
NGUYỄN VĂN TRUNG	3	tưởng niệm Việt Nam Cộng Hòa
NGUYỆT THƯ	32	*sắc không*
ĐOÀN NHÃ VĂN	33	kiệt tấn và những đam mê đời thường
THƯỜNG QUÁN	45	*lửa băng nước*
TRẦN MỘNG TÚ	49	thư viết từ assaquah
ĐỨC PHỔ	52	*những sớm mai, còn nhớ được*
VŨ HỒI NGUYÊN	53	một độ khóc cười
MẠC HOÀI	67	*gối chăn*
NGUYỄN THỊ MINH THÚY	68	*đời giữa đêm sâu*
TRÚC CHI	69	tiếng ca dưới sóng
VẠN GIẢ	77	*thực*
VÕ ĐÌNH	78	bàn thờ nhà bà soa
NGU YÊN	87	*31 tháng 7 năm 2000*
HOÀNG NGA	88	nỗi niềm
LÊ CẦN SƠN	94	*chào em, vì đôi mắt đá*
LÊ MINH HÀ	96	ngày xưa cô tấm
PHẠM HẢI ANH	102	viết cho người không hiểu
NGỰ THUYẾT	104	con đường về
NHƯ CHI	110	*tháng 7, tháng 8, tháng 9*
THU THUYỀN	111	cha con
NGÔ NGUYÊN DŨNG	116	*che không hết núi*
SONG THAO	117	mùa hè đã qua
NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG	128	trí nhớ suy tàn (tiếp theo)
PHẠM XUÂN ĐÀI	143	đọc "bên giòng sông hàng"
VĂN HỌC	150	ý kiến bạn đọc
VĂN HỌC	153	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	157	hộp thư, thư tín

Copyright by authors and Văn Học, 2000
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2000

Thư tòa soạn
Văn Học

Bài đặc biệt quan trọng trong số báo này là "Tưởng niệm Việt Nam Cộng Hòa" của Giáo sư Nguyễn văn Trung, nằm trong loạt bài "Nhìn lại những trang viết cũ" của *Văn Học*. Như bạn đọc thuộc thế hệ trung niên ở Miền Nam trước đây đã biết, Giáo sư Nguyễn văn Trung là một trí thức khuynh tả đã có ảnh hưởng lớn lao trong sinh hoạt tư tưởng và chính trị của Miền Nam suốt hai mươi năm. Những cuốn sách, bài báo, và hoạt động bên trong lẫn bên ngoài khuôn viên đại học của ông đã gây ra nhiều tranh luận gay gắt từ nhiều phía. Ông đóng vai trò trí thức khuynh tả trong một xã hội tương đối tự do của Miền Nam, giữa lúc cuộc chiến tranh khuynh đảo do chế độ toàn trị Miền Bắc phát động càng ngày càng khốc liệt. Nhiều người đã đặt vấn đề trách nhiệm của giới trí thức khi Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ, nhất là giới trí thức khuynh tả. Giáo sư Nguyễn văn Trung cũng cảm thấy phải sòng phẳng với chính mình, nên bước vào tuổi bảy mươi, đã ngồi xuống viết một cuốn hồi ký "tự phán" một cách nghiêm chỉnh, chân thành. Văn Học hân hạnh được ông cho đăng một đoạn của hồi ký đó, định giá lại chế độ Việt Nam Cộng Hòa, phục hồi lại những mất mát do xuyên tạc và định kiến - trong đó có định kiến của chính ông.

Chúng tôi xem bài viết của Giáo sư Trung là một biểu hiện của sự liêm khiết và can đảm của người trí thức, vì cho đến nay, trên toàn cầu, giới trí thức khuynh tả vẫn chưa có can đảm "tự phán" một cách sòng phẳng, rốt ráo. Họ không dám nhận rằng chỗ đứng an toàn của họ không đâu khác hơn là xã hội cho phép họ được công khai bày tỏ lập trường khuynh tả, và khi chế độ bị họ khinh miệt tiêu vong, để thay thế bằng một chế độ toàn trị, thì số phận của họ cũng bị tiêu vong theo. Hay nói như Giáo sư Nguyễn văn Trung, "tham gia cách mạng là tham gia vào một quá trình tự tiêu diệt sau này".

Văn Học

Tưởng niệm Việt Nam Cộng Hòa

Nguyễn văn Trung

Lời Tòa soạn: *Giáo sư Nguyễn văn Trung là một nhà trí thức đã có ảnh hưởng rất lớn đối với thế hệ thanh niên trưởng thành trong hai mươi năm Việt Nam Cộng hòa. Từ 1955 đến 1975, ông dạy Triết học và Văn học tại Đại học Huế, sau đó Đại học Sài Gòn. Trong khuôn khổ trường đại học, ngoài việc giảng dạy, ông chủ trương tạp chí* Đại Học, *nhà Xuất bản* Đại Học, *đóng vai trò quan trọng trong việc phổ biến các triết thuyết đang thịnh hành tại Âu châu thời bấy giờ, nhất là thuyết Hiện sinh và Hiện tượng luận.*

Nhưng ông được biết đến nhiều hơn cả vì những hoạt động văn hóa ngoài khuôn khổ đại học, theo quan niệm mà ông gọi là Dấn thân vào thời cuộc; chẳng hạn ông chủ trương những tạp chí Hành Trình, Đất Nước *hoặc tham gia viết bài cho nhiều tạp chí khác như* Sáng Tạo, Bách Khoa, Quê Hương... *Ông đã cho xuất bản nhiều sách về lý luận văn học, lịch sử VN thời Pháp thuộc. Những cuốn được chú ý nhiều hơn cả là* Chủ Nghĩa Thực Dân Pháp ở Việt Nam, Thực Chất và Huyền Thoại, Ca Tụng Thân Xác *và đặc biệt là 6 tập* Nhận Định *gồm những bài viết về những vấn đề liên quan tới thời cuộc.Vì chủ đích những bài nhận định của ông là "đặt lại những vấn đề" được coi là chân lý hiển nhiên hay đặt ra những vấn đề mới, nên Nguyễn văn Trung thường gây những phản ứng cực đoan: khen chê, đả kích từ nhiều phía như Công giáo, Phật giáo, Cộng sản.*

Sau 1975, Giáo sư Nguyễn văn Trung ở lại Việt Nam nhưng im lặng không lên tiếng về các vấn đề thời cuộc như trước, chỉ chú tâm nghiên cứu những vấn đề văn hóa Việt Nam. Chủ đề ông quan tâm hơn cả là tìm hiểu tâm tình của người Việt ở Miền Nam vào thời đầu Pháp thuộc, lúc lối sống theo truyền thống cũ bắt đầu giao lưu với văn hóa Pháp, văn hóa Tây phương. Công trình nghiên cứu loại này (mà Nguyễn văn Trung đặt

tên là Lục châu học*) tới nay vẫn chưa được xuất bản, cả trong lẫn ngoài nước.*

Cuối năm 1993, Nguyễn văn Trung qua định cư tại Canada theo diện bảo lãnh gia đình. Năm nay bước vào tuổi bảy mươi, ông viết tập hồi ký nhan đề là Nhìn Lại Những Chặng Đường Đã Qua", *sau bốn mươi năm cầm bút, trong tinh thần "tha thứ và xin tha thứ", chủ yếu nhìn nhận trách nhiệm về phần mình trong những gì ông đã nói, viết, làm tác động đến người khác, đến thời cuộc. Tập I đề cập tới giai đoạn hai mươi năm từ 1955-1975.*

Văn Học được Giáo sư Nguyễn văn Trung cho phép trích đăng một số chương của tập hồi ký. Sau đây là Chương 8, nhan đề: In Memoriam Việt Nam Cộng Hòa.

Nhìn lại những chặn đường đã qua về sinh hoạt cầm bút từ 1955 đến 1975, những gì tôi viết ra đã gây nhiều phản ứng phê phán, mạt sát, vu khống, mạ lị cá nhân. Nói tóm lại tôi đã bị chửi, chửi thật tình và giả vờ chửi. Chửi thật tình xuất phát từ những động cơ, lý do cá nhân bực bội, oán giận, còn giả vờ chửi vì cá nhân người viết không quen biết, không có bất cứ một liên hệ nào với tôi, sở dĩ viết sách báo là do đường lối chính sách buộc phải làm, thế thôi. Hai hoàn cảnh viết phản ứng khác nhau. Ở miền Nam những người viết bộc lộ rõ rệt cái tôi, cái ngã của mình, còn ở miền Bắc người viết chỉ cho thấy cái vô ngã của cả một chế độ.

Nhưng tìm hiểu những luận điệu đả kích, mạt sát, tôi lại thấy có nhiều điểm thật giống nhau trong ba giới người viết mang danh Công giáo, Phật giáo, Cộng sản.

Xin nêu ra hai luận điệu chính sau đây:

1. Phê phán đả kích quan niệm tương đối về biểu lộ chân lý. Nói cách khác, chân lý khách quan không thể tránh được diễn tả bằng những lối nhìn chủ quan, tùy theo những hoàn cảnh cảm nhận. Luận điệu của Linh mục Trần Văn Hiến Minh về triết học và của nhóm *Văn Đàn* (gốc Công giáo) về nền tảng đạo lý của văn học hay nghệ thuật nào có khác gì luận điệu của các ông Trần Văn Giàu và Nguyễn Văn Hoàn nhân danh lý thuyết Mác xít chính thức và chánh thống.

2. Chủ trương một luân lý tất yếu về sự tùy thuộc không thể chối cãi được của những sinh hoạt văn hóa tư tưởng gắn bó với một chế độ chính trị, xã hội nhất định. Luận lý của Nguyễn Văn Hoàn nhân danh Mác xít đã được Tạ Trọng Hiệp lược tóm đúc kết thành tam đoạn luận giống y chang luận lý của những người mang danh Phật giáo trong tuần báo *Chân Trời Mới* kết án tôi là nhà triết học của chế độ Ngô Đình vì tôi được tự do ăn nói

trong khi những người theo Phật giáo buộc phải im lặng. Những người mang danh tôn giáo hay ý thức hệ có tính chất tôn giáo khác nhau, thậm chí chống đối nhau đến nỗi không đội trời chung, sử dụng hai luận điệu kể trên, thật ra cũng chung một đặc điểm căn bản: đồng hóa tôn giáo, ý thức hệ có tính chất tôn giáo, lãnh vực, niềm tin của những tập thể mang danh các tôn giáo, ý thức hệ với triết học, hiểu như một sinh hoạt suy luận trí thức thuộc một lãnh vực riêng biệt, ít nhiều độc lập với các tôn giáo hay ý thức hệ có tính chất tôn giáo.

Đối với những người mang danh Phật giáo phê bình đả kích tôi, Phật học không thể tách rời Phật giáo và hơn nữa, những người không tin theo đạo Phật mà nói, viết về Phật giáo, không thể hiểu được Phật giáo như người theo đạo hiểu; do đó chỉ có thể nói sai, xuyên tạc và còn có những ý đồ xấu đối với Phật giáo.

Những người Công giáo như Linh mục Trần Văn Hiến Minh kết án tôi rối đạo, khuyến cáo người Công giáo, đặc biệt chủng sinh đại chủng viện không nên đọc tôi vì vẫn bám vào quan niệm từ thời trung cổ coi triết học chỉ là "đầy tớ gái của thần học".

Những người nhân danh Mác xít, Cộng sản phê phán tôi xuyên tạc chủ nghĩa Mác, coi chủ nghĩa Mác là của riêng thuộc quyền sở hữu của đảng, nhất là của đảng đang cầm quyền, trong khi đối với chính Marx, ngay những chủ nghĩa mang danh nghĩa Mác xít cũng không phải của riêng thuộc độc quyền của Marx vì Marx đã khẳng định "tôi không phải người Mác xít".

Truyền thống phân biệt triết học và tôn giáo, hay ý thức hệ mang tính chất tôn giáo không những đã được thể hiện ở Tây phương mà ở cả nhiều nơi ngoài văn hóa Tây phương.

Sự phân biệt này là một kế thừa những thành quả cách mạng 1789 tách triết học ra khỏi tôn giáo, tách giáo hội ra khỏi nhà nước và một cách tổng quát, tách khu vực công cộng với khu vực tư trong đó có tôn giáo. Nhà nước không xóa bỏ, hay ngăn chặn hạn chế hoạt động tôn giáo, mà chỉ đề ra những thể chế, biện pháp, pháp lý chống lại ước muốn chi phối khống chế khu vực công của tôn giáo.

Việt Nam, đặc biệt miền Nam đã có thời gian gần 100 năm là đất bảo hộ thuộc địa của người Pháp. Khi người Pháp ra đi, một trong những điều tích cực của họ để lại là một số thể chế nhà nước, cụ thể là một nền hành chánh và một giới công chức được đào tạo theo tinh thần phân biệt tôn giáo và nhà nước. Ở miền Bắc sau 1955, giới công chức cũ này đã dần dần bị lớp cán bộ thay thế, nhưng ở miền Nam họ vẫn tiếp tục được trọng dụng cho đến 1975.

Về trình độ văn hóa, nói chung công chức cấp dưới có học qua tiểu học thời Pháp hay trung học thời Việt Nam Cộng Hòa, và cần lưu ý là họ có trình dộ văn hóa (sau khi tốt nghiệp bằng tiểu học đã có thể làm thơ tiếng Pháp). Sự kiện biết tiếng Pháp, không phải chỉ là điều kiện để công chức giao dịch được với người Pháp là chủ nhân của họ mà còn là điều kiện thuận tiện cho phép họ tiếp cận với các thông tin thế giới, mở rộng tầm hiểu biết của họ.

Còn những người công chức cao cấp, có trình độ học vấn tối thiểu là tú tài hay tốt nghiệp đại học. Trong quân đội ngay từ những khóa hạ sĩ quan Nam Định hồi 1951-52 đến các khóa học của trường Võ Bị Đà Lạt, Nha Trang, Thủ Đức hồi đầu thời đệ nhất cộng hòa cũng đã đàn dà tạo được một giới sĩ quan có trình độ tú tài hay đại học không hề mặc cảm là lính đánh thuê của quân đội viễn chinh, trái lại họ có được một điều mà nền đệ nhất cộng hòa đã tạo cho họ đó là một bản sắc, một căn cước quốc gia (identité nationale).

Trong 20 năm từ 1955 đến 1975, đặc biệt thời đệ nhị cộng hòa có nhiều xáo trộn thay đổi chính phủ, nhưng thực ra chỉ thủ tướng, bộ trưởng, tổng giám đốc, giám đốc thay đổi còn guồng máy hành chính do các trưởng phòng chủ sự điều hành vẫn chạy đều như không có gì xảy ra.

Dù ở cấp ngạch nào, giới công chức đều ít nhiều giữ được phong cách công chức, tức là ý thức được thế nào và cái gì là công của mọi người, quốc gia và ít nhiều hấp thụ giữ được tinh thần phóng khoáng tự do của văn hóa Pháp dù trong chỗ riêng tư họ theo đạo nọ đạo kia hay không theo đạo nào. Hồi năm 1990 tôi thiết lập một thư mục những gì tôi đã viết trong thời gian 20 năm, thời Việt Nam Cộng Hòa, tôi tự hỏi làm sao tôi có thể viết được nhiều như vậy mà thực ra không gặp khó khăn phiền hà gì do người cầm quyền gây ra, hoặc sâu xa hơn nữa không bao giờ tôi cảm thấy lo ngại về an ninh của bản thân hay gia đình. Nỗi bận tâm chỉ là *viết cái gì đây* hay là *viết thế nào*, không phải là *có thể viết được không*. Tôi thấy ngay giải đáp: nhờ phong cách trí thức của giới công chức của những người điều hành ba bộ liên hệ với sinh hoạt văn hóa tư tưởng: bộ văn hóa giáo dục, bộ thông tin và bộ nội vụ, cảnh sát an ninh và một cách tổng quát, nhờ phong cách trí thức của giới hành nghề tự do, đặc biệt giới trí thức và kể cả giới quân đội. Đại bộ phận công luận của các giới trí thức nầy không phải tán thành tất cả những gì tôi viết, phê phán, nhưng chỉ bày tỏ thái độ chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt. Nếu VNCH bị Công giáo trị, Phật giáo trị, mà những người mang danh nghĩa Công giáo, Phật giáo tố cáo, kết án tôi đã bộc lộ xu hướng tôn giáo trị của họ, làm sao tôi được tự do giảng dạy ở đại học và xuất bản sách báo theo ý muốn của tôi?

Do đó có thể kết luận "có một tình trạng chậm tiến của một bộ phận các tôn giáo, Công giáo, Phật giáo, ở miền Nam VN so với tình trạng phát triển của các nước phương Tây, về mặt sinh hoạt trí thức so với tình trạng tương đối tiến bộ của giới công chức cầm quyền thời Việt Nam Cộng Hòa, và tình trạng tiến bộ của đại bộ phận trí thức trong các tôn giáo lớn ở miền Nam".

Sau 30-04-75 Việt Nam thống nhứt theo ý định của miền Bắc, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa thay thế Việt Nam Cộng Hòa và do đó guồng máy hành chánh cùng với giới công chức của nó bị dẹp bỏ. Sĩ quan và viên chức cao cấp đi học tập cải tạo mặc dầu những năm đầu sau 1975, thành ủy Sài Gòn đã đánh giá viên chức sĩ quan quân đội cũ, người Việt gốc Hoa và người Công giáo là ba thành phần, xây dựng lại thành phố, miền Nam Việt Nam. Phải đợi đến thời kỳ gọi là đổi mới, mới thấy những thay đổi đôi khi không kèn không trống, tuy bản thân sự việc đủ nói lên hướng thay đổi; chẳng hạn giải nhất huy chương vàng, liên hoan ảnh nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ mười một năm 1995. Đây là ảnh một bà già có đeo thánh giá, tay cầm chuỗi hạt, dắt một cháu gái, ghi chú: *Hành trình đến tương lai không thể tách rời dấu chân của quá khứ.* Ban giám khảo và sau đó người xem không ai thắc mắc về cỗ tràng hạt, cây thánh giá vì ai nấy đều như thể đồng tình với nhau; tách rời nghệ thuật khỏi tôn giáo và những quy định chính trị về tôn giáo. Hồi năm 1994, có công bố pháp lệnh về cải tổ hành chánh, bãi bỏ qui chế cán bộ, phục hồi ngạch công chức, thi tuyển công khai, tăng ngạch trật dựa vào khả năng chuyên môn, thâm niên v.v... như của Sài Gòn, miền Nam VN trước 1975. Như vậy phải chăng *đổi mới chẳng qua là trở về những cái cũ bị phủ nhận?*

Những người đã sống ở miền Nam trước 1975, ở lại sau 75, mới cảm nhận thấm thía những mất mát. Có những lúc tưởng chừng chế độ chính trị xã hội đã duy trì được những mặt tích cực, cần thiết cho cuộc sống bình thường cho người dân và ngay cả cho người trí thức suy nghĩ cầm bút lý luận hay sáng tác, đã vĩnh viễn bị chôn vùi vào trong quá khứ ở miền Bắc sau 1955 và ở miền Nam sau 1975. Nhưng rồi hy vọng chớm nở khi thấy những mặt tích cực bị xóa bỏ dần dà được khôi phục. Với thế hệ những người bước vào tuổi 70 có thể không hy vọng gì, chứng kiến ngày những mất mát hoàn toàn được phục hồi và còn được cải thiện hoàn chỉnh hơn vì trình độ dân trí nói chung và trình độ nhận thức của các giới lãnh đạo, điều hành khu vực công, tư, tương lai thực sự được nâng cao.

Nhìn lại những chặng đường đã qua để ghi đôi nét nhận định về những chế độ mà tôi đã sống trong niềm hy vọng những thế hệ sau sẽ

không phải chịu đựng những khó khăn thử thách mà các thế hệ đi trước đã gánh chịu.

Tôi bắt đầu làm việc ghi nhận nầy từ những năm đầu thập niên 90, duy có cái nhìn về Dương Thu Hương cần được điều chỉnh vì nhà văn nầy đã có những chuyển biến mới. Nhưng vì không sống ở trong nước để có được những thông tin đầy đủ, chính xác, nên tôi tạm bỏ ngỏ những nhận định về nhà văn nầy và mong được những người khác hiểu biết đầy đủ, chính xác hơn điều chỉnh giùm.

Tuy nhiên, đọc những bài của nhà văn nầy đăng trên báo hải ngoại gần đây tỏ vẻ khinh miệt, mạt sát chế độ mà trước kia bà đã nhân danh nó, hãnh diện về nó để khinh bỉ, mạt sát VNCH, tôi rất khó cảm nhận tư cách người cầm bút, viết văn, đặc biệt việc bà đi nhận giải thưởng, một giải thưởng xuất phát ít nhiều từ thái độ giả hình chính trị của một chính thể trong quá khứ đã chà đạp nhân quyền, tự do của cả dân tộc mình và bây giờ chẳng qua chỉ sử dụng mục tiêu bênh vực nhân quyền ít nhiều như một chiêu bài chính trị.

Tôi giới thiệu hai bài đã viết, chưa hề được công bố, chỉ một số rất ít độc giả là đảng viên cán bộ đọc. Bài về "Tự trị đại học" và bài về "Đổi mới phải chăng là trở lại cái cũ đã bị phủ nhận?". Sau gần 10 năm tôi không thay đổi những ý đã ghi trong hai bài đó, viết trong nước, nên tôi giới thiệu hai bài nầy bây giờ để kết thúc tập I trong niềm tưởng niệm Việt Nam Cộng Hòa.

ĐỔI MỚI LÀ TRỞ LẠI CÁI CŨ ĐÃ BỊ PHỦ NHẬN?

Xin phép tác giả Bảo Ninh trích một đoạn trong tiểu thuyết *"Thân Phận Của Tình Yêu"* (Nhà xuất bản Hội Nhà Văn Hà Nội - 1990 - trang 233-236).

"...Có một miền đất mà đời Kiên đã một lần lướt thoáng qua, bây giờ thường thấy hiện lên trước mắt như biểu tượng về vùng đất hứa đã mất vào quá khứ, đó là vùng thảo nguyên bao la miền Nam Tây nguyên: từ đèo Ngoạn Mục, qua Đơn Dương, Đức Trọng, xuôi đường 20 láng bóng, thẳng tắp về Di Linh... Chẳng phải chỉ vì không gian bát ngát xứ sở này gắn liền với thời kỳ hành quân kỳ diệu. Thần tốc! Thần tốc nữa của Sư đoàn 10, mà còn bởi chính ở đây, trên góc trời cực nam Cao nguyên, trước ngày kết thúc chiến tranh, trong lòng anh lần đầu tiên bừng lên tình yêu cuộc sống hòa bình, lòng thương mến ngưỡng mộ đối với đời sống lao động yên hàn,

bình dị và êm ấm tuyệt đối tương phản với bạo lực, chém giết và tàn phá. Có thể đây là một ấn tượng lớt phớt và sai lệch, tuy nhiên là cơ sở để mãi mãi lưu giữ trong tiềm thức Kiên những vang âm của niềm lạc quan không bao giờ chết hẳn.

Kiên nhớ một buổi chiều, anh cùng tổ trinh sát ngự trên một chiếc Jeep lùn gắn đại liên rẽ khỏi lộ 20, chạy vào một đường đất đỏ dẫn sâu vào biển ngút ngàn cà phê mênh mông lút tầm mắt. Bọn anh dừng xe lại trước một ngôi nhà xinh xắn nằm cô lẻ, cách xa đường, xin nước uống và nghỉ ngơi chốc lát. Nhà nhỏ, kiểu nhà sàn, tường gỗ súc và gỗ ván, mái cao và nhọn phỏng dáng mái nhà rông. Khang trang, giản dị và thật đẹp. Ấp trại có máy cày, máy nổ, có hệ thống đường ống tưới cho cà phê nhưng không gây huyên náo. Quanh nhà trồng hoa. Sau nhà là vườn ăn quả.

Gia đình nhỏ, ba người: vợ chồng trẻ người Bắc di cư và một đứa con trai nhỏ chừng sáu bảy tuổi. Khi bọn Kiên với vũ khí, với trang phục hành quân nhàu nát, lấm lem mồ hôi, bụi đường, bước qua ngưỡng cửa, cả nhà chỉ đôi chút lo lắng và bối rối nhưng không hề kinh hoảng hay sợ sệt khúm núm. Thái độ của người chủ vườn và của vợ anh rất đáng mến, ân cần, tử tế một cách đúng mực đầy tự trọng. Tỏ lòng hiếu khách, họ muốn mời cơm nhưng khi bộ đội từ chối họ chẳng cố nài. Chị vợ đi pha cà phê, anh chồng thì ngồi tiếp chuyện khách. Anh nói năng lễ phép khiêm tốn, có học thức và thật tình, ngay thẳng.

- Thú thật là du kích chúng tôi cũng chưa từng nom thấy chứ đừng nói các ông, binh lính Bắc Việt... nhưng là người làm ăn lương thiện chúng tôi chẳng sợ, người chủ vườn nói. Chúng tôi trồng cà phê, trồng mía và trồng cả hoa. Ông Thiệu thua thì mặc ông Thiệu. Bởi vì dù là cộng sản các ông cũng là người, cũng thích hòa bình cũng ưa sự làm ăn yên ổn, vợ con đề huề... Nhờ trời nhờ đất, nhờ cây, nhờ đôi bàn tay mình, nhờ đồng tiền mình kiếm được chứ người canh nông ai mà sống nhờ thời được, phải không các ông?

Cũng may là trong làng trinh sát không hề có mặt những tay hay lên giọng tuyên huấn phách lối, uốn nắn người răn dạy người, thành thử bữa ấy trò chuyện chủ khách thật dễ chịu chỉ xoay xung quanh chuyện làm ăn sinh nhai, hạnh phúc gia đình, đời sống phong thổ, chẳng một lời đả động đến thời cuộc và chiến tranh. Khi chị vợ bưng cà phê lên, không khí càng ấm cúng, gần gũi... Và trong tất cả những điều ấy - trong tiếng trò chuyện nhỏ nhẹ, phúc hậu, hiền hòa, trong sự bài trí đẹp đẽ của căn phòng, trong ánh mắt và gương mặt dịu dàng của người vợ, vẻ tự tin bình thản của người chồng, trong nét mãn nguyện, yên hàn, dư đủ, vô nghĩa lý của đời

sống gia trưởng tách biệt khỏi thời cuộc, trong hương vị dễ chịu của tách cà phê, trong mùi gỗ thông lát tường thơm thơm hăng hăng, trong sắc lá lùa trên cửa sổ, trong tiếng rì rào của cây cối xanh tươi, thậm chí cả trong tiếng lách cách từ tốn vô hại của lựu đạn, đao găm cài ở thắt lưng chạm nhẹ vào thành ghế đều toát ra cảm giác thấm mệt và một nỗi buồn ngọt ngào, cay đắng khó tả.

Rời khỏi cái trại ấp êm đềm ấy được một đoạn, ngồi trên xe, Vân "còm" - cựu sinh viên kinh tế kế hoạch - đưa ra ý kiến:

- Đấy, họ sống như thế đấy. Ốc đảo bình yên sung sướng thật. Nhưng tớ nghĩ đến mấy ông thày của tớ ở trường đại học với những lý luận của các bố ấy mà hãi hùng. Nếu bọn ta đánh thắng có nghĩa là đọn đường cho mấy lão ấy tràn vào. Và khi đó thì cặp vợ chồng nọ sẽ biết thế nào là thời thế mới!

- Ừ, họ sẽ khốn khổ. Hòa bình, cánh mình có quay trở lại chắc gì họ còn đối đãi tử tế nữa nhỉ?

- Là cái chắc! Trừ phi mày trở lại đây làm chủ nhiệm hợp tác xã!

- Nếu thế thì thật đáng buồn... Tớ thì lại đang nghĩ ước gì vùng quê của tớ sau này có được những ấp trại như thế. Cảnh Mộc Châu cũng tựa cảnh này, nhưng nghèo khổ kinh người.

Mệt mỏi, Kiên ngồi gà gật, không tham gia vào câu chuyện. Nhưng anh nhớ mãi. Sau này, mấy lần trở vào Nam công tác đã mấy lần anh tính lên thăm lại miền đất đó song chẳng lần nào thực hiện được. Còn Vân, Từ, Thanh, những trinh sát viên đã cùng Kiên ghé thăm vợ chồng nhà ấy thì đều đã hy sinh cả rồi...

Kể ra thì đường như chẳng còn gì mờ nhạt hơn một lần dừng chân thoáng chốc như thế trên đường chiến tranh, song chính những điểm mờ nhạt ấy của ký ức càng về sau càng quyến rũ hồi tưởng của Kiên. Và có vẻ như càng ngày càng có ý nghĩa hơn, sâu sắc và thấm thiết hơn."

.....

Dưới đây, tôi ghi lại mấy nhận xét, suy nghĩ sau khi đọc đoạn văn kể trên:

Trước hết, đây là một tiểu thuyết, không phải một chứng từ hay một ghi chép sự kiện có thật trong sách sử ký (người, nơi, thời điểm cụ thể). Tuy nhiên, câu chuyện kể, cảnh vật, nhân vật, cách đối xử, tình cảm, v.v... đều có thực trong thời điểm chế độ miền Nam (1955-75) không phải chỉ ở vùng cao nguyên mà cả ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, cũng không phải chỉ thấy trong giới dân lành, chỉ biết làm ăn không tham gia hoạt động chính trị, cách mạng mà cả trong giới những gia đình tham gia cách

mạng, có thể là đảng viên nữa. Ai sống ở miền Nam thời kỳ này đều dễ dàng nhận ra thực tế khá phổ biến trên. Và người miền Bắc vào miền Nam sau 75, đi tham quan phong trào hợp tác hóa ở nông thôn, chắc hẳn đã chứng kiến tận mắt những trường hợp gia đình cách mạng có đầy đủ những gì tác giả Bảo Ninh đã mô tả chống lại phong trào hợp tác hóa thế nào?

Tâm tư nguyện vọng của gia đình hai vợ chồng trẻ và đứa con nhỏ phản ảnh tâm tư nguyện vọng của phần lớn người dân chỉ biết làm ăn lương thiện nhờ vào sức mình, nhờ trời... để phát đạt, không bóc lột ăn cướp của ai, nên không sợ bất cứ chính quyền nào, cũng không lưu tâm tới những chính quyền ấy thay đổi, ai thắng ai thua cũng vậy, ngay cả chính quyền Cộng sản cũng không e ngại vì tin rằng người Cộng sản cũng ưa hòa bình, làm ăn yên ổn, vợ con đề huề... Điều tin tưởng sau cùng là ảo tưởng như anh bộ đội là "sinh viên đại học" đã nhắc nhở trong truyện. Nhưng dù sao ảo tưởng đó không "cay đắng, bi đát" bằng tin tưởng của những gia đình tham gia cách mạng, lúc đó đã không thể thấy được mình tham gia cách mạng là tham gia vào một quá trình hoạt động tự tiêu diệt sau này.

Một vài suy nghĩ nhận xét tôi muốn trình bày chủ yếu xoay quanh việc tìm hiểu những điều kiện khả thi hay những điều kiện *có thể có hay không thể có* một tâm tư, một thái độ, một thể chế, chẳng hạn những điều kiện cho phép vợ chồng anh nông dân có những ý nghĩ như trên về thời cuộc, về có thể làm giàu phát đạt một cách lương thiện, hoặc những điều kiện cho phép có thể có chiến tranh khuynh đảo v.v...

Miền Nam Việt Nam trước 1975 có ba loại hình xã hội chính cho phép người dân có thể đủ ăn hay giàu có nếu làm ăn lương thiện, cũng cho phép người dân có thể có nhiều thái độ tâm tình khác nhau về thời cuộc, các chế độ chính trị...

1. Một xã hội ít nhiều tôn trọng xã hội dân sự (société civile):

Khi nói đến miền Nam trước 75, có lẽ dư luận trong nước ngoài nước chú ý về mặt chính thể, chính quyền nhiều hơn về mặt chế độ xã hội, nên coi thường hoặc đánh giá thấp chế độ xã hội miền Nam. Miền Nam là chế độ Diệm-Nhu hoặc Thiệu-Kỳ... độc tài, gia đình trị, tham nhũng, thối nát, đĩ điếm, tay sai... Tuy nhiên người dân thường ở nông thôn hay ở ngay thành thị càng ngày càng ít để ý đến những hoạt động, thay đổi chính trị của chính quyền Sài Gòn vì thực ra những thay đổi đó ít có tác dụng vào đời sống hàng ngày của họ. Nhưng dù sao các chính quyền Sài Gòn vẫn ở

trong chế độ chính trị của nền Cộng hòa được nhiều quốc gia trên thế giới nhìn nhận. Dù người dân có khinh ghét chính quyền Sài Gòn thế nào đi nữa, có lẽ ít ai nghĩ rằng mình đang sống trong vùng Mỹ-ngụy, vùng tạm chiếm mà chỉ nhìn nhận: Việt Nam là một dân tộc, nhưng hiện đang bị chia cắt, có hai thể chế chính trị: Việt Nam Cộng Hòa và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, và mong muốn một ngày nào đó có thống nhất trong hòa bình.

Những *chính quyền* hay thay đổi ở miền Nam cần được phân biệt với *chế độ xã hội* miền Nam ít nhiều vẫn duy trì và phát huy những sinh hoạt của điều mà người ta gọi là "xã hội dân sự" (société civile). Cũng cần nói ngay không phải chỉ miền Nam trước 75 có thứ xã hội trên mà miền Bắc trước 45 và ở các nước khác trên thế giới, ở Nga trước 1917, ở tất cả những nơi nào không bị thể chế chính trị chuyên chế tuyệt đối (totalitarisme) về tôn giáo hay ý thức hệ thống trị.

Nếu phân biệt *xã hội công* (le social public) với *xã hội tư* (le social privé) thì *xã hội dân sự* là một loại hình xã hội trong đó nhà nước không can thiệp vào "xã hội tư" về các quan hệ nghề nghiệp, giáo dục, tư tưởng, văn hóa, cứu tế, liên đới xã hội và các quan hệ về mặt tình cảm (gia đình, họ hàng, bạn bè, thày trò...)

Vợ chồng anh nông dân di cư *có thể* làm giàu được, cũng như nhiều gia đình khác tham gia cách mạng cũng đã *có thể* đủ ăn, làm giàu được vì chế độ xã hội miền Nam đã tôn trọng những đòi hỏi của xã hội dân sự (tôn trọng quyền tư hữu, quyền tự do kinh doanh, lập nghiệp, cư trú...).

2. Xã hội đa dạng, đa chiều:

Đời sống xã hội lành mạnh và phát triển đòi hỏi bảo đảm thực hiện được một số trật tự sau đây:

a. Trật tự khoa học kỹ thuật trên bình diện sự vật, sự kiện thiên nhiên hay nhân loại. Cả hai loại sự kiện này đều có quy luật tất yếu của nó, phải tôn trọng, chấp nhận quy luật nhưng vẫn có thể thay đổi, chế ngự chúng bằng cách chuyển hóa các yếu tố cấu tạo nó.

b. Trật tự pháp lý chính trị: biểu hiện bằng luật pháp quy định cái gì là hợp pháp với cái gì là phi pháp. Tuy nhiên cái hợp pháp không phải đương nhiên và bao giờ cũng hợp lý. Do đó có thể có cái hợp pháp mà phi lý hay bất công. Lý tưởng trong trật tự này là phải luôn luôn điều chỉnh pháp lý phù hợp với lý tưởng chính trị là biểu hiện của luật pháp bằng quyền lực mà nhà nước là thừa tác viên.

c. Trật tự đạo lý: quy định điều gì phải làm, điều gì không được làm

hay không nên làm. Không phải chỉ dừng lại ở bình diện trật tự pháp lý chính trị: làm hay không được làm những điều pháp luật đã quy định và nếu vi phạm sẽ bị trừng phạt, mà còn vượt lên vươn tới những đòi hỏi đạo lý được biểu lộ bằng những khái niệm về nhiệm vụ, tinh thần trách nhiệm, lòng danh dự, lòng tự trọng, biết liêm sỉ... anh bất lực không làm được đầy đủ một việc gì, chẳng có luật nào buộc anh từ chức, nhưng lòng tự trọng có liêm sỉ buộc anh từ chức, thế thôi.

đ. Trật tự tình người, tình thương, từ bi bác ái (tôn giáo). Trong khuôn khổ của trật tự này, không có điều kiện hay quy định nào hết, làm hay không làm một điều gì chỉ vì tình người, tình thương, tình yêu, từ bi Phật giáo hay bác ái Công giáo... cũng không có giới hạn nào cả, hoàn toàn tùy thuộc vào khả năng của người đang hiến, hy sinh...

Bốn trật tự trên cần được phân biệt vì mỗi trật tự có những đòi hỏi sắc thái riêng. Nhưng cả bốn đều cần thiết, không thể bỏ một trong bốn hay giản lược tất cả bốn vào một trật tự nào mà thôi. Trong thực tế, không bao giờ có xã hội nào thực hiện được đầy đủ, trọn vẹn, đồng đều bốn trận tự kể trên. Luôn luôn có những lạm dụng, xúc phạm bằng cách xóa bỏ hay giản lược theo hai hướng trái ngược: từ dưới lên trên hay từ trên xuống, chẳng hạn giản lược xóa bỏ những đòi hỏi, bó buộc tất yếu của sự kiện thuộc trật tự khoa học kỹ thuật nhân danh những đòi hỏi của chính trị. Chính trị quyết định tất cả, chính trị có thể làm được mọi sự miễn là quyết tâm (thái độ duy ý chí). Hoặc không cần pháp lý, chỉ cần có đạo lý, vì có đạo lý rồi thì không làm điều bậy, bất hợp pháp (theo một xu hướng nho giáo). Hoặc giản lược chính trị, đạo lý, tình yêu và kỹ thuật chuyên môn tạo ra một giới quản gia chuyên chính chỉ biết những quy luật tất yếu của các sự kiện.

Ở đâu và thời nào cũng luôn luôn có những đe dọa, sa đọa giản lược xóa bỏ một trong bốn trật tự kể trên. Nhưng điều quan trọng là xã hội cho phép *có thể có* những phản ứng đối kháng, điều chỉnh những sa đọa, lạm dụng và ngay cả trong trường hợp không có áp lực giản lược mà chỉ đơn thuần có những mâu thuẫn bình thường giữa các trật tự thì xã hội cũng cho phép có thể có những lựa chọn khác nhau, lựa chọn một giá trị của trật tự này hay của một trật tự khác cao hơn. Điều cốt yếu ở đây, nói cho cùng, là xã hội tôn trọng những tự do lựa chọn của những tập thể, giới, nhóm hay của mỗi cá nhân quy định theo lương tâm của mình mà thôi. Đó là những điều kiện cho phép *có thể* có một xã hội đa dạng và vì thế một xã hội đa dạng không thể có trong trường hợp một chế độ giản lược một cách triệt để ba trật tự khác vào một trật tự và dùng các hình thức bạo lực để duy trì sự giản lược đó. Những ai sống ở miền Nam trước 75 đều dễ dàng

nhận diện tính cách đa dạng, nhiều chiều của xã hội miền Nam thời đó.

Một người có người thân (họ hàng, ruột thịt, bạn bè) tập kết ra khu, nếu còn nhỏ tuổi, thì chẳng gặp khó khăn gì trong việc học hành, thi cử, lãnh học bổng; nếu đã trưởng thành nhưng không làm gì đồng lõa cùng lắm bị để ý, theo dõi nhưng thường không gặp phiền hà trong cuộc đời làm ăn, nghề nghiệp vì người ta không đưa vào chính trị như tiêu chuẩn duy nhất để đánh giá, quyết định một thái độ đối xử. Không phải chỉ thấy ở miền Nam Việt Nam; ở nước Nga thời Nga hoàng, anh Lénine bị kết án tử hình về tội phản quốc, nhưng Lénine vẫn được khen thưởng, tặng huy chương và theo học đại học. Nếu Nga hoàng theo chủ nghĩa lý lịch, thì đã không có Lénine và học thuyết Lénine. Ở miền Nam trước 75 không thiếu gì những người làm văn nghệ chống Cộng, coi Cộng sản là kẻ thù. Đó là thứ văn chương phân biệt giới tuyến, bạn thù dứt khoát nêu cao chính nghĩa chiến đấu trong khuôn khổ trật tự chính trị, pháp lý về đạo lý, nhưng cũng không thiếu những nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ vượt khỏi khuôn khổ hai trật tự kể trên, lựa chọn trật tự của tình người, tình thương không phân biệt bạn thù, chiến tuyến để có thể nhìn cao hơn: khía cạnh bi thảm của chiến tranh, khía cạnh phi lý của chém giết, khát vọng Hòa bình, Thân ái... không phải chỉ có mình Trịnh Công Sơn, mà có hàng trăm người khác trên lãnh vực thơ văn tiểu thuyết. Người ta đã gọi đó là *văn chương phản chiến* hay *chống đối, phản kháng*. Nhìn như vậy, là chỉ xét về mặt chức năng, tác dụng, nhưng nếu trở về nguồn phát sinh ra thứ văn chương này, đó chính là lương tâm nhân loại, ý thức về Tình người mà thôi. Trong các tạp chí, ngay cả của các binh chủng trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa cũng thấy có những bài thơ, ký, truyện ngắn không phân biệt chiến tuyến, do đó cũng không có phân biệt bạn thù. Chẳng hạn số 15 *Cánh Thép* (11/1972) của Sư đoàn Không quân, có bài bút ký di cảo của Trịnh Đức Tự, trung tá, nhan đề: "Quê hương không thù hận" hoặc bài thơ "Xin được làm mây trắng" của Trần Hải Sơn, phi đoàn 819. Một quân nhân ở trong một binh chủng đặc biệt, đang tại ngũ, nhưng đồng thời cũng vượt khỏi khuôn khổ binh nghiệp, nghĩa vụ quân sự, nói lên tiếng nói của tình người, tình đồng bào, ước mơ hòa bình, thống nhất trong việc vận động xây dựng một hội trường thống nhất ở Bến Hải, ra một tập sách "Việt Nam, Việt Nam Ơi!": *"Vì cứ mỗi một người Việt Nam chết đi thì có một số người Việt Nam khóc, và một số người Việt Nam cười! Chiến thắng, chiến bại cứ theo năm tháng và vần xoay. Nhưng hận thù thì cứ mỗi ngày một cao, chia rẽ cứ mỗi ngày một sâu... Cúi lạy Thượng đế, con viết những giòng sau đây không nhằm kết tội một ai cả, vì con là ai mà dám kết tội người khác, vì con cũng là một tội nhân trong số những tội nhân đã gây ra*

thảm trạng Việt Nam". (1)

Điều quan trọng ở đây là xã hội đã cho phép một người lính đang cầm súng trong chiến tranh có thể bày tỏ một thái độ khác, cao hơn, xuất phát từ lương tâm nhân loại của mình, một cách công khai trên sách báo... Triệt để hơn nữa là lấy chính mạng sống mình để làm chứng cho đòi hỏi của trật tự tình người, tình thương như Nhất Chi Mai đã làm:

"Việt Nam, Việt Nam ơi, sao cứ mãi thù hằn, sao bắn giết mà vui.
Thắng rồi ai thua đó, vinh nhục này ai mang, bỏ danh từ nhãn hiệu.
Chúng mình người Việt Nam, chân thành tay mình nắm
Quân mình lo nước non, Việt Nam, Việt Nam ơi!"
(Di chúc Sài Gòn 25-9-67)

Một trường hợp khác cũng khá phổ biến trước đây ở miền Nam: Trong cái thế đối lập giữa hai trật tự: trật tự pháp lý chính trị và trật tự đạo lý, tình người, có những lựa chọn trật tự cao hơn (đạo lý tình người) chẳng hạn anh em, con cháu, bạn bè theo Việt cộng trà trộn ở cơ quan, trong dân chúng, biết mà không tố cáo, thậm chí còn cho tá túc trong nhà vì coi tình nghĩa ruột thịt, bạn bè cao hơn quyền lợi chính trị, pháp luật...

3. Xã hội mở:

Xã hội mở là xã hội nhìn nhận nguyên tắc tổ chức, điều hành dựa trên sự tôn trọng các quyền lợi tự do chính đáng của người dân về đi lại, thông tin, giao lưu văn hóa trong nước với nhau và trong nước với ngoài nước. Sự tôn trọng trên bao hàm một phủ nhận bất cứ một quyền hành tuyệt đối nào mang tính chất tôn giáo hay ý thức hệ tự coi mình có trách nhiệm quy định những luật lệ, khuôn mẫu cho mọi sinh hoạt công tư của người dân... Về lý luận, sự tôn trọng trên cũng dựa vào một quan niệm lịch sử, tương đối về nhận thức chân lý theo kiểu nói của Karl Popper: đã là nguyên tắc khoa học thì có thể sai lầm. Cái gì đúng bao giờ và luôn luôn phải được xem xét lại, phê phán để tìm cái đúng hơn... Đó là khoa học, cho nên mọi lý thuyết không được cho phép phê phán vì được coi là không thể sai lầm thì đó là những lý thuyết giáo điều, phản khoa học. Chẳng hạn nếu anh có thể phê bình học thuyết Freud là vì anh đã là người điên, cũng vậy nếu anh phê bình chủ nghĩa Marx là vì anh đã là kẻ thù giai cấp...

Như vậy, chỉ xã hội mở mới có thể cho phép có phát triển, tiến bộ vì những giao lưu, trao đổi, thông tin luôn luôn được kiểm tra, điều chỉnh, hoàn thiện. Dĩ nhiên một xã hội mở như trên cho phép có những xâm nhập, chấp nhận những tác động của những yếu tố, nhân tố xâm nhập... Điều quan trọng là tự mình phải có bản lãnh khi tiếp thu, giao dịch để

được phong phú hóa mà không để mất bản sắc, phẩm cách của mình.

Xã hội miền Nam trước 75 ít nhiều là xã hội mở. Trừ thời ông Diệm đôi chút còn nghiêm khắc, càng về sau cho đến 75, càng mở toang: ai muốn nói chủ trương gì cũng được tự do làm, thậm chí tuyên truyền hầu như công khai cho cả lập trường thiên Cộng, Cộng sản... Các tổ chức nằm vùng, trí vận, binh vận, dân vận núp sau các chiêu bài văn hóa, dân tộc do những nhân sĩ trí thức ngoài đảng cầm đầu, nhưng thực ra do đảng chủ trương, điều khiển nói chung vẫn được bộc lộ công khai, mặc dầu đôi khi có bị đàn áp, hạn chế. Biên giới cũng bỏ ngỏ để cho các lực lượng võ trang, tình báo xâm nhập, hoạt động ngay trong "lòng địch".

Nói chung, các tổ chức văn hóa, giáo dục công hay tư, các cơ sở kinh doanh buôn bán, các tổ chức giáo hội của các tôn giáo đều không có những "đội bảo vệ chính trị" nên rất dễ bị xâm nhập về mặt chính trị.

*

Xã hội miền Bắc theo khuôn mẫu các nước Cộng sản xóa bỏ *xã hội dân sự*, giản lược trật tự khoa học kỹ thuật vào trật tự chính trị (duy ý chí) đồng thời cũng giản lược trật tự tình người, tình thương và trật tự đạo lý vào trật tự chính trị. Sau cùng đó là một xã hội đóng, khép kín. Những nguyên tắc tổ chức, điều hành xã hội miền Nam trước 75 và xã hội miền Bắc hoàn toàn khác nhau. Miền Bắc lại coi miền Nam tự do là thù địch cần tiêu diệt, nên không thể tránh được chiến tranh và đây là thứ chiến tranh khuynh đảo, lật đổ từ bên trong, và trong giai đoạn cuối chiến tranh khuynh đảo kết hợp với chiến tranh xâm lược công khai dùng quân sự vượt giới tuyến đưa đến thắng lợi 30-4-1975.

Chỉ xét về mặt xã hội, đạo lý thôi, trong khuôn khổ chiến tranh khuynh đảo, miền Nam đã thua rồi vì chính cơ cấu tổ chức xã hội (xã hội mở), tâm tình đạo lý đặt tình bạn, tình nghĩa ruột thịt lên trên nhiệm vụ chính trị, đặt niềm tin vào một số tập quán, kiêng cữ trở thành truyền thống linh thiêng của dân tộc (ngày Tết không cãi nhau, đánh nhau) đã cho phép có thể có chiến tranh khuynh đảo, xâm nhập, hoạt động trong lòng địch và dựa trên một sách lược tranh đấu phủ nhận mọi giá trị đạo đức, đã bị giản lược vào chính trị và cho phép phe chủ trương chiến tranh khuynh đảo thắng.

Như trên đã nói, con người không thể sống như con người nếu xóa bỏ một trật tự nào trong bốn trật tự quy định nếp sống xã hội bình thường, lành mạnh và phát triển. Chế độ xã hội Cộng sản xóa bỏ hai trật tự đạo lý, và tình người, tình thương tiêu diệt được người ngoài và cả đồng bào mình để rồi phải đi đến chỗ không thể tránh được: tiêu diệt chính mình, vì thủ đoạn lừa dối về chính trị không phải chỉ áp dụng với kẻ thù, kẻ địch mà cũng áp dụng cho cả bạn, đồng chí... không thể khác được, một khi đã coi

lừa dối là chính sách, đạo lý. Ở đây chỉ xin trích ghi một chứng từ của một đảng viên về hưu mất niềm tin, thất vọng và chán chường đau xót thế nào về sự lừa dối chính trị.

Xem "Lá thư đã khuấy động tâm hồn chúng ta" của bác sĩ Trần Nam Hưng ngày 6-8-1988 trên báo *Tuổi Trẻ*

Cháu Lã Vĩnh Nguyên quý mến,

Bác là một bác sĩ già, tuổi bảy tư, phục vụ trong quân đội ta hơn 30 năm, nay về hưu. Đã có một thời gian đài bác cũng có suy nghĩ như cháu, bác chưa nói được như cháu "tim tôi ai bóp mà đau". Đến nay thì tim bác đã chai cứng đi rồi. Bác chán suy nghĩ, chán đọc, chán học, như cháu.

Chủ nhật vừa qua, ngày 31 tháng 7 năm 1988, bác đọc bài "Tại sao?" của cháu. Thật là thần kỳ, bài của cháu làm sống lại những gì còn phải sống nơi bác. Mấy đêm liền bác không ngủ, phải dùng đến thuốc ngủ. Bác vô cùng biết ơn cháu. Bác viết thư cho cháu đây.

Trước hết cháu gợi lên một ý thiêng liêng trong Di chúc Bác Hồ mà bác nghĩ không một người Việt Nam nào trong chúng ta không in sâu vào tâm não: "Thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay". Nói làm sao, ăn làm sao nếu ngày nay ta có 10 triệu người đói, bốn triệu người đói nặng và mấy chục triệu người chết đói, nhà cửa xuống cấp, đường sá cầu cống xuống cấp, con người càng xuống cấp hơn. Ta chỉ đọc báo hàng ngày là thấy. Còn gì đau khổ hơn, mỗi tối dạo mát công viên, chạm mặt với các cháu gái nhỏ chờ đón khách để tìm món sống.

Cháu nói rằng sách giáo khoa dạy quá nhiều về lòng căm thù, mà ít dạy lòng bác ái, khoan dung... Bác nhắc lại cháu, ngay khi mới giải phóng hoàn toàn đất nước, từ tháng 5 năm 1975, Đảng và Nhà nước đề ra khẩu hiệu "Đoàn kết - Hòa hợp dân tộc". Một khẩu hiệu thần kỳ có sức mạnh hàn gắn tất cả các vết thương đau, do đế quốc chia rẽ chúng ta thành hai khối. Tiếc thay, chỉ là khẩu hiệu suông, ngoài miệng! Bác cũng bị "lừa gạt". Bao nhiêu người chết vì còn tin ở khẩu hiệu. Gần đây nhất, Chính phủ ta ngồi bàn với phía Mỹ đưa mấy chục ngàn người sang định cư ở đất Mỹ. Khổ ơi là khổ! Nhục ơi là nhục! Chỉ vì chúng ta nghèo.

Đáng lo nhất là nền kinh tế xã hội của chúng ta xuống đến mức quá thấp. Cán bộ, công nhân viên lãnh lương không đủ sống, ăn uống quá kham khổ. Nhưng tivi, tủ lạnh, xe cúp, videô tràn ngập thành phố! Gần đây nhất, ngành Mây Tre Lá, ngành Thảm len, rồi ngành sơn mài, ngành sứ... có nguy cơ đình trệ. Ai lo cho các ngành này, ai phải từ chức, ai phải bị trừng phạt nặng nề về việc này? Không ai cả!

Sau cùng, bác chứng minh cho câu nói bạo dạn nhất của cháu: Tại

sao chúng ta cho phép sự dối trá thành điều bình thường trong xã hội chúng ta? Có một câu bác cho là đúng như một chân lý, đảng viên hay không đảng viên đều nghĩ đều nói như nhau: Dân tin Đảng, Đảng tin Dân. Nhưng thử vô các chi bộ Đảng mà xem, tất cả đảng viên đều thấy lòng dân tin vào Đảng đã xuống mức quá thấp rồi. Nói gì còn bao nhiêu sự dối trá khác. Nếu không, tỉnh Thanh Hóa mấy năm được mùa lớn, tại sao dân Thanh Hóa bị đói?

Trần Nam Hưng (bác sĩ về hưu)
Ngày 6-8-1988

Có thời người ta ca tụng cuốn ký *Ông Cố Vấn* coi như một chiến tích tình báo tuyệt vời... Đạo lý có thể cho phép lường gạt kẻ địch, nhưng có đạo lý nào ca tụng con cái lường gạt cha mẹ, bạn bè lường gạt bạn bè, con chiên lường gạt Bề Trên yêu thương tin cậy mình?... Nếu một đạo lý chính trị đã cho phép lường gạt, tiêu diệt những người thân yêu tin cậy mình thì làm sao không thể không nghi ngờ một ngày nào đó có thể cũng lường gạt đồng chí mình? Sự khôn ngoan chính trị bắt buộc phải nghi ngờ tất cả...

Trong tập tiểu thuyết hồi ký *Bội Phản Hay Chân Chính*, phần mở đầu có nhắc đến một đảng viên, cựu tù nhân của "Đoàn công tác đặc biệt miền Trung", sau 75, đột nhiên nhận được quyết định về vườn, nghỉ hưu kèm theo bản án khai trừ Đảng với bản luận tội thời gian Đặng ở tù mật vụ. *"Thật kinh khủng cái phiên tòa nội bộ, nó tàn tệ hơn bất cứ tòa án nào khác. Nó tồi tệ hơn cả phiên xử một tên cướp cạn hay một gái điếm vì tại đây bị oan còn được cãi theo luật, còn có luật sư biện hộ... Những người có trách nhiệm coi sinh mệnh chính trị của đồng chí mình quá rẻ mạt sau khi cách mạng đã thành công, sau khi đã đoạt được chính quyền vào tay mình..."*

Trước khi chết, đồng chí này vẫn chỉ có một mong ước: chuyển được hồ sơ khiếu nại với Đảng, *"Anh ra đi tức tưởi ấm ức, không chịu nhắm mắt, tội nghiệp lắm..."*. *"Ông sẽ cho chúng mày chết hết, không chết cũng thân tàn ma dại. Không chết bây giờ thì về với Đảng chúng mày, mày cũng chết - chết khổ, chết sở, chết day chết dứt... xem ai thắng ai?"*. *Lời nguyền của mật vụ còn nguyên đó. Tôi muốn nói nhỏ với oan hồn: "Chết là được giải thoát đó, Đặng"*.

"Ôi chao! anh Sáu (2) anh ác độc thật tình. Miền Nam vừa được giải phóng, tại hội nghị cán bộ chủ chốt ở Thủ Đức, anh Sáu Thọ phát biểu: "Chín mươi phần trăm cán bộ đảng viên bị bắt, tù đày dưới chế độ Mỹ-ngụy, có vấn đề chính trị". Anh có biết câu nói của anh gây tác hại thế

nào không? Hằng bao nhiêu đảng viên bị bao nỗi oan khiên, nhân phẩm bị xúc phạm và đã tạo ra nhiều mối quan hệ phức tạp trong nội bộ Đảng" (trang 11).

Phần cuối, có đoạn liên quan đến số phận "Ông cố vấn":

"Sáng chủ nhật năm đó, tôi đến thăm Vũ Ngọc Nhạ. Con anh mời tôi vào nhà ngồi chờ, vì cháu biết bố đến tiệm hớt tóc đã lâu, chắc chắn sắp về. Lúc cháu rót nước mời tôi, tôi đã hỏi thăm

- Ba cháu đau gì mà đau luôn vậy?...

- Tính bác khác hẳn ba cháu. Ông già thận trọng đến đo lắm, có lẽ hoàn cảnh ông phải vậy. Cháu xin phép hỏi thật bác: Bác và ba cháu đi chiến đấu như thế, bây giờ được cái gì? Gia đình con cái được cái gì? Hồi còn địch, mẹ cháu cũng công tác với ba cháu. Bây giờ mẹ cháu phải ra chợ bán, nhặt từng đồng không đủ ăn, vậy mà còn phải nuôi ông ở Viện. Ông tự vẫn mấy lần, may cứu kịp. Nay ông yếu lắm.

Từ khi được thằng con ông hỏi thẳng mặt tôi như vậy, tôi chú tâm tìm hiểu và vất vả mới được rõ... thì ra hồn ma thằng Cẩn đã nhập vào anh em mình. Hồn ma thằng Ngô Đình Cẩn nhập ngay vào những đồng chí cùng tù với nhau, cùng ở trong Ban tổng kết Cục 3, và hồn ma thằng Cẩn quay "Ông cố vấn" không biết đường nào mà trả lời. Ông cố vấn Nhạ, chứng minh bằng thuốc an thần để mong được "ngủm" cho sớm yên thân. (trang 23)

Đó là những kết thúc buồn thảm... Phải chăng đó chỉ là những dữ kiện mà tác giả của cuốn tiểu thuyết *Thân Phận Của Tình Yêu* muốn ám chỉ đã càng ngày càng thấy quyến rũ, có vẻ như càng ngày càng có ý nghĩa hơn, sâu sắc và thấm thía hơn? Tác giả đã để cho nhân vật của mình (anh lính gốc sinh viên) nói trước tương lai của miền Nam sau giải phóng. Sống 20 năm trời trong chế độ, người miền Bắc đã biết thế nào là hạnh phúc gia đình yên ổn ấm no mà anh mơ ước cho vùng quê anh có được như gia đình vợ chồng trẻ này... Nếu người lính, dân thường còn biết như vậy thì cấp lãnh đạo lại không biết sao? Ông Nguyễn Linh, Phó Giám đốc Nhà Xuất bản *Sự Thật* có kể cho tôi hồi 1975, ông là cán bộ của Tuyên huấn Trung ương vào miền Nam tiếp thu về văn hóa. Ông rất phục Nguyễn Thụy Long và ca tụng quyển truyện *Loan Mắt Nhung* của tác giả. Ông hỏi tôi đã đọc chưa, tôi nói chưa vì thực ra ở miền Nam trước đây không thể đọc, biết hết những sáng tác vì rất đa dạng, riêng Nguyễn Thụy Long tôi có nghe tiếng nhưng chưa đọc... Ông khuyên tôi nên đọc. Ông trở ra Hà Nội, gặp ông Tố Hữu đưa cho ông đọc và xin ý kiến. Gặp lại ông Tố Hữu, ông Tố Hữu nói với ông: miền Bắc đã không thể có người viết văn như thế này... Đánh giá trong nội bộ thì như vậy, nhưng một cách công

khai, chính thức vẫn kết án, vùi dập hầu như toàn bộ nền văn học miền Nam, kể như không có, và những người như Nguyễn Thụy Long trở thành những kẻ sống bên lề xã hội, thồ xe chở củi từ Long Thành về Sài Gòn bán kiếm sống. Tại sao? Bất lực vì sức ỳ, vô ngã của thể chế guồng máy hay vì say mê quyền lực? Xin để những người có trách nhiệm như Tố Hữu, Nguyễn Linh trả lời... (3)

Phải đợi đến gần đây miền Bắc mới có một số tác phẩm không phản ảnh một chiều... Nhưng tầm nhìn vẫn còn giới hạn vào một phe: bạn/thù, địch/ta. Trong truyện của Bảo Ninh, người cầm súng bên kia vẫn chỉ là tên lính Mỹ ngụy, một kẻ thù phải bắn giết chưa phải là người dân lành có thể là con cháu, anh em của anh nông dân đã buộc phải cầm súng để bảo vệ cái hạnh phúc yên ổn làm ăn mà tác giả đã mô tả, ca tụng.

Một Dương Thu Hương cũng đã có những tác phẩm phê phán tố cáo chế độ, nhưng vẫn còn dừng lại ở một phía với những cái nhìn một chiều. Trong bài *Tự Bạch*, Dương Thu Hương đã nhìn những người lính bên kia chỉ như những tên khát máu chém giết dã man bằng những hành động ghê tởm. Ngay cả trong trường hợp đặc biệt này, người lính Việt Nam hay Pháp, Mỹ nếu họ có những việc tàn bạo do thú tính, bản năng, cảm tính thì sau đó họ có thể ân hận vì lương tâm con người không cho phép họ làm như vậy. Người Cộng sản không chối cãi cũng đã làm những điều tàn bạo nhưng lại không thắc mắc ân hận gì, vì động cơ không phải do thú tính, cảm tính mà do một đường lối chính trị, một quan niệm đạo lý cách mạng: Phải hủy diệt tàn dư của con người cũ, để xây dựng con người mới. Khi cho lịnh giựt mìn xe đò, pháo kích vào thành phố làm chết đàn bà, con nít vô tội, thì không phải vì thú tính mà vì nhận thức coi những nạn nhân này không hoàn toàn vô tội, vì họ ở trong vùng địch, nên ít nhiều liên hệ với địch, tiếp tay cho địch là cha, anh, con họ đang phục vụ cho địch. Chính những đàn bà, con nít này trong hoàn cảnh khác được vận động thực hiện chính sách dân vận, binh vận, họ có thể bị giết, không phải do bạo lực cách mạng. Nhưng dù họ chết vì bạo lực cách mạng hay phản cách mạng cũng đều lợi ích cho cách mạng thành công.

Tôi chưa thấy Dương Thu Hương hay ai thắc mắc về quan niệm đạo lý chính trị kể trên khi phê phán chế độ. Ngoài việc coi người lính Cộng hòa là kẻ thù tàn bạo, Dương Thu Hương cũng đồng hóa đông đảo dân chúng thuộc mọi thành phần với chính quyền Sài Gòn như thể tất cả quần chúng ở miền Nam nhất tề xếp hàng hành động theo lệnh của chính quyền Sài Gòn như dân chúng miền Bắc. Dương Thu Hương chưa hiểu được sự thực nếu dân chúng miền Nam, đặc biệt là giới trí thức, tôn giáo... không có những thái độ đứng trên, đứng ngoài chính trị, thậm chí chống đối

công khai chính trị của nhà cầm quyền, của người Mỹ và thân Cộng, không có những thái độ vượt lên trên phân biệt bạn thù, địch ta... những thái độ thuộc trật tự, đạo lý, tình người mà tôi đã nói ở trên, thì làm sao miền Bắc thắng được cuộc chiến tranh khuynh đảo? Cho nên những lời lẽ của Dương Thu Hương "xúc phạm" đến tư cách, đạo đức, trí thức của người dân miền Nam và làm mất những cảm tình, mến phục mà họ đã dành cho cô lúc ban đầu. Cuối cùng tôi e sợ cô cũng làm mất luôn những cảm phục mà một số người miền Bắc có lẽ cũng dành cho cô vì những lời lẽ cô phát biểu sau khi ra tù. Vâng, cô có quyền nhân danh Công lý, Chân lý để tố cáo những áp bức, vu khống, nhưng cô có nên nhân danh những đau khổ của mình để trách móc, đả kích bạn bè, đồng nghiệp một cách nặng nề, tàn nhẫn với thái độ miệt thị như thể muốn dìm họ xuống bùn đen, không bao giờ cho ngóc đầu dậy nữa về tội không liên đới, không đủ can đảm làm anh hùng như cô (4).

Thật rất tế nhị khi đứng trên bình diện đạo đức phê bình người khác. Đức Giê-su đã cho thấy điều ấy khi trả lời câu hỏi của những người muốn tố cáo người đàn bà ngoại tình. Mọi phê phán về đạo đức đều bày tỏ một thái độ đánh giá hơn kém: tôi *không phải* là điều tôi phê phán anh và do đó tạo ra sự xa lánh, căng thẳng và đoạn tuyệt... Ngay cả trong trường hợp kẻ có lỗi nhận mình có lỗi. Thật rất tiếc Dương Thu Hương đã không vươn lên, vượt khỏi những bất mãn chính đáng, những đau khổ chính đáng vì nhận ra không phải chỉ mình bị áp bức, vu khống, mà nhiều người khác còn đau khổ hơn mình để thay vì tố cáo, đả kích, có thái độ tự chế, giữ im lặng không lên tiếng để chia sẻ với biết bao người khác bị áp bức, đau khổ như mình, hơn mình hoặc nếu nói lên thì nói một cách nào đó, không phải tố cáo, đả kích mà để bày tỏ một nỗi niềm đau xót của mình, trên bình diện nhân loại trước một mất mát về tư cách, phẩm chất con người ở nơi kẻ đã hành hạ, bôi nhọ, nhục mạ mình bằng những thủ đoạn đê hèn mà chính thủ phạm có lẽ không hoàn toàn trách nhiệm vì đó là cơ chế, chính sách... Cũng như sự yếu hèn, thiếu liên đới của bạn bè đồng nghiệp phần lớn cũng là do thể chế, chính sách.

Một tập thơ của Xuân Sách *"Chân Dung Nhà Văn"* (Nhà xuất bản *Văn Học* 1992) không bao giờ có thể có ở miền Nam trước 75, vì trong xã hội miền Nam thời kỳ đó, bất cứ nhà văn, người trí thức nào chạy theo, đi với chính quyền đều bị dư luận giới cầm bút khinh chê, tẩy chay không đọc... Nhưng ở miền Bắc, cả một thể chế đẩy người suy tưởng, sáng tác vào con đường cầm quyền, làm quan văn nghệ hay ngành khác mà họ không chuyên môn. Những bài thơ sâu sắc, thâm thúy, hay nhất của Xuân Sách đều nhằm vào điểm các nhà văn, nhà thơ liên lụy với chức vụ quyền

hành chính trị...

Tôi nghĩ rằng những người là "đối tượng" của Xuân Sách không thể không đau xót ít nhiều và vì thế Xuân Sách có nên làm như vậy không khi chính Xuân Sách cũng là một người cùng giới cùng hoàn cảnh, ít nhiều cũng thỏa hiệp, đồng lõa! Giá mà Xuân Sách đi xa hơn, nói lên thay họ niềm thương cảm với những đau xót khổ tâm của những con người có thể ý thức được sâu sắc hơn Xuân Sách sự "vong thân" sa đọa do quyền bính chính trị gây ra cho cuộc đời nhà văn, trí thức của mình mà họ không thể nói lên lúc tại chức hay còn sống, và đã chỉ viết ra lúc về hưu hay để lại phổ biến sau khi chết như một vài người đã làm...

Tôi không có ý nói phê phán là không chính đáng, không cần thiết, tôi chỉ mong muốn người suy tưởng, sáng tác hướng thượng vượt lên trên những đối lập phải/trái, chính/tà, chính đáng/không chính đáng, hợp pháp/phi pháp... đi vào lãnh vực của cái bi đát, bi thảm, cái lầm than của thân phận con người mà tất cả mọi người đều ít nhiều chia sẻ, chịu đựng... và do đó làm cho con người gần gũi nhau hơn trong Tình người, đúng ra là trong sự yếu hèn, tội lỗi vì mọi thứ anh hùng đều đưa đến sự cô độc và xa cách người khác.

Sau cùng tôi cũng không muốn nói miền Bắc không có những thái độ "hướng thượng" mà chỉ nói những người như trên chưa có điều kiện để nói lên mà thôi, vì thể chế chính trị không cho phép họ làm.

Ở miền Nam trước 75, tôi đọc thấy rất nhiều những ký, truyện thơ không thể làm cho người đọc hận thù ai mà chỉ cảm nhận một nỗi niềm, một thân phận trong tất cả những gì trớ trêu, bi đát của một hoàn cảnh... không thể xác định được dứt khoát bằng những phạm trù, khái niệm... Dưới đây tôi chỉ xin nhắc đến một hai người:

Tôi vốn ưa thích những bài ký của Dương Hùng Cường, bút hiệu Dê Húc Càn, viết trong "Con Ong". Tôi nghĩ nhiều bài ký của anh (nay đã mất) rất đáng được gom lại ra thành sách để tưởng niệm anh và một cuộc chiến mà anh đã tham dự như một người lính. Chẳng hạn câu chuyện anh kể (số 45) về một người bạn anh có đứa con nhỏ mỗi ngày vào trại phải đưa nó theo vì mẹ nó đi lấy Mỹ rồi. Đứa bé thơ thẩn lang thang đến hàng rào kẽm gai gài mìn. Còi báo động và một phi hành đoàn người nước Cờ hoa đã lái trực thăng đến cứu đứa nhỏ... *"Bàn tay nhẹ kéo thằng cháu tôi lên phi cơ với bộ mặt xanh xám và nét mừng hớn hở của thằng bố ôm chặt đứa con vào lòng và tiếng nức nở gọi vợ: "Em ơi! Em ơi!" Thằng bạn tôi gọi vợ nó lúc đó, nhưng có lẽ nó đã quên cái thù người nước Cờ hoa đã cướp vợ nó. Cướp vợ nhưng đã cứu sống được mạng con, hai cái ân và cái nợ, kể như hòa... Chúng tôi đành coi như vậy."* (5)

Thảo Trường viết truyện "Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp" (1964) kể chuyện một người đàn bà khốn khổ chỉ vì phải theo lệnh của người anh em giải phóng treo khẩu hiệu đả đảo đế quốc Mỹ có gài chất nổ! Sau 17 năm ở trại cải tạo về, gặp lại, anh cho biết sẽ viết một truyện khác về một người đàn bà khốn khổ chỉ vì theo lệnh của người lính quốc gia treo khẩu hiệu chống Cộng.

Trong truyện "Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp", cái thai là con của anh Từ đã đi theo kháng chiến, nhưng khi sinh ra thì lại được một viên sĩ quan Cộng hòa đỡ đẻ và nhận khai sinh cho đứa bé và tác giả đã kết thúc truyện với một nhắn tin: *"Nhắn cậu nhỏ mang dòng họ cùng với tôi, hai mươi năm nữa cậu khôn lớn, lúc đó tôi không biết cậu sống trong hoàn cảnh nào, trong một xã hội nào. Cậu cho tôi xin cậu một điều là trước khi cậu hành động, trước khi cậu tranh đấu, trước khi cậu làm cách mạng, trước khi biểu tình, trước khi đảo chính, trước khi lật đổ, trước khi hành quân, trước khi thuyết pháp, trước khi cầu nguyện, trước khi đập phá, trước khi hy sinh, nghĩa là trước khi quyết định làm một việc gì, xin cậu hãy nghĩ đến người đàn bà mang thai khốn khổ, hãy nghĩ tới những người mẹ mà rất nhiều chủ nghĩa với những danh từ hoa mỹ đã hành hạ. Xin cậu hãy nghĩ tới cái hình ảnh đó. Tôi cầu xin cậu như thế vì tôi chính là tên sĩ quan đã hành hạ mẹ cậu, đã đỡ đẻ cho mẹ cậu sau khi hai đồng đội của tôi chết vì cái khẩu hiệu đả đả đế quốc Mỹ"*. (6)

Tờ *Hành Trình* đã lấy những lời nhắn nhủ trên làm khẩu hiệu in trang bìa 4 nói lên tinh thần, thái độ của nhóm chủ trương... Về tiểu thuyết, tiêu biểu là truyện ngắn kể trên của Thảo Trường, về thơ, bài "Dấu hỏi và quê hương" của Nguyễn Quốc Thái có lẽ là bài thơ "phản chiến" đầu tiên (*Hành Trình* số 3-4) và về lý luận đó là chủ trương cách mạng xã hội chủ nghĩa không Cộng sản.

Bây giờ thấy nêu lên khẩu hiệu đòi hỏi đổi mới. Nhưng cho đến nay, hình như chỉ nói nhiều về đổi mới trong kinh tế, chính trị, mà ít nói hay chưa nói đến nền tảng của những sinh hoạt kinh tế, chính trị là những tiêu chuẩn, giá trị đạo đức... Và về lĩnh vực này, không có gì mới vì đạo đức thời nào cũng có, cũng cần có. Cho nên đổi mới ở đây không phải là sáng tạo ra một đạo lý nào khác mà chỉ là quay về với những giá trị đạo lý nhân loại trở thành truyền thống dân tộc đã bị phủ nhận ở miền Bắc sau 1945 và ở miền Nam sau 1975, một phủ nhận mà một đảng viên lão thành đã buồn phiền nói lên trong bài "Tâm sự với người Hà Nội" - Quang Lộc (*Nhân Dân* số 10.328 ngày 3-10-82) (7)

Cuối năm 1992

(1) Gần đây, đọc "Tâm Sự Tướng Lưu Vong" bản in ở Việt Nam, tập "Việt Nam, Máu Lửa Quê Hương Tôi" của Đỗ Mậu (trang 470), tôi mới biết Trường Giang là bút hiệu của Thiếu tá Nguyễn Bá Liên, cháu Đại tá Đỗ Mậu, Tư lịnh phó Thủy quân lục chiến, chỉ huy Tiểu đoàn I và II năm 1963 cầm đầu 1 đạo quân đánh chiếm dinh Gia Long. Năm 1966 là Tư lịnh Biệt khu 29 ở Kontum và tử nạn 1969 trong một cuộc hành quân mới 38 tuổi đời. Thiếu tá Liên theo đạo Tin lành. Chỉ khi đọc Đại tá Đỗ Mậu, tôi mới tìm đọc "Việt Nam, Việt Nam Ơi" mà Trường Giang đã tặng tôi hồi 1967.

(2) Chỉ ông Lê Đức Thọ, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng.

(3) Trong một lần gặp lại ông gần đây, tôi có xin phép ông Ng. Linh nay đã nghỉ hưu được thuật lại câu chuyện kể trên.

(4) Thư gửi Hội Nhà văn và Nguyễn Quang Sáng.

(5) Nếu bạn bè của Dương Hùng Cường muốn sưu tập một số bài của Dê Húc Càn, tôi có thể làm giùm.

(6) Truyện này sau 75, đã bị ghi trong danh sách các tác giả, tác phẩm bị cấm lưu hành do nhà phê bình Lữ Phương đứng đầu một ban xét duyệt với tư cách Thứ trưởng Bộ Thông tin Văn hóa của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

(7) "Đầu thế kỷ XIX, Cao Bá Quát ở khu Đình Ngang gần cửa Nam, chỗ này hẻo lánh, ngõ đi chật hẹp, ngôi nhà lại lụp xụp, đàng trước là trại lính, đàng sau sát ngay vườn nhà người ta. Nhưng được cái xóm giềng tử tế, chẳng cần rào giậu gì cả, cùng nhau quên cả cảnh nghèo. Sau khi đỗ cử nhân năm 1831 Cao định dời nhà đi nơi khác, song không khỏi bịn rịn, với nơi ở cũ nên lại không đi. Ngày trước xóm Đình Ngang ăn ở với nhau tử tế như thế. Đó là cái tình phường trên xóm dưới. Bây giờ thì trong các khu nhà tập thể, người ta tranh giành nhau từng xô nước, rẻo đất tăng gia sản xuất đến chỗ đặt chuồng gà chuồng lợn, nói câu thân tình thì ít, nhưng hay chửi gần chửi xa, chửi mèo mắng chó, thậm chí gây chuyện đánh nhau. Đi đâu và lúc nào cũng tự xưng là xã hội chủ nghĩa, tại sao họ không thể ăn ở tử tế với xóm giềng như thời Cao Bá Quát?"

Tác giả bài báo, một đảng viên lão thành so sánh: "Đạo lý người xưa và của người ngày nay" về cung cách những sinh hoạt cộng đồng đối với người già, thày dạy, thiên nhiên nếp sống văn minh thanh lịch, và đi tìm nguyên nhân, tác giả không coi vàng tục bất nhã, vô lễ với người khác, ở ngoài đường, trong rạp chiếu bóng là vì túng thiếu, thế thì vì đâu? Tác giả không nói ra vì mọi người đều hiểu cả rồi.

LỐI NHÌN MIỀN NAM CỦA DƯƠNG THU HƯƠNG

Tôi muốn nói thêm đôi điều về lối nhìn miền Nam của mấy nhà văn miền Bắc như Dương Thu Hương. Họ là những tác giả, nếu tôi không nhầm, đã sinh ra lớn lên trong chế độ, ít hiểu biết miền Bắc trước năm 1954 và không biết gì miền Nam trước 1975. Ngay cả nhiều người sau 75

vào sống ở Sài Gòn cũng có cái nhìn sai lệch về miền Nam chỉ vì họ không sống ở miền Nam, đặc biệt giai đoạn 55-75.

Không trách gì được các tác giả trẻ tuổi này vì những người lớn tuổi như ông Nguyễn Khắc Viện, đã đi đây đi đó, sống nửa đời người ở miền Bắc, cũng hiểu sai miền Nam. Ông Nguyễn Khắc Viện viết một bài về miền Nam trên báo *Nhân Dân* so sánh Cách mạng và dân Sài Gòn như sen và bùn, bị phản ứng dữ dội (1). Nguyễn Võ Kỷ và Nguyễn Trọng Văn ở trường Đại học Văn khoa có gửi bài phê bình cho báo *Nhân Dân*, không được đăng. Ông viết bài thứ hai cũng đăng trên *Nhân Dân*, lần này đụng chạm đến những người Cộng sản miền Nam, sau đó Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh cũng gián tiếp trả lời ông trên báo *Nhân Dân*. Ông Đào Duy Anh vào Sài Gòn đi thăm một số trí thức đã bị chỉnh một cách thẳng thắn khi ông gọi *thằng Diệm*. Ở miền Nam trên sách báo công khai, khi nói đến những lãnh tụ ở Hà Nội, bao giờ cũng gọi đúng chức vụ và đăng hình thật, không phải hí họa... Đây là vấn đề văn hóa, tư cách, không phải lập trường chính trị. Nói đến đời sống chính trị của miền Nam trước 75, ông Đào Duy Anh cũng hiểu sai và ông thú nhận vì bao nhiêu năm đã chỉ được thông tin một chiều.

Như tôi đã trình bày trong bài kể trên, cần phân biệt: chính phủ - chính thể chính trị với chế độ xã hội miền Nam và tôi thấy:

1. Chế độ xã hội miền Nam còn giữ được một số giá trị tinh thần, đạo lý thuộc truyền thống dân tộc.

2. Thời Pháp thuộc, miền Nam tiếp thu một số giá trị về dân chủ mà miền Bắc chưa có. Chẳng hạn đạo Cao Đài đã chỉ có thể có được ở miền Nam do những viên chức làm việc cho Pháp hiểu biết những lợi thế của qui chế hành chính thuộc địa và biết khôn khéo sử dụng nó. Người Pháp không lập ra Cao Đài như một dư luận vẫn hiểu vì tài liệu an ninh của người Pháp xác nhận Cao Đài là một thứ quốc gia trong một quốc gia... họ có thể cấm Cao Đài ở Cao Miên, Bắc, Trung Kỳ, mà không thể cấm ở Nam Kỳ.

3. Thời kỳ người Mỹ có mặt ở miền Nam (1955-75) mà miền Bắc gọi là thời kỳ Mỹ xâm lược, thực dân mới, những biểu hiện dân chủ càng rõ nét và phổ biến đã có bị chê chỉ là *hình thức*, nhưng vẫn là hình thức có thực mà miền Bắc không có. Báo chí, phong trào tranh đấu thân Cộng hoạt động công khai tuy có bị đàn áp, nhưng vẫn tồn tại phát triển vì dựa vào một số đòi hỏi dân chủ mà các chính quyền Sài Gòn vẫn ít nhiều tôn trọng như tự trị đại học. Những tổ chức, phong trào chống Cộng hoặc đối lập chỉ chống chính quyền Sài Gòn tố cáo đích danh Tổng thống mà không chống chế độ xã hội chính trị miền Nam vì chế độ cho phép làm. Những

tổ chức, cá nhân thuộc các tôn giáo, giới báo chí, luật sư, đối lập xuống đường biểu tình, cũng bị đàn áp như ở các nước phương Tây không phải bằng súng, mà chỉ bằng lựu đạn cay... một điều không thể quan niệm có thể làm lại được sau 75.

Xét về cá nhân, có thể kể trường hợp Phan Nhật Nam viết ký chiến trường, kể lại tác giả gọi điện thoại nói chuyện với người chỉ huy quân sự phía bên kia thách chửi cố vấn Liên Xô sau khi nghe tác giả chửi cố vấn Mỹ, hoặc trường hợp Thanh Lãng biên thư phản đối tòa Đại sứ Mỹ. Tôi và Thanh Lãng đi Vũng Tàu về, gặp xe chở lính Mỹ đùa nghịch ném đá bể kính xe. Tôi gợi ý Thanh Lãng viết thư phản đối, sau đó chúng tôi nhận được thư mời đến tòa Đại sứ nhận lời xin lỗi và tiền bồi thường. Ở Hà Nội, ai dám nghĩ làm như vậy với tòa Đại sứ Liên Xô hay Trung quốc. Ở Sài Gòn, tất cả những biểu lộ dân chủ đó, không ai coi là "anh hùng, can đảm" vì chế độ chính trị xã hội miền Nam *để cho* có thể làm như vậy.(2)

Cung Trầm Tưởng kể cho tôi nghe hồi 1968, Thanh Nghị vào khu, anh nói với Tướng Kỳ cho phép anh lo liệu đưa chị Tâm Vấn vào ở khu cư xá không quân Tân Sơn Nhất. Thỉnh thoảng Tướng Kỳ gặp anh hỏi thăm: Chị Tâm Vấn có khỏe không? Có được tin gì của anh ấy không? Những cách xử sử như vậy đều được coi là bình thường, không ai thắc mắc đặt thành vấn đề gì. Một ông tướng bị miệt thị gọi là cao bồi, võ biền, đang làm thủ tướng mà vẫn giữ được phong cách kể trên: chỉ sau 75, những nếp sống bình thường như vậy bị xóa bỏ, phủ nhận mới thấy ý nghĩa, giá trị của chúng. Đọc tập ký của cô Fallaci (3) mà một phần lớn dành cho những tranh luận giữa nữ ký giả nổi tiếng này với hai tướng Kỳ, Loan về những hành động chính trị của hai người, đặc biệt vụ tướng Loan bắn chết Việt cộng ở chợ Bến Thành. Tôi thú nhận đọc xong cuốn này, chắc người Sài Gòn cũng như tôi không thể không nghĩ lại thái độ coi thường, khinh miệt hai ông, còn độc giả miền Bắc chắc còn ngạc nhiên hơn. Làm sao một tên cao bồi hay một tên sát nhân lại có được những suy nghĩ riêng tư, sâu sắc và lý sự đã thuyết phục được cô ký giả kia? Làm sao họ có thể bộc trực nói lên tâm tư của mình một cách công khai không cần e dè gì, dù đang giữ những chức vụ lãnh đạo? Dân chủ là gì nếu không phải là khả năng được bày tỏ những riêng tư về tư tưởng, tình cảm, ngay cả trường hợp đang cầm quyền?

Đọc *Tiểu Thuyết Vô Đề* và *Tự Bạch* của Dương Thu Hương, tôi thấy mấy điểm chính sau đây:

1. Dương Thu Hương cho rằng cuộc chiến Việt Nam là một cuộc chiến thần thánh chống Mỹ cứu nước, nằm trong truyền thống chống xâm lược của người Việt và Dương Thu Hương hãnh diện tham gia cuộc chiến

đó chống lại những tội ác của đế quốc Mỹ xâm lược và ngụy quyền Sài Gòn, tay sai bán nước. Công giải phóng miền Nam là của Đảng, miền Bắc.

2. Quân đội Sài Gòn là một quân đội tàn bạo. "Bọn thám báo không phải chỉ hiếp 6 người con gái miền Bắc thuộc một đơn vị thanh niên xung phong hay binh trạm nào đó, mà còn xẻo vú, cửa mình của họ ném vung vải khắp đám cỏ xanh" (trang 16). Khi thuật lại bộ đội miền Bắc hạ sát ba tù binh miền Nam, Dương Thu Hương không bày tỏ phẫn nộ, coi như thuộc qui ước của chiến tranh mà thôi.

3. Chính quyền Sài Gòn, Ngô Đình Diệm cũng tàn nhẫn "khủng bố" những người kháng chiến cũ, phân loại treo bảng từng gia đình cách mạng để trả thù.

4. *Tiểu Thuyết Vô Đề* không phải viết cho hải ngoại, cũng không phải để bày tỏ sám hối của một con Việt cộng, của một kẻ đã từng là đảng viên Cộng sản mà chỉ để tố cáo những kẻ phản bội cách mạng trong hàng ngũ cách mạng: "Lý do duy nhất thúc đẩy mọi suy nghĩ hành động vẫn là luôn luôn hướng về chủ nghĩa xã hội đích thực".

5. Những kẻ phải sám hối là chính quyền miền Nam và những kẻ ủng hộ chính quyền chống Cộng đó, việc xuất bản *Tiểu Thuyết Vô Đề* và *Tự Bạch* ở hải ngoại là do bọn chống Cộng cực đoan lợi dụng mà thôi, những người mà bà khinh bỉ gọi là "bọn chó".

Tôi cảm phục thái độ của Dương Thu Hương, không phải vì đã can đảm tố cáo những sai lệch của Đảng mà vì, *mặc dầu* những sai trái của Đảng, vẫn khẳng định quyết tâm hướng về chủ nghĩa xã hội đích thực, lý tưởng mà tác giả đã nhân danh để tố cáo kết án những sa đọa. Tôi tôn trọng những tự do lựa chọn nhưng không thích bất cứ một thứ "conversion" nào từ bỏ lý tưởng mà mình đã tin theo phục vụ, trừ trường hợp kẻ "trở lại" thực hiện một "vượt qua" theo nghĩa của Hegel (vượt mà vẫn giữ cái tích cực của cái bị vượt qua) như Ignace Lepp, một đảng viên Cộng sản trở thành linh mục, không mạt sát các đồng chí cũ và vẫn giữ lại những cái tích cực của chủ nghĩa Cộng sản đặt nó trong một lý tưởng bao quát tích cực hơn.

Tôi thấy thái độ của Dương Thu Hương bày tỏ một mâu thuẫn về nhận thức chính trị. Chủ đề cuốn truyện đã được trình bày trong *Tự Bạch* là: sau một chiến thắng mà tác giả chỉ được một con búp bê mang về làm quà cho con, tác giả đau xót nhận ra biết bao hy sinh mất mát để trả giá cho một vinh quang khải hoàn môn chỉ là mộng tưởng, giả trá... Đau xót làm cho tác giả nghi ngờ mục tiêu cuộc chiến mà bây giờ mới thấy. Vậy đáng lẽ tác giả phải đi xa hơn tìm hiểu "thực chất của chiến tranh cách

mạng" thì đã dừng lại tiếp tục tuyên xưng những khẩu hiệu, luận điểm về cách mạng giải phóng mà tác giả đã học được trong trường, các buổi học chính trị, trường dạy Việt Nam, dựa trên quan niệm phân biệt bạn/thù dứt khoát, chính/tà rõ rệt và đảng cách mạng, chủ nghĩa Marx Lénine là chân lý tuyệt đối, còn mọi ý thức hệ là tà, địch, mọi tổ chức khác đều là địch cần phải bôi đen, tiêu diệt. Đoạn tác giả viết về bọn thám báo cho thấy rõ tác giả không biết chút gì về quân đội miền Nam vì thám báo chỉ đi nắm tình hình, và thấy có thể bị lộ phải tìm cách ẩn núp chạy trốn. Thôi thì hãm hiếp, xẻo vú còn nghe được, nhưng làm sao xẻo cả cửa mình vứt vung vãi. Tác giả viết về miền Nam, quân đội Sài Gòn giống Tố Hữu trong một bài thơ tả lính ngụy đập bụng đàn bà mang thai làm phọt hài nhi ra để tố cáo cái dã man của lính ngụy... Tác giả chưa nhận ra lối nhìn đánh giá miền Nam, quân đội Cộng hòa xuất phát từ những luận điệu về cách mạng giải phóng mà bây giờ tác giả thắc mắc, nghi ngờ nên mới bày tỏ thái độ thù ghét người lính Cộng hòa và khinh miệt miền Nam trong tác phẩm của mình.

Tôi nghĩ những người lãnh đạo chính trị, đề ra sách lược chiến tranh cách mạng giải phóng dân tộc hiểu rất rõ những giá trị về tình người, tinh thần, đạo lý mà người miền Nam, kể cả người lính vẫn còn tôn trọng... vì nếu thực sự người lính miền Nam chỉ có thú tính man rợ, tàn bạo như tuyên truyền mà Dương Thu Hương đã được nghe, học, làm sao có được chính sách dân vận, binh vận lợi dụng lòng yêu nước, tình nghĩa (tình nghĩa đồng bào, gia đình, họ hàng xóm làng, bạn bè) và coi trọng những tình nghĩa đó hơn lập trường chính trị?

Có bao nhiêu tướng tá Sài Gòn đã xử sự như chuẩn tướng Quảng anh rể Trần Quang Long đã cho nhà thơ này tá túc trong nhà mặc dầu biết em vợ mình hoạt động cho Việt cộng? Có biết bao báo cáo thành tích vận động đồng bào, bà con cô bác đấu tranh chính trị với binh lính ngụy để ngăn chặn những cuộc hành quân lùng bắt Việt cộng mặc dầu những người chỉ huy và ngay cả binh lính ngụy cũng hiểu rất rõ đó là thủ đoạn dân vận, binh vận mà họ vẫn đành chịu thua? Làm sao đài phát thanh Hà Nội, Giải Phóng có thể khai thác thơ văn đầy ắp tình người, viễn mơ, lãng mạn, phản chiến của những nhà thơ, nhà văn quân đội Cộng hòa đôi khi đăng trên sách báo của quân đội, nếu quân đội không để cho binh lính, sĩ quan của mình được tự do làm văn thơ theo lương tâm con người của họ, vượt lên trên những bổn phận, nghĩa vụ cầm súng? Chính vì chế độ xã hội miền Nam ít nhiều tôn trọng tự do cá nhân bộc lộ tư tưởng, tâm tình mà miền Nam mới có những nhà văn được ông Tố Hữu đánh giá miền Bắc không thể có.

Chế độ xã hội miền Nam trước 75 cũng để cho những người cầm bút giới thiệu giải thích theo lối nhìn của những trào lưu tư tưởng văn học nghệ thuật nước ngoài bất kể quan điểm ý thức hệ, tôn giáo, xuất xứ dân tộc, quê hương của họ, nhất là những người được cả thế giới nhìn nhận vì sự nghiệp của họ là gia tài chung của nhân loại. Như vậy, dĩ nhiên đã có những lối nhìn giải thích khác nhau, phê phán nhau, nhưng không ai cấm ai được kể cả chính quyền Sài Gòn.

Nguyễn Huy Thiệp trả lời phỏng vấn của báo *Libération* có nói: *"Tôi không có quyền đi ra nước ngoài và có quá ít tác phẩm hiện đại Tây phương được dịch ra ở Việt Nam, ngay cả Sartre cũng bị cấm vì bị coi là "tư sản". Thế nhưng trước đây ở miền Nam, dưới chế độ Thiệu, Sartre đã được dịch và phổ biến. Tôi hy vọng sẽ có thay đổi vì khi cô lập văn hóa Việt Nam, người ta sẽ làm nó ngộp thở mà chết, Sartre hay Hermann Hess thuộc về văn hóa chung của nhân loại"*.

Ở miền Nam, không phải chỉ Sartre, Camus được giới thiệu phổ biến mà cả những Dostoievsky, Tolstoi, Gorki, Lỗ Tấn được miền Bắc xưng tụng, cũng được những người cầm bút ở miền Nam xưng tụng theo quan điểm của mình; nói chung những người làm văn học giới thiệu *tất cả* các tác giả Việt Nam (kể cả của miền Bắc) thế giới mà không quyền lực nào buộc họ phải lựa chọn (chỉ được nói người này,không nói người kia. Tất cả sinh hoạt văn hóa kể trên không ai thắc mắc đặt thành vấn đề hoặc tìm cách ngăn chặn, cấm đoán, chỉ đạo vì ai cũng nhìn nhận việc giới thiệu này là một đòi hỏi chính đáng, cần thiết. Sinh hoạt này không ăn nhằm gì tới các chính quyền Sài Gòn và vẫn có trước từ lâu chính quyền ông Thiệu.

Nếu chính quyền Sài Gòn bị miền Bắc kết án là ngụy, độc tài mà vẫn để sinh hoạt văn hóa kể trên tồn tại phát triển thì điều này phải chăng chứng tỏ những chính quyền độc tài đó đã ít nhiều vẫn tôn trọng những nếp sống giá trị tinh thần đạo lý của chế độ xã hội miền Nam và trên phương diện tự do phổ biến, giao lưu văn hóa, nếu so sánh chế độ chính trị ở miền Bắc không phải với chế độ xã hội miền Nam, và mà với các chế độ chính trị Diệm-Nhu, Thiệu-Kỳ-Hương... thì chế độ chính trị nào tôn trọng tự do hơn?

Nếu so sánh các chế độ, chính quyền Sài Gòn với nhau, chế độ ông Diệm có nghiêm ngặt hơn. Việc phổ biến thuyết hiện sinh, đặc biệt hiện sinh vô thần, bị nhóm *Văn Đàn* tố cáo là "giới thiệu nếp sống buông thả phi luân, có hại cho tinh thần chống Cộng" sau khi xảy ra vụ đảo chính hụt hồi 1960. Tôi và nhóm *Sáng Tạo* bị chụp mũ là tiếp tay cho nhóm phản loạn làm đảo chính. Tâm tình luận điệu của nhóm *Văn Đàn* tố Cộng

nào khác gì tâm tình luận điệu Cộng sản ở miền Bắc? Rất may *Văn Đàn* chỉ là một thiểu số người cầm bút bị đa số người cầm bút và độc giả coi thường. Nhóm *Văn Đàn* rất thân cận với Phủ Tổng thống, nhưng chính những người cầm quyền thời đó như ông Ngô Đình Nhu, bác sĩ Trần Kim Tuyến, Lý Trung Dung lại không phải là người có cái nhìn thiển cận, hẹp hòi về sinh hoạt văn hóa. Luận điệu chụp mũ tố Cộng một cách hạ cấp rẻ tiền, ấu trĩ trình bày hình ảnh về người Cộng sản mà người miền Nam gọi là "tâm lý chiến" thường chỉ gây phản tác dụng có lợi cho người Cộng sản vì dư luận, kể cả chống Cộng, chẳng những không tin mà còn coi lối tuyên truyền đó xúc phạm đến nhân cách, trình độ nhận thức chính trị của mình.

Ai đã sống ở miền Nam thời kỳ 1955-75 đều thấy thái độ nghi ngờ, coi thường người cầm bút nào nói viết ít nhiều giống luận điệu nhà nước, luận điệu chính thức. Nguyên Sa khi lên tiếng bình vực chúng tôi nhân vụ *Văn Đàn* đã viết: *"Nói lên dù biết rằng sẽ gặp áp lực trở ngại, dù sẽ bị xuyên tạc, phỉ báng lăng mạ đấm vào lưng bởi một loài bò sát quen luồn tránh sự thực"* (4).

Thời đệ nhị cộng hòa, còn phóng khoáng hơn nữa, không phải chỉ giới thiệu văn học thế giới mà cả những tác giả mác-xít. Tạp chí *Đất Nước* ra một số đặc biệt kỷ niệm 50 năm Cách mạng tháng 10. Ở Đại học Văn khoa, tôi giảng về Marx, Lénine, sử dụng các bản dịch của Nhà xuất bản *Sự Thật* Hà Nội, in ra làm tài liệu tham khảo. Những sinh viên thân Cộng, Cộng sản nằm vùng phụ trách ấn loát phổ biến. Có lúc tôi được mấy đại học quân sự, chiến tranh chính trị và Đà Lạt hay trường Cao đẳng Quốc phòng ở Sài Gòn mời nói về Marx Lénine. Tôi mang những bài giảng, tài liệu đã phổ biến ở Đại học Văn khoa đưa ban ấn loát các trường kể trên in lại làm tài liệu và tôi cũng đã nói *như* đã nói ở Văn khoa. Mấy ông tướng chỉ huy trưởng đã không ngại mời những người được gán cho nhãn hiệu: khuynh tả thiên Cộng trình bày lối nhìn của họ khác lối nhìn chính thức về chủ nghĩa Marx, đảng Cộng Sản Việt Nam... vì họ có bản lãnh và tin tưởng trình độ nhận thức của học viên, tôn trọng tự do tìm hiểu của họ. Thực ra nếu họ không được nghe tôi nói ở trường thì họ vẫn có thể đọc sách báo tiếng Việt hay tiếng nước ngoài được phổ biến rộng rãi ở Sài Gòn để tìm hiểu những vấn đề mà họ muốn biết.

Xin nói rõ thêm, những sĩ quan theo học các trường đại học quân sự hay bạn bè cùng lứa tuổi với họ ở các đơn vị hành chính, ngoài mặt trận đều được đào tạo trong chế độ Việt Nam Cộng Hòa từ 1954-55, không dính líu gì tới quân đội Pháp-Việt và thông thường họ có tú tài, ngay cả đã theo học đại học. Nhờ một nền giáo dục cởi mở, một chính sách thông tin

không hoàn toàn bưng bít, và nhờ biết đọc một hai sinh ngữ nên họ có khả năng tìm hiểu các vấn đề Việt Nam và quốc tế *ngoài* những khuôn khổ của nhà nước, của những luận điệu chính thức. Họ có thể khuynh tả, khuynh hữu nhưng không ai coi miền Nam chỉ là vùng bị Mỹ ngụy tạm chiếm, mà là một chế độ chính trị mang tên Việt Nam Cộng Hòa, khác với chế độ chính trị ở miền Bắc mang tên Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa trong một đất nước tạm thời bị chia cắt có hai chế độ chính trị khác nhau. Sự kiện này được miền Bắc chính thức nhìn nhận khi ký vào các văn bản hiệp ước quốc tế về Việt Nam. Về nhận thức chính trị, họ không có mặc cảm theo Tây theo Mỹ, và hiểu biết lý do, mục đích họ cầm súng để bảo vệ một chính nghĩa, mà họ cho rằng một phần giới lãnh đạo chính trị, quân sự của họ, vì thiếu tư cách, khả năng, và những đồng minh của Việt Nam Cộng Hòa, dư luận quốc tế vì quyền lợi quốc gia, chiến lược toàn cầu hay vì thiếu thông tin trung thực, đã làm lu mờ hoặc xuyên tạc chính nghĩa của họ, tạo ra hình ảnh thiên kiến về một quân đội bù nhìn, tay sai...

Trong *Tự Bạch*, Dương Thu Hương cho biết bà viết *Tiểu Thuyết Vô Đề* không phải vì sám hối mà chính những kẻ đã "treo đèn kết hoa, dàn kèn đồng ra các hải cảng và phi trường chào đón những binh đoàn lính Mỹ, lính Úc, lính Đại Hàn vào xứ sở cần biết đến hai từ sám hối hơn là tôi".

Sau 75, sĩ quan binh lính trong quân nhạc - vì chỉ có những đội quân nhạc mới dàn chào quân đội đồng minh - chắc hẳn đã phải đi học tập cải tạo như các binh chủng khác. Sau nhiều năm ở trại không rõ khi ra về họ có sám hối, hoặc cải tạo hay có thể chính những người cải tạo họ được họ cải tạo?

Khi Dương Thu Hương vào Sài Gòn được mời đến Hội Trí Thức Yêu Nước, bây giờ đã cải danh, là tổ chức được lập ra để phục vụ giới trí thức miền Nam trước 75, trong nhiều người đi nghe Dương Thu Hương có thể có sĩ quan quân đội Sài Gòn đã biết tiếng hay đọc một vài truyện của Dương Thu Hương, tưởng rằng tác giả miền Bắc này đã "giác ngộ" nhận ra những ảo tưởng của mình, nên đã đến hoan hô khuyến cáo tác giả lên làm tổng thống!

Nếu họ được đọc *Tiểu Thuyết Vô Đề* hay *Tự Bạch* trong đó Dương Thu Hương khinh bỉ, mạt sát họ, liệu họ còn muốn đến nghe hay không, hoặc nếu đến, liệu họ có ca tụng hay la ó đòi tống xuất Dương Thu Hương về Bắc? (5)

Điều trớ trêu là những người không phải Cộng sản, sinh sống ở nước ngoài lâu năm ít biết đến miền Nam trước 75 và càng ít hiểu biết chế độ miền Bắc cũng phấn khởi ca tụng *Tiểu Thuyết Vô Đề*, giành nhau xuất bản

Thơ Nguyệt Thư

Sắc

Trích từng hạt máu đỏ
Rút từng sợi thần kinh
Chẻ ra và xé nhỏ
Vẫn thấy mình trộn chung

Không

Chỗ nằm bên cạnh trống
Bình vắng một nụ hồng
Nửa khuya trăng lẻ bóng
Nước mắt ràn rụa tuôn.

để cho Dương Thu Hương xỉ vả nặng lời... Nhưng tôi nghĩ chỉ những người chống Cộng ở nước ngoài mới có quyền phê phán bạn bè của họ vội vã sốt sắng phổ biến, đề cao Dương Thu Hương, còn chính Dương Thu Hương thì không. Vì nếu không có những kẻ "thiếu tư cách" theo Dương Thu Hương, đã quảng cáo cho Dương Thu Hương, nào ai biết đến Dương Thu Hương ở nước ngoài trong cộng đồng người Việt cũng như trong dư luận Tây phương mà kết quả là tạo cho Dương Thu Hương một tư thế, uy tín quốc tế nào đó? Liệu Dương Thu Hương có thực sự xứng đáng với những uy tín tư thế đó không? Cần một thời gian nữa, người ta sẽ có thể thẩm định đúng mức giá trị nghệ thuật, tư tưởng của các cuốn tiểu thuyết và tư cách thái độ trí thức của tác giả qua các bài phát biểu, tự bạch, trả lời phỏng vấn.

Sài Gòn, tháng 9 năm 1993

(1) Tôi cũng viết một bài phân tách theo lối "Phân tâm học vật chất" của G. Bachelard những câu ca dao về sen bùn để trình bày tính cách phản phúc, bội bạc của quan niệm coi sen vẫn giữ được sự tinh khiết *mặc dầu* ở trong bùn, trong khi thực ra chính bùn nuôi dưỡng, tạo ra hương thơm, cái tinh khiết của sen để tặng ông Viện. Bài này chưa đăng, in.

(2) Tôi phổ biến thư của T.L để tưởng niệm ông đã mất hồi 1988 ở Sài Gòn

(3) "Cuộc sống, cuộc chiến tranh và rồi..." bản dịch của Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh - 1991 - Cuốn này tái bản chứng tỏ được nhiều người đọc.

(4) Khuôn mặt thời gian - Tạp chí *Hiện Đại* số 6 (9/1960).

(5) Nhiều tác giả gốc miền Nam, ở trong khu hay nằm vùng tại Sài Gòn, sau 75 hình như đã không thể sáng tác, xuất bản gì được, phải chăng vì họ không thể nói về miền Nam như các nhà văn nhà báo miền Bắc?

Kiệt Tấn và những đam mê giữa đời thường

Đoàn Nhã Văn

Kiệt Tấn đến với làng văn nghệ trước tiên bằng thi tập *Điệp Khúc Tình Yêu và Trái Phá* vào năm 1966. Đúng 21 năm sau, tập truyện *Nụ Cười Tre Trúc* được xuất bản ở ngoài nước và cũng chính tác phẩm này đã bắt cầu cho những tác phẩm khác nối tiếp nhau, làm nên tên tuổi Kiệt Tấn trên văn đàn. Ở ông, hừng hực một ngọn lửa: dám sống hết mình, dám viết tường tận về những điều mình sống và đặc biệt là dám đẩy ngòi bút vào những vùng thuộc loại "cấm kỵ" để rồi trở thành một hiện tượng văn học trong khoảng thời gian cuối thập niên 80: Hiện tượng Kiệt Tấn.

Ba tập truyện ngắn *Nụ Cười Tre Trúc*, *Thương Nàng Bấy Nhiêu* và *Nghe Mưa* in đậm những chuyện tình của Kiệt Tấn từ thuở mới lớn ở quê nhà, đến những chuyện tình với các tình nhân tóc vàng mắt xanh ở Gia Nã Đại, Pháp khi ông đi du học. Lồng vào đó là những truyện ngắn viết về quê hương khi đứng bên này nhìn về bên kia biển trời lồng lộng, cũng như đời sống riêng tư hiện tại ở Pháp với nhiều phiền lụy của cuộc đời. Tập truyện ngắn *Em ơi Biết Đâu Tìm*, thật ra có thể xem là những trang Ký lý thú, ghi lại một thời đã qua cùng những chuyến đi gặp bạn bè và những chuyến bạn bè đi thăm ông. Ở đây, ông cũng nhắc lại một thời vẫy vùng với các người em xứ tuyết, người em xóm học.

Truyện dài *Lớp Lớp Phù Sa* vẽ lại những mảnh đời trên vùng cò bay thẳng cánh miền Nam. Ông dựng nhiều lớp nhân vật, từ tá điền đến những người quyền thế; từ ông thầy pháp trị ma đến những tay anh chị lưu lạc giang hồ. Dĩ nhiên, chuyện tình yêu và đàn bà cũng không thể nào vắng mặt. Ở Lớp Lớp Phù Sa, ông viết bằng một giọng văn khác biệt với những tập truyện ngắn.

Khi dám sống hết mình thì mọi thứ bên cạnh cuộc đời xem ra nhẹ

tênh. Chữ nghĩa mang ít nhiều cái phong thái ngang tàng. Hình ảnh sử dụng lắm khi bứt khỏi cái nhìn, cái dọc thường ngày ở rất nhiều người. Trong cái ngông nghênh đó, người ta nhìn Kiệt Tấn như một hiện tượng bất thường. Kiệt Tấn điên! Nhiều người bảo thế. Ông không phủ nhận. Thậm chí, ông còn nhắc tới những điều này rải rác trên các trang sách của mình. Và trong những cơn *điên* như thế, ông đã từng dám ỉa vào óc của mình, một điều mà người bình thường không dám nói, và dĩ nhiên, càng không dám giữ lại trên giấy trắng mực đen như ông (*Em ơi Biết Đâu Tìm*, trang 250-251)

Kiệt Tấn chống chủ thuyết, bởi thuyết nào cũng chứa sẵn mầm loạn trong đó. *Thuyết càng lớn, loạn càng lớn (Nụ Cười Tre Trúc*, trang 122). Chính trị đồng nghĩa với điếm nên nhất định không phải là đất của chàng (*Thương Nàng Bấy Nhiêu*, trang 132). Với ông, lãnh tụ cũng chỉ là ... tủ lạnh. Ông mệt với những anh hùng và nghẹt thở với những mớ triết lý. Và vì thế ông "phát minh" ra cái triết lý của riêng mình - triết lý của "lỗ rún". Ông viết:

"Tôi muốn cái gì cũng phải có ý nghĩa. Cục đá phải có ý nghĩa. Con chó cũng phải có ý nghĩa. Tôi cũng phải có ý nghĩa. Cuộc đời cũng phải có ý nghĩa. Ý nghĩa theo cảm quan của tôi, dĩ nhiên. Vì có như vậy tôi mới chấp nhận. Tôi chỉ có thể chấp nhận tôi. Thiệt hết sức logique. Hết sức hợp lý. Tôi đã tìm ra được triết lý của lỗ rún. Ngó lỗ rún của mình mà lý luận. Mê lắm."

(*Nụ Cười Tre Trúc*, trang 133).

Có ai "bình thường" mà phát minh ra *triết-lý-của-lỗ-rún* như ông?

Điên hay không điên, có gì là quan trọng, khi những điều chung quanh cuộc sống hôm nay thay đổi xoành xoạch. Hôm nay đúng, ngày mai có thể sai và ngược lại. Điều quan trọng là ở trạng thái nào, con người sống thực với lòng mình, yêu thực lòng mình và nói thực lòng mình. Xa hơn bước nữa, ở trạng thái nào người nghệ sĩ tạo nên những tác phẩm nghệ thuật đúng nghĩa. Có nhiều văn nghệ sĩ trên thế giới trong những cơn "điên rồ" họ đã tạo nên những tác phẩm để đời. Riêng Kiệt Tấn, trong những "cơn điên" của mình, ông đã trổ một cánh cửa khác cho ngôi nhà văn chương. Trong những lúc mất quân bình đó, những tác phẩm nghệ thuật xuất hiện, lóe lên những tia sáng lạ và đẹp, làm chùn tay không ít người viết khác, trong giai đoạn này. Điên để tạo nên những tác phẩm nghệ thuật mà được nhiều người nhắc tới, như *Em Điên Xõa Tóc*, như *Vườn Chanh Miệt Biển*, như *Yêu Em Xứ Tuyết* chẳng hạn, nhiều người cũng

muốn lắm. Nhưng rất tiếc, muốn điên không phải dễ, và không phải ai cũng điên được. Mà dù có điên được chăng nữa, chưa chắc họ đã dựng nên những tác phẩm giá trị. Lý do đơn giản: họ không phải là Kiệt Tấn.

Lần bước theo trổ cửa văn chương của Kiệt Tấn, người đọc bắt gặp một giọng văn dí dỏm, thỉnh thoảng chen vào đó là một sự mỉa mai, châm biếm và cũng không hiếm lần cười cợt. Cái dí dỏm của ông là cái cái dí dỏm của một anh chàng Nam Kỳ vui tánh. Tợp xong một ngụm rượu, đặt ly xuống, kể một câu chuyện vui, xen vào những chi tiết lý thú, làm cả bàn tiệc xôn xao bàn tán, sau đó nổi lên những tiếng cười đắc ý và thích thú. Giọng văn dí dỏm của ông in đậm trên năm tác phẩm. Những ví dụ nhỏ dưới đây chỉ như những nhành cây trong khu rừng, khu rừng mang tên Kiệt Tấn. Nó có thể không chở hết cái đa thanh trong giọng văn của ông, nhưng phần nào cũng có thể giúp cho bạn đọc nhìn cây để thấy rừng.

Nhớ người tình nhỏ, sau cái "va chạm" đầu đời, nhờ người bạn đi xem giùm để hiểu tại sao nàng biền biệt:

"Tôi dụ khị là lần sau lên Sài Gòn hớt tóc, tôi sẽ mua cho nó loại thuốc ép tóc thứ tốt không cháy tóc, thằng Bút mới chịu đi. (...) Nó đi một chập về cho biết... Hoa bị ấm đầu, bể nghẽ. Tôi lại thấy lòng xốn xang, cắn rứt. Có phải vì tôi mà nàng bị đau lưng trúng gió? Tôi lấy làm khổ tâm xót dạ. Thà tôi đừng có "không tin mở hộp ra coi!". Con nít người ta mới mười lăm mười sáu tuổi đầu. Thiệt là bất nhơn."

(*Nụ Cười Tre Trúc*, trang 102).

Viết về mấy cái vụ đồng bóng:

"Bây giờ có ai hỏi tôi tin bùa chú hoặc quỷ thần hay không, tôi không biết thế nào mà trả lời dứt khoát cho được. Ba tôi thì đối lập là cái cẳng. Chẳng những không tin cốt đồng mà còn nghi cả cái vụ bán nam bán nữ của bóng. Ông xúi ông anh rể tôi: bữa nào mầy rình thằng chả đi đái rồi xông ra kéo quần coi thử."

(*Thương Nàng Bấy Nhiêu*, trang 38)

Chỗ khác Kiệt Tấn kể chuyện "đá vịt" của ông già mình:

"Ông già vợ tôi thích nuôi cá lia thia và nuôi gà đá độ, đặc biệt là gà nòi. Một bữa ba tôi ghé nhà thăm anh suôi. Thấy ông đang ngồi chuốt cựa gà ngoài sân, ba tôi kề vai nói nhỏ: Anh đi đá vịt với tôi vui hơn. Đá vịt?

Ông già vợ tôi tưởng ông già tôi nói lộn, cho nói lại. Ba tôi vẫn nhất quyết là đá vịt chớ không phải đá gà. Ông cho thêm chi tiết: Bà Tư Cắc Kè ở xóm tui mới có mấy con vịt mái tơ ngộ lắm. Bấy giờ ông già vợ tôi mới hiểu ra, nhưng chỉ cười trừ. Rốt cuộc, mạnh ai nấy theo nghiệp căn của mình: một đàng đá gà dài dài, một đàng đá vịt mút mùa (lệ thủy)."

(*Thương Nàng Bấy Nhiêu*, trang 39)

Một lần ông nói về chính cuộc tình và người yêu bé bỏng:

"Tối tối tôi đón Tuyết về. Có lúc trời nóng gặp ba tôi còn ngồi ngoài hàng ba phơi bụng hút ống vố, nàng khẽ cúi đầu:

-Dạ chào bác.

Ba tôi cười khì khì đồng lõa, hỏi vớ vẩn:

-Tiết đó hả? Lóng rày bán khá không cháu?

-Dạ khá.

-Cháu khá mà bác coi bộ thằng Kiệt hơi xanh.

-Dạ... Tuyết ấp úng.

Tôi đỡ lời:

-Tuyết có cho tui uống cam sô-đa hột gà hoài đó chớ.

Tuyết quay lại la tôi:

-Đồ quỷ!

(*Thương Nàng Bấy Nhiêu*, trang 63)

Hãy nghe Kiệt Tấn nói về nhịp dập của mình:

"Mà hơn cả năm nay nhịp đập của tim tôi cũng kỳ lạ lắm - vốn biết chút đỉnh nhạc lý nên tôi cố ý nghe thử. Thói thường tim người ta chỉ đập nhịp hai (dít-cô?), mà tim tôi cứ độ mươi mười lăm phút lại chêm một nhịp ba ...Một dòng sông xanh... tập-tập-xình! tập-tập-xình!... làm tôi chới với. Tôi cũng định bụng khi rảnh sẽ đi khám bác sĩ chuyên khoa về tim xem sao. Năm trước có khi cả ngày mới có một nhịp ba, sau đó rút xuống còn nửa ngày, rồi kế đó cả giờ, bây giờ cứ độ mươi mười lăm phút là tập-tập-xình!"

(*Nghe Mưa*, trang 14)

Viết bằng một giọng văn dí dỏm là mang trong người một dòng máu yêu đời tha thiết. Bởi kẻ chán đời không thể nào mở được một nụ cười vui, chứ nói gì đến chuyện hóm hỉnh, dí dỏm cả ngàn trang sách. Tuy vậy, cái yêu đời của Kiệt Tấn cũng chẳng giống ai. Cái yêu đời của kẻ dám sống

hết mình, như ông, đã vượt khỏi những thông lệ cũ càng, bứt ra khỏi những hàng rào định kiến bao đời. Từ yêu đời sang yêu người chỉ cách nhau có một bước. Từ yêu người nói chung, qua yêu đàn bà nói riêng, dĩ nhiên bằng *triết-lý-của-lỗ-rún*, cách nhau chưa tới gang tay. Kiệt Tấn yêu đàn bà da diết và thèm đàn bà dữ dội. Thiếu họ, ông khật khùng, dở khóc dở cười. Mà thật. Nhiều lúc ông khóc tàn canh gió lộng. Ông khóc ở Canada, ông ôm đầu, rơi nước mắt ở Paris, ông lồng lộn ở Sài Gòn, ông quay quắt ở Bạc Liêu. Cơ thể ông như một cỗ máy. Hơi đàn bà là nhiên liệu. Cỗ máy thiếu nhiên liệu sẽ nằm bất động. Thiếu đàn bà là ông ủ dột, ngật ngưỡng, lù đù, tái mét, rũ rượi. Vì thế trên những trang sách của ông, bàng bạc những cuộc tình, những môi hôn, những đồi núi, những nhung lụa, những hừng hực, mê mẩn, bừng cháy, tuyệt diệu, thần tiên, hoang đường, phơi phới .v.v... Ông nhắc đến người em xứ tuyết Gia Nã Đại. Ông cặn kẽ với người em xóm học Paris. Ông quay cuồng với người con gái Bạc Liêu. Ông đắm đuối với người này ở Biên Hòa, người nọ ở Gia định, kẻ khác ở Sài Gòn, người nớ ở Vũng Tàu. Mỗi người một vẻ, mỗi kẻ một đam mê, và mỗi nàng một cháy bỏng khác nhau. Tất cả những nhân vật đó góp phần làm nên văn phong vui tươi, sinh động của Kiệt Tấn trong vùng tình cảm đầy ướt át này. Tuy vậy, chỉ cần một chút để ý, ta sẽ thấy ngay ông viết về những người đàn bà với một tấm lòng, một đam mê, và đằng sau đó là chiêm ngưỡng, là trân quý. Ông viết về họ là muốn cho họ sống lại đài lâu trong lòng độc giả bằng một sự trân trọng của mình. Ông minh định một điều: "tôi viết tình dục với mục đích cho độc giả thấy tình dục là một điều tự nhiên và đẹp đẽ.

(...) Tôi không thể yêu một người đàn bà không có thân thể, thứ đến tôi không tách rời nhục cảm khỏi tình yêu chớ tôi không nhìn đàn bà với con mắt thuần nhục cảm."(

(Em ơi Biết Đâu Tìm, trang 70).

Cũng nên nói thẳng rằng: nếu không có hơi hướm đàn bà của thời vẫy vùng tuổi trẻ, chắc chắn không có tên tuổi Kiệt Tấn. Với ông, *"Đàn bà là cả một thế giới bí mật. Con gái cũng vậy. Càng nhỏ tuổi càng bí mật. Nhưng khi lớn lên các nàng lại càng tăng thêm bí mật ố một cách khác" (Em ơi Biết Đâu Tìm, trang 10).* Càng bí mật, ông càng nhất mực tôn thờ. Ông đến với họ như một thứ tôn giáo của riêng ông, mà ở đó đã mở ra những đắm đuối, say mê, cởi mở, hạnh phúc, hừng hực, dập dồn, xốn xang, xao xuyến, thèm thuồng, quyến luyến v.v.. Và ông bơi lội trong vùng không gian này thỏa thích. Thiếu họ, ông mất quân bình, như một

bình điện hết ga, nằm cú rũ, phế thải.

Kiệt Tấn cần hơi đàn bà nhưng không phải ông cần đàn bà để làm cái chuyện bình thường của tạo hóa. Mà lắm lúc, Kiệt Tấn cần đàn bà là để giải tỏa nỗi cô đơn. Trên đời, ông chỉ sợ có hai thứ: bệnh tật và cô đơn. Vì thế, *"mỗi lần đến một thành phố lạ nào, việc đầu tiên của tôi là đi tìm đàn bà ố bất cứ người đàn bà nào cũng được. Không phải để giải quyết sinh lý. Tôi cần có sự hiện diện mà sự hiện diện đó phải là của một người đàn bà. Không có nàng tôi thấy đời sống trống rỗng, mênh mông, hoang vu dễ sợ. Tôi tưởng có thể ngã ra chết được. Tôi ghiền đàn bà như ghiền ma túy."* (*Thương Nàng Bấy Nhiêu*, trang 82)

Cái ghiền (đàn bà) của Kiệt Tấn tạo nên những trang sách đẹp, bắt đầu cho cái ghiền khác, nơi độc giả; cái ghiền được nằm một mình, đọc những truyện tình của ông, nghe thấm thía ở mỗi tế bào, và lắm lúc vừa đọc vừa cười thích thú.

Một trong những điểm đặc thù, ở chữ nghĩa của Kiệt Tấn, trong "vùng cấm địa" này, là đặt nhiều cặp tính từ đàng sau một câu nói để nhấn mạnh diều diễn tả. Cặp chữ này nối liền cặp chữ kia tạo nên những đợt sóng dập dồn trong dòng suy nghĩ người đọc. Đợt sóng này chưa dứt, đợt sóng khác đã đến. Chưa kịp no đầy với cảm giác này, cảm giác kia đã xuất hiện, kéo người đọc vào dòng chảy mới của ông, hòa mình trong đó, trôi theo những ngọn triều dâng, nhấp nhô, nhấp nhô, đẩy đến tận cùng của cảm giác. Vì thế, người đọc như thấy mình tham gia đủ đầy qua những vùng chữ nghĩa mang hơi hướm đàn bà.

"Tôi cúi xuống cạ nhẹ môi tôi trên môi nàng. Lướt qua, khẽ lướt qua...Mướt như lụa. Tuyệt diệu. Thần tiên. Hoang đường! Chợt nghe kiểng đổ trong đầu, thánh thót, ngân nga, vang vang, lùng bùng. Môi nàng khép kín. Nụ hôn đầu đời. Phớt nhẹ. Một lần. Chỉ một lần thôi. Mà vĩnh viễn!" (*Nụ Cười Tre Trúc*, trang 64)

"Tuyết vừa ngồi xuống là tôi đi thẳng vào nỗi ám ảnh của mình. Bàn tay tôi sục sạo tìm kiếm đóa hoa thầm kín của nàng. Mềm mại, ấm áp, trơn ướt, nhung êm. Mê mẩn, sung sướng, hạnh phúc. (*Thương Nàng Bấy Nhiêu*, trang 56)

"Chân tay hai đứa quấn quýt chẳng chịt rối ben tưởng không thể nào tháo rời được nữa. Rên rỉ, năn nỉ, xô ra, quấn vào, cuồng nhiệt, mê tơi, cực điểm, chết ngất..." (*Thương Nàng Bấy Nhiêu*, trang 105)

"Nàng hướng mắt về khung kiếng uốn cong truyền hình, loại truyền hình thu sẵn đông cứng, trong lúc đó đôi ngươi tôi lại dính cứng trên ô cửa

bầu dục khoảng khoát, cũng truyền hình, nhưng lại là hình ảnh đời sống sờ sờ, tự tại, hiện hữu, linh động, hô hấp liên tục từng giây từng phút. Tuyệt vời. Ngoạn mục. Mãn nhãn. (...) Đừng mà, để yên cho em coi truyền hình một chút. Coi sao nổi mà coi. Dò dẫm. Xáp lại. Rờ rẫm. Mó máy. Ngoan nào, để yên cho người ta mò trăng một tí. Khám phá bờ giếng trên có móc cài. Nhưng cứ để nguyên như vậy. Thú vị là ở chỗ đó. Leo ra. Chận giữ. Tức vỡ. Be bờ. (*Nghe Mưa*, trang 74 ố 75)

Ở thi ca, chúng ta thấy Bùi Giáng ăn ngủ, hít thở, sống chết với những tiếng bình dân trong cuộc sống. Thì ở thể loại văn xuôi, Kiệt Tấn đem ngôn ngữ đời thường vào văn chương rất ngoạn mục. Không có nhiều nhà văn đi theo con đường này. Bởi vì, theo lối này đòi hỏi một bản lãnh nghệ thuật, một nhạy bén của chữ nghĩa, và quan trọng hơn hết, nó đòi hỏi người sử dụng nó có một tấm lòng tha thiết với đời để nhận thấy được: ngôn ngữ đời thường gần gũi và đáng yêu. Có yêu thương sâu đậm mới dành cho nó những vị trí xứng đáng, để rồi chắc lọc lại cho mỗi trường hợp, đem nó vào văn chương, gởi đến người đọc những ngạc nhiên, thích thú. Bàng bạc trên những trang sách là những tiếng đậm nét trong thể văn nói của miền Nam. Lâu lâu, nghe lại những tiếng này, ta cảm thấy đầy thích thú. Nghe Kiệt Tấn cho nhân vật của mình nói, lại càng thích thú hơn, bởi nó mang đầy chất sống, những chất sống tươi rói như phả vào câu văn, đưa đến gần người đọc. Chính chất liệu ròng này đã tạo nên những cảm giác hiếm hoi như khi có người gãi giùm mình đúng chỗ ngứa. Đã thiệt là đã!

Một khía cạnh khác trong văn chương Kiệt Tấn: đem thi ca, ca dao, vọng cổ vào những bản văn. Điều này có thể bắt gặp trong bất kỳ truyện ngắn, truyện dài hay ngay cả trong thể loại tùy bút của ông, và thậm chí trong những lá thư gởi người quen, gởi bạn bè. Khi đem vào những trang sách của mình, ông không hề chú thích liền sau đó. Ông cứ để dòng cảm xúc của độc giả chảy đài theo câu chuyện. Những cái chú thích sẽ làm nghẽn giao thông, phá tan cái không khí mà ông tạo được. Và ông dư biết điều đó. Sau cùng, ông chú thích cuối bài một loạt tên tác giả có thơ trích, hay ca dao, hay vọng cổ. Và trong rất nhiều trường hợp, ông biến một phần câu ca dao thành một phần câu văn của ông. Người được Kiệt Tấn mê nhất và được ông trích dẫn nhiều nhất, có lẽ là Nguyễn Bính và Phạm Thiên Thư. Tuy nhiên, cũng có nhược điểm trong lối viết này: nhiều chỗ, ông như lạm dụng, đẩy một hơi mấy câu *Kiều* thành câu văn của mình, hay làm một lèo mấy câu thơ của họ Nguyễn, họ Phạm thành đoạn văn

của mình, ngon ơ, đôi lúc có thể làm bực mình những độc giả khó tính.

Ở điểm này, Kiệt Tấn như bày một lằn ranh minh định: bên này là Kiệt Tấn, bên kia là người khác. Ai chịu thì ở lại, còn không ...cũng không sao, nhưng *đọc ai cũng vậy, đọc tui, tui cảm ơn.*

Kiệt Tấn có một lối diễn tả nội tâm nhân vật, nhất là những nhân vật nữ, khá tài tình. Ông không dẫn giải chi li, mà ngược lại, dùng hình ảnh nói thay cho sự chuyển đổi trong suy nghĩ của họ. Tôi tin rằng những hình ảnh này, nếu lên phim, chắc chắn sẽ là những thước phim đẹp.

Ở truyện ngắn *Người Em Xóm Học*, trong tập *Thương Nàng Bấy Nhiêu*, chẳng hạn. Ông cùng Diane quấn quýt bên nhau như đôi sam trong những ngày hè khi ông từ Quebec qua Paris, thăm Lộc. Sắp hết ngày hè, giờ chia tay sắp đến. *Dẫu chậm thế nào thì cũng phải chia tay.* Những kỷ niệm, vấn vương, xao xuyến, bồi hồi làm cho cuộc chia tay nào cũng cảm động. Nhưng cho nhau gì đây để nhớ mãi, giữ lại gì đây để mỗi khi nhìn vật sẽ nhớ người. Kiệt Tấn cắc cớ, xin người tình một chiếc quần lót của nàng, anh viện dẫn để nhớ mãi mùi hương thầm kín. Nhưng Diane dấy nẫy và nhất định không cho. Nhưng nàng tặng chàng một cái khác. Cái gì đây?

"Ngẫm nghĩ một hồi, bỗng nhiên nàng tháo váy, cởi quần lót ra, tôi tưởng nàng đã đổi ý muốn tôi giữ mùi hương thầm kín của nàng. Nhưng không, nàng cầm kéo quay mặt vào tường lúi húi. Nàng cắt tặng tôi một chùm cỏ ở gò tinh, cũng màu auburn nhưng nhạt hơn và xoắn tít như lông cừu. Nàng bảo tôi nhổ cho nàng sợi tóc, nàng buộc cùm cỏ và bỏ vào hộp thiếc đậy nắp lại. Tôi cảm động thấy thương nàng hết sức."

(*Thương Nàng Bấy Nhiêu*, Trang 112)

Có người cho đây là một hình ảnh dung tục. Nhưng thực ra đây là một hình ảnh hết sức nghệ thuật. Diễn biến nội tâm của Diane được Kiệt Tấn mô tả rất tuyệt. Nàng ngẫm nghĩ, do dự khá lâu. Cũng phải thôi. Yêu người tình tha thiết, nhưng .... Đúng, sự thay đổi trong ý nghĩ của nàng bắt đầu từ cái *nhưng* này. Và khi đã vượt được cái nấc đó, nàng đã quyết định thật nhanh và dứt khoát như một cái máy. Rồi sau đó, bỏ nó vào hộp, đậy nắp lại. Hành động này còn bấy lên được một điều trong tận đáy lòng của Diane: đã yêu nhau thật sự thì cái gì còn làm được, huống hồ gì một lời cầu xin nhỏ nhặt của chàng.

Ở một truyện ngắn khác, *Yêu Em Xứ Tuyết*, trong tập *Nghe Mưa*, sự thay đổi, cái dùng dằng của người con gái, và cái quyết định dứt khoát của cô, khi giấu người yêu của mình, đi lấy chồng, rất sắc sảo qua ngòi bút

của Kiệt Tấn..

"Ngọn đèn lại được thắp lên lần nữa để nàng thổi tắt. Và trong bóng tối nàng ôm tôi siết thiệt chặt và hôn lên má tôi một nụ hôn rất dài, son môi nàng có hương vị hoa hồng. Nàng xô ngã tôi lên giường và tiếp tục đóng vai chủ động. (...) Nàng nói lảm nhảm những gì tôi không nghe rõ, chỉ loáng thoáng tiếng còn tiếng mất như nấc khóc...

(...)

Sau khi quần áo chỉnh tề, nàng mở ví tay lấy thỏi son mùi hoa hồng thoa lên môi, tô đi tô lại nhiều lượt trước tủ gương nhỏ máng quần áo của tôi. Xong nàng đặt môi áp hôn cửa kiếng in lại nguyên vẹn vết tích đôi môi nàng rồi dùng thỏi son viết khít ngay bên dưới "je t'aime!". Nàng mở ngăn kéo bàn viết học trò của tôi quăng thỏi son vào đó và đóng lại, ngó tôi chăm chú:

-Thôi em về!

Chưa bao giờ tôi thấy nàng hấp tấp như vậy. Tiếng chân nàng chạy nhanh đột nhiên dừng lại ở khoảng giữa cầu thang như chần chờ. Một giây, hai giây, ba giây ... Bước chân lại tiếp tục đi xuống. Cánh cửa ở cuối cầu thang mở ra rồi đóng lại." (*Nghe Mưa*, trang 106-07)

Nàng chủ động trao thân cho người yêu trong lần cuối cùng gặp mặt. Trong những giây phút yêu đương đó, nàng lảm nhảm như nấc khóc là dấu hiệu của dằn co, ray rứt. Bởi đây là một quyết định quan trọng, một quyết định của sự một đi không trở lại. Như tức tưởi, như nghẹn ngào. Nàng để lại vết son trên cửa kiếng của người tình như muốn nhắn chàng rằng hãy nhớ mãi vết son này. Và cuối cùng gởi lại cho chàng thỏi son trong ngăn kéo bàn viết. Tại sao lại thỏi son? Thỏi son cũng giống như vật bất ly thân của người phụ nữ phương Tây. Thiếu gì thì thiếu, trong ví của họ không thể thiếu thỏi son khi ra đường. Để thỏi son ở lại, như để lại kỷ niệm cuối cùng, trong một tâm trạng bã bời. Rồi cũng phải ra đi. Sự chuyển đổi tâm lý từ trạng thái giằng co qua sự quyết định bằng sự hấp tấp và những tiếng bước chân chạy nhanh. Phải thật nhanh, nếu không, sợ chính mình sẽ đổi ý. Nhưng chân đi mà hồn để lại. Nàng như lừng khừng. Thật ra, cái lừng khừng bắt đầu từ khi "tô đi tô lại nhiều lượt" son môi. Không phải vô tình mà Kiệt Tấn "bắt" nàng tô đi tô lại nhiều lần. Ông không nói thẳng. Bởi nói thẳng thì còn gì là nghệ thuật. Sự dùng dằng, quyến luyến càng rõ rệt hơn khi nàng chạy ra khỏi phòng, rồi dừng lại. "Một giây, hai giây, ba giây ..." và cuối cùng là sự dứt khoát, dứt khoát nhưng không giấu nỗi sự đau lòng. "Bước chân lại tiếp tục đi xuống.

Cánh cửa cuối cầu thang mở ra rồi đóng lại". Chấm hết. Ở câu cuối cùng ta lại bắt gặp một nét đẹp khác. Cánh cửa không chỉ khép lại để ngăn cầu thang và dãy phòng ngủ. Nó còn như một vật chắn, khép lại một mối tình, làm một bức ngăn, chia cách người đi, kẻ ở. Như một nhát kéo, cắt sợi dây oan, mỗi người giữ một nữa rời, nghiệt ngã. Hình ảnh này tuy đơn giản nhưng không phải ai cũng đặt nó được trên trang sách đúng vào vị trí của những sự chuyển đổi và tâm trạng rối bời của nhân vật một cách đắc địa như Kiệt Tấn.

Như bao lưu dân khác, đi đâu thì đi, Kiệt Tấn cũng có một chỗ để nhớ về: Quê hương. Viết gì thì viết, Kiệt Tấn cũng không khỏi viết về nơi chốn sinh ra: quê hương. Đứng bên này trời, nhìn về bên kia biển lớn (ở những năm 80), nghe lòng se thắt, từng nhịp tim đập rộn lên nỗi nhớ nhà. Quê hương trên những trang sách của Kiệt Tấn không những đậm nét những vùng ông đã đi qua, để lại ít nhiều những mối tình, mà còn là hình ảnh những bà già. Từ bà-già-bán-cà rem, bà-già-bán-đậu-phộng-lép, đến bà-già-lượm-lon, bà-già-điên trong thành phố .v.v.... Những bà già ít nhiều để lại trong ông những niềm thương nhớ vô vàn, da diết, và không ít nỗi xót xa. Trong số những bà già quê hương đó, có một người ông nhắc tới rất nhiều, đó là người mẹ thân yêu của ông. Ông viết về mẹ mình thật đẹp. Thật ra, khi viết về Mẹ, không riêng gì mẹ mình, mà là tất cả những người mẹ Việt Nam, ông dụng lối viết nhẹ nhàng, đằm thắm. Ở đây, người đọc như đọc được ý nghĩ của ông: chữ nghĩa văn hoa không chở hết tâm hồn dôn hậu của mẹ hiền; câu cú thời thượng không mang nổi tấm lòng cưu mang không một lời than thở của những bà già chốn cũ. Bóng mát của mẹ, nụ cười của mẹ là cả một trời, một biển. Vận vẹo chữ nghĩa sẽ xiêu lạc những tấm lòng quê. Vì thế, Kiệt Tấn lấy hình ảnh đơn sơ của ruộng đồng mà viết về Mẹ, tạo nên những hình ảnh liên tưởng đẹp ngút ngàn.

"Mặt bà nhăn nheo hiền hậu, cười móm, giống bà già bán cà rem ở trường tiểu học, lúc tôi học lớp nhứt, mười tuổi. Buổi trưa, khi ngồi vá áo bên cửa sổ, bà ngó tôi cười móm trong vuông nắng, tự nhiên tôi có cảm giác đang nằm dưới một gốc tre già bên bờ ao, lá tre trên cao thoảng gió rì rào, giọt nắng trộn lẫn bóng lá tre nhảy nhót trên khuôn mặt tôi mát rượu, tôi thiu thỉu ngủ, giấc mơ thơi thới(...) Cho dù má tôi không cười thành tiếng, tôi vẫn nghe có tiếng rì rào thanh thoát của tre trúc rộng lượng chở che. Tôi là con trâu nghé nằm trong bóng lá im buổi trưa hè nắng gắt." (*Nụ Cười Tre Trúc*, trang 15)

Một trong rất nhiều những đoạn văn, tôi cho là đẹp, mà Kiệt Tấn viết về mẹ ông, những người mẹ Việt Nam chân lấm tay bùn, nhưng có trái tim to bằng bờ lúa.

"Nếu ngọc trai là ngọc của sò biển, nếu gạo thóc là ngọc của trời thì nước mắt là ngọc của má tôi. Cả đời má tôi buông nhả loại ngọc đó rất nhiều, cho bất cứ gì, cho bất cứ ai, vô tình hay cố ý, đến gõ cửa trái tim bà. Tôi thường ví trái tim bà là bồ lúa, mà mỗi hột lúa là một mối thương tâm, một mối thương tâm rất gần với từ bi, khiến cho bà sa nước mắt ngùi ngùi vô số kể, suốt cuộc đời bà. (...) Cả đời tôi chưa hề nghe tiếng "hy sinh" thốt ra từ cửa miệng của bà. Bởi vậy, khi thấy má tôi khóc, đừng tưởng bà đau khổ, đừng tưởng bà đang nghĩ bụng mình hy sinh rút ruột cho con ăn, mình thức đêm thức hôm dầm sương dang nắng vì con cái. Khi sung sướng, người ta cũng có thể chảy nước mắt lắm chớ, phải không? Vì vậy nước mắt của má tôi cũng rì rào như nụ cười tre trúc của bà: thương yêu, chở che, rộng lượng." (*Nụ Cười Tre Trúc*, trang 20-21)

Kiệt Tấn bước vào vùng truyện dài bằng *Lớp Lớp Phù Sa*. Một tác phẩm viết về đời sống và tâm tình của người dân miền Nam, trên ruộng đồng, trên sông nước. Ở đây, Kiệt Tấn không còn kể chuyện mình, mà bắt đầu kể chuyện người, chuyện đời. Dẫu rằng trong những cảnh đời đó, người đọc bắt gặp một số nhân vật và dễ dàng nhận ra ngay những nhân vật này đã được ông đề cập đến trong các tập truyện ngắn, như chú câm, như lão thần y và đâm nhân vật khác. Ông mượn hình ảnh những người chung quanh mình để dựng truyện. Khi vay mượn, dĩ nhiên phải tính toán. Người đi buôn mượn vốn thì tính thiệt, hơn. Nhà văn mượn hình ảnh cuộc đời, mượn chân dung người khác thì thường chắc lọc, thêm bớt. Ở *Lớp Lớp Phù Sa*, hình ảnh nhân vật có chắc lọc nhưng hình như vẫn còn thiếu chất sống. Cái chất sống cần thiết để tạo ra những mảng đời sống, khó trùng lặp trên vùng phì nhiêu, sông nước miền Nam. Giọng điệu câu văn cũng thế. Nhiều lúc ông rề rà quá sức ở những chỗ không cần cái rề rà. Cái khác biệt lớn giữa truyện ngắn và truyện dài của Kiệt Tấn là ở chữ nghĩa. Chữ nghĩa ở truyện dài không còn cái quyến rũ, cái thôi miên, như ở truyện ngắn. Theo tôi, truyện dài của Kiệt Tấn không sắc sảo và lôi cuốn bằng truyện ngắn của ông, dù rằng nó là một truyện dài khá đạt, so với một số truyện dài ngoài nước mà ta đọc được từ đó đến nay.

Ngôn ngữ của Kiệt Tấn đậm nét văn chương của một vùng đất trù phú, vùng Nam Kỳ Lục Tỉnh. Bằng những nỗi đam mê chất ngất, ông tả

xung hữu đột, một mình một cõi, đặc biệt trong cõi riêng tư, mang hơi hướm đàn bà. Nhiều nhà văn khai thác vùng đất tình dục bằng con mắt kỹ thuật, kiểu cách. Riêng Kiệt Tấn, ông bước vào nơi này bằng con mắt nghệ thuật, tự nhiên; vì thế nó lôi cuốn và rù quyến người đọc. Sự khác biệt giữa kỹ thuật và nghệ thuật góp phần tạo nên những trang sách đẹp, mà ở đó, độc giả cùng với ông đi đến cuối những cảm giác be bờ.

Khi Kiệt Tấn viết về quê hương, người đọc chỉ thấy hình ảnh người mẹ hiền ấp ủ trong lòng người viết; trái tim nhân hậu, tấm lòng cởi mở của bà theo suốt cuộc đời của ông, cùng những giọt nước mắt buồn, vui thấm suốt đời người. Khi viết về tình ái, người đọc thả hồn mình vào những chuỗi tháng ngày mới lớn của ông, cùng chia sẻ với ông những mời gọi, rủ rê đó. Tất cả những điều này đến với độc giả không ngoài chữ nghĩa. Cái đẹp của chữ nghĩa là nét đẹp của nghệ thuật. Khi nghệ thuật đạt đến một mức độ nào đó, người ta không còn thấy lớp vỏ nghệ thuật hiện hữu nữa, mà chỉ thấy hình ảnh rực sáng bên ngoài, những biến chuyển nội tâm sục sôi bên trong. Có thể ví văn chương ông như những đường kiếm đẹp, khi kiếm rời khỏi võ, kiếm và người là một; chiêu thức không còn nữa, chỉ thấy cái uy lực, vũ bão của nó.

Bước vào khu rừng mang tên Kiệt Tấn, người đọc bắt gặp một sức sống cuồn cuộn, mãnh liệt. Mạnh mẽ nhưng ngấn ngủi. Hiện tượng này như tia sáng lóe lên từ mũi hàn với nhiệt độ cao. Bùng lên. Sáng xanh. Khi hết hơi, mũi hàn tắt, thôi thúc đã hết, đam mê đã ngừng. Ông ngưng viết trong sự luyến tiếc của độc giả, nhưng điều này cũng cho thấy rằng ông đã tìm được cho mình một thế quân bình trong trong đời sống, mà ở trạng thái này, dù không viết, ông vẫn thấy hạnh phúc, một niềm hạnh phúc rất đời thường.

Đoàn Nhã Văn

Những tác phẩm chính của Kiệt Tấn:

Nụ Cười Tre Trúc, Tập truyện, Nhà xuất bản Văn Nghệ, 1987
Thương Nàng Bấy Nhiêu, Tập truyện, Nhà xuất bản Người Việt, 1988
Nghe Mưa, Tập truyện, Nhà xuất bản Xuân Thu, 1989
Lớp Lớp Phù Sa, Truyện dài, Nhà xuất bản Văn Nghệ, 1989
Em Ơi Biết Đâu Tìm, Tập truyện, Nhà xuất bản An Tiêm, 1995
Việt Nam Thương Khúc, trường thi, Nhà xuất bản An Tiêm, 1999

Lửa Băng Nước

THUỜNG QUÁN

Lửa Băng Nước (& tình)
một chữ lạ thêm vào, một cảm xúc
chưa rõ mặt, một khát vọng tối tăm

tôi ôm em tôi chẳng thể
trên những mái nhà hoang tàn thời gian
lũ câu cánh xanh ma ảnh, cọng rơm treo lửng vô hình.

Thoát khỏi toan tưởng kết tổ với hứa hẹn hạnh phúc,
trong mỏ loài chim hay nơi đây, những bàn tay
những bàn tay con người mảnh & lạ lùng.

Những thị dân có lẽ sẽ dổ thêm những chữ và biến nó thành phim ảnh
nhưng vô ích, như cọng cỏ khô kia của mùa hạ
bây giờ đang tốc chạy về biển, ngược lại chiều gió xanh.

Nhớ không buổi chiều em và tôi ?
hai đứa trẻ con rơi vào nhau không chuẩn bị
trong những khối mây mềm thân người

Em bên trong tôi và tôi
tôi nếm vị tuổi em
mùa hè cuối cùng của thơ trẻ.

Lửa Băng Nước (& tình)
trong vịnh biển sâu một thân sò, một hạt cát

rơi lọt vào,
thân thể bắn lên cú đầu, nhả tiết
màn phim nước đầu
của mạch, tươm úa

dưới lớp vỏ đá vôi
sâu trong thân thể
chẳng nguyên do một tiếng thốt câm
của đau đớn, của niềm hoan, Ôi những giây phút chống kháng cái chết
nhìn vào bên trong những mắt lạc và một kẻ biết
tình yêu, kẻ ấy hiểu, bên trong, thẳm sâu .

Tình yêu Nước và Lửa
thế giới của những âm tiết, của mãi mãi
ngôn ngữ của muà xuân im lặng, suối ngàn, sông lạch,
những dường chảy và cát, đang hình thành, trong, bên dưới lớp vỏ,
thời gian điểm giờ, trúng nút rạn

Băng đá. Em nói Không, dừng. Em nói Thôi vậy
niềm hoan của gặp niềm đau của im lặng, của vắng mặt.
Bao nhiêu năm cho sò tạc ngọc ?

Bao nhiêu năm, trong thước đo năm tháng của con người
Bao nhiêu trong thiên thu những khoảnh khắc ?
Chúng ta hãy thở.

Chúng ta phải chờ, phải
trở lại với đời sống thường nhật
gánh thân xác, ngán nách tối, mí mắt căng hồng

những cánh hồng không biết những giấc ngủ
thơ sống qua chữ
quần áo sách vở chợ cũ

để bán tháo Lửa
để dánh cắp, để cho
Nước, để uống từng ngụm lớn.

Trẻ thơ gánh về nhà gánh thinh mát

trẻ thơ mang về nhà những chiếc hộp không khí trong lành
Trong những giấc mộng khoảng cách giữa những chữ đen tuyền bích

Những chữ đen hoa, những cánh bóng, những mảnh
những dấu vết ngọc trai, hải mã, sao biển
dát trên những thành vách hang động, đại vực triêu dương,
tử hải và mây khói sống.

Dưới cuống cổ da tối của em
cổ thành của những giấc mộng lạ những khúc nhạc huyễn tưởng
Nước thấm hút, những nguyên tử cấu hợp.

Lớp, từng lớp mỏng, thể dạng và những tạo thành
mạch nối kết, đường uốn cuộn, sờ chạm ve vuốt.
Đời sống này, người có lẽ cần chứng cớ, cho chuyến bay thoắt biến.
Nhưng tình yêu hiện hữu, đơn giản, thế thôi

Không phải trong lý nghĩa đơn độc mà trong dị bản hai kẻ:
Ý nghĩa sinh đôi:
Lửa và Băng
Dương và Nước
em trong tôi

Em, kẻ quán niệm, thấy, làm chứng
cho sa ngã tôi, cho khả thể tôi sa ngã
hay nói cách khác, tôi cần em
để tôi hoàn tất.

Lửa và những giờ, những tháng, những năm, bao nhiêu chấn động
vật đổi sao dời, những dấu tích thời gian biến mất
nhưng một ngày (tôi tin) trong một giây phút bất ngờ nhất
sẽ về một trận sóng. Và dạt trôi

Trở lại trí nhớ, từ những dãi đất khô chết, từ biển cạn trở lật.
Bất thình lình - như ngôn từ thường dân trên hè phố,
công nhân trong quán rượu vẫn nói - một ngày,
bất thình lình tiếng gọi
Nó trở lại

Tình yêu, một người dứng. Một hạt cát
trước những đợt vỡ sóng, sóng. Bước vào. Nó nói Vâng,
Nó dứng như núi khi núi non xói lở sụp đổ

Những thế giới bốc cháy, những phố thành thành tro bụi
Gió băng hàn hú suốt đường không người
Một ngày như thế một người mở cửa bình minh yên lặng
và biết tình yêu kẻ ấy vẫn còn

Trong những chữ những lời trong nắng mới
trong bóng im, trong in ấn, giấy phập phồng - cửa miệng, bờ môi
Khi tất cả đã đi, lần hôn cuối
Lửa Băng và Nước: của trời.

SÁCH MỚI:
CỬU LONG CẠN DÒNG BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG
NGÔ THẾ VINH

Con sông Mekong như *mạch sống* đã và đang ngày một gần bó với tương lai vận mệnh của các quốc gia Đông Nam Á mà Việt Nam lại là quốc gia cuối nguồn. Đã qua rồi thời kỳ hoang dã của con sông dài 4200 cây số chảy qua lãnh thổ của bảy nước - kể cả Tây Tạng. Không phải chờ tới khi người Tây Phương tới khai sinh đặt tên sông Mekong- vẫn có đó con sông hùng vĩ từ bao nghìn năm rồi.
CỬU LONG CẠN DÒNG BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG là *Dữ Kiện Tiểu Thuyết - Faction*, viết về những năm tháng cuối cùng của một dòng sông - con sông Mekong, với quá khứ bão bùng tương lai thì bất trắc, lại đang phải hứng chịu quá nhiều sự hủy hoại không vì thiên tai mà lại do chính con người tự gây ra từng ngày. *Hãy Cứu Lấy Dòng Sông - Con Sông Thiêng* như Nguồn Sữa Mẹ đang bị ngày một ô nhiễm, lại thêm một chuỗi các con đập bậc thềm khổng lồ Vân Nam, đồng bằng sông Cửu Long có nguy cơ khô hạn nguồn nước ngọt nhưng sẽ không trở thành sa mạc mà lại biến thành vùng biển mặn và rồi ra sẽ chẳng còn đâu một nền Văn Minh Miệt Vườn.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683 USA
Tel & Fax: (714) 527 - 5761

Thư viết từ Issaquah

Trần Mộng Tú

Thông thân mến,

Mấy hôm nay Thông có khỏe không? Cái gan nó còn bắt nạt, nó còn làm Thông đau lên, đau xuống không? Hãy nghĩ đến nó là một phần của thân thể mình và đừng hờn giận gì nó nữa. Tuần trước đi thăm Thông về, thì Seattle bắt đầu vào Hạ, nên trời chỉ còn lại những cơn mưa nhỏ.

Sáng nay trời trong vắt và xanh biếc. Nắng ở Seattle không có làm bỏng da ai cả, chỉ ấm ấm thôi.

Cái mảnh vườn nhỏ bên hông nhà tôi, thì hoa hồng dã nở rộ, chỉ có độ mười gốc hoa mà có đến cả trăm bông. Hoa cúc thì đang ra nụ. Hai bụi Dương tú cầu cũng thấy đang hé những cánh rất nhỏ. Tôi có thể vừa đứng rửa rau, vo gạo vừa nhìn ra cái cửa sổ ở bếp để ngắm hoa nở. Ai đến nhà cũng hỏi. Có bón phân gì không mà hoa nở tốt thế này!

Tôi có bón phân gì đặc biệt đâu. Chính cái mầu mỡ sẵn có ở lòng đất này, giúp cho hoa nở đúng hạn kỳ đó thôi.

Ngày đẹp quá! Tôi nghĩ đến Thông, một người thân của mình đang phải cau mày, nhăn mặt chống lại với những cơn đau. Tôi muốn viết cho Thông một lá thư, kể chuyện "Đất và Người". Hy vọng đọc xong, cơn đau của Thông sẽ dịu xuống.

Chuyện bắt đầu bằng một buổi sáng ở Issaquah ngoại ô của Seattle.

Ngày cuối tuần, tôi lái xe xuống phố đi mua một ít hoa nhỏ, về trồng ở mảnh vườn trước cửa nhà. Chiếc xe đi dọc theo hồ để vào trong khu phố chợ.

Phía bên trái là hồ. Sáng sớm mùa Hạ, mặt trời vừa mọc trên đỉnh núi một cái quầng mầu hồng. Nước hồ phía bên dưới gờn gợn những đợt sóng rất nhẹ. Đã có vài chiếc thuyền lớn, nhỏ, căng buồm thả trôi lững lờ, để trang điểm cho mặt nước. Trông xa như những mảng mầu trắng trong

một bức tranh sơn dầu, có nền màu xanh đậm. Những mảnh trắng đó đang từ tốn đi vào bình minh. Nhưng cùng một lúc, những tiếng động của một vài chiếc thuyền máy. Không biết ở đâu, vụt ra, lao vút trên mặt hồ, rẽ đôi nước, tung lên những bọt trắng xóa vỡ ra như những mảnh mặt trời.

Phía bên phải là rừng. Cánh rừng thông xanh ngắt, chen vào trong rừng là những ngôi nhà rải rác, nằm trông ra hồ. Hương thơm của lá thông sáng nay, hình như có nồng độ rất cao. Giống như có ai đang xay lá ra thành bột. Tôi ngừng xe lại, hít hà.

Trước mắt tôi, dưới ánh bình minh rực rỡ. Những cây thông đang bị đốn xuống và được xếp thành đống. Người ta đang ủi bằng phẳng một cánh rừng. Phía trước mảnh rừng đang được san bằng đó. Người ta có dựng một tấm bảng của hãng thầu xây cất nhà cửa. Sáu mươi căn nhà sẽ được xây trên đó, thay thế cho vị trí của hàng trăm cây thông đang hạ xuống.

Tôi đứng tần ngần, ngắm những người phu làm việc. Ngắm những chiếc cưa máy, những chiếc xe cần trục, những chiếc xe ủi đất. Họ đang phá bỏ, và họ đang xây dựng. Khi cánh rừng này được khai quang. Bao nhiêu con thú hiền lành như nai, thỏ rừng, sóc và chim sẽ không có nơi ẩn trú. Chúng sẽ chết, hoặc di tản sang một cánh rừng khác.

Và sau khi những ngôi nhà được hoàn tất. Sáu mươi gia đình sẽ dọn vào ở. Xe cộ sẽ có thêm một lối rẽ. Trong sáu mươi gia đình đó có bao nhiêu người già cả, có bao nhiêu người son trẻ đang trong thời kỳ sinh nở.

Con đường cái nối từ rừng xuống phố sẽ tấp nập hơn. Năm này sang năm khác. Người già sẽ nằm xuống, sẽ thành phân bón cho một mảnh đất nào đó. Trẻ con sẽ trưởng thành sẽ bước ra ngoài ngưỡng cửa và tản mạn mười phương. Chúng sẽ lại đi mua đất, làm nhà ở một nơi, không phải nơi chúng sinh ra. Thế kỷ rồi sẽ trôi qua. Những ngôi nhà này sẽ trở nên cũ kỹ, mục nát. Người ta lại cào xuống và lại xây trên đó những ngôi nhà, hoặc cao ốc, hoặc nông trại khác. Cứ thế đời sống ra đi. Trăm năm tưởng là dài mà thật là khoảnh khắc.

Tôi bỗng nghĩ đến ngôi nhà của vợ chồng Thông đang ở. Một ngôi nhà đầm ấm. Có ông bà ngoại, con trai, con gái, con rể, cháu ngoại, rồi lại còn thêm một ông anh vợ nữa. Ở ngoài vườn cũng có bụi sả, cây ớt, bụi hành, cây chanh, cây cam. Chẳng cần bón phân gì mà chúng cũng tươi tốt.

Tôi nghĩ đến tất cả những ngôi nhà lớn, nhỏ mà chị em mình đã sống, đã đi qua và đã lớn lên. Mặt đất thật sự đã bao dung và ưu đãi chúng ta! Tôi nghĩ lan man đến những nghĩa trang có những người thân yêu của chị em mình đã nằm xuống. Bố mẹ và các em của chúng mình. Lùi xa hơn

nữa là ông bà ngoại.

Có phải những người đó đã và đang nuôi dưỡng mặt đất, đang bón phân tốt lành cho đất để các con, các cháu nội, ngoại của chị em mình sau này được hưởng hay không? Như vậy. Nơi mảnh đất tôi và Thông đang sống cái nền nhà mình đang ở. Từ 100 năm trước. Ai đã vỡ đất làm nền, làm vườn, nuôi gia súc. Trước đây nó là một bờ sông bát ngát phi lao. Hay là cánh đồng lúa mì vàng óng. Nó là rừng thông thẳng tắp như những đấng trượng phu cao ngạo hay là một trại cam, trại táo đầy hứa hẹn và thơ mộng. Mặt đất có phân bón của bao nhiêu con người già trẻ, bao nhiêu cầm thú lớn nhỏ. Để cho đất có được bờ sôi giếng mặt như ngày nay.

Mặt đất còn giữ trong nó tất cả những điều bí mật của từng dân tộc. Đã có bao nhiêu vị khai quốc công thần, là những hạt phân bón đầu tiên cho lòng đất. Bao nhiêu anh hùng, vĩ nhân khi nằm xuống, chôn theo trong đất tất cả những dự tính tốt đẹp cho một quốc gia. Những mỹ nhân chết đi, mang theo cả hương sắc tẩm vào mạch ngầm dưới đất. Cho nên chúng ta mới có những cây tùng, cây bách ngất ngưởng trượng phu. Những bông mẫu đơn, thược dược óng ả mỹ miều.

Cái vòng tròn cho và nhận giữa con người với con người. Giữa con người với mặt đất không hề có lằn ranh hay chủng tộc. Người da đỏ quan niệm Đất là của Thượng Đế ban chung cho mọi người. Nên đất không có ranh giới. Không có phân chia lãnh thổ quốc gia.

Hàng năm cứ vào "mùa Tro" - mùa Chúa chịu nạn. Linh mục lại rắc tro lên trán chị em mình nhắc nhở "Con là đất. Từ đất (tro bụi) con lại trở về".

Tôi biết có ngày chị em mình sẽ trở về. Và tôi cũng biết rất rõ là các con các cháu của mình. Bằng cách nào đó. Chúng sẽ được hưởng cái phân bón, từ chính thân thể của cha mẹ chúng, đem cho từ lòng đất.

Nói một cách bao la, thì không phải chúng ta chỉ hưởng được cái mầu mỡ của đất từ phân bón của cha ông chúng ta, mà chúng ta còn được hưởng của từ những người tốt lành trong thiên hạ nữa.

Vì ngôi nhà chúng ta đang xây trên một mảnh đất, mảnh vườn chúng ta đang trồng tỉa ngàn năm trước đây. Ai đã chôn vùi bên dưới. Chúng ta là những người di dân. Từ phương xa đến, dừng lại ở nơi này. Chúng ta đang được hưởng phân bón từ thân thể cha ông của những người khác.

Bao giờ ra làm vườn, cầm cái xẻng nhỏ để trồng xuống một cụm hoa. Tôi cũng nghĩ đến những con người tốt lành, đã nằm dưới mặt đất này từ mấy trăm năm. Rồi tôi lại nghĩ mình sẽ nằm xuống đất. Có thể ở đây, có thể ở một nơi nào khác. Nơi nào thì cũng là đất. Mình sẽ thành phân bón cho thế hệ kế tiếp mình. Con cháu ai cũng có thể là con cháu mình. Cha

Những sớm mai, còn nhớ được
ĐỨC PHỔ

sớm mai gió tạt phên lòng. Bợn
mấy giọt phù hư rẻ rúng đời
mượn nhau rót tạm lời thương tưởng
cũng đủ ngời sương một khoảng trời

sớm mai vuốt mặt trôi dòng nước
mát, chảy trần gian trăm lá rơi
rụng, về xuôi nhánh sầu thủa trước
khi ngọn ngành thắp lửa chia môi

sớm mai thân sóng ôm triền dá
mây trời u tịch chẳng buồn trôi
nhớ nhau. Môi thẹn lời yêu dấu
hồn xanh rêu mua mọc kín trời

sớm mai ngẫm lá buồn trong bụng
môi bỗng vô duyên rón rén mời
điếu thuốc đầu ngày phê tận mạng
trách chi tình động phiến ly bôi

sớm mai thức sớm dường chưa ngủ
mắt ngáp, dài cơn mộng rã rời
người đi rụng cả trời chia biệt
chăn chiếu đơn hàn khóc lẻ loi...

tháng 09, hai ngàn

mẹ ai cũng giống cha mẹ mình.

Trăm năm sau, nếu có một thiếu nữ cúi xuống, trồng một cụm hoa trên mảnh đất. Mà bên dưới đó tôi nằm. Tôi đã mục nát và thành phân bón cho cụm hoa đó. Thì thật chẳng còn mơ ước nào đẹp hơn thế nữa! Chúc Thông một ngày không có những cơn đau.

Trần Mộng Tú
6/2000

Một độ khóc cười

Vũ Hồi Nguyên

Cái tuyệt diệu trên đời này là đàn ông đàn bà, không sớm thì muộn, cũng từ những bó đũa lớn xẻ ra thành từng cặp từng cặp, trông đều ra phết. Ông trời xếp đặt mọi chuyện dâu ra đấy, cặp nào cặp nấy không đến nỗi tệ. Kể ra thì dễ thôi, bàn chân nào rồi chẳng tìm được chiếc dép xỏ vào vừa vặn, thân hình béo gầy méo mó ra sao đi nữa đều có bộ quần áo che thân. Đừng bày trò khác chỉ vớ vẩn mất thì giờ, kết đũa xong rồi mới cơm cháo được chứ. Cứ việc chung chăn chung chiếu cho tới khi có một hai tí nhau đàng hoàng. Sau đó nếu lủng củng quá thì lại đổi, làm cặp khác. Bị tắc ở đâu đó đã có vài mụ làm mối đẩy vào một chút là thông ngay. Mấy mụ quét dọn sạch những trường hợp ấm ớ, gái ẩm trai mốc. Nói chung là vậy. Bây giờ thỉnh thoảng ông trời làm khác, tụm đôi lại hai đứa cùng giống, nhưng cái chính vẫn là không có chiếc đũa nào trơ trọi một mình. Chứ đũa lẻ thì gắp được gì ? Dĩ nhiên còn lại một vài cá nhân ở giá. Con người đông quá, đẻ xoành xoạch giống như gà ngỗng, có trời nào lo cho xuể hết mọi người. Rơi rớt chút ít ngoại lệ đâu có gì đáng nói, bữa ăn thịnh soạn khó tránh được vụn cơm ở đáy bát. Quan trọng là cái quy luật chung.

Mà nhìn những đôi lứa thành hình thì không bao giờ thấy chán. Thế mới biết đời sống không lúc nào ngừng nở nụ. Người ta gọi hiện tượng phổ biến này là tình yêu. Nghĩ tới nó ai cũng lâng lâng, lời nói hết hẳn những câu văng tục, mặt không còn nhăn nhó xưng xỉa, tim đập thình thình như nắp nồi không chịu nổi nước sôi. Chỉ cần bốc đại một cặp đàn ông-đàn bà, như Đỗ Trấn Hưng và Nguyễn Thị Ngân Vi chẳng hạn, là thấy cả một câu chuyện tình ngạt ngào hương thơm, đẹp hơn cả những đoá hoa đại trong rừng.

Trấn Hưng và Ngân Vi nào còn trẻ trung gì cho cam. Trấn Hưng đã

20 tuổi cái năm chạy từ Pắc Xế qua Paris, bây giờ nhẹ lắm cũng trên dưới 40. Ngân Vi thì không thể nào đoán. Ở nàng tuyệt đối không có gì đoán được. Thầy bói có thêm ngoại cảm và internet cũng không chọc thủng được những bí mật của nàng. Phải khờ lắm mới mong lật ngửa tuổi thật của người ta. Nhưng Ngân Vi kiếm chồng cuống quít như vậy chắc đã khá muộn. Thôi nói nàng khoảng 35 cho xong.

Nhìn Ngân Vi không ai nghĩ nàng có thể một ngày thành gái già. Nếu tả cái đẹp của nàng thì độc giả lại tưởng là nhân vật tiểu thuyết. Nên chỉ nói đến cái khôn lanh toát ra từ người đàn bà này. Đôi mắt to tròn của nàng không bao giờ mất cảnh giác. Đôi mắt quan sát không ngừng, không bỏ sót một chi tiết nào quan trọng trong tầm nhìn. Đôi mắt đã hiểu từ đời nào bao nhiêu chuyện trên trần gian này. Vậy mà khi cần, chúng dịu hiền hẳn lại, tràn đầy ngay trìu mến. Đàn ông từ đó tha hồ tưởng tượng đủ mọi thứ chuyện.

Ngân Vi hấp dẫn bao nhiêu thì Trần Hưng tẻ nhạt bấy nhiêu. Anh chàng trông mệt mỏi lừ đừ. Làm như từng bị cuộc đời giã cho hết trận này đến trận khác, chẳng biết hắn còn thiết tha gì nữa không. Ấy thế không chừng tất cả là một kiểu cách. Có lý thuyết cho rằng bất cứ ai lúc yêu cũng tươi đẹp ra. Nhưng khi Trần Hưng yêu tối đa, yêu căng tim, mặt hắn chỉ chuyển từ màu xám đậm qua màu xám nhạt. Mất hắn chỉ thoáng một tí hồn, phải để ý thật kỹ mới thấy. Nụ cười hắn bớt nhàu nát, nhưng vẫn phải đợi qua hết một mùa thu.

Trần Hưng và Ngân Vi sống ở Paris đã lâu, văn minh nơi đây không còn làm họ sợ. Xa lắm rồi xứ Lào hiền hoà hay thành phố Sàigòn vênh váo của thời trước. Bây giờ Ngân Vi nói năng có xen tiếng Tây, Trần Hưng vẫn tục bằng cả tiếng Tàu. Hai người đều lang thang ở ngoài cộng đồng của mình, mù tịt về những nơi tụ tập, giới hội này nọ của người đồng hương. Hồi đó Trần Hưng và Ngân Vi qua Pháp một mình, gia đình bị kẹt ở lại, qua đây lại chẳng có mấy bạn bè, thành hai thân phận đơn độc trong một thành phố 10 triệu người. Thử hỏi làm sao ông trời không mủi lòng, không đặt chuyện cho họ gặp nhau ?

*

Trần Hưng làm việc trong một công ty người Tàu, phân phối thịt bò cho các siêu thị và tiệm thịt Á Đông trong Paris. Công ty chuyên về bò, các loại thịt khác không lo. Và chỉ có khách mua khối lượng lớn, những

khách này sẽ chia tiếp cho các tiệm ăn và cửa hàng nhỏ. Công việc của Trấn Hưng là chuyên chở hàng. Nói cho rõ, lái xe, nhận hàng và giao hàng là chính, khuân vác thịt là phụ. Vào được chỗ làm này không phải dễ. Nó thường dành cho các thanh niên từ lục địa Trung Hoa đi chui vào Pháp, nhận lương rất thấp và mạnh khoẻ hơn Trấn Hưng. Chỉ tội những thanh niên này có lẽ sẽ không bao giờ biết ngoại ngữ. Hãng thiếu những kẻ như Trấn Hưng, đã học sơ sơ tiếng Tây trong các chương trình tiếp đón tỵ nạn, đủ để tiếp xúc với dân thổ địa giao hàng. Cả hãng chỉ có Trấn Hưng không phải là Tàu. Thế mà hắn lại được một công tác tương đối sạch sẽ, có cả phần giao tiếp. Phân phối thịt bò là một lãnh vực không sợ tương lai. Trừ khi cái chuyện bò điên, mới xuất hiện gần đây, trở thành thực sự trầm trọng.

Giờ giấc của Trấn Hưng không giống những nhân viên văn phòng. Mỗi ngày hắn thức dậy lúc 3 giờ sáng. Sau ly cà phê và điếu thuốc, hắn sẽ lấy ra chiếc xe gắn máy cũ rích hắn mua để đi làm. Bắt buộc phải có nó, giờ ấy chưa có *metro* hay xe buýt. Hãng của hắn nằm ở Vitry-sur-Seine, phía ngoại ô Nam của Paris. Xưởng rộng mênh mông, bãi đậu xe đủ cho cả chục cam nhông lớn nhỏ. Hắn sẽ đổi chiếc xe gắn máy thổ tả lấy chiếc RVI 802D. 12 thước chiều dài, 4 thước chiều cao, dư sức chứa 20 con bò, cabin lái cao lêu nghêu khác gì máy bay. Giá loại xe này không thể dưới 3 triệu quan Pháp, cả hãng chỉ có 3 chiếc. Ba chiếc sẽ cùng lên đường trực chỉ cảng bộ Rungis, trung tâm phân phối thực phẩm lớn nhất vùng Paris.

Sáng tinh sương là lúc trung tâm Rungis tưng bừng nhộn nhịp nhất trong ngày. Cả trăm chiếc xe vận tải khổng lồ nối đuôi nhau tứ phía, vào ra các khu thịt bò, thịt heo, các loại thịt khác, cá tôm đồ biển, rau cỏ, trái cây. Không gian sáng rực, đèn xe, đèn bãi đậu, đèn nhà kho. Ồn ào khắp nơi, tiếng động cơ xe, tiếng động cơ máy đủ loại, tiếng loa phóng thanh ầm ầm, át hết tiếng người. Cả một màn vũ vĩ đại diễn ra không ngừng một phút, không vấp váp một chỗ nào. Khu bò là khu lớn nhất trong trung tâm Rungis. Bò ở đây đã được chặt đầu, cắt đuôi, lột da, cưa đôi theo chiều dài và rỗng bụng. Trong các nhà kho, xác bò chồng chất lên nhau thành những đống cao ngút đến gần trần. Các chiếc xe trục quây quần chung quanh, cắm sâu hàm răng sắt vào những khối thịt, nâng chúng lên cao, gom chúng lại từng xấp có ngọn, đem ra ngoài. Khi đến phiên Trấn Hưng, các chiếc xe trục áp tới gần, các hàm răng sắt đưa từng nửa bò vào tận trong xe hắn. Những gã lực lưỡng đứng sẵn trong đó chỉ còn việc dựng đứng bò dậy, treo chúng vào những móc trên trần xe. Trấn Hưng phải đếm

kỹ số khách hàng lên xe mình, giá của một nửa bò đâu phải nhỏ. Đã vậy luật lệ của Cộng đồng Âu châu còn rắc rối, bắt hắn dí mắt vào đời tư của mỗi con bò, kiểm soát là mỗi đứa đều được xăm đầy đủ về những chặng đường nó đi qua. Đàn bò cứ từng con trình diện hắn, thịt đỏ lòm, mỡ nhễ nhãi, xương cứng ngắc. Trần Hưng chưa bao giờ biết cần bao nhiêu bò mỗi ngày cho một thành phố 10 triệu người.

Khi xe Trần Hưng về tới hãng, tất cả nhân công làm việc tại chỗ đã có mặt. Hắn chờ người ta tải hàng trên xe vào xưởng, xong rồi sẽ đi Rungis chuyến thứ nhì. Một ngày phải làm hai chuyến, ông chủ chưa đủ tiền mua thêm xe.

Trước đây Trần Hưng đã từng làm những công việc trong xưởng. Nằm giữa xưởng là một sàn gỗ trông như một sân khấu. Khoảng 50 thước chiều dài, 30 thước chiều ngang, 1 thước chiều cao. Sàn làm bằng những thanh gỗ bề ngang không quá 20 phân, luôn luôn có khe hở giữa hai thanh. Ở dưới là một bể xi măng cùng diện tích với sàn gỗ. Đó là một cái thớt khổng lồ để cắt thịt, nằm trên một bồn hứng máu. Nhân công đứng trên sàn có tới mười mấy mạng. Mỗi người trùm một áo mưa màu đậm, loại che phủ hết thân và cả đầu, chân đi giầy cao su cao tới gần đầu gối, tay mang găng dài, mắt có kính che kín. Khi bò được bày đầy đủ trên sàn, họ lấy ra những máy cưa điện to tướng, dây điện bắt đầu chằng chịt từ phía. Xưởng sống dậy nhanh chóng. Chỉ chốc lát là ầm ĩ tiếng rít của cưa, tiếng gẫy nát của xương, tiếng hét chửi của bọn trẻ bị kích thích. Xương, thịt và mỡ văng lung tung, làm mịt mù cả không gian, vung vãi khắp quần áo và mặt mũi nhân công. Thịt tung lên từng mảng, thịt ngã đổ nghiêng ngửa, thịt quằn quại đau đớn. Máu phun tứ phía, nhuộm đỏ mặt người, chảy ào ào xuống bể hứng. Bãi chiến trường giữa người và bò bầy nhầy máu, mỡ và rác xương. Chỉ khi nào các máy cưa ngừng hẳn, người ta mới tháo gỡ giây điện, tung ra những tấm nhựa lớn, bao bọc kết quả của cuộc tàn sát, kéo dài những ống tưới nước. Thế là thêm được một bước trong tiến trình thu nhỏ con bò cho vừa mồm con người.

Đợt bò thứ nhì của Trần Hưng về tới nơi là một số thịt cưa xong đã chờ sẵn trên cam nhông, loại nhỏ hơn chiếc RVI 802D. Hắn chỉ cần đi từ tay lái 802D qua tay lái Cumbo. Cứ chiếc Cumbo nào đầy là ra đi liền. Chúng lũ lượt lên đường, phân công đứa đi khu Belleville, đứa đi khu Choisy, đứa đi quận 18.

Các phố Tàu, cũng như mọi khu buôn bán, giờ ấy nhận hàng đủ loại. Giao thông kẹt cứng, xe nhích từng bước một. Cam nhông giao hàng thay phiên nhau chặn hết lối đi. Thiên hạ ngồi đợi suốt thời gian hạ hàng. Còn phải cho tài xế thời gian tán phét hay chửi lộn với người nhận, thời gian giễu dở với đồng nghiệp ở xe khác, thời gian làm cử chỉ khó tả về phía các đuôi xe cá nhân bóp còi inh ỏi phía sau. Tại mỗi nơi giao hàng, Trấn Hưng cố tránh phụ vào việc khuân vác thịt. Hắn chỉ muốn kiểm soát, ký giấy tờ và giao tiếp với khách hàng. Trong lúc thiên hạ lăng xăng khiêng hàng, hắn chọn thế đứng nghiêng nghiêng, cặp hai tay sau đít, cắm điếu thuốc trên môi, mặt khó đăm đăm, thỉnh thoảng phát biểu vài câu tiếng Tây cho mấy chú Tàu nể phục.

Coi vậy mà đến cuối ngày lao động, vào khoảng 1 giờ trưa, Trấn Hưng mệt đừ. Chỉ muốn lẹ lẹ ra về với chiếc xe gắn máy. Nếu là thứ năm thì trước đó lấy phần thịt của mình do hãng tặng. 500 gam thịt mỗi tuần, món quà rộng lượng của một ông chủ mến thương nhân viên như con cháu trong nhà.

*

Thịt bò, trong chuyên môn của Ngân Vi, chỉ là một mã số mặt hàng. Nàng làm việc tại một siêu thị rất lớn nằm ngoài Paris. Nàng ngồi ở một trong 20 quầy thu tiền, nơi người ta nối đuôi nhau tạm biệt siêu thị. Cái chỗ có những khuôn mặt thoả mãn, thấy đời mình đầy đủ hơn với chiếc xe đẩy ngập đồ tiêu dùng.

Sống xứ này có ai chưa từng vào một siêu thị cấp cao, cung điện tiêu biểu của xã hội văn minh? Đâu còn phải tả một diện tích mấy ngàn thước vuông, một bãi đậu xe mấy ngàn chỗ, những dãy sản phẩm không làm sao coi hết, mặt hàng vượt cả sự tưởng tượng của khách mua, vô số bảng giá đủ màu đủ cỡ. Ở đây, những mời mọc dụ dỗ bám vào từng bước đi của người đến thăm. Siêu thị là nơi cuộc đời lên hương mỗi lần đồ hàng xuống giá. Là nơi bất cứ túi tiền nào cũng có những hạnh phúc chờ đợi. Là nơi vật chất độc quyền ngự trị, đồng nghĩa với sự giàu sang và sức mạnh. Vẫn biết chỗ nào người ta cũng tiêu thụ. Nhưng siêu thị có đám đông khuyến khích nhau tiêu thụ, không phân biệt người giàu kẻ nghèo, người nhu cầu nhiều, kẻ nhu cầu ít, người kiếm đồ hảo hạng, kẻ tìm đồ rẻ dúm. Ngày hôm nay, các siêu thị ra xa những thành phố thiếu chỗ. Chúng mọc lên, càng ngày càng lớn, giữa những vùng đất trống hoang. Chúng là những khu rừng mới của thời đại. Hàng hoá thay thế cỏ cây, chất đống lại cũng

thành một chỗ thoát trần cho những con người của thành phố.

Công việc của Ngân Vi rất quan trọng đối với siêu thị. Quầy thu tiền vừa là miệng ăn của nó, vừa là hình ảnh tiếp khách tại đây. Công việc của Ngân Vi rất giản dị, không đòi hỏi hiểu biết và tài năng, đầu óc khỏi cần suy nghĩ. Chuyện làm không thay đổi bất kể loại khách, loại hàng, ngày giờ. Chỉ vỏn vẹn một số động tác trước mỗi người khách. Bắt đầu là: hướng mặt về phía khách, cười tối thiểu, nói *"Bonjour"*. Chấm dứt là: hướng mặt về phía khách, cười tối thiểu, nói *"Merci et au revoir"*. Ở giữa là một chuỗi thao tác cần giữ nhịp độ đều đặn cho lâu mệt. Đạp để nệm đặt hàng đi tới, bốc một món hàng phía tay mặt, tìm mã số trên đó, đưa món hàng đi qua mặt kính đọc mã số, lắng tai nghe tiếng bíp, thả món hàng xuống phía tay trái, nếu là quần áo thì gỡ miếng nhựa chống trộm, bốc món hàng sau và làm lại, xong món hàng cuối thì coi xem có đủ bao nhựa phía tay trái, bấm nút tính tiền và mở ngăn kéo tiền, nhận các phiếu trừ giá, nhận tiền mặt và thối tiền, hay sử dụng máy đọc thẻ tiền điện tử, máy điền ngân phiếu, máy đọc thẻ trung thành, gom lại đưa cho khách các loại thẻ, biên lai và hoá đơn. Lúc đầu óc cần tập trung nhất là lúc thối tiền, cuối ngày có thiếu hụt thì nhân viên phải lấy tiền mình ra trả. Ngân Vi không khi nào được mất bình tĩnh. Cho dù khách có cả núi đồ, khách xếp hàng đã lâu, khách vội vàng hay chậm chạp, khách càu nhàu vô cớ, khách tâm sự nói nhiều, khách tán tỉnh vô duyên. Mặt Ngân Vi không khi nào được buồn, mệt hay quá vui.

Giờ này qua giờ khác, thân nàng quay đi quay lại trên ghế, tay bốc hàng, tay bấm nút máy, mắt đi từ màn ảnh này qua màn ảnh kia. Khách và những món hàng chỉ là những hình ảnh trừu tượng đi qua nàng. Nhờ nhiều năm ngồi quầy, Ngân Vi giữ được eo thon và đếm tiền lẹ thoăn thoắt. Nếu thiếu khách thì Ngân Vi phải rời quầy làm chuyện khác. Nhân viên thu tiền ngồi không là một hình ảnh xấu cho siêu thị. Nàng sẽ mang ngăn tiền của mình đi cất, rồi đến phụ giúp ở một khu hàng. Người ta sẽ ghi lại ngày giờ lúc đó như một sai lầm trong quản lý quầy. Phải tính rất kỹ số nhân viên có mặt ở quầy, làm sao bảo đảm lúc nào khách cũng xếp hàng. Không có đuôi tức là có hiểm hoạ dư nhân viên.

Phải kể đến những ngày hãi hùng, dịp Giáng Sinh và các thời kỳ đại hạ giá. Ngân Vi phải làm việc nhiều giờ hơn và lẹ hơn. Cơn mua sắm những ngày đó lên cao độ, đám đông tràn ngập siêu thị, không khí hỗ hởi cuồng loạn, máy phóng thanh gào thét cho ra hội chợ, khách hàng bị kích

thích say khướt, những duôi khách trở thành những con rắn ngoằn ngoèo tới tận đâu đâu. Ngân Vi không ngừng tay trong nhiều giờ liên tiếp. Những sóng hàng ập tới như nước lũ, thiếu hết tiền giấy lại tới tiền cắc, máy phải dọc thẻ liên miên làm sao không có lúc nghẹn họng, những cuộn giấy in cứ phải thay dài dài. Cuối ngày, tay chân Ngân Vi mỏi dừ, thân thể rã rời, đầu óc tính mãi không xong cái ngăn tiền của mình, mắt không còn chịu nổi các ánh đèn, tai sợ bất cứ tiếng nhạc nào. Những ngày hôm ấy, Ngân Vi thấy siêu thị ngả hết lòng về khách, thật bội bạc với nàng.

Giờ giấc làm việc của Ngân Vi càng ngày càng thất thường. Số là cạnh tranh giữa các siêu thị đã trở thành gay go, và cái lời thì mỗi năm lại bắt buộc phải nhiều hơn. Ban giám đốc siêu thị tìm mọi cách tăng giờ mở cửa. Thêm những tối, những ngày chủ nhật, những dịp đặc biệt. Đồng thời, số nhân viên có mặt phải bám sát theo sự tới lui của khách hàng. Theo mùa không đủ, bây giờ thành theo tháng, theo ngày, theo giờ. Những giờ ở ngoài giờ lao động bình thường có tiền thưởng và thời gian bù trừ hết sức phức tạp. Khác nhau tuỳ khoảng giờ, tuỳ ngày lẽ hay không, tuỳ số giờ liên tục, vân vân... Siêu thị có một tài liệu về giá trị các giờ đặc biệt này. Tài liệu cố ý gây hoả mù, đọc vào là vỡ đầu như chơi.

Vậy mà Ngân Vi nghiên cứu nó rất kỹ, biết giá trị chính xác của từng giờ đặc biệt. Nàng xung phong lấy tối đa những giờ loại này khi chúng xuất hiện. Còn thương thuyết thay thế những đồng nghiệp bị gọi đi làm những giờ giá cao nhất. Với những ngày nghỉ bù, cuối cùng Ngân Vi làm việc ít hơn người khác nhưng lại được thêm một số tiền không nhỏ đối với nàng. Phòng quản lý nhân viên còn thấy nàng đáng làm gương, không quên thưởng thêm. Thật ra, nàng làm nổi chuyện này vì không có những ràng buộc gia đình. Và các đồng nghiệp nhường phần thưởng để cố gắng giữ một phần nào đời sống ổn định.

Ngân Vi tương đối hài lòng về siêu thị của mình. Công việc không thể nói là hứng thú, nhưng khá hơn những việc nàng làm trước đây. Đám đồng nghiệp có nhiều đứa dễ thương, cho nàng thay thế trong những giờ có thưởng cao, chia cho nhau cả những món đồ lấy trộm của siêu thị. Đàn bà thì có chuyện tục về đàn ông. Đàn ông thì không thiếu đứa sai khiến được. Ngân Vi còn có thể hãnh diện về siêu thị. Người ta đến từ cả chục cây số chung quanh, và cuối tuần thường hết chỗ trong bãi đậu xe.

*

Sau ngày làm việc, Trần Hưng ngủ trưa khoảng 1 tiếng. Những giấc ngủ không bao giờ mơ, có tiếng âm ỉ của cái xa lộ vòng đai tưởng xa. Tỉnh dậy hắn ăn qua loa, mì gói hay trứng, nửa tiếng là xong. Bữa cơm tối cũng sẽ không thịt, chỉ cá, gà, rau, trái cây. Hắn thường bán rẻ những miếng thịt của mình cho một đứa bạn. Không ăn thì chẳng lẽ vứt đi. Chuyện trường chay này không dính dáng tới tôn giáo, Phật hay Chúa còn phải chờ hắn thêm một thời gian nữa. Phần ngày còn lại của Trần Hưng không dài lắm đâu. Tối trễ nhất là 9 giờ đã phải vào giấc ngủ. Buổi chiều hắn không coi truyền hình, chương trình vớ vẩn, dành cho dàn bà nội trợ và các vị cao niên. Mà thật chán cái máy bây giờ tuyết rơi hết cả bốn mùa. Khi nào tiền gửi về gia đình bên Lào bớt nặng, nó sẽ bị thay thế. Rồi sẽ có thêm đầu video cho các phim gái Thái Lan hay Bắc Âu.

Cái thú nhất của Trần Hưng là sửa chữa đồ hư. Cần nói ngay, hắn không mê làm gì mới, thí dụ như tân trang chỗ sống của mình. Hắn chỉ thích hồi phục lại những đồ cũ bị hỏng. Vật trong nhà hay của người quen dã dành, hắn còn mang về vật linh tinh nhặt ở ngoài đường. Hắn có thể ở cả ngày chủ nhật trong phòng với một chiếc máy gỡ tung ra từng bộ phận. Căn phòng trọ không nhỏ nhưng đã chật chội. Đồ tốt và nguyên vẹn thì không nhiều, vì hắn tiêu xài tằn tiện. Đồ hư thì đầy dẫy. Có thứ chờ được cứu, có thứ chờ cống hiến một bộ phận nào đó cho vật khác. Nhìn chúng mới thấy tài sửa chữa của Trần Hưng đa diện, đi từ đủ loại máy điện tử qua các thiết bị cơ khí, từ đồ gỗ qua các đồ sắt đồ chì đồ hàn. Cái hay ở đây là có nhiều ý độc đáo tránh tốn kém. Một bộ phận thay thế không ai nghĩ tới. Hoặc xa hơn nữa, một đồ vật bề ngoài như cũ nhưng cái ruột đổi khác. Cứ thế, qua bàn tay hắn, bao nhiêu vật đã định bỏ cuộc, cuối cùng lại kéo lê cuộc sống. Lạ một điều, không thể nghĩ hắn muốn tiết kiệm, sửa để khỏi mua mới. Hắn sửa luôn cả những đồ không cần, không thích. Sửa xong hắn bán hay tặng người khác, cùng lắm đặt đại chúng nó ở ngoài đường cho đỡ chật nhà. Đến chỗ đó thì không chừng Trần Hưng cao thượng như một bác sĩ chăm lo không kể công sức cho các đồ vật ốm đau và tàn tật, đáng lý ra đã bị sa thải. Nhưng dừng vội vàng tô đẹp. Biết đâu hắn chỉ là một kẻ khó tính lật vặt, hay bết hơn, một đầu óc bảo thủ, muốn thứ gì cũng phải trở về cái tình trạng lúc ban đầu. Chưa kể là làm như hắn không tốt cho một xã hội cần tiêu thụ đồ mới. Làm như hắn chỉ có hại cho các siêu thị.

Những giải trí của Trần Hưng không nhiều. Có giới hạn của đồng

lương, số bạn bè, ngày giờ trùng hợp với thiên hạ. Hắn mướn sách Việt đều đặn, chưởng, trinh thám, gián điệp, truyện dâm. Thỉnh thoảng mua băng ca xét, Chế Linh, sáu câu tân thời, hài hước, nhạc mới thì Như Quỳnh, Đôn Hồ. Luẩn quẩn vài đứa bạn, quen từ hồi xưa tại các nơi tiếp đón tỵ nạn. Gặp nhau càng ngày càng ít, hoàn toàn giữa đực rựa, sót lại mấy thằng chưa hoặc hết đàn bà. Nhậu ở nhà cho rẻ, vậy chứ thời trước đâu được whisky, thịt bò thượng hạng của Hưng Đụ. Vẫn chửi đời đàng hoàng tử tế, chửi chủ, chửi Tây, chửi Ta, chửi mày và cả chính tao, vẫn có đứa say tới mửa, vẫn có đứa khóc. Khác trước là bây giờ có đứa về nước gần đây, mang đến anh em kiểu nổ mới trong cách nói, chuyện kể. Còn không cứ việc chửi đàn bà thoải mái, lâu lâu đổi không khí, nhường cho một thằng, mắt bỗng nhìn xa, giọng chợt mùi hẩn, tả về một hình bóng đẹp tuyệt trần, thật hay không chẳng quan trọng.

Chưa có đàn bà nào ở lại lâu với Trấn Hưng. Hắn chỉ mới gặp những người có lúc thương hắn, nhưng không đủ để ngừng hẳn nhìn về phía khác. Bà goá chồng người Thái, chủ một tiệm thịt, chỉ cần một anh nhân tình cho những lúc bà thoát khỏi sự bận bịu. Đời sống của bà đầy đủ, không muốn có ai bước vào, tiệm của bà khó lo chung với người khác. Bà có tình cảm với hắn thật đấy, nhưng tình yêu không thể là tất cả. Trong một thời gian khá dài, hắn đã gặp đều một cô gái của toà nhà cao tầng, nơi mấy bạn Tàu của hắn giới thiệu. Cô gái người Việt. Cô muốn hắn hạnh phúc, nhưng tiếc là không đóng góp vào hạnh phúc đó được. Cô ở tạm bên Pháp, chỉ còn ở đây một thời gian ngắn. Nghề cô là tạm, hắn đừng khinh cô. Tất cả cuộc sống của cô lúc đó là tạm. Một ngày rất gần, cô sẽ trở về cái thôn của mình, có những đồng lúa xanh trời và con sông nước đục. Hắn đã đem đến cô gái nhiều hơn là những tờ giấy bạc. Cô vẫn còn đó, nhưng biết tới khi nào mới sống ở đây.

Trấn Hưng vẫn thiếu một người đàn bà. Nào hắn có đòi hỏi gì ghê gớm. Chỉ muốn có một người đi lại hàng ngày trong căn phòng trọ. Tính với hắn xem mua sắm thế nào với tiền sẽ tiết kiệm. Ngồi chờ với hắn những ngày tươi vui hơn. Hắn sẽ cho người đàn bà ấy nhiều lắm. Sẽ sửa chữa tất cả những gì nàng thấy hỏng hay không đẹp. Sẽ làm vui từng ngày nàng nhận được. Sẽ thực hiện cho nàng một cái gì đó để đời có ý nghĩa. Trấn Hưng thiếu một người đàn bà. Hắn cần có hai người cùng với nhau khóc cười.

*

Những ngày không làm việc, Ngân Vi vào Paris đi tìm những công viên. Thật ra đâu cần đi xa đến thế, ngoại ô nàng ở cũng có một vài vườn hoa, không phải chỉ toàn những dãy chung cư nheo nhóc và những xưởng máy xám xịt. Tội tình gì phải đi xe lửa, đổi metro mất cả giờ để tới những không gian xanh, nhiều khi chật người, trong một thành phố ồn ào ô nhiễm. Nhưng căn hộ của Ngân Vi ở ngoài Paris, chỗ làm cũng ở ngoài Paris, nàng muốn thay đổi. Đặt mình vào lòng cái thành phố sống hăm hở, có những nét duyên bất ngờ trên một đại lộ, nơi một góc phố. Ngân Vi không chọn những công viên lớn, nổi tiếng thế giới, đầy du khách đứng chụp hình choáng cả lối đi. Nàng tìm những vườn nhỏ, nhỏ tới đâu cũng được, vắng vẻ và kín đáo. Không thể thiếu cuốn sách chỉ đường Paris, trình bày bản đồ chi tiết của từng quận, 20 quận lớn nhỏ. Nàng kiếm ở mỗi quận những ô khuông màu xanh tản mác giữa những con đường chằng chịt.

Những vườn hoa nhỏ không hẳn tĩnh mịch. Vẫn nghe rõ tiếng xe cộ phố phường, vẫn nhìn thấy những toà nhà trong lá cây. Có sao đâu, hoa và cỏ cây như vậy càng tươi màu, nắng ở đây càng ấm áp dịu dàng. Hơi thở sát gần của thành phố không thay đổi gì trong này, những băng ghế sờn gỗ chẳng buồn đánh thức người ngồi, những lối đi sỏi mòn chẳng thiết giục giã những bước chân. Ngân Vi sẽ ngồi rất lâu tại một chỗ nắng. Ngoài nàng ra, công viên chỉ lẻ tẻ một vài cặp già đỡ nhau di chuyển, hai ba người đàn bà với chiếc xe chở con. Nàng sẽ có một cuốn tiểu thuyết dày, một túi đồ ăn trưa và một chai nước suối. Đầu óc và cái nhìn sẽ đi lại giữa những bãi hoa trước mặt và những thế giới tuốt tận nơi đâu.

Ngân Vi là khách quen thuộc của cái thư viện gần nhà. Bà quản lý biết rõ loại sách nàng thường mượn. Nàng mê nhất là tiểu thuyết kể về những tình yêu oan trái, diễn ra tại những miền đất xa lạ phía châu Phi, Nam Mỹ, châu Úc. Những chuyện tình cháy bỏng dưới mặt trời gay gắt, ừ thì có lúc làm người ta rụng rời, nhưng hơi đâu mà tin. Cái hấp dẫn là chúng được lồng vào những khung cảnh thần tiên, cho nàng khám phá những nơi chốn xa hơn cả tưởng tượng của mình. Phải nhiều tiền mới đi du lịch được những chân trời đó, Ngân Vi chỉ có những trang truyện để đi xa.

Tiểu thuyết, chuyện tình, mặt trời, nơi hoang dại, từng đấy dủ rồi. Có thể kết luận Ngân Vi là một đàn bà mơ mộng lãng mạn, chân không dụng đất. Ế chồng là phải. Nhưng thế mà lại không phải thế.

Ngân Vi chân không dụng đất ? Trái lại, nàng thực tế chẳng thua ai.

Đàn bà một mình trong một thành phố lớn như Paris bắt buộc phải thực tế. Khi những khó khăn nhiều hơn ở người khác, người ta càng không được phép thiếu thực tế. Sống hàng ngày tại một siêu thị, giữa vật chất dư thừa không phải của mình, bất cứ ai cũng thành thực tế. Ngân Vi muốn có một chỗ cho mình ở đất này, và giữ được nó, thì lúc nào cũng phải sáng suốt, tính toán kỹ, rút kinh nghiệm, chen lấn với người khác, tìm cách ngoi lên. Chính vì vậy nàng chọn những tiểu thuyết cho mình một không gian khác. Một không gian làm nhẹ bớt sức nặng quá lớn của thực tế ở trong nàng. Nó cần thiết cho sức chịu đựng của nàng. Ngân Vi không muốn thoát ra khỏi thực tế. Nàng chỉ tìm cách làm sao cho nó dễ thở hơn.

Ngân Vi ế chồng ? Nàng chưa có chồng chẳng qua vì phải đi kiếm sống ngay từ những ngày mới tới đây. Và những công việc có được cứ đẩy ra xa cái cộng đồng của mình. Đàn ông Việt Nam thì chưa gặp, nhưng đã có những đàn ông khác yêu Ngân Vi, kể cả hỏi cưới. Anh chàng khuân vải người Thổ mắt trữ tình, thời nàng làm lậu tại xưởng may quần áo khu Sentier. Anh chàng bán *fromages* thích triết lý Đông phương, thời nàng đứng chợ ở phía Kremlin-Bicêtre. Anh chàng nhà văn nhà báo gì đó hơi mát mát, thời nàng hầu bàn ở tiệm ăn trên Grands Boulevards. Vân vân. Ở siêu thị bây giờ, gã trịnh trọng trách nhiệm khu đồ chơi vẫn chờ đợi nàng. Có kẻ thể xác nàng đã từng thân thuộc, trí nhớ nàng vẫn giữ lại sự trìu mến. Nhưng tiếc thay Ngân Vi đã rớt vào những đàn ông không sống nổi với xã hội chung quanh, đứng ngoài lề vì thất bại hay yếu đuối, cần một người đàn bà họ không sợ. Những cá nhân này định phủ lên nàng một hình ảnh sơ sài về người đàn bà Á Đông. Một phụ nữ chỉ phục tùng và chịu đựng. Không phải là nàng. Kinh nghiệm không may và hạn chế đã đưa tới Ngân Vi cả một thành kiến xấu, một cái nhìn hẹp hòi về đàn ông không cùng quê hương với nàng.

Ngân Vi sẽ lấy cho bằng được một ông chồng Việt Nam. Mau mau lên, trễ lắm rồi, chỉ vài năm nữa là hết có thể có con. Nàng nhất định không khó tính. ở bất cứ ai, đào cho thật kỹ cũng tìm ra vài khía cạnh chấp nhận được. Chỉ cần sống với những khía cạnh đó, phần còn lại rồi cũng quen. Tham vọng vừa vừa thôi. Một cô ngồi quầy siêu thị với làm sao tới một anh nhân viên văn phòng. Ngân Vi đã nghĩ nhiều về gia đình. Chồng chỉ có việc về nhà mỗi ngày, nàng sẽ lo hết. Từ chuyện pha nước mắm ớt tỏi, chuyện sửa ngắn tay áo, cho tới tất cả những chuyện tiền bạc.

*

Bà Tâm làm mối mát tay kể gì, đầu heo đối với bà thường như cơm bữa. Người khác làm mối nhằm kiếm phúc đức cho mình, hay vì dư thừa một chút tình người. Còn bà Tâm phải hoàn thành nhiệm vụ Trời Phật giao phó. Chẳng cần ai mang ơn, bà mất mát gì đâu, khi ra tay biết mình sung sướng đến chừng nào. Mà con Ngân Vi thằng Trấn Hưng bà thương thật tình, tội nghiệp, tụi nó cô đơn quá. Con bé dễ thương ơi là dễ thương, coi bà Tâm như người mẹ nó thiếu bên Pháp này. Mỗi lần bà đi cái chợ của nó, con bé tại quầy cứ đọc hụt giá một số đồ, biếu tặng bà món này món nọ. Còn thằng Trấn Hưng, nó bán thịt cho con bà với giá thực sự tình nghĩa. Mặt hơi du côn ai ngờ lễ phép đáo để.

Trước khi cho đương sự gặp nhau, bà chuẩn bị hai đứa rất khéo. Câu chuyện nào cũng chỗ này chỗ kia nhắc tới người yêu sắp xuất hiện. Ngân Vi xinh không tả được. Lại khâu vá giỏi, hồi xưa là thợ may hẳn hoi chứ bộ, thời buổi này có mấy cô đảm đang được như vậy. Trấn Hưng thì đẹp tính, không la cà các quán nhậu, sáng ra gà chưa gáy đã dậy đi kiếm cơm. Cả hai đều không thích dấm dớ bậy bạ, muốn xây dựng một hạnh phúc bền vững lâu dài. Rồi một hôm bà Tâm rủ cô cậu đến nhà, ăn cơm thanh đạm thôi với vợ chồng bà. Đến mà coi bà đâu có xạo về người kia. Thế là Ngân Vi và Trấn Hưng gặp nhau lần đầu trước một mâm chả cá nhớ đời, đầy đủ cà cuống mắm tôm.

Hôm ấy bà Tâm nói chuyện như mưa, ông chồng phụ hoạ nhịp nhàng. Mắt Ngân Vi liếc nhìn Trấn Hưng từ nhiều vị trí. Quả thật mặt hắn không tìm đâu cho ra một nét đặc biệt, coi chừng mình ngáp lúc nào không hay. Nhưng chớ quên, quan trọng là cái tính tình, phải một thời gian mới thấy. Bà Tâm nói còn nhẹ, nàng đẹp hơn là Trấn Hưng tưởng tượng. Cái cười trời đất hỡi, cặp mắt điệu này lấy hết hồn thiên hạ. Nhưng vui thật, chàng ta bị dao động mạnh thấy rõ, gắp bún bừa bãi rớt cả vào ly rượu. Ở chỗ Ngân Vi ai mà chẳng cảm thấy khoái khoái. Trấn Hưng chú ý cái vẻ hiền dịu của nàng, giọng nói nhẹ như một đường tơ. Nàng lịch sự ý tứ, quý phái cũng nên. Đũa gắp e thẹn, miếng cá nào cũng nhỏ, khi nhai đôi môi khép chúm chỉ hơi rung rung. Lúc bà Tâm bổ trái sầu riêng nồng nàn là lúc Ngân Vi đã thấy đối tượng không đến nỗi nào. Liệu hắn có dám gặp lại mình ?

Bây giờ phải đi lẹ một đoạn không có gì đáng ngạc nhiên. Hai ba lần Trấn Hưng đến đón Ngân Vi khi tan siêu thị. Hai người ra quán giải khát gần đó, kem 3 hương vị ở đây không quá 10 quan. Một buổi sáng Trấn

Hưng hẹn Ngân Vi ở phố Tàu. Nàng leo lên chiếc cam nhông Cumbo, họ dư thì giờ ngồi cabin lái nói đủ thứ chuyện trong khi giao thông tắc nghẽn. Có ngày chủ nhật chiếc xe gắn máy chở cặp uyên ương chạy dọc sông Seine. Con sông nhìn theo, tủm tỉm cười đồng tình. Những câu chuyện trao đổi lúc đầu là đời sống siêu thị và giới người Tàu ở Paris. Tiếp theo là những tò mò của Ngân Vi về hắn, và bao nhiêu câu hỏi của Trần Hưng trên từng điều nàng kể. Rồi cũng phải nói hết cho nhau, những bê bối trác táng của người này, những mối tình nhẹ dạ của người kia. Mỗi cố gắng lại làm họ gần nhau hơn. Hoá ra cuộc sống khó không chỉ cho riêng ai. Trần Hưng thiếu những lời hay câu đẹp, nói chuyện nhạt như nước lã. Chẳng sao, mặt hắn đã nói nhiều lắm rồi còn gì. Ngân Vi cần tỉnh bơ như không có chuyện gì, vậy mà thỉnh thoảng nhìn hắn lạ lạ. Đến nhà Trần Hưng chơi thì để bữa khác, nhưng hình như lời từ chối càng lúc càng không yên.

*

Ngân Vi bất chợt muốn về coi những đồ Trần Hưng sửa chữa. Trước đó không có gì lạ, chắc chắn như vậy. Mọi thứ khi rõ khi mờ chỉ tại nắng không đều. Buổi trưa làm xôn xao một chút, khi nào chẳng thế ở giữa ngày. Đâu phải lần đầu có trạng thái hoang mang bồn chồn. Có lẽ nó tới từ một chi tiết đâu đó không đáng quan tâm. Nó chỉ đi qua. Chẳng có chuyện gì khác thường. Những khuôn mặt bên cạnh vẫn thản nhiên, đường phố không sống động hơn. Đừng thắc mắc, đừng im lặng. Từ một thời gian rồi, cái thân cái gần lâu lâu gây choáng váng, sau đó là một cảm giác rạo rực kỳ lạ. Làm như, vì đám đông dày đặc chung quanh, da với đa thân mật nhau lâu quá, bàn tay cứ la cà chỗ mềm mại không vải, vai cứ xích lại gần đòi thêm hơi ấm. Gần thế nào là đủ ? Bao lâu rồi đã thiếu ? Chờ gì nữa bây giờ ? Thôi chẳng hiểu làm gì, mặc kệ, để xem sao, đâu biết chừng. Lối về may là còn nhớ. Những trạm metro đổi tên không ngừng, đường còn đài mà không chịu đi nhanh, sắp tới mà vội vàng làm chi. Người nói không có người nghe.

Hắn đánh sai mật số ở cửa nhà, vào phòng nàng hỏi gì đó không rõ, hãy khoan, hắn tìm đôi môi, nàng đã chờ, cái mềm bất ngờ, lưỡi hấp tấp, lưỡi tham lam, có gì vùng dậy đến đón, lưỡi lẫn lộn vào nhau, quấn lấy nhau không chịu rời, rồi những cánh tay muốn siết chặt, siết chặt thêm nữa, bỏ chỗ này chạy tới chỗ kia, ở trên ở dưới ở đâu, ai đó ưỡn người lên cho phía dưới cạ vào nhau nhiều hơn, có bàn tay ôm lấy hết mông giúp vào, có bàn tay lẻn vào sau áo khoác, có bàn tay sờ soạng khắp ngực, vải

vướng víu, vải cản trở, da thịt thèm khát hằn lên đằng sau, khuy áo không cưỡng lại, bàn tay mở thêm đi vào, bàn tay luồn dưới áo đi lên, núm vú tìm được chợt cứng, khiến lưỡi cuồng dậy phía trên, ở đó nó cố cản bước tiến phía quần jean, quá trễ, những ngón tay đã lọt vào trong, toả ra trong vùng rậm, sà tới chỗ sâu. Rồi hắn bị chặn lại bất thình lình. Nàng vùng vẫy, vụt thoát ra. Hai người thở hổn hển, lảo đảo một lúc, mặt bơ phờ, mắt tránh nhìn nhau.

Họ đứng đó bất động, áo quần tội lỗi, chờ nhịp thở đều lại. Một hồi sau nàng bước tới cửa sổ, mở rộng màn. Nàng quay trở vào, đi tới đi lui vô định, vấp phải đồ đạc chỗ này chỗ kia. Hắn nhìn theo, quờ quạng dọn phòng. Chỉ một lúc là nàng không còn chịu nổi. Nàng đi tới giường, cởi giầy, nằm vật ngửa trên nệm. Hắn cúi xuống gần, mới biết hơi thở nàng không dịu. Một lần nữa đôi môi hở gọi. Lưỡi thiếu nhau từ nãy giờ, thiếu nhau biết chừng nào. Nhưng hai người phải ngồi dậy. Thời gian đừng lẹ quá như vậy. Họ cố gắng cởi quần áo từ từ. Từng cử chỉ thật chậm, thật chậm, cố tách khỏi cơn cồn cào trong người cứ tăng dần. Rồi hắn nhìn thấy trọn vẹn thân thể nàng. Trần truồng nằm mở. Tất cả thân thể nàng dang chờ đợi, kêu gọi, thúc giục.

Buổi chiều hôm ấy, nắng tràn vào căn phòng từ cửa sổ màn không khép. Nắng bao trùm hai thân thể yêu nhau mãi không nguôi. Nắng để ý những quần áo rải rác trên sàn. Nắng lê ra đến tận hiên ngoài, quá cửa phòng quên đóng.

*

Người ta đã tả quá đầy đủ về tình yêu, từ cả chục thế kỷ rồi còn gì. Những kẻ sinh sau đẻ muộn chỉ có thể sao chép lại cách nào cho đỡ nhàm chán. Tình yêu bất hủ có khi nhờ những nhân vật lịch sử, hay những nhân vật nhiều tài, nhiều tiền. Trấn Hưng và Ngân Vi không có gì hơn người. Tình yêu ly kỳ khi đầy những đụng độ khốc liệt, những thảm kịch kinh hồn. Giữa Ngân Vi và Trấn Hưng chỉ lèo tèo vài ba xích mích nghèo nàn. Ngân Vi bực mình về tính gàn dở của hắn, chỉ chực sửa mọi thứ, kể cả những đồ mới toanh trong nhà. Và đầu óc an phận của hắn, không có tham vọng một ngày nào thôi làm công. Trấn Hưng khó chịu về cái tật lanh vạt của nàng, cứ tưởng mình khôn hơn thiên hạ. Nhìn thấy một vài điều đã nghĩ thế giới và cuộc đời không còn bí mật, chuyện nào mình cũng biết cũng hiểu. Đấy, mâu thuẫn giữa hai người lẩm cẩm có thế, lấy

Gối chăn
MẠC HOÀI

Ảo mơ khuấy động hương lòng
Biệt chia ngắt lặng bao lần yêu xưa
Ở đây nhiều nắng thua mưa
Xác xơ cơm áo, du thừa nhớ thương
Lồng son ly thoát nhạt thường
Thẩm say duyên mới, chiếu giường thăng hoa
Chìm đêm. Hun khói xót xa
Phòng hoang. Hơi hả. Nõn nà khuất bay

gì làm một câu chuyện sóng gió. Tình yêu cao siêu khi xảy ra giữa những con người đam mê hay khắc khoải. Nhưng có lẽ phải nhiều học thức và văn hoá mới tới mức đó. Trấn Hưng và Ngân Vi chỉ yêu lặt vặt. Yêu những rung động nàng để lộ. Yêu những trìu mến nhỏ nhoi đến từ hắn. Cuộc sống chật vật giữ họ dính chặt mặt đất. Chỉ biết Ngân Vi yêu đến độ bỏ cả giờ làm thêm khi họ được ở nhà với nhau. Và Trấn Hưng thương tới cả những vườn hoa tầm thường của nàng. Hai người chưa giàu, nhưng đã bớt được một thiếu thốn lớn, đã được một người ở gần. Hoàn cảnh không dư dả của họ trừ được một cái nghèo.

Chuyện tình của Trấn Hưng và Ngân Vi, kém gì ai, cũng dẫn tới hôn nhân và con cái. Đám cưới của họ không lớn. Chỉ được một thôi 12 người, ở một tiệm ăn Việt Nam có nhạc sống và sàn nhảy hẳn hoi. Tiệc tân hôn ít người nhưng quan khách có Tây Đầm và Tàu. Cô dâu đêm đó được cả nhà hàng sang trọng chú ý. Nàng đẹp quá trong chiếc áo dài trắng thêu, hở cổ, có hoa trắng trong tóc vẫn buông thả. Chú rể mặt gần như tươi. Côm lê cà vạt không thiếu mù xoa ở túi vét. Bà Tâm, áo nhung, hột xoàn và chuỗi ngọc, có lúc xúc động đến phải chấm mắt. Hình ảnh đáng ghi nhớ nhất là khi cô dâu chú rể ra sàn nhảy lần đầu tiên trong đời họ. Họ chỉ biết nhìn nhau và ôm nhau cho bớt lúng túng mắc cở. Ngân Vi và Trấn Hưng về sau có hai đứa con béo tốt. Thằng nõ giống hệt mẹ. Đẹp như thiên thần, mắt láo liêng, suốt ngày tìm bạc cắc. Cái nường chẳng khác gì bố. Mới sinh ra đã làm vẻ chán ngán cuộc đời, đụng một chút là nhè. Nó thích bẻ gẫy búp bê rồi lắp lại. Nhưng còn chỗ đâu để kể về chúng nó.

tháng 8 năm 2000

Đời giữa đêm sâu

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

ai thắp trong tôi niềm tin tuổi dại?
tin ngày mai dường ngọc mát chân son,
tin tương lai vàng ửng quả ngọt ngon,
chờ tay hái từng nhánh đời, vô ngại.

hôm ấy mười lăm, dòng trăng lụa chảy
trăng rỡ ràng gội sáng khoảnh vườn con,
trăng diệu kỳ ngào ngọt ngậm môi non
đêm-con-gái mơ vén mây tình ái.

ai lay thức tôi đêm xuân mười bảy?
ren rén chong đèn ngồi dệt mơ riêng
tình ấm tràn như đọt nắng tháng giêng
ve vuốt bờ lưng, ấp nồng huyền thoại...

sẽ có một đời bên nhau mãi mãi
sẽ chung cánh bay vạn nẻo tinh cầu
thách thức ngàn sao như tình ngang trái
chuyện nàng Juliet yêu Romeo!

khuya khoắt trời sương. trăng chìm nguyệt lặn
trái tương lai chín héo, tóp teo dần
mây hoàng kim tan tác khóc diêu tàn
môi tê tái ngấm bao lần lệ mặn.

hun hút đêm sâu. chớp lòa mưa nặng
gió dập vùi muôn nụ đóa thanh tân,
đường gập ghềnh mỗi bước một chênh vênh,
đèn leo lét cuối hầm, hay ảo vọng?

Tiếng ca dưới sóng

Trúc Chi

viết cho cháu Ph.

Đa tình ưng tiếu ngã tảo sinh hoa phát
Nhân sinh như mộng
Nhất tôn hoàn lỗi giang nguyệt
Niệm Nô Kiều, Tô Đông Pha

(Những cười mình vì đa tình mà tóc sớm bạc
Đời người như giấc mộng
Thôi thì nâng chén này mà tạ trăng nước)

Bây giờ, chị Thương không hát nữa. Và như vậy là thiệt thòi cho những người bạn của chị, cho tôi, một người vẫn thích tự để cho mình vướng mắc trong lớp sóng âm tỏa ra từ cái vuốt ve nhung lụa của một tiếng đàn, từ cái mơn trớn vỗ về của một giọng hát. Đã vậy, nét cười duyên dáng những lần chị hơi nghiêng đầu cúi xuống mà tạ lòng người nghe chị hát, để cho mớ tóc mun kia che bớt một nửa ánh mắt đa tình, lại có đủ quyến rũ mà tạo ra nhiều cái mầm tình lụy cho những ai thường vẫn ngây ngất để cho lòng nổi trôi trên lớp sóng chập chùng của thanh và của sắc.

Tôi đã từng ngắm kỹ chị Thương vào những phút ấy. Vẻ duyên dáng này tự nhiên lắm. Cái chuyện làm dáng làm điệu, tuyệt không có ở những cử chỉ của chị. Đôi mắt đa tình ấy, con người chị ra sao thì nó hiện ra ngoài như vậy. Ở một người đàn bà khác, Trời không tặng cho loại vũ khí chết người ấy, mà cứ cố tình luyện cho kỳ được những ánh mắt ấy thì lại thành ra lẳng lơ.

Chị chưa bao giờ là một ca sĩ chuyên nghiệp. Nghệ thuật của chị, do chị tự luyện lấy mà có. Chị chưa từng học hát với ai. Và như tôi biết, chị cũng không bắt chước lối hát của một ca sĩ nổi tiếng nào, trong hay ngoài

nước. Sở trường của chị là những bản nhạc thời trước, những bản nhạc có lời ca trữ tình, lãng mạn, thường vẫn bắt đầu bằng một câu tả cảnh chiều xuống, trăng lên, hoặc ngợi ca hương đồng, gió nội... Chị vẫn dùng đàn ghi-ta mà tự đệm mỗi khi hát. Nếu trong một buổi đàn hát mà lại có người khác cũng góp vui thì chị nhờ một ai đó đệm, chứ riêng chị, tôi chưa hề thấy chị trình diễn chung với ai cả, dù là đàn hay hát.

Một cái cố tật khác nữa của chị Thương là chị không bao giờ lấy sẵn cây đàn trước khi hát. Trái lại, chờ cho mọi người ngồi yên đâu đấy cả rồi chị mới bước chậm rãi vào trong nhà, hoặc một góc phòng nếu hát ở nhà người khác, xách cây đàn đựng trong một cái hộp đã cũ mà vải bọc màu xám có chỗ đã sờn rách, đặt nó xuống ngay trước ghế chị ngồi, chầm chậm bấm từng cái khóa nhỏ có bản lề, mở nắp mà nhẹ nhàng nâng lấy cây đàn. Tưởng bàn tay của một người đàn bà nắm lấy tay người yêu vào một phút triu mến, có nhẹ nhàng cũng đến thế là cùng.

Mà chị cũng ít hát lắm. Một lần, tại nhà chị ở Saigon, giữa hai bài hát và một dĩa trái cây mà chị bưng tận tay ra mời mấy người bạn và tôi, chị đã nói thẳng ra rằng chị chỉ thích hát những lúc ngồi một mình ở nhà và khi những kẻ đối diện chị "có một tấm lòng với nốt nhạc. Còn không thì...dẹp!"

Ở một người đàn bà thường nói năng vẫn từ tốn, tiếng "dẹp" này nghe dứt khoát và quả quyết như quân lệnh. Tôi biết cái giống nghệ sĩ này lắm, gì chứ đụng đến chuyện thưởng thức chân tài của họ thì, một là chú hết tâm vào đấy, hai là đi chỗ khác. Chứ ngồi đấy mà lơ là thì chớ. Ai ra sao tôi không biết, chớ riêng tôi, tôi vẫn dễ dãi với cái khó tính của bạn hát, bạn đàn. Thật ra, có muốn xét nét mà bắt bẻ họ cũng không được. Họ như vậy đó. Cái khó tính của họ, tôi nghĩ nó giống như một lát thịt xa xíu béo ngậy mà đầu bếp vung dao vung thớt thế nào để cho nó lọt ngay vào một bát miến gà. Lạc điệu hết. Nhưng mà cứ gắp nó để sang một bên. Nguyên vị thanh tao của bát miến không thay đổi. Mà nghĩ cho kỹ, tự thân nó thì cái lát xa xíu kia quả cũng vô hại.

Tôi gặp và quen chị Thương qua Jimmy, một người bạn đồng nghiệp người Úc. Anh bạn tôi, tốt nghiệp đại học Luân Đôn về môn âm nhạc học, nhưng mà lạng quạng ra sao đó mà lại nhảy qua ngành báo chí, rồi thành công sớm và rực rỡ. Dạo ấy anh là phái viên lưu động tại Đông Nam Á của một nhật báo lớn ở Sydney. Ngoài loại tin tức chính trị, kinh tế, quân sự ra, vì chút "nợ cũ" với âm thanh mà đi đến đâu anh cũng tò mò học hỏi thêm và viết về âm nhạc bản địa. Một hôm, anh ngỏ ý định viết một bài đặc kỳ về tân nhạc Việt Nam. Anh nhờ tôi đưa anh đi nghe hát, giới thiệu anh với một vài giọng hát nam và nữ mà tôi quen biết, dịch hộ anh một vài câu, vài đoạn lời ca trong một số các bản nhạc của Phạm Duy, Trịnh Công

Sơn, Văn Cao.

Ngoại trừ cái khoản dịch mấy câu tiếng Việt sang tiếng Anh là một công việc quả là khó, vất vả và nhức đầu mà tôi đã phải làm với tất cả cái miễn cưỡng của một người bộp chộp trót hứa với bạn vào một phút cao hứng, còn chuyện lang thang hết sân khấu này đến phòng trà kia, rề rà trò chuyện với ca sĩ này, nhạc sĩ nọ thì, không biết có đủ lý do để nghĩ như vậy không, tôi vẫn cho rằng đó là..."nghề của chàng". Hình như bài đặc ký của anh bạn được một số đông độc giả bên Úc chú ý. Một buổi chiều, anh gọi điện thoại cho tôi ở sở:

"Tối mai rảnh không?"

"Rảnh."

"Tôi muốn cám ơn anh về sự giúp đỡ của anh trong bài đặc ký về âm nhạc Việt Nam...."

Tôi ngắt lời anh bạn:

"Tốt. Bất vụ lợi không phải là một đặc tính trong con người tôi. Nó cũng không phải là một điểm nổi bật của ngoại viện của bất cứ một cường quốc nào đành cho bất cứ một quốc gia nào..."

"Chua chát vậy?"

"Đang cần xả xú-bắp. Đang bực mình về cái vụ Washington vặn tay quân đội Việt Nam trong vấn đề đạn dược dành cho đại pháo. Hôm nay anh xui, Việt Nam tôi nói là ra ngõ gặp gái, nên chịu khó mà gánh lấy điều bực mình của tôi..."

"O.K. Tối mai đến nghe hát. Bảo đảm là anh sẽ gặp một cô gái Việt Nam tuyệt vời (*wonderful*) với một giọng hát cũng tuyệt vời không kém."

"Ai vậy?" Tôi hỏi.

"Cứ đến đây rồi biết."

"Mà che thân bằng thứ gì đây?"

"Không cần cà-vạt."

"Tốt." Tôi ghi giờ hẹn rồi gác ống nói. Một người sành điệu như Jimmy mà lại "bảo đảm" cho cả tiếng hát và sắc đẹp của một người đàn bà, hẳn phải nên tin.

Gì chứ nghe đàn, nghe hát ... biết nói sao bây giờ, bao nhiêu là chuyện! Thích thú thì đành là thích thú rồi, mà vướng mắc với giọng hát tiếng đàn thì, thú thật, lắm lúc nó cũng rầy rà lắm.

Từ những ngày xa lắc xa lơ, tiếng hát mạnh khỏe của người bạn cũ, vang lên giữa những chuỗi cười của tuổi trong sáng ấy, rồi nấp mãi đâu đó bên dưới những nhọc nhằn của suy tư, của dằn vặt, của cơm áo, thỉnh thoảng lại reo lên mà nhắc nhở cho mình biết rằng ít ra, đời cũng còn có được những nốt nhạc tươi vui, dù chỉ là vang vọng của tươi vui. Rồi thì

đến tiếng dương cầm rời rạc ấy của một nhạc công không quen biết, trong một quán rượu về khuya đã vắng khách mà tôi đã tạt vào để tránh một trận tuyết cóng người. Lòng tôi lạnh lắm, men rượu chưa chắc đã gây được một chút ấm áp. Lạnh vì cái trống trải sau một cuộc tiễn đưa - tiễn đưa một chút đèo bòng mà tôi biết sẽ không bao giờ gặp lại. Thì chạm ngay phải những nốt nhạc rã rời đang đệm cho tiếng hát khàn khàn đục đục của một người kỹ nữ trẻ tuổi, trẻ tuổi mà xuân sắc đã tàn. Khuya rồi, người gái điếm này ngồi trước ly rượu đã cạn mà buông ra những câu hát buồn đến nhức nhối. Mà người đàn bà này của hè phố chắc lại chưa muốn về để đối diện với nỗi cô đơn của chính mình trong căn phòng trọ nghèo nàn đâu đó giữa một thành phố Paris kiêu sa, hoa lệ. Những nốt đương cầm rời rạc, giọng hát chán chường, chút buồn ly biệt.... lòng tôi nhàu hơn cả mặt nước sông Seine ngoài kia dưới cơn mưa tuyết. Lại còn giọng ca thanh nhã ấy, nét hàm tiếu tình tứ ấy, nhịp phách dòn ấy giữa một đêm đầy trăng trên sông Hương. Cái bài Cổ Bản với chất mặn nồng của *"duyên... thắm ...duyên càng đượm... là giống đa tình"*. Níu kéo ơi là níu kéo! Rồi lại còn tiếng đàn tranh năm ấy, ngay tại California này, tiếng đàn của những ngón tay tật nguyền.* Tâm sự ơi! Sao mà nổi trôi bồng bềnh quá.

Cái chuyện đàn hát nó gây loạn trong lòng tôi như vậy đó mà cứ động đến nghe nhạc thì người tôi lại không khác gì một thỏi kim khí, không cưỡng được sức hút của viên đá nam châm chất chứa cả cái ma lực của âm thanh, của tiết điệu.

Vậy là chị Thương và tôi quen nhau. Nói rằng chị Thương đẹp thì dễ, mà bây giờ hỏi tôi chị đẹp như thế nào thì quả tình khó nói. Nhiều khi, tả một người đàn bà mà không cẩn thận, không tinh tế, không khéo lại là một sự bất công đối với những đường nét, cử chỉ, cử động, đáng điệu, tức là một phần của tổng thể của chính cái nhan sắc đó. Thành ra thường tôi vẫn không thích làm công việc này. Nhưng mà cứ nói dẹp suông như vậy mà lại không "dẫn chứng" thì cũng không ổn. Không lẽ lại cứ *chim sa cá lặn, sắc nước hương trời* mãi. Mà vẻ đẹp của chị Thương lại không thuộc loại nhan sắc ấy. Chị không lộng lẫy, không kiêu sa, không hồn nhiên, không não nùng, cũng không cả tươi mát. Nó là cái duyên dáng mà... càng nhìn càng ưa ngắm và càng ngắm thì lại càng ưa nhìn. Vậy mới mệt. Mệt cho chữ nghĩa của tôi vì, nói cho hết cái duyên ấy không phải là chuyện sử dụng dăm ba tính từ, danh từ là xong. Mệt luôn cả cho con người tôi, vốn dễ rung động trước một tổng thể có đủ thanh và sắc.

Tháng trước, công việc bận rộn. Rồi thêm vào gánh mưu sinh ấy lại là cái nặng trĩu của một chút phiền muộn, bận bịu trong lòng. Đời tôi, thỉnh thoảng lại có những giờ, những ngày như vậy. Không chán nhưng

mà nản. Chả hiểu tại sao. Đã vậy, giở tập thơ chữ Hán của Nguyễn Du để trốn một thực tại khá nặng nề, gặp ngay hai câu: *Xuân lan thu cúc thành hư sự/Hạ thử đông hàn đoạt thiếu niên.* Vậy mới rầu. Nghĩ đến chuyện hương lan trong gió xuân ấm áp và màu cúc dưới nắng thu vàng(nên hiểu xuân lan thu cúc như là chút mơ ước cũ càng chăng?) nay đã thành chuyện hão, cọng vào đó là nắng ngày hạ, tuyết trời đông đang chung sức mà cướp hết cả năm tháng trong đời mình, dù không phải là năm tháng của thiếu niên như lời thơ, lòng tôi lại trĩu thêm chút nữa.

Tôi gấp quyển thơ. Sực nhớ là tại Huntington Library đang có một cuộc triển lãm đặc biệt một số tranh của phái ấn tượng, tôi cầm chìa khóa ra xe, lái thẳng một lèo lên cái thư viện mát mẻ nằm giữa mấy cái công viên rộng như cả một khu rừng, trồng nhiều thứ cây và hoa lạ. Một đôi tiếng đồng hồ nghỉ ngơi với màu sắc thường vẫn đưa lại cho tôi những phút nhẹ nhõm.

Tuy cũng có biết - tuy là rất nông cạn - về kỹ thuật hội họa của một đôi trường phái, nhưng tôi không phải là một người xem tranh với một bộ óc phân tích có phương pháp hoặc hệ thống. Tôi hoàn toàn thụ động. Tôi để cho sắc màu, đường nét mặc sức muốn làm gì với tôi thì làm, muốn gợi gì trong đầu tôi thì cứ gợi, tôi không chận, không cản, không cưỡng, không chống. Nói cho văn vẻ thì tôi để tôi bồng bềnh trên những tần số khác nhau của vô lượng quang ba tỏa ra từ cái đậm nhạt, tươi mát, rực rỡ, chói lọi mà bàn tay của những bậc thiên tài đã để lại trên những tấm vải bạt ấy. Sắc màu, vào buổi chiều thứ Bảy ấy, đã xua được chút phiền muộn trong lòng.

Lúc ra về, đưa mắt nhìn bức vách có treo nhiều bức danh họa của một số các họa sĩ phái ấn tượng, tôi chợt để ý đến một bức nhỏ có những mảng màu sắc nhàn nhạt, hơi tối, gợi một đôi ý nghĩ nào đó về chiều sâu trong không gian, trong lòng mình, trong lòng người khác. Tôi dừng lại trước bức tranh ấy khá lâu. Bức họa ấy đã khiến tôi nghĩ đến một chút gì đó khá mặn mà, hơi buồn trên nét mặt của một người đàn bà, dù đó là một bức tĩnh vật. Rồi tự nhiên mà tôi nghĩ đến chị Thương. Hình như nhan sắc của chị Thương cũng có cái mặn mà kín đáo của màu sắc trong bức tranh mà tôi nhớ là của Seurat bởi vì tôi đã chú ý đến những điểm chấm li ti, tinh vi và linh động vốn là kỹ thuật sở trường của ông.

Có lẽ vì bức tranh ấy mà hình bóng và nhan sắc của chị Thương cứ lởn vởn mãi trong đầu tôi cho đến hôm nay. Sắc của chị Thương đã vậy rồi mà tài thì...thật ra, như tôi nói hồi nãy, chị không phải là một ca sĩ chuyên nghiệp, thành ra ở một đôi câu hát, có tiếng láy không được tròn, tiếng ngân không được đều, có lẽ tại chị ngắt hơi không đúng lúc hoặc

kềm hơi không vững. Nhưng mà âm sắc thiên phú của giọng hát truyền cảm vừa thanh vừa ấm ấy, và có lẽ quyến rũ hơn nữa, cả cái hồn mà lối hát của chị truyền vào từng câu hát, vô luận tả cảnh hay tả tình, quả là một chén rượu mạnh đối với một người dễ say vì men nhạc như tôi. Nghệ thuật của người đàn bà này châm chước đầy đủ cho dăm điểm thiếu sót trong kỹ thuật.

Nhưng mà... bây giờ... chị Thương không hát nữa.

Ngày tôi mới quen chị Thương, chị đã xấp xỉ bốn mươi. Chị có một lần yêu và được yêu thời chị còn là một nữ sinh. Chuyện tình ấy, đoạn đầu tươi và đẹp. Đoạn cuối lại buồn. Kỷ vật của một lần mạnh dạn dấn thân vào chuyện yêu thương ấy là một cô con gái bấy giờ đã non đôi mươi. Gần hai mươi năm tự lập, phấn đấu để nuôi con sau lần đầu dở dang ấy, chị trở thành một người đàn bà nhiều tự tín, nói năng, cử chỉ rất tự nhiên, bặt thiệp nữa là khác. Chị không lấy chồng, ở vậy nuôi con. Người đàn bà có đôi mắt đa tình này có như một cánh chim một lần bị trúng tên, đâm ra sợ những cành cây cong. Về sau này, khi đã khá thân với chị Thương, có lần tôi hỏi chị:

"Có bao giờ chị nghĩ đến chuyện lập gia đình không?"

Im lặng một hồi lâu, giọng hơi buồn buồn, chị nói:

"Có chớ anh. Nghĩ hoài nữa là khác, nhờ công việc nên tôi có dịp gặp nhiều người đàn ông có cảm tình với tôi. Mỗi lần như vậy, tôi lại suy nghĩ nhiều lắm. Con gái tôi, bây giờ lớn rồi, đôi khi nó cũng có hỏi tôi câu đó. Nhưng mà... thôi." Chị hạ tiếng "thôi" cũng quả quyết không kém tiếng "dẹp" mà tôi vừa kể trên đây.

Vào cái hôm Jimmy kéo tôi đến buổi ăn uống đàn hát ấy, do chính anh đứng ra tổ chức, nhân có ba người bạn đồng hương của anh ghé lại Saigon trên đường đi Bangkok, vào hôm tôi gặp chị Thương lần đầu, tôi đã có dịp thấy rõ hai khía cạnh, không hẳn là tương phản, nhưng khác nhau rõ rệt, trong con người chị Thương.

Tôi đã thấy chị Thương, với đôi mắt đa tình nhưng không hề tống tình, vui vẻ trò chuyện thoải mái ngay cả với mấy người bạn của Jimmy mà chị mới quen. Chị gọn gàng trong chiếc áo dài có nhiều màu tươi mà không sặc sỡ, tay cầm ly nước ngọt, qua lại tự nhiên trong buổi tiệc đứng. Bản sắc của lối thù tiếp vững vàng của chị có một vài nét Tây phương: những cái bắt tay chững chạc, những cái nghiêng đầu, cúi ngẩng khi trò chuyện, vốn không phải là những động tác thường thấy ở một người đàn bà Việt Nam vào thời ấy. Có lẽ nhờ chị xuất thân từ trường Marie Curie ở Saigon.

Tiếng Anh của chị khá suông sẻ, nhưng chị thạo tiếng Pháp hơn. Chị

chuyên dịch tài liệu kinh tế và thương mãi cho một hãng buôn của Pháp. Có lẽ vì thấy chị hoạt bát, có lúc họ cũng giao cho chị một đôi nhiệm vụ giao tế. Anh bạn người Úc đã gặp rồi quen biết chị Thương lúc đến hãng của chị mà tìm một vài con số để bổ túc cho một bài viết về giao thương Việt-Pháp. Sau đó, có lần chị hát giúp vui trong một buổi dạ tiệc do hãng của chị tổ chức mà Jimmy có đến dự. Do đó mà anh khám phá ra giọng hát của chị Thương.

Và tôi cũng thấy luôn con người nghệ sĩ trong chị Thương khi chị cất tiếng hát. Chị hát một bản tiếng Pháp. Lời ca có sương thu, có tiếng đàn accordéon, có người lang thang đếm bước của chính mình, có ánh điện đường soi vào nỗi cô đơn của một cái bóng trải dài trên hè phố Paris. Đẹp lắm. Mà cũng buồn lắm. Phong cách của chị vào những lúc mà lời ca đi vào những câu tha thiết, say mê, đã khiến cho tôi nghĩ rằng vào một phút nào đó, vì ham sống với nhạc và lời, chị quên mất khán giả. Những cái chau mày, nhắm mắt ấy hoàn toàn tự nhiên, không một mảy may gượng ép, hầu như vô ý thức. Đã đành, cái hay nó nằm sẵn trong nốt nhạc trong lời ca. Nhưng mà, với tôi, một người cũng thích âm ư mà lại không có tài, tôi cảm được cái đẹp của cả tấm lòng mà chị trút vào những thanh âm ấy. Đúng rồi, tôi lại gặp thêm một người yêu nhạc. Tôi lại làm quen thêm một người mê hát nữa.

Có nhiều người trời phú cho giọng tốt để hát. Nhưng mà đôi khi tôi ngờ rằng họ mê chính giọng của họ hơn là mê âm nhạc. Khi họ cất tiếng, nhạc và lời ca không thoát ra khỏi cái vướng víu của ý thức rõ rệt về giọng hát của chính mình, do đó mà nghệ thuật của họ bị giới hạn. Hay thì có hay mà sức truyền cảm không có mấy. Chị Thương lại không vậy. Chị quên hết để cho sóng lòng trỗi dậy theo sóng âm. Có lúc, tôi có cảm tưởng chị quên mất là chính chị đang hát. Cái chất nghệ sĩ này trong người chị Thương, dễ gây xao xuyến lắm.

Về sau này, qua mấy bận nghe chị hát, tôi thấy những bài kể chuyện tình buồn thích hợp nhất với phong cách đặc biệt của chị Thương. Tôi nghĩ vậy và đã nói với chị như vậy vào dịp trung thu năm ấy, nhân một buổi đàn hát mà cháu Ph., con gái chị Thương, đã tổ chức vào ngày sinh nhật của chị. Sau một nét cười nhuốm một chút héo úa, chị ngước nhìn vầng trăng hơi vàng đục qua lớp bụi và ô nhiễm của đô thành, chị nói:

"Tôi mê hát lắm. Tôi hát từ ngày còn nhỏ. Có mê mới hát hoài được chớ anh. Đời mình buồn mà... cất tiếng reo vui kể cũng khó."

Câu ấy, tôi nghĩ chị nói với chính mình nhiều hơn là góp chuyện với tôi. *Lựa chi những bậc tiêu tao*...Tôi đã nghĩ đến câu Kiều ấy vào lúc đứng trò chuyện với chị bên thềm sau nhà chị. Cái nghiệp trong Phật giáo

nó chọn cho Thúy Kiều những cung bậc ấy. Còn chị Thương, một người vốn đã nhạy cảm, không quên được chuyện buồn trong lòng, còn mang thêm một món nợ với tiếng đàn câu hát, ngần ấy hẳn cũng đủ tạo ra một dẫn lực nó xoáy chị vào những câu hát buồn. Cái thứ nợ tình này, vay có một lần mà rồi đôi khi suốt cả một đời trang trải cũng không xong. Trong tấn bi kịch của đời chị Thương, ngay từ màn đầu, chị đã khóc nhiều. Trời phú cho một giọng hát, chị dùng nó vừa để khóc tiếp mà cũng vừa để lau nước mắt của chính mình.

Vậy nhưng mà đã có một lần, chị hát một bài vui. Trong tiếng bạc đánh xả láng với ông Trời, trong cuộc đùa giỡn táo bạo ấy với định mệnh, chiếc ghe vượt biên của chị Thương cạn nước ngọt, cạn đầu, dật dờ trên biển cả suốt một tuần lễ. May gặp một cơn mưa nhỏ. Nhưng cũng chỉ vừa đủ cho mọi người vắt chút nước ngọt ra từ những tấm áo đã mặn chát vị bọt biển. Sau đó là nắng. Nắng và nắng. Giữa cái tuyệt vọng của mọi người trên ghe, trên mặt biển hiền lành như một tấm lụa vào một buổi đứng gió, chị Thương đã thu hết tàn lực mà cất tiếng. Chị hát - rất nhỏ - một bài thiếu niên ca cho mấy đứa trẻ cũng đã gần kiệt lực ngồi cạnh chị *..Chèo đi... bơi đi... nước non đang chờ ta.. Bơi đi ... vững cầm tay lái*...Sau đó nữa, là một cơn giông lớn. Cháu Ph., con gái chị Thương, là một trong số rất ít những người sống sót sau cơn thịnh nộ ấy của đất trời.

"Cháu cũng không hiểu lúc ấy má cháu hơi sức đâu mà hát được." Cháu Ph. vừa mếu máo rút khăn lau nước mắt vừa thuật lại cho tôi những giờ cuối cùng của chị Thương.

Dù mỗi lần cầm lấy cây đàn ghi-ta mà đệm cho tiếng hát của chính mình, chị Thương chỉ sống với bản nhạc, với tâm sự của chị, tôi biết chị Thương không phải là một người ích kỷ. Chị không phải là một người chỉ biết có chính mình. Tôi đã từng thấy chị tích cực tham gia vào những sinh hoạt của nhiều tổ chức từ thiện, quyên góp cho cô nhi viện, quỹ cứu trợ bão lụt, trại cùi. Nhưng mà chuyện tình buồn ấy có như một đám sương nó tỏa những đợt khí lạnh vào lòng người đàn bà giàu tình cảm này. Cái giá buốt của hơi sương đã thấm vào tâm hồn và khi lẻn vào tiếng hát của chị, nó thành ra nét "tuyệt vời" mà anh bạn người Úc đã tài tình mà cảm được ngay sau lần đầu nghe chị hát.

Cả một đời chị hát để tự an ủi. Lần cuối cùng chị thều thào mấy câu hát vui mong an ủi người khác, hay ít ra mong gây một chút hy vọng cho mấy em nhỏ kia.

Chuyện chị Thương, cháu Ph. thuật lại cho tôi nghe hồi mới ở một trại tị nạn bên Mã Lai qua đây, cũng đã lâu lắm rồi. Mười mấy năm trời chứ không ít. Đôi lần thả bộ dọc bờ bể vào những chiều mát trời, nghe

Thực
VẠN GIẢ

dòng đời
khoảnh khắc khói sương
trăm năm
một thoáng vô thường
mây qua
muộn phiền
nặng chút thịt da
thôi thì cát bụi
vẫn là thiên thu
và mai
sau cõi trời mù
cuộc vui trần thế
cũng
phù du trôi...

tiếng sóng rì rào, nhìn triệu triệu bọt biển móng lên rồi tan biến, tôi chợt nghĩ đến chị Thương, đến tiếng hát của chị, nay đã chìm dưới sóng. Anh bạn thơ Cao Tần khi nhắc đến những kẻ xấu số mà một chế độ khắc nghiệt đã hất ra mặt sóng, có viết một câu thật cảm động: *"Những oan hồn ai bỏ giữa bao la."* Tôi đã nhớ tới câu ấy khi nghĩ về chị Thương. Chìm dưới lớp sóng vô lượng kia, hẳn phải có biết bao lời cầu nguyện của những kẻ tuyệt vọng vào phút cuối đã hướng về các Đấng Tối Cao của nhiều tín ngưỡng, nhiều tôn giáo. Chìm dưới cái vô lượng của những con sóng ấy, cũng có tiếng hát của chị Thương, có một chút vị tha thật hiếm thấy vào những giờ phút tuyệt vọng ấy và do đó, quả là quí và đẹp. Đẹp lắm, chị Thương ơi.

Giữa giọng hát ấy và tôi có một sợi tơ mong manh của một chút vương vấn. Cái vương vấn, cái ràng rịt giữa một người mê hát và một người thích nghe hát. Tôi tiếc con người ấy, tôi tiếc giọng hát ấy lắm. Dễ gì mà lại tìm được chất nghệ sĩ, phong cách và nét duyên dáng đa tình mà đoan chính ấy ở một người đàn bà khác. Tiếc lắm.

Tháng Tám/2000

*tiếng đàn của Hương Cơ trong *Nghe Đàn*.

Bàn thờ nhà bà Soa

Võ Đình
minh họa của tác giả.

Đứng ngay ngắn trước bàn thờ, bà Soa nâng cái dùi nhỏ, khẽ nhấp vào vành chuông. Một tiếng đồng trỗi lên: bà Soa bắt đầu nhiếp tâm. Tiếng chuông nhẹ vừa dứt, bà liền thỉnh ba tiếng lớn, hai tiếng đầu gần nhau, tiếng thứ ba cách xa hơn. Chuông ngân nga thật lâu; bên ngoài trời còn tối, chưa rõ mặt người. Nén hương nhỏ, sợi khói tỏa lên, mảnh mai, thẳng tắp.

Sáng nào cũng vậy, đã mấy chục năm, bà Soa dâng hương lên bàn thờ. Có lần được hỏi, bà trả lời bâng quơ: Ờ, thì thờ ông bà... thờ Phật... Bâng quơ bởi vì bà trả lời cho có chứ trong thâm tâm bà chỉ nghĩ đó là "bàn thờ" mà thôi. Bà nghĩ rằng đâu đó trong mỗi con người Việt nam đã từng sống một quá khứ ở Việt nam đều có một cái bàn thờ. Bà nghĩ rằng ai theo đạo nào cứ thờ đấng tối cao đạo ấy: Chúa, Phật, đấng nào cũng cao quí. Nhưng ngoài chuyện thờ phụng có tính cách tôn giáo ấy ra, mỗi lòng người đều có một cái bàn thờ nữa. Bàn thờ trong nhà, với bà Soa, là cách "hiện thực hóa" một viễn vọng mà thôi.

Sáng hôm ấy, tay bà Soa không được chính xác như thường lệ. Tiếng chuông đầu dõng dạc, khoan thai, vững vàng. Tiếng thứ ba không được như tiếng thứ nhất nhưng cũng có thể coi như một tiếng chuông đẹp. Duy tiếng thứ hai có cái gì vấp váp. Bà Soa thỉnh tiếng thứ hai, chuông vừa ngân lên, biết ngay là không được chỉnh. Bà cúi đầu, lắng lòng xuống, nghe ngóng. Rồi bà thỉnh tiếng thứ ba. Tiếng thứ ba vớt vát được phần nào tiếng thứ hai, nhưng bà Soa không hài lòng. Bà đặt dùi chuông rất nhẹ, rồi thong thả chắp tay lạy ba lạy. Nén hương Đài loan vừa gầy vừa ngắn, mới đó đã cháy hết gần phần ba. Căn phòng khách thơm ngát mùi trầm.

Vừa tưới rau bà Soa vừa tự nhủ rằng phải cố gắng hơn nữa: cả ngày

chỉ mấy phút trước bàn thờ, rán mà thỉnh cho được ba tiếng chuông "ngon". Cả một đời lăng xăng xuôi ngược, bây giờ làm gì mà không thỉnh nổi ba tiếng chuông "cho ra hồn". Bà nhớ có lần một vị sư nói với bà: Nghe một người thỉnh chuông biết được trình độ người ấy. Bà Soa thừa biết sự tu học của mình còn quá kém cỏi. Nhưng bà yêu tiếng chuông tinh mơ và sáng sớm nào bà cũng thắp một nén hương, cắm vào bát, thỉnh tiếng chuông nhỏ để khởi sự nhiếp tâm, rồi thỉnh ba tiếng chuông lớn. Bà dồn hết tinh lực vào bàn tay cầm dùi chuông. Ba tiếng chuông. Đều đặn, tròn trịa, ngay ngắn. Bà lẩm nhẩm:

Đạo vốn không nhan sắc
Mà ngày càng gấm hoa
Trong ba ngàn cõi ấy
Đâu chẳng phải là nhà (*)

Năm ấy, bà Soa đã ngoài sáu mươi. Cuộc đời bà trước đó cũng lắm trầy trật. Sau mấy đời chồng, Pháp có, Mỹ có, bà nay làm vợ ông Đông, quê ở An-xuyên, cũng gần bảy mươi. Con cái đã lớn, "con anh con em" mấy đứa, làm ăn xa, hai ông bà lủi thủi với nhau như một cặp chim cu già. Cả hai người đã hưu trí, sống đạm bạc, ít giao du. Vui thú đáng kể nhất của họ là mấy kệ sách, mới có cũ có. Ngoài sách ra, phải kể vườn tược. Các thứ trái: Bí, bầu, cà chua, cà pháo, mướp đắng, mướp ngọt. Các thứ rau có thể luộc, nấu canh: Mồng tơi, bồ ngọt, dền, muống, khoai. Các thứ rau mùi: Răm, húng, quế, ngò gai, kinh giới... Và bà Soa sáng sáng dâng hương. Bà không tụng kinh, bà không cầu xin. Bà chỉ để lòng lắng xuống, thật yên tịnh, rồi thỉnh ba tiếng chuông.

Bàn thờ nhà bà Soa... Thảo nào có người đám hỏi "thờ gì?"! Thường thường, nhìn cái bàn thờ, người ta biết ngay. Có những thứ trên bàn thờ chứng tỏ rõ ràng lòng tin của chủ nhà hướng về đâu. Cái hướng có khác nhau nhưng cái trang hoàng lại có chỗ giống nhau: Những vòng giây điện gắn đèn nhỏ xanh đỏ chớp chớp, nháy nháy ngày đêm. Hiện đại không kém là những nén hương cháy hăm bốn trên hăm bốn có "lửa" điện thắp đỏ nhưng không có khói, tránh làm cay mắt và nám trần nhà. Bàn thờ nhà bà Soa không có những thứ mới mẻ đó. Chỉ có đăm ba thứ, thứ nào trông cũng như đồ... "ga-ra xeo" (**). Sau đây là hình vẽ, rất đại khái, những "đồ thờ" trong nhà bà Soa. Ở Mỹ, người ta thích nhắc đến thành ngữ: *Một hình ảnh* (làm cho người ta thấy rõ) *bằng một ngàn chữ* (nói hay viết ra). *A picture is worth a thousand words* (***).

Có chín thứ:

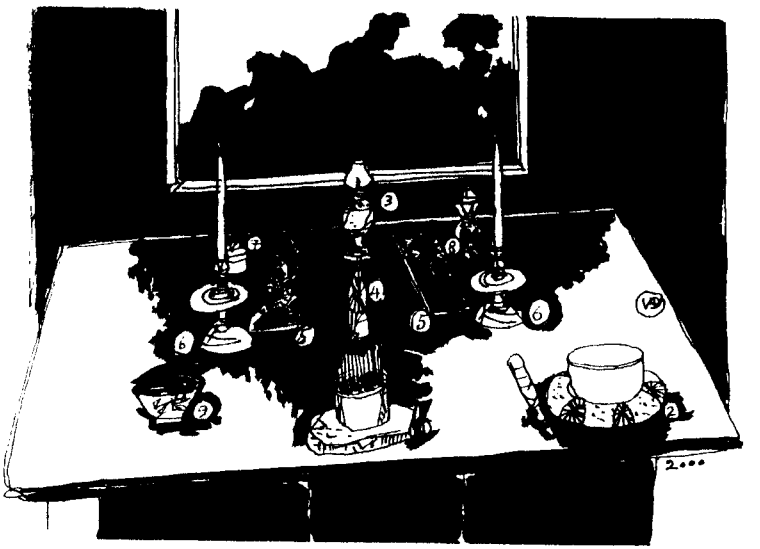

1. *Bát hương:* Một cái "cốc" bằng đất nung men muối làm bởi bà bạn thân người Mỹ, một trong năm "nghệ sĩ gốm" hàng đầu của Mỹ quốc... Bát hương được đặt trên một cục đá dẹp hình chữ nhật, mò được từ thượng nguồn sông Delaware một buổi bơi lội năm xưa.

2. *Chuông đồng:* Sản xuất bởi người Tây tạng tị nạn cộng sản Trung quốc ở Ấn độ. Quà... Giáng Sinh của một người bạn Pháp Công giáo.

3. *Cây đèn con:* người Việt miền Trung gọi là đèn bỏng. Ngoài Bắc gọi là đèn Hoa kỳ, trong Nam gọi là đèn hột vịt. Đáy hình tròn, có mấy chữ nổi: NAM THÁI - PHÁT HÀNH NĂM 1954. Trong mấy chục năm bà Soa cứ thắc mắc: Phát hành năm 54!? Đó là năm hiệp định Giơ-neo chia đôi đất nước. Cây đèn đã vô Nam như thế nào?

4. *Tượng nhỏ:* Cái tượng nhỏ xíu, bằng hai ngón tay. Một hôm, hút bụi phòng thằng Shawn, con riêng ông Harry, chồng trước, bà Soa thấy nằm lăn lóc dưới gầm giường, lượm lên coi. Cái tượng nhỏ sứt mẻ lung tung, thếp son tróc lở, xây xát nhiều chỗ. Bà Soa chắc lưỡi: "Tội nghiệp!". Đang ngắm nghía, thằng Shawn, hồi ấy còn học lớp 7, 8 gì đó, xẹt vào, la toáng lên:

- *What are you doing in my room?* (Má làm cái gì trong phòng tui

vậy?)

- *Just vacuuming. Your room needs it! Say, where did this come from?* (Má hút bụi cho mày chút xíu mà. Dơ thấy mồ. Này, cái này ở đâu mà lòi ra vậy nè?)

- *Oh! I don't know! Some kid probably stuck it into my pocket. I just threw it under the bed.* (Ô, tui hổng biết! Đứa nào đó nhét trong quần tui. Tui thảy đại dưới giường đó.)

- *Listen, Shawn, do you know that this is a Japanese statuette of Avalokitesvara or Kwan Yin, the Buddhist Goddess of Mercy? I'd like to keep it. May I?* (Này, Shawn, mày biết hông, tượng ngài Quán Thế Âm đó. Thôi, để má giữ cho. Nhá?!)

- *Sure, you can have it. No problem!* (Ừ, thì má lấy đi. Có gì đâu!)

Cái tượng nhỏ người ta "dzục" đi rồi leo lên bàn thờ nhà bà Soa sau khi được lau chùi thật kỹ.

Sau đó không lâu, ông Harry, ba thằng Shawn, và bà Soa chia tay. Cũng nhờ cái tượng nhỏ bà Soa thường nhớ đến thằng Shawn, chẳng biết nay ra sao, chắc đã kỹ sư kỹ siếc, vợ con dùm đề. Thằng Shawn cho bà cái tượng nhỏ như thể đó là... đồ vất đi! Vậy mà bà Soa thích lắm. Bà yêu khuôn mặt bồ tát Quán Thế Âm: Đầy đặn, trang nghiêm, nhân từ. Sứt mẻ, xơ xác vậy mà vẫn có cái nét cao sang đặc thù của điêu khắc Phật giáo Phù tang.

5. "đồ thờ" số 5 là một đôi... Đôi gì? Bà Soa không biết gọi chúng là gì. Hai miếng sơn mài hình chữ nhật, chừng 4" x 8". Sơn mài khảm xà cừ đấy, nhưng vụng về, bôi bác, bà Soa vẫn nghĩ bụng. Một miếng có hình cành mai. Miếng kia có hình bụi trúc. Chắc là "đèn nghè trúc mai" gì đây. Hồi xửa hồi xưa, có lần bà Soa giúp thanh toán những đồ đạc linh tinh để lại của người bạn vong niên đông hương mất trong viện dưỡng lão. Chẳng biết cụ Báu làm sao mà lưu lạc từ tỉnh Thái bình, Bắc Việt qua tận quận Queens, bang New York rồi lủi thủi sống một mình thời gian dài trước khi mất. Hai miếng sơn mài đó người ta tìm thấy trong cái va-li nhỏ có bảng đồng khắc hai chữ: Jimmy Bau. Chẳng biết tống hai miếng sơn mài vào đâu, người ta giao lại cho bà Soa. Bà thấy chúng rẻ tiền nhưng hay hay bèn cho chúng nằm hai bên cây đèn (số 3)!

6. "đồ thờ" thứ 6 cũng là một cặp. Cặp đèn đồng. Trong các thứ đây là "đồ" duy nhất, cùng cái chuông đồng (số 2), có dáng dấp "truyền thống", chính tay bà Soa mua ở Huế. Tiệm đồ đồng, hữu ngạn sông Đông Ba, gần chùa Diệu Đế.

7. số 7 là cái hộp bạc nhỏ, trên mặt nắp có hình nổi cành và hoa mai. Còn nhỏ, bé Soa vẫn thấy mẹ cất kim may trong cái hộp này. Năm đó, về thăm quê, đã hai đời chồng, bà Soa xin mẹ. Nay mẹ đã mất. Mộ mẹ trên núi đắp nhiều đá sỏi. Bà Soa đã lấy một viên đem đi và đặt lên nắp cái hộp bạc ngày xưa.

8. Cũng trong chuyến thăm quê xin được cái hộp bạc (số 7) bà Soa được gặp nhà danh họa Tôn Vân trong một buổi họp mặt cựu học sinh trường cũ. Được ông mời xem xưởng vẽ, bà Soa nhờ thằng cháu chở xe gắn máy đi thăm người nghệ sĩ đồng hương. Trong xưởng vẽ của ông có cái bàn lớn ngổn ngang trăm thứ. Bà Soa ngơ ngác: Thứ gì không biết, chỉ thấy cái nào cũng méo mó, lem luốc. Họa sĩ Tôn Vân nói: "Mậu Thân 68 đó chị. Trong thành nội. Mấy hôm sau Tết tôi mò ra đường, đi đâu cũng thấy mấy cái này nằm lăn lóc tứ tung. Mới lượm đem về. Đồ thờ đó." Thấy bà Soa bốc một cái lên ngắm nghía thật lâu, ông họa sĩ bảo: "Chị thích cái đó hả? Biếu chị đó. Đem về mà chưng!" Đó là một cái "đỉnh" đồng rất nhỏ, có chân, cao chừng 1 tấc, bề ngang không quá 5 phân. Bà Soa nhận thấy ngay rằng nghề đúc của chiếc "đỉnh" nhỏ quá thô thiển. Nhưng bà thích lắm. Bà mở xắc tay lấy cái khăn lụa, gói lại, cất đi. Trên một phần tư thế kỷ, cái "đỉnh" nhỏ nằm trên bàn thờ. Bà Soa chẳng biết tên gọi nó là gì, công dụng của nó là gì, nó từ bàn thờ nhà ai trong thành nội cố đô ra nằm ngoài đường. Trong những ngày biến loạn khủng khiếp, nhà ai đó có bị đốt cháy rụi không, người nhà đó có ai chết thảm không? Bà Soa không biết nhưng sáng sáng bà thỉnh ba tiếng chuông và nghĩ rằng linh hồn cái "đỉnh" đồng nhỏ phải lấy làm ưng ý.

9. Và đây là "đồ thờ" cuối cùng trên bàn thờ nhà bà Soa. Một cái chén đất từa tựa chén ăn cơm Việt nam ở thôn quê ngày xưa. Miệng loe, chân nhỏ, nặng và chắc. Bà Soa nghĩ rằng cái chén thật đẹp. Và vì thấy nó đẹp bà cho nó lên nằm trên bàn thờ mặc dù chỉ nhìn thoáng qua cũng thấy được đó là một cái chén thô lậu, không phải thứ sứ cổ ngoạn hiếm hoi quí giá. Chẳng những hình thù và màu sắc sơ sài, bà Soa còn muốn nói "hạ tiện". Một cái chén ăn cơm từ một căn bếp mái tranh vách đất mấy chục năm về trước.

Dạo ấy, vợ chồng bà Soa mới sang Mỹ còn ngụ tạm tại nhà cha mẹ ông Mike, tức ông bà nội con Phương. Bà nội Melanie tính thường nghiêm nghị, lãnh đạm nhưng hôm ấy nhà vắng chỉ có mẹ chồng con dâu, bà nắm

lấy tay Soa, bảo: "Này, lên phòng *Mom*, cho con xem cái này". Bà Melanie gọi tên con dâu với chữ S nhẹ như ***x*** (xờ) chứ không nặng như ***s*** (sờ). Lại bỏ chữ ***a*** đi thành ra chỉ còn ***so*** như trong "so so". Soa ngạc nhiên nhưng ngoan ngoãn đi theo mẹ chồng.

Vào phòng ngủ, bà Melanie mở khóa hộc bàn viết, kéo ra, cầm lấy cái chén đưa cho Soa: "Đây, con xem". Soa đỡ lấy cái chén. Men xám nhạt, lốm đốm dăm chấm sần sùi. Mặt chén được trang trí với vài ba cái lá (?) xanh thẫm. Rõ ràng là một cái chén Tàu, dân dã, dày và chắc. Một cái chén thô sơ, bình dị. Soa buột miệng: "Đẹp, đẹp quá". Bà Melanie hỏi dồn: "Đẹp há? Con thích há? Con giữ nó luôn đi. Của con đấy". Tuy mới qua Mỹ chưa tới nửa năm Soa đã khá quen thuộc với cách cư xử bản xứ: Ai cho cái gì cứ nhận tự nhiên rồi cám ơn, đừng thoái thác, tránh né, "sĩ diện", v.v... Hai tay ấp lấy chén, Soa nói: "Trời, con cám ơn *Mom*. Chén đẹp lắm. Con thích lắm. Cám ơn *Mom*. Nhưng này, làm sao *Mom* lại có nó? Tại sao mãi đến giờ *Mom* mới cho xem?" Bà Melanie bâng quơ: "*Mom* tính chờ cho con Phương lớn lên, ít nhất đến tuổi 16 - *sweet sixteen* - sẽ cho nó nhưng biết đâu lúc đó, cũng mười mấy năm nữa, *Mom* đã đi rồi, chết rồi. Thôi thì cho mẹ nó vậy. Con là người gốc Á đông 100%, như cái chén này, con Phương chỉ mới 50%. Của bà ngoại *Mom*, Elizabeth, cho *Mom* đó. Lâu lắm rồi."

Về sau, có lúc bà Soa đã ngồi lẩn thẩn tính toán. Bà biết trong gia đình bên chồng, hình như đàn bà con gái đều lấy chồng sanh con khá muộn. Không như ở Việt Nam! Bà mẹ chồng, Melanie, tức bà nội con Phương, sanh năm 1905. Mẹ bà Melanie sanh Melanie khi đã 40 tuổi. Vậy bà cố con Phương sanh năm 1865. Elizabeth, bà ngoại của Melanie tức là bà sơ con Phương, sanh bà cố khi đã 35. Vậy là Elizabeth sanh năm 1830. Trời Đất! Năm 1830 vua Minh Mạng lên ngôi mới 10 năm và con thứ mười một của ngài, hoàng tử Miên Trinh, (sau được tấn phong Tuy Lý vương) mới lên 10. Bà Soa, hồi nhỏ đi học được điểm cao về Sử, còn nhớ là những năm 30, thế kỷ 19, có loạn Lê văn Khôi ở Gia định...

Bà Soa cất giữ cái chén cũ từ đó. Đôi lần muốn gợi ý mẹ chồng nói về gốc gác của cái chén nhưng đụng phải cung cách nghiêm nghị cố hữu của bà, Soa lại thôi. Trong mấy chục năm mẹ chồng và nàng dâu giữ được một mối liên hệ chừng mực và hòa nhã nhưng chưa bao giờ mặn nồng khắng khít hơn. Cho đến sau này khi một cuộc khám nghiệm thường lệ cho biết bà Melanie bị *melanoma*, ung thư da. Bà Soa có cảm tưởng mẹ chồng gần gũi, dễ tánh hơn. Một hôm nhân chỉ có hai người Soa gợi chuyện:

- *Mom* này, cái chén Tàu ấy mà, con vẫn cất giữ đấy. Nhưng lắm khi

con cứ thắc mắc nó từ đâu mà lọt vào nhà này!

Bà Melanie cười:

- Thì *Mom* đã nói rồi. Bà ngoại *Mom* cho. Phải rồi, bà ngoại cho sau buổi lễ mừng tuổi 16 - *sweet sixteen* - của *Mom* đấy.

Soa muốn tìm hiểu nên hỏi thêm:

- Hồi ấy, té ra cũng đã có tục này rồi à?

- Có chứ! Chao ôi, thời gian qua mau quá. Mới đấy! Xem nào, 16, 16, vậy đó là năm 1921, *Mom* mới có 16 cái xuân xanh, còn bà ngoại Elizabeth thì đã trên 90. Chín mốt, nói cho chính xác. Bà ngoại cho *Mom* cái chén ấy *sau* buổi lễ. Đúng rồi, *sau* buổi lễ. *Mom* nhớ rõ, vì trong buổi lễ mừng con bé Melanie ngày xưa đã lấy làm thất vọng chẳng thấy bà ngoại cho quà cáp gì cả...

Melanie đã nhớ đúng. Mấy tiếng sau buổi lễ, khi mọi người đã quay về với những bận rộn thường nhật, Elizabeth mới gọi Melanie bảo đi theo bà. Hai bà cháu vô buồng riêng của bà ngoại. Bà mở hộc áo quần, mò mẫm một hồi, lôi ra được chiếc chìa khóa. Chìa khóa nặng và to để mở cái rương có nẹp đồng đóng vòng quanh, người ta gọi là *"steamship trunks"*, rương đựng đồ tế nhuyễn của du khách đi tàu thủy vượt đại dương. Loay hoay một lúc hai bà cháu mở được rương, dựng lên cái nắp nặng trĩu và lục lạo lấy được từ đáy rương một gói bọc vải, giấy nhợ chằng chịt. Elizabeth bưng cái gói đặt lên giường, rồi thong thả tháo mở. Tay bà ngoại lóng cóng khiến con bé Melanie sốt ruột. Nhưng bà nhất quyết tự tay làm lấy. Rốt cuộc những gút mắt, mấy lớp vải dày, giấy mềm được gỡ ra: cái chén Tàu!

Bà Soa hỏi ngay:

- Thế *great, great grandmother Elizabeth*, bà sơ con Phương, có nói với Mom làm sao bà lại có được cái chén ấy không?

- Không. Elizabeth chỉ nói: "Bà cho con cái chén này. Cất giữ thật kỹ nhé. Quí lắm. Của một người bạn Tàu cho bà năm bà 18 tuổi đấy".

- Của một người bạn Tàu cho. Bạn thế nào? Bạn gái hay bạn trai? Elizabeth nói sao?

Bà Melanie đang ngồi bỗng đứng phắt dậy. Bà Soa biết câu chuyện đã đến hồi không thể tiếp tục được nữa. Bà cáo từ:

- Con phải về. *Mom, you take it easy (****)*. Bữa nào chúng con lại đến chơi. Thôi, con về...

Bà Soa ra về nhưng trong lòng ấm ức. Mẹ chồng biết những gì mà không nói ra? Bà nhẩm lại: Năm 18 tuổi, Elizabeth được một người bạn Tàu cho cái chén. Bà cất giữ cái chén ấy cho đến năm bà 91. Chỉ mấy tháng trước khi tạ thế bà đem cho cô cháu ngoại Melanie. Bà Melanie cất

giữ cái chén ấy trong mấy chục năm rồi lại đem cho con dâu là chính mình. Sau hơn một thế kỷ, cái chén Á đông, một cái chén ăn cơm thô sơ, khiêm tốn, lại về tay một người Á đông. Theo lời kể của Melanie thì Elizabeth chỉ cho biết đó là quà của một người bạn Tàu. Bạn Tàu? Bạn thế nào? Đọc sách lai rai bà Soa thừa biết rằng suốt thế kỷ 19 tình bạn giữa người Mỹ da trắng và người Tàu là một điều khó xảy ra. Hoàn cảnh xã hội thời đó khác xa bây giờ. Tình bạn giữa một cô gái Mỹ da trắng và một cô gái Tàu đã là chuyện khó tưởng tượng huống hồ sự liên hệ nào đó giữa một thiếu nữ Mỹ và một người đàn ông Tàu! Bà Soa lại nhẩm tính, như một phản xạ: Elizabeth được 18 tuổi vào năm 1848. Bà lục cuốn *Việt Nam Sử Lược* của Trần Trọng Kim ra coi lại: Năm Nguyễn Dực tông lên ngôi!

Loáng thoáng trong đầu bà Soa hình ảnh những người Tàu ở California thời ấy. Áo xống lụng thụng, tóc bím đuôi sam, lúc nào cũng cúi đầu xí xô xí xa. Đàn ông lắm khi bị mấy tay anh chị "cao bồi" ức hiếp. Đàn bà con gái có chút nhan sắc thường bị làm nhục giữa "thanh thiên bạch nhật". Cô Elizabeth, 18 tuổi, con gái cưng của một y sĩ gốc Tô-cách-lan, lớn lên trong chốn nhung lụa kín cổng cao tường, làm sao lại được một "người bạn Tàu" tặng cho cái chén ăn cơm?! Vô lý, vô lý. Có gì đó mà bà cụ Elizabeth không nói ra cùng cháu ngoại Melanie lúc ấy mới 16 tuổi ngây thơ? Bà Melanie biết gì đó mà không nói ra cho con dâu Soa nghe? Họ giấu cái gì? Có gì phải giấu? Trong cái chén ăn cơm thô lậu ấy phải có gì đặc biệt trân quí lắm ẩn náu mới được Elizabeth gói ghém kỹ lưỡng, cất giữ kín đáo tận đáy rương có khóa trong mấy chục năm trời không ai hay biết. Trong bao nhiêu năm? Elizabeth được cho cái chén năm cô mới 18, đến khi trở thành một bà lão 91 tuổi mới đem cho cháu ngoại Melanie, cái chén đã được bà cất giữ trong 73 năm, sém ba phần tư thế kỷ!!! Rồi đến lượt Melanie lại cất giữ cái chén trong bao năm trời, chỉ lúc con trai lấy vợ Á đông mới đem cho nàng dâu. Soa nhớ hôm ấy bà gia phải mở khóa bàn viết riêng để lấy cái chén cho mình. Không gói ghém trong mấy lớp vải dày, cột chằng dây nhợ năm ba lượt, cất tận đáy một cái rương cổ có ổ khóa đồng bự sư, nhưng cũng kỹ lưỡng như gì.

Bà Melanie không chết vì *melanoma* như đã lo ngại. Nhưng cái chén đã vào tay bà Soa. Bà không cất nó trong đáy rương, hay trong hộc kín có khóa riêng. Bà đặt nó lên bàn thờ. Bà rót nước đầy chừng ba phần tư chén, rồi thả vào một nụ ngọc lan. Ngọc lan, ít, mới thơm, đẹp. Nhiều, chỉ nhức đầu. Mùi trầm phảng phất hương ngọc lan là một kết hợp kỳ diệu. Trầm hài hòa, thanh nhã, thoát tục, trong khi ngọc lan kiều diễm, sang cả, trữ

tình. Bà Soa biết rằng kết hợp hai thứ ấy lại với nhau không phải là một việc làm dễ dàng được người đời chấp nhận và ca ngợi. Nhưng bà đã làm vậy, một lần, hai ba lần, rồi quen đi.

Và cứ thế, sáng sáng tinh mơ, khi chưa rõ mặt người, bà Soa đứng ngay ngắn trước bàn thờ, nhấc cái dùi nhỏ, thỉnh ba tiếng chuông. Bà có cảm giác nghe được đâu đây âm hưởng của một hiện hữu cận kề, một hiện hữu mang mang khổ đau và hạnh phúc. Cái chén Tàu thô lậu, chiếc "đỉnh" đồng nhỏ từ một bàn thờ ra nằm ngoài lề đường... Những đồ vật vô tri vô giác sáng sáng nghe tiếng chuông Tây tạng và ve vuốt bởi khói hương trầm Đài loan... Bà Soa tưởng như tiếng chuông bà gióng lên thênh thang xóa nhòa được những vết hằn sưng tấy của hiện hữu, một hiện hữu cận kề, một hiện hữu mang mang khổ đau và hạnh phúc..../.

Võ Đình
7-2000

(*) Thiền sư Thường Chiếu đời Lý, thế kỷ 11.

(**) *garage sale:* ở Mỹ, người ta ưa tống khứ đồ cũ, đồ "hầm bà làng" bằng cách bày ra trước sân nhà, thường là trước ga-ra, bán tống bán tháo gần như cho không!

(***) Trong mấy chục năm, ai cũng tưởng thành ngữ này là một câu nói của người Trung quốc. Thật ra, năm 1921, người Mỹ Frederick Bernard đã tạo nên một câu để quảng cáo trong tờ *Printer's Ink:* "Xem tận mắt (một cái) bằng (nghe hay đọc) một ngàn chữ" *("A look is worth a thousand words").* Sau đó, 1927, cũng cho cái quảng cáo ấy, trong báo ấy, ông đã đổi câu viết thành: "Một hình ảnh bằng một ngàn chữ" *("A picture is worth a thousand words")* và để tạo thêm uy tín đã cố tình ghi thêm rằng đó là một châm ngôn của người Hán. Thế là từ đó, ai cũng tưởng câu ấy là một châm ngôn Trung quốc.

(****) Má nghỉ khỏe nha.

Tìm mua , tìm đọc:
cuốn sách mới của nhà xuất bản **Văn Học**

thần, người, và đất việt

(bản mới)
của Tạ Chí Đại Trường
có nhiều bổ sung so với bản cũ xuất bản trước đây
dày 370 trang. Giá 18 Mỹ kim. Văn Nghệ phát hành

31 tháng 7 năm 2000

NGU YÊN

Tôi là thợ may nổi tiếng
May thơ thành y phục mặc đẹp linh hồn
Vá nhạc vào rách rưới cạ mòn bởi sống
Khi thao thức cây kim
sợi chỉ rút từ tim
Khi nghỉ vấn kéo
đường cắt dút là đường may dính lại
Ở mỗi phân thước đo
thơ giữ lòng không tính số
Trên lằn phấn vẽ
Nhạc ghi hơi thở hòa âm
Đã 49 năm kinh nghiệm
Yên tâm về tài năng
Một hôm
Biết mình bất lực
Không may nổi quan tài

Thức đêm biết đêm dài, đêm nào dài nhất?
Già và khôn hai chuyện khác nhau
Đứng có thể nhón
Nằm thấp thua cỏ
Biết chiều dài quan tài
ngắn hơn chiều cao tôi
Rán thức
May cho mình chiếc áo phủ chân
Chôn sẽ đu.

Nỗi niềm

Hoàng Nga

Mưa sa lấp bể tơ sầu nghẹn,
Cửa khuyết trăng nghiêng lỡ độ kiều...!
THU YÊN

Có hai lần tôi nằm mơ thấy người bạn cũ. Lần nào cũng tỉnh dậy với một nỗi bàng hoàng, không tưởng tượng nổi đó chỉ là một giấc mơ. Lần thứ nhất, tôi thấy mình đứng trên một sân thượng cao, không hiểu nhà ai, nhìn xuống đường, với người ấy. Lẽ ra tôi phải gọi đây là người tình trong mộng của tôi.

Lần mơ đó, tôi thấy người ấy hôn tôi. Nụ hôn nồng nàn tôi chưa bao giờ được hưởng thật ngoài đời. Sau này, kể cho bạn bè và em út nghe, loại bỏ những tình tiết trêu chọc, dí dỏm có, số sàng có, tôi được cái kết luận, rằng tại thì là mà ở ngoài đời, hai đứa chúng tôi chưa hề có dịp mặt đối mặt, tượng hình, tượng ảnh kiểu phim tình cảm xã hội Hollywood hay Hồng Kông gì đó, nên cuối cùng tôi đã phải... mơ cho phải dạo! Đứa nào đó còn nói thêm, kể ra như vậy là tôi cũng còn hên, vì ít ra tôi đã được hôn trong mơ. Có đứa xúi tôi đi nhờ thiên hạ "đoán số giải mộng" để... chơi số đề!

Nhiều năm sau, qua bao nhiêu lần chiêm bao mộng mị khác nhau, bỗng dưng một hôm tôi lại nằm mơ thấy người xưa. Người trong giấc mơ xưa. Rồi cũng lại một nụ hôn ngọt như đường phèn, mật ong, mía lùi xảy ra giữa hai đứa chúng tôi. Chỉ có điều, lần này, chắc phước bất trùng lai, họa vô đơn chí, nên chưa kịp định thần hoa đào năm này có phảng phất mùi hương, mùi hơi hướm nào của thứ hoa đào năm ngoái, năm xưa hay không, thì trong mơ tôi, thình lình chợt xuất hiện ở ngưỡng cửa một nhân dáng con người: vợ của chàng! Nỗi niềm tôi đến đấy, đầu muốn hay không, cũng đành phải phải bật lên một tiếng than van ai oán não nùng, khốn khổ thân tôi! Bởi đến trong mơ, trong chiêm bao mà tai ương vẫn

còn tưng bừng hớn hở trút xuống cuộc đời tôi như thế đấy!

Tôi nhớ hình như trong tiểu thuyết "Cuốn Theo Chiều Gió", cô Scarlet từng có lần than vãn với chàng Rett Burtler, rằng đã nhiều hôm cô phải đi ngủ với cái bao tử trống rỗng, và khi nằm mơ thấy mình ngồi trước bàn tiệc, sắp sửa được ăn một món gì đó, thì bỗng thình lình bị đánh thức dậy. Chiêm nghiệm lại đoạn trường hoàn cảnh mình, tôi thấy kể ra như vậy là tôi cũng hên thiệt, cũng "xuân xanh nếm trải mấy lần" thiệt, tuy nhiên sau đó nghĩ tới nghĩ lui một hồi, xét lại "quá trình" mơ màng, tôi lại đâm ra... tủi thân và hận đời! Tôi nghĩ thiên hạ chập chờn giấc nam kha trong cơn đói rát ruột, được thấy mình ngồi trước tô phở, tô bún bò bốc khói, mà dưng không bị đựng cổ dậy như cô Scarlet thì quả là đau khổ khôn lường đấy, nhưng mơ như vậy, lúc trở giấc cùng lắm cũng chỉ tiếc hùi hụi mà thôi. Chứ còn kiểu chiêm bao cà chớn của tôi, bừng con mắt dậy đâu chỉ thấy mình tay không, mà chắc chắn là sẽ còn vừa... tiếc, lại vừa quê độ, bẽ bàng không biết để đâu cho hết. Chao ơi, bị bắt gặp quả tang lúc đang ở trong vòng tay chồng người! Thật tình, ở ngoài đời, chắc cũng chỉ sượng sùng đến vậy là cùng!

Hôm ấy tôi đã thức giấc vào khoảng đâu ba bốn giờ sáng. Hồn vía thất lạc, tan tác đến năm bảy phương trời, đến không nghe được cả tiếng mưa rơi ngoài hiên mà tôi đã cố ý chờ từ mấy đêm hôm trước. Hai tay tôi lúc đó, đè chặt trên ngực, như đang ở trong tư thế cố thủ. Cái tư thế, chắc trong mơ tôi, là chút bình tĩnh nào đó còn sót lại, cố không cho người đàn bà nhào đến cắm phập một nhát dao vào tim, bởi vì tôi còn nhớ rất rõ ràng là đôi nhân tình nhân ngãi trong chiêm bao tôi đã không có dịp... đôi ngả chia ly; có nghĩa là chưa kịp thối lui ra khỏi nhau vài xăng ti mét, mà ngay cái lúc đang mùi mẫn âu yếm nhau thì hỡi ơi, Hoạn Thư bước vào!

Tôi còn nhớ rõ hơn nữa là tôi đã nằm một lúc lâu thật là lâu mới buông được hai cánh tay tê điếng ra khỏi ngực. Và vì nằm lâu, nên sau khi cơn bàng hoàng đần dà hạ xuống, nỗi niềm cô phụ bỗng ùng ùng bừng lên. Nếu so sánh được, dám có thể đem đọ với kiểu "vùng lên nhân dân miền Nam anh hùng" của Huỳnh Minh Siêng hay Lưu Hữu Phước gì đó lắm. Diễn nôm na ra là nỗi buồn đau thân phận. Đau từ tim qua tới dạ, đau từ trí thấm xuống tới tận xương đến làm tôi tối tăm cả mặt mày.

Nhưng rồi nằm mãi, nỗi đau hư ảo, huyền hoặc theo nghĩa bóng này bỗng từ từ đột biến, trở thành "hiện thực". Đến nửa đêm về sáng, ngủ không được, lưng và vai bỗng trở nên mỏi nhừ, bắt đầu cảm nhận ra cái cơn đau cần sự hiện diện của các loại thuốc dán, dầu gió xanh mà nhà không có sẵn, tôi trờ dậy, mở TV lên coi tin tức, quảng cáo một hồi. Sau đó phải đi qua đi lại mấy vòng cho giãn nở gân cốt. Mãi chán, cũng không

giải quyết gì được, tôi đành về giường, nằm gát tay lên trán, thay vì đếm từ một đến vài chục ngàn cho dễ ngủ, tôi lại lẩm nhẩm đọc các câu thơ mình đã thuộc như thể một hình thức tự ầu ơ ví dầu. Cuối cùng, tôi lại nhớ tới mẹ tôi, nhớ tới thời ông già mới mất, ngót nghét đã hơn sáu mươi tuổi, mà bà già vẫn còn làm được những câu thơ nghe... tình không chịu nổi. Oán than đến đứt cả ruột. *Mưa sa lấp bể tơ sầu nghẹn. Cửa khuyết trăng nghiêng lỡ độ Kiều!*

Chao ơi là tình cảnh! Bà già tôi lúc đó uyên ương lẻ bạn, thì tôi, chồng mới vừa ra đi dặm liễu, khuất trùng dương - nếu tính theo "tiêu chuẩn" như thơ mẹ tôi làm, chắc phải kể là đã lỡ đến... hai độ Kiều. Có lần bà thiếm lại chơi; cũng lỡ cỡ... lần rưỡi, mỗi năm phải mỗi tải đồ đạc ra tận ngoài Bắc thăm nuôi ông chú tôi đang học tập cải tạo ở Vĩnh Phú; hai thiếm cháu hí hố với nhau, lén bầu cho mẹ tôi cái "chức" trưởng ban cô đơn, chức phó giao cho thiếm, và tôi, tổng thư ký. Năm sau đám giỗ ông già, thấy mẹ tôi chừng nguôi ngoai nỗi sầu đơn lẻ, tôi và thiếm bèn chính thức làm lễ... tấn phong. Mẹ tôi phì cười, ham chi cái nỗi cô đơn hả thiếm.

Mẹ tôi nói thế, nhưng lại giữ rịt tôi ở trong nhà như kẹo kéo. Thời Nhã Ca làm con gái, không biết cái ngày tháng xanh xao héo úa, buồn như lá cây đày đọa nữ sĩ đến độ nào, chứ cái thời tôi bước vào tuổi thanh xuân của những năm đất nước mới vừa đổi chủ, thiệt là... buồn vào hồn không tên! Thế giới hằng ngày của tôi hữu hãn quanh bốn bức tường, cổng kín tường che đã đành, chính phủ còn ban thêm cái lịnh muốn dời gót ngọc ra khỏi nơi cư ngụ vài chục cây số, thì phải có trong người tấm phù chú giấy phép đi đường với hằng trăm thủ tục rườm rà, hạch hỏi khác nữa.

Tuy nhiên, thật tình mà nói (lén mẹ tôi), đến cái độ tôi chuyển sang làm cô phụ, sắc hương đã tàn tạ, chắc chắn là không thể nào khuynh nổi được lấy dăm ba... cục gạch cho đỡ tủi, chứ nói gì đến cả một cái thành quách, bờ tường nào đó, mà vẫn bị bà già kiểm soát chặt chẽ quá xá cỡ thợ mộc, còn hơn cả thiên hạ kiểm soát quân sự, mới phải kể là... ngao ngán! Cảnh nhà tôi dạo ấy, âm thịnh dương suy, có ông anh, lấy vợ ở xa, hai thằng em đi học cả tháng mới đáo về nhà một lần, vào ra chỉ bốn mạng phái yếu, vậy mà năm khi mười họa, vãng lai một nam nhân khách, thì già trẻ, lớn bé gì cũng đều bị mẹ tôi buộc ngồi đóng đinh trên ghế xa lông trông ra ngoài ngõ. Khách đi đường qua lại, hàng xóm láng giềng, đều có thể nhìn thấy từng hành vi, cử chỉ. Tôi hay đùa với con em. Thiên thanh bạch nhật, nhất cử nhất động đều bị phơi bày ra trước con mắt nhân gian như thế, thì... làm ăn cái non nước gì nữa!

Có một lần, thằng bạn từ thời trung học của tôi ở ngoài trung vào nam thăm bà con, biết được địa chỉ của tôi, bèn lặn lội đến tận nơi để thăm; nhưng không hiểu có phải vì nhận ra được cái bầu không khí nhuốm quá nhiều mùi chiến tranh tang tóc chung quanh chỗ hắn đang an tọa trong phòng khách, và thấy được gương mặt của mẫu thân tôi có vẻ hơi giống... tư lịnh quân đội đang chuẩn bị khởi đầu một cuộc tổng tấn công nào đó hay chăng; mà sau đó dẫu tôi đã gãy cả lưỡi mời hắn ở lại ăn một bữa cơm thân mật, hắn cũng vẫn lắc đầu nguầy nguậy chối từ. Tôi than với bà già, mẹ nên để cho con thở một chút. Bà già tôi đáp, đất trời rộng mênh mông, bầu khí quyển to lớn muôn trùng, muốn thở thì cứ thở, nhưng trước hết, phải đợi bà già... chết cái đã!

Bà già tôi, sống một đời chỉ biết có ông già, dẫu hoàn cảnh bản thân cũng éo le, ai oán lắm, nhưng công dung ngôn hạnh, tứ đức tam tòng đều được mẹ tôi thực hiện không sót bất cứ một chi tiết nào, nên tôi, một thiếu phụ vọng... vượt biên phu, sống trong vòng phong tỏa, bế môn của bà già, muốn cựa quậy đàng nào cũng không được. Tôi làm cái quái gì cũng đều bị cặp mắt đầy kinh nghiệm của bà già chiếu bí. Đã vậy, bên cạnh mẹ tôi còn có thiếm tôi, trông thì có vẻ "modern" hơn, phóng khoáng hơn, nhưng cái tình yêu thơ mộng của bà và chú tôi thời chàng còn là sĩ quan Đà Lạt, nàng còn đang ngập ngừng ở ngưỡng cửa cuộc đời, sang đến thời chàng oanh oanh liệt liệt, nàng đã năm con cùng chàng, kéo dài đến tận ngày chàng khăn gói lên đường "trả nợ máu nhân dân", nàng ở nhà ỳ ạch nuôi con, chừng như vẫn y sì không thay đổi, hạnh phúc gia đình vẫn một mực ngon lành xuôi chảy, nên tôi đầu đã nhìn quanh thân bằng quyến thuộc mãi, mà cuối cùng cũng chẳng biết "quơ đại" ở đâu ra một tấm gương trời ơi đất hỡi để biện minh, làm... cứu cánh cho cuộc đời sương phụ!

Sau nhiều tháng năm dài sống dưới sự... quản giáo của mẹ tôi, có lần khi tư duy về cuộc đời của một con người, tôi bỗng đâm ra hoang mang, nghi ngờ không biết được rằng sự chung thủy đã có thật trên cái cõi nhân gian phức tạp này, hay chỉ do thiên hạ cũng tại, bị, bởi, vì, vân vân và vân vân hoàn cảnh, tình thế trớ trêu bắt buộc nào đó, không thay đổi được vận mạng của mình, nên cuối cùng mới "ngang nhiên" trở thành những tấm gương trung trinh, đức hạnh khả phong cho đời sau! Lũ em tôi phì cười vào mũi tôi:

- Bà bị... triệt buộc, không phương cách gì cứu gỡ, nên mới suy nghĩ theo cái kiểu hận đời đen bạc như vậy, chứ người ta yêu thiệt, thì chung tình thiệt là chuyện đương nhiên, có gì đâu mà thắc mắc!

Yêu thiệt, kể ra, tôi cũng đã từng có thời yêu thiệt, lên non xuống bể cho một mối tình trong đời rồi đấy chứ. Chỉ có điều thành thật mà nói,

sông sâu biển rộng tôi chưa dám lội, vì không biết... bơi, nhưng suối cạn rừng thưa có lẽ là không nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ. Tôi thường suy nghiệm, ở vào cái thời mười tám đôi mươi, nhiệt huyết trong lòng con người ta lúc nào mà không sôi sùng sục, lửa đấu tranh bao giờ mà không hừng hực như nắng hè, chuyện sa trường chết chóc xem chừng còn nhẹ hẫng lông hồng lông ngỗng, thì ăn thua gì đôi ba bữa tuyệt thực xuống đường với ông bà già để quyết chí lấy cho được người yêu! Tôi cam đoan chỉ trừ trường hợp trong khi gia đình cấm cản đủ điều mà "thằng" người yêu chỉ muốn bồ khơi khơi, không muốn cưới mới quả là không có động lực thúc đẩy mà thôi.

Tôi có đám bạn thân từ hồi còn trung học, có đứa từng dám bỏ nhà ra đi, đứa dám uống thuốc rầy tự tử, đứa lại còn định nhảy ra đường rầy cho xe lửa cán để phản đối chuyện cấm vận của ông bà già nữa là! Mà, nhắc tới mấy con bạn này, tôi mới nhận ra hình như sở dĩ tôi cứ băn khoăn day trở lung tung xèng về đời của một con người, về những nỗi niềm cưu mang của một sương phụ, là cũng do một phần bị ám ảnh bởi những câu chuyện tình éo le gay cấn của chúng. Cái đám bạn ngày xưa ấy của tôi, đứa uống thuốc rầy, bị (hay được?) gia đình phát giác kịp thời, đưa đi nhà thương rửa ruột, đứa bỏ nhà (cũng bị hay được gì đó) thân nhân tìm tới năn nỉ đem về, cho làm đám cưới rình rang vui vẻ với người trong mơ; cuộc đời tình ái tưởng ngon lành, trăm năm hạnh phúc, dè đâu, mới chỉ lây lất vài ba mùa nắng hạn, ngày nay vợ chồng con cái đã lôi nhau ra tòa ly dị, rồi đứa khác bỗng đột ngột trở thành đối tượng để người từng thề thốt trọn đời yêu em... thượng võ đài, đấm đá dữ dằn ngày mấy chập, đến cả Mike Tyson mà thấy, chắc cũng còn rùng mình!

Tôi thường có khuynh hướng không nhìn các cặp tình nhân tuổi đang độ xuân xanh, mà ước ao hay so sánh với mình; mà chỉ dành cặp mắt âu yếm, mến thương của mình cho các ông già bà lão sắp sửa đến tuổi gần đất xa trời nhưng vẫn còn bền bỉ chung sống vui vẻ với nhau. Có đôi khi tôi cũng tưởng tượng ra những lúc sóng gió trong gia đình họ, kiểu đường dài làm sao không có lúc mỏi, nhưng tôi dám đoan chắc một điều, là những cơn sóng gió ấy đã chẳng làm rung chuyển được cái tình lúc ban đầu, cái nghĩa lúc chung sống của họ. Có lần tôi chứng kiến cảnh chia tay của một đôi vợ chồng già mà khi không nước mắt cứ ứa ra quanh mi. Cái hình ảnh ông ngồi trên xe bus (đi thăm con ở xa), bà bịn rịn đứng bên dưới cửa sổ chỗ ông ngồi lọt vào mắt tôi, rồi ở lại hẳn trong tâm tôi từ dạo ấy cho đến cả hơn mười năm nay. Và câu bà nhỏ nhẻ dặn với theo nữa:

- Trước khi đi ngủ, nhớ uống thuốc, xoa dầu gió nghe ông.

Trong đời tôi, cũng đã từng có lần tôi ốm, từng có người cầm bàn tay

tôi nhắc nhở tôi uống thuốc, nằn nì tôi ăn bát cháo, nhưng cứ mỗi lúc mường tượng lại những cảm xúc cũ, tôi vẫn chưa bao giờ thấy xao lòng như lúc nhớ đến cái giọng nói đầy âu yếm và chăm sóc của bà cụ già trên chuyến xe năm nào. Cái giọng nói, chao ơi, đã bắt đầu có phần run rẩy, câu nhắc nhở không có gì đặc biệt, lại hoàn toàn chẳng dành cho tôi, vậy mà với tôi, sao nó đầy cảm động! Mà chao ơi, sao nó cứ làm tôi chùng lòng!

Thông thường, hễ không đạt được điều gì đó trong đời, con người ta vẫn hay nẩy ra vô số mầm ganh tị. Tôi không biết, có phải sau nhiều lần... ganh tị nhưng chẳng làm gì được ai, nên tâm lý tôi bỗng dành chuyển sang một kiểu cách khác cho hợp thời hay không, mà cứ mỗi lần được nhìn ngắm sự hạnh phúc của thiên hạ, ngoài sự bái phục, đã chẳng hề có nổi hận đời nào dấy lên trong tôi; nếu không muốn nhắc đến nỗi cám cảnh thương thân, sầu tủi bùi ngùi...

Tùy nhiên, chiếu theo cái kiểu cách nhìn khó chịu của tôi, thì hạnh phúc lứa đôi, chẳng thể nào chỉ gói gọn trong dăm ba cảnh tay trong tay, má tựa môi kề, hoặc lều tranh tim vàng gì đó, mà phải được tính trên sự bền đỗ, dài lâu năm tháng. Cũng có thể đứng trên quan điểm của một kẻ đã bị cuộc đời nhận chìm xuống nếu không tận đáy cũng lưng chừng vài tầng địa ngục, đêm đêm cứ phải chong mắt nhìn trăng soi nửa mảnh trên gối, nửa duổi rong dặm trường mà lại khoái tán tới chuyện sắc cầm hảo hiệp, tương kính như tân, trăm năm hạnh phúc thì e coi bộ không ổn. Nhưng đời một con người dài quá, sống khó quá, nên nghĩ tới nghĩ lui nhiều lần, tôi vẫn tự thấy mình không thể nào chiêm ngưỡng nổi những loại hạnh phúc "xổi", "phồn vinh giả tạo" dăm ba tháng, đôi ba trăm ngày, mà phải là trọn đời bên nhau cơ!

Và từ nỗi niềm cô phụ, tôi lan man một bước nhảy vọt qua chuyện loan phụng hòa minh của người khác, bỗng dưng cảm thấy thẩm thấu hơn hai câu thơ của Phạm Thiên Thư,"cõi người có bao nhiêu, mà tình sầu vô lượng", bèn đem lòng buồn quá xá đỗi là buồn. Nhưng không chỉ buồn cho riêng mình thôi mà còn cho cả thiên hạ, mới biết, thì ra mình đã phiền quá là phiền. Nhiêu khê kinh khủng!

HOÀNG NGA

ĐÓN ĐỌC TÁC PHẨM MỚI NHẤT CỦA NHÀ VĂN
TRẦN DOÃN NHO
DẶM TRƯỜNG
TRUYỆN DÀI

chào em, vì đôi mắt đá

LÊ CẦN SƠN

Ta dong ruỗi trên từng con đường thoa mỡ
Nơi có những đám tang đi qua và dừng lại
Trước mỗi cửa nhà có treo dây phong linh
Để suy niệm điều chân thật
Mà lúc sinh tiền chẳng ai bao giờ nói đến
Tình yêu - từ một cõi lòng đầy giông bão
Ta không biết nên hay không nên viết lên đây
Để điều chân thật được phơi bày
Trước khi lời phân ưu của em vừa lên lưới

Dù sao cũng xin lỗi em
Ta đã làm cho em cuồng nộ và khát khao
Như mọi loài thú nào khác
Từ rừng sâu bước xuống đồng bằng
Để làm quen chữ nghĩa phiêu bồng
Em bước vào quán lạ như người thợ săn tìm mồi
Quanh mùi rượu cồn, khói thuốc và dụ ngôn
Ta là loài gió bất ưng chính mình
Đã gây bao điều ngộ nhận giữa những tiếng kêu từ đáy giếng
Từng con trốt không nâng nổi chiếc lá khô
Nên phải dựa lưng nhau để thể phách dù có nát tan
Thì phần tinh anh vẫn còn ít nhiều trang trọng

Mỗi ngày, ta ngậm một viên kẹo chocolat
Có in hình quả tim Mozart trên đó
Để luôn nhắc ta những giòng nhạc hạnh phúc nào
Không cùng em hòa chung nhịp
Tình yêu - nếu phải là đạo
Thì chính những mắt đá hôm qua đã làm rối đạo hai người

Em chưa bao giờ ăn năn
Và ta phải bước ra khỏi tâm hồn em
Đem theo hạt bụi hối tiếc
Dù để làm xót xa trong mỗi lần tưởng nhớ

Hàng ngày trên chuyến Métro
Chạy ngang quán cà phê La Madelene
Ta nhớ một bài thơ , một tách cà phê đen đậm
Từ mùa tuyết lạnh năm xưa
Hồn em như những luống hoa trồng theo từng mùa
Ta hụt hơi để biết lúc nào cơn bão sẽ đến
Hình như cả hai thiếu sự chân tình
Ở từng góc cạnh thời gian và không gian
Nên bài thơ và tách cà phê đen
Không có cơ hội có được lần thứ hai...

Bây giờ sự gặp nhau không còn cần thiết
Mỗi người có mỗi im lặng riêng để nâng niu
Còn kỉ niệm thì ôi thôi hiếm quí
Bởi lẽ chúng ta không nên nhắc đi nhắc lại nhiều lần
Trừ khi lần này - trong mùa chữ nghĩa yêu đương
Chúc em bước vào nhà ma
Cùng những tên phù thủy giả hình
Xây đậu thành binh
Còn ta u
Vẫn luôn dong ruổi trên những con đường thoa mỡ
Nhìn sự trơn tuột cuộc đời là điều đương nhiên
Ta trang trọng chào em
Như lần đầu vì đôi mắt đá đã làm quen

Ngày xưa, cô Tấm...

Lê Minh Hà

Cho Hà Chi và Lê Nam

Tấm mệt mỏi đặt lưng nằm lại, nhắm mắt ơ thờ. Cám đi rồi. Còn lại những gác những lầu, những cột kèo, những hành lang vắng âm âm theo mỗi bước chân. Và đêm. Tối. Nặng. Như bùn. Như cỏ ướt. Hoang vu.

Ngực Tấm còn lên. Tấm nức khan. Tiếng nức của người không thể nào khóc được. Trống cầm canh dội. Tấm biết, vậy là với nàng thế đã một đêm.

Đã như thế lâu rồi. Đã bao đêm Tấm loanh quanh kiếm việc gì làm cố tình trốn giấc. Nàng sợ. Sợ phải một mình đối mặt với Cám. Sợ những lúc hổn hển gỡ mình khỏi cơn mơ, vã mồ hôi lạnh, mà không thể gọi ai, không thể gọi nhà vua, không thể gọi thị nữ. Nàng sẽ một mình chong mắt vào đêm tối, thở dốc, cổ khô khát. Nỗi kinh hoàng chế ngự nàng, ngày này qua ngày khác. Giống như một thứ bệnh âm không thể nào chữa khỏi, làm người ta kiệt lực mà vẫn bắt buộc phải tập chung sống với nó.

Đã như thế lâu rồi. Mỗi đêm, Tấm bình tĩnh lắng nghe những tiếng động tắt di ở đầu đằng kia hành lang, nơi bấy lâu nay nhà vua một mình một long sàng, đợi lúc phải vào giường, đợi thị nữ tắt đèn, đợi Cám. Chưa bao giờ Tấm mơ thấy Cám trong hình hài nguyên vẹn. Lúc nào cũng chỉ có cái đầu. Cái đầu Cám với thần thái của người sống, vẫn mắt môi, vẫn vành khăn vấn, vẫn thịt da tươi mởn như trước lúc chết, bay lãng đãng trong bóng đêm. Đáng sợ. Bởi qúa đỗi kỳ quặc.

Bao giờ cũng vậy, trong mơ chỉ có một mình Cám nói. Trong mơ, Tấm tê liệt vì kinh hoàng và căm giận. Và giọng Cám, ai oán, ảm dạm sẽ như tiếng tinh nứa siết vào nhau làm Tấm choáng váng, đau buốt suốt cả ngày sau. Đó là một cảm giác thuần túy thể chất. Nó làm Tấm rã rời. Từng

đêm... Từng đêm...

***

"Chị Tấm! Sao chị nỡ đọa đày mẹ con tôi đến thế. Sao chị nỡ bày ra cho mẹ con tôi cái chết tức tưởi thế này. Đã đành mẹ con tôi ác qúa với chị. Nên nỗi oán oán chất chồng. □c giả ác báo. Đành rồi. Nhưng chị hãy nhìn tôi! Đâu thịt da tôi? Đâu xương cốt tôi? Tôi đâu dám nói gì. Song chị có bao giờ thử nghĩ thiên hạ mai sau sẽ nói gì?"

Mắt Cám buồn rười rượi. Cái đầu Cám lắc lư trong không khí. Chỉ có độc cái đầu. Tấm nhớ lúc đó Tấm đã hét lên. Những cây cột chạm trổ sơn son thếp vàng trông đường bệ và tráng lệ là thế ban ngày mà lúc đó thì dứng sững như người trong một dáng vẻ tăm tối đầy hăm dọa. Không có nhà vua nằm cạnh Tấm. Chỉ có hai thị nữ rón rén bê đèn bước vào, rón rén vén rèm nâng Tấm dậy, rón rén nâng chén nước mời Tấm nhấp môi. Chén nước vối Tấm hằng quen và vẫn ưa dùng ngay cả lúc đã vào sống trong cung cấm tỏa mùi hương lạc lõng.

"Chị Tấm! Mẹ tôi gục chết bên hũ mắm làm từ thịt xương tôi. Chị có biết mình đã làm điều thất nhân tâm đến độ rồi không? Người mẹ nào cũng là hổ dữ khi bảo vệ con mình. Chỉ khi ấy! Sao chị nỡ bắt một người mẹ phải ăn thịt con. Chị nghĩ gì khi lóc thịt xương tôi làm mắm. Tôi đã bao lần cố công triệt thân tâm chị trên cõi sống này. Đã giết vàng anh. Đã chặt xoan đào. Đã đốt khung cửi. Đã không thành. Chị tưởng làm được điều ấy với tôi ư? Xấu tốt gì tôi với chị cũng là người. Xương thịt là do cha mẹ sinh thành. Nhưng trời đất định doạt số phần. Việc của đất trời, người không làm được..."

Cám im. Mắt ủ rũ nhìn sâu vào đêm tối, lướt qua mặt Tấm, ơ hờ. Cái đầu lắc lư như không thể nào cố định nổi, bập bềnh trôi trong đêm xôm xốp và rất dính. Tấm cố hình dung phần thân thể Cám từ cổ trở xuống. Không thể. Cái tươi mát thịt da xưa của Cám chính tay nàng đã băm vằm. Không phải để triệt hậu họa, cốt hả căm hờn. Phải! Cốt hả căm hờn.

***

Nàng đã tích hờn căm ấy từ bao giờ? Từ buổi chiều ngồi bên gốc gạo âm thầm khóc vì bị Cám trút mất giỏ cá chăng? Mất giỏ cá, mất yếm đào! Có làm gì cái yếm đào khi nàng biết rõ các anh trai làng chỉ ưa nhìn ngang khe yếm các chị lúi húi chiều chiều rũ cỏ rửa bèo ở ao đình! Có làm gì cái yếm đào khi nàng ngày ngày phải xắn váy mốc theo trâu đồng sâu đồng cạn!

Nàng tích oán thù từ buổi ngồi bên bờ giếng khóc bống con ư? Bống con tội nghiệp. Nhưng bống có thương nàng thì cũng thể con trâu Ngổ vẫn được nàng ngày ngày chăm bẵm thương nàng. Lúc nàng mất bống,

nàng chỉ mới biết khóc tủi thân mình.

Biết bao lần Tấm dằn vặt mình. Bao giờ, tự bao giờ nàng để oán thù kết lại? Bây giờ, năm tháng qua đi, nàng hiểu ra rằng nỗi căm hận mẹ con Cám đã bùng lên trong lòng nàng vào đúng buổi chiều gió ấy. Xóm làng xôn xao hội lớn. Trống thúc. Loa vang. Nàng gục mặt trên thúng thóc trộn lẫn gạo vừa giã, nước mắt lã chã hai hàng. Vì bất lực. Vì khao khát được đổ ụp lên đầu hai mẹ con Cám tất cả những ê chề nàng đã chịu đựng bấy nay. Và nhiều hơn thế nữa. Nhiều hơn thế nữa! Nhiều hơn thế nữa! Đến mức nàng không hình dung nổi. Nhưng nàng nhớ buổi chiều gió ấy, buổi chiều nàng để hận thốc lên. Khi ấy, Tấm không hề biết rằng hận đã nhen thì phải trả.

"Chị Tấm! Chị thử nghĩ mà xem! Tôi có ác thì tôi cũng đâu có tự tay giết chị. Tôi lấy mất của chị giỏ cá. Tôi gièm chị với mẹ tôi. Tôi làm cho chị phải ăn roi vọt. Nhưng tôi không giết chị. Tội của mẹ tôi, tôi phải gánh. Sao chị không cho đuổi tôi về làng. Như thế đã đủ ê chề sau những ngày tháng dập dìu xe xe ngựa ngựa. Sống giữa sự khinh khi dè bỉu của xóm làng, không chồng không con, không còn gì cả, vậy cũng cầm bằng như chết. Sống vậy đã chắc gì tôi còn dám sống. Sao chị không làm như thế. Nhất là cuối cùng chị đã có lại tất cả rồi.

Tôi giết vàng anh. Tôi chặt xoan đào. Tôi đốt khung cửi. Nghĩ cho cùng cũng chỉ là để xua đuổi tà ma. Chị lúc ấy là ma. Ma làm sao ở được với người. Ma làm sao chung chồng được với người. Chị Tấm! Tôi chưa bao giờ giết chị!"

Trong cơn mơ, Tấm thấy mình điên giận vì không sao cất nổi tiếng để mắng vào mặt Cám. Cám ủ rũ buông lời. Không ra buộc tội. Không ra thanh minh. Ừ phải! Ả chưa bao giờ giết Tấm. Ả chỉ lấy mất hoàng tử của Tấm. Nhưng có người sẽ không làm như Cám vào lúc đó chăng? Người ta vẫn thường bai bẻ mấy chữ "duyên em tình chị"....

Những giấc mơ làm Tấm mệt mỏi và dâm bẳn gắt. Tính khí Tấm sau lúc về sống lại nơi cung cấm làm ai nấy đều lo sợ mỗi lúc phải gặp nàng thưa thốt điều gì. Cả chồng nàng, đấng quân vương oai trùm thiên hạ. Chàng hoàng tử say đắm và quả quyết ngày xưa giờ là ông vua lúc nào cũng buồn rầu và có cái nhìn u ám. Nỗi buồn phủ chụp trên thân dáng nhà vua bây giờ sao khác qúa nỗi buồn thủa nhà vua cất tiếng "vàng ảnh vàng anh - có phải vợ anh - chui vào tay áo". Tấm bây giờ không còn là chim hoàng anh nữa, và lòng nhà vua lúc này với Tấm còn hẹp hơn ống tay áo năm nào. Nhà vua không mấy khi nhìn nàng, không mấy khi nói với nàng. Thần trí nhà vua đôi lúc nhuốm đầy vẻ gì làm Tấm không hiểu nổi và vì thế mà nàng càng hay nổi cơn giận dữ không chừng.

"Chị Tấm! Chị có biết vì sao chị lại ra nông nỗi vậy? Dù gì thì tôi với chàng cũng có với nhau những ngày những đêm nồng mặn, dẫu chàng vẫn thương nhớ chị không nguôi. Nhưng bây giờ, chị hãy thử nhìn xem, chàng ra thế. Thần sắc của chàng là thần sắc của người đã chán ngán thế gian này. Là thần sắc của kẻ bạc nhược. Kẻ bạc nhược sẽ phải đi tìm nơi cho linh hồn rũ liệt của mình nương tựa. Vào đâu? Trăng lên hoa nở! Rượu! Đàn bà! Nhưng sẽ không phải là chị. Bởi vì chàng đâu có còn thiết tha với sự đời. Kẻ đã không thiết sống thì không còn gì phải sợ hãi, không bao giờ đi tìm sự gần gũi bên một kẻ giết người. Tội ác bao giờ cũng làm người ta ghê sợ..."

Khi nói những lời dao cứa đó, Cám không hề lộ vẻ đắc thắng. Mắt Cám tràn ngập nỗi buồn. Cám cúi nhìn. Nhìn gì? Bên dưới cái đầu của Cám nào còn có gì ngoài đêm quánh đặc. Rất nhiều đêm sau đó, trong lúc nằm chờ cơn mơ dữ có Cám hiện về, Tấm đã bàng hoàng nhận ra ràng lời Cám nói trong giấc mơ đêm đó đã làm nàng đau đớn nhất. Nỗi đau, không còn được cưu mang bằng niềm thương thân hay căm hận, như một thứ cường toan gặm mòn năm tháng, gặm mòn đời người.

"Chị Tấm! Mẹ con tôi ác. Mẹ con tôi đã chịu qủa báo ngay trong kiếp này rồi. Nhưng ngẫm cho cùng, cái ác của mẹ con tôi cũng chỉ là cái ác bình thường. "Bao giờ bánh đúc có xương - Bấy giờ ..." (*) Chị nhớ chứ? Chị nhớ chứ "Đói lòng nằm gốc cây sung..."? (*) Tôi đã hoài hơi chống chọi với bóng ma chị. Vì chàng. Chị tưởng tôi thèm làm hoàng hậu suốt đời ư? Không! không phải thế! Tôi chỉ thèm làm vợ. Tôi chỉ thèm thấy lại một lần cái nhìn buồn bã của nhà vua dù sao cũng sáng lên khi chàng thấy tôi đi tới. Chàng biết hết tội của mẹ tôi, chàng biết hết lỗi lầm của tôi, nhưng chàng cũng biết lòng tôi thiết tha với chàng đến thế nào, không phải từ sau khi tôi thay chị vào sống trong cung, mà là từ hôm ấy, từ hôm tôi hồi hộp ngước nhìn chàng và xỏ trượt hài thêu. Phải, chiếc hài là của chị. Chàng biết cả, nhưng chàng cũng biết rằng... Đứa con gái nào đã xếp mình vào hàng để thử hài chẳng vì lẽ ấy... Vậy mà chị nỡ... Chị đã hủy hoại tấm hình hài mà chàng đã nhiều đêm ôm ấp. Chị đã tự hủy hoại.

***

Sau đêm ấy, Cám thôi không hiện về. Nhưng những đêm dằng dặc sống cùng cơn mơ dữ đã tạo trong Tấm một thói quen không thể nào bỏ. Giống hệt như một thứ bệnh nghiện. Càng ngày càng tệ hại hơn. Trước, Tấm còn có thể chợp mắt đầu đêm trước lúc Cám hiện về. Giờ thì nhiều đêm Tấm chống mắt, tự hành hạ bằng cách nhắc cho mình từng lời Cám nói. Từng lời. Từng lời. Như nước lạnh rỏ đều đều vào tâm trí, không làm Tấm khiếp hãi nữa, nhưng khiến Tấm tê buốt tới tận từng chân tóc. Sáng

nào chuyện phải cất mình khỏi giường, đi lại, ăn uống, sai bảo, bàn bạc cũng làm Tấm chỉ nghĩ tới đã bải hoải. Sự mệt mỏi qúa độ giờ đây làm Tấm mềm tính lại. Nàng lại gần giống như Tấm của ngày xưa, yếu đuối, dịu dàng, nhưng khô khan, hốc hác. Gò má Tấm cao lên, đôi mắt nàng sâu xuống, lúc rừng rực một cái nhìn, lúc lại như lạc thần. Người hầu kẻ hạ thôi không còn phải lo đối phó với những cơn tức giận không chừng của nàng, tươi tỉnh hơn, thế nhưng ai cũng có vẻ càng thêm ngại Tấm. Riêng có nhà vua thì dường như càng ngày càng chìm sâu hơn vào ảm đạm. Một chiều kia, Tấm chua xót nhận ra rằng ánh mắt bơ vơ của nhà vua lúc dõi nhìn bông hoa súng đã tàn trên đầm nước nhuốm đầy vẻ khinh bỉ và ghê sợ khi chạm phải cái nhìn của nàng. Phải! Đúng vậy! Ghê sợ!

Cái nhìn của nhà vua làm bước chân Tấm run rẩy. Nàng tuyệt vọng. Nàng có cảm giác như tất cả, nhà vua, kẻ hầu người hạ trong cung đều nghe thấy hằng đêm lời Cám kể tội nàng, khiếp hãi và thương cảm cái kiếp làm ma không toàn thây của Cám. Nàng có cảm giác ai cũng sẽ hỉ hả nếu được thì thào với nhau về những lời Cám nói, và nếu điều đó chưa xảy ra thì cũng chỉ bởi người ta còn đang muốn sống mà thôi.

Tấm đâm vừa ghét vừa sợ người. Lúc đi đứng lúc nằm ngồi, lúc nào nàng cũng cảm như rờn rợn. Kể cũng lạ lùng, bởi đến ý nghĩ một lúc nào đó Cám lại sẽ hiện hồn về giờ đây cũng không còn làm nàng khiếp hãi. Càng ngày Tấm càng thích khép mình trong phòng cùng hai thị nữ, vốn là bạn gái ngày xưa được Cám gọi vào cung. Nhưng cả họ rồi cũng bắt đầu làm Tấm sợ và ghét, bởi vẻ rụt rè vô cảm, bởi sự tận tụy gần như là cam chịu mà họ trình bày với Tấm mỗi ngày.

Tấm bắt đầu nâng hương khói. Thắp nén hương lên là nàng hăm hở cầu xin. Nàng muốn bao nhiêu điều. Lòng thương sót lại ở nhà vua, ở chồng nàng. Sự tĩnh tâm. Niềm an ủi.

Ngày xưa, không cần hương khói, Bụt vẫn hiện lên với nàng, che chở bảo ban nàng. Bây giờ, Tấm van vái thế nào nàng vẫn chỉ một mình. Càng về sau, dù thành tâm bao nhiêu khi thắp hương, Tấm vẫn thấy ý nghĩ mình tách khỏi những lời cầu nguyện, đi lạc đâu rất xa. Tiếng nghé ọ buổi trưa nào giữa đồng không mông quạnh khi nàng ngồi tránh nắng bên gánh cỏ trong ngôi cầu Đồng bán... Những cái càng cua luều nguều trên luống đất mới cày vỡ sau vụ gặt chiêm... Và nỗi buồn đeo đẳng đã làm vỡ òa ở nàng suốt những ngày tháng xa xưa bao nhiêu là nước mắt, chỉ vì không được cảm thông, chỉ vì không được yêu thương...

Nước mắt nàng đã khô đi sau bao nhiêu thống khổ mà mẹ con Cám đã gây ra. Nàng đã khóc chỉ vì không được sống. Nàng đã không khóc khi tước đi sự sống của một con người. Máu kêu trả máu là lẽ thường tình. Cái

lẽ thường tình ấy bây giờ làm nàng không khóc nổi. Tấm giơ bàn tay ra trước ánh nắng quái rừng rực đỏ, nhìn, chua xót. Nàng, với bàn tay này đã dội nước sôi lên người Cám, đã lóc xương lột da Cám làm mắm. Và mẹ Cám chết gục bên hũ mắm ăn đã gần chạm đáy. Thật là đúng với lòng nàng khao khát trả thù. Hổ dữ cũng không ăn thịt con mình. Tại sao nàng đã giết người mà còn buộc người phải làm cái việc đến cầm thú cũng không làm. Cám nói đúng. Cám có lý. Thần sắc của nhà vua bây giờ là thần sắc của người không còn thiết sống. Ai có thể tiếp tục yêu thương, ai có thể yên tâm nhận yêu thương từ bàn tay của kẻ đã dám làm điều ác cùng cực thế...

...Tấm ngồi chết lặng bên khung cửa sổ mở về phía hoàng hôn. Nàng không còn nghĩ tới chuyện van vái khói hương. Nàng biết, nàng không còn có thể làm gì...

Lòng Tấm chua xót, bình tĩnh, trống trải, trống trải vô cùng. Tấm thở dồn. Bất ngờ qúa đỗi, nước mắt Tấm từ từ dâng lên từ lồng ngực, ứa ra, chảy thành dòng lặng lẽ. Hoàng hôn gãy khúc thành muôn đốm chói rực. Như cái màu hoa gạo buổi chiều tháng ba ẩm ướt năm nào, khi Tấm ngồi khóc vì bị mất giỏ cá. Cái màu hoa cháy trong mưa, thảng thốt một trời xuân xa lắc. Tấm khóc. Ràn rụa...

..Đêm đã kéo tuột vừng mặt trời đỏ như qủa bòng lửa xuống. Chỉ còn một chân trời tím thẫm dang dùn sương bảng lảng. Từ chân trời ấy, Bụt bước ra. Bụt bảo Tấm, giọng nghiêm, hiền, cực kỳ buồn bã:

- Đấy chính là điều kỳ diệu nhất ta có thể cho con. Nhưng con ạ, điều kỳ diệu nhất bao giờ cũng là điều kỳ diệu cuối cùng.

Lê Minh Hà
27.8.2000

Quí độc giả lâu nay vẫn thích đọc tùy bút của nhà văn Trúc Chi trên Văn Học, xin tìm mua

đó đây...

tập tùy bút của Trúc Chi
Tạp chí Văn Học xuất bản
dày 240 trang, giá 12 MK
Văn Nghệ phát hành vào tháng 12.1999

Viết cho người không hiểu

Phạm Hải Anh

Thỏ xương rồng

Nghe bảo để xương rồng trên bàn làm việc rất tốt cho mắt, em vẫn định mua nhưng cứ quên hoài. Có lần em giận anh, mấy ngày liền không nói chuyện, anh mang về một cây xương rồng tặng em để làm lành. Cây xương rồng nhỏ xíu, hai mẩu lá vênh vểnh như tai thỏ, trông yêu thế ai mà ghét cho được. Em đặt xương rồng vào cái tách cà phê bằng gốm màu xanh lơ. Chú thỏ xanh từ đấy đứng hoài trên bàn làm việc của em.

Bàn làm việc của em rộng nhưng bề bộn đủ thứ, computer, keyboard, sách vở, hộc đựng tài liệu, đèn bàn... Thỏ xương rồng bé bỏng đứng ngập ngừng ở góc bàn, đúng chỗ nắng rọi. Khi nào mệt mỏi, em nhìn ra góc ấy, ngắm cái tai xanh vểnh trong nắng là thấy lòng mình thư thái lại.

Thỏ xương rồng không cần chăm sóc nhiều, tuần vài giọt nước là đủ. Vậy mà nhiều khi em vẫn quên, như anh chắc cũng chẳng còn nhớ đến xương rồng trong mớ những tặng vật lộn xộn đã trao và nhận. Mình đã quên nhiều thứ trong đời. Để đến một ngày em bàng hoàng nhớ lại...Và nhận ra thỏ xương rồng cũng có những chùm gai.

Sân và Si

Hôm trước ngày anh đi, em về nhà thấy một bình cá. Giống như một giọt nước khổng lồ trong suốt đọng trên bàn. Hai chú cá vàng tung tăng xuyên giữa mấy nhành rong xanh mượt và sỏi trắng yên lặng trải dưới đáy. Anh bảo quà cho em đỡ buồn đó.

Em đặt tên cho cá là Sân và Si. Con Sân lớn hơn, có đốm đen ở đuôi. Còn Si thì nhỏ, chỉ một màu vàng óng ánh. Em nghĩ si phải như thế, khiêm nhường, thuần khiết không pha tạp. Mỗi lần cho cá ăn, em không gọi bống bống bang bang. Em chúm môi hôn gió thật kêu, như chuỗi hôn chào thân ái của những ngày thơ bé. Có tình yêu nào không ham muốn thế không anh?

Anh đi chẳng viết một dòng về. Ngày ngày em cho cá ăn và nghĩ. Sân Si ở ngoài em, sân si ở trong em...Giá như có thể đổi chỗ chúng cho nhau. Giá như có thể đập lòng vỡ mình bắt lấy nỗi buồn như bắt cá. Giá như mình đừng bao giờ phải nói giá như...

Lá chua me bốn cánh

Một ngày hè xưa mình ngồi trên đám cỏ chua me. Anh bảo ai thấy lá chua me bốn cánh sẽ là người hạnh phúc. Em cúi xuống tìm, bứt lên chiếc lá đầu tiên. Chiếc lá mượt xanh, bốn cánh xòe cân xứng. Anh đã không tin vì hạnh phúc đâu dễ có bao giờ.

Chiếc lá bốn cánh cuối ngày tàn héo. Em thả rơi xuống vệ cỏ bên đường. Gió cuốn nó về đâu em không biết nữa. Chỉ nhớ rằng mình đã có một ngày vui.

Từ ấy mỗi lần bên cỏ em hay nhìn lại. Trong bạt ngàn chua me, chiếc lá nào bốn cánh cho em ? Cũng có thể chẳng bao giờ gặp nữa. Nhưng em tin và vẫn đi tìm.

Đã phát hành khắp nơi:
Chủ đề
Giai phẩm Mùa Thu 2000
Mùa thu trong văn chương

Dày 220 trang, Giá USA 9MK, ngoài USA 11MK
Điều hành: Nguyễn Trung Hối
P.M. Box 286, 11919 N. Jantzen Ave.
Portland, OR 97217-8195 USA
Phone: 503-289-2084. Email: trunghoi@juno.com

Con đường về

Ngụ Thuyết

Bốn người chúng tôi ghé lại một cái quán bên đường mua thêm mấy chai nước suối mang theo phòng khi lên vùng mộ xa xôi vắng vẻ lỡ có khát lấy ra uống. Mùa hè. Buổi xế trưa nắng oi ả. Thi vừa lấy cái nón vải đang đội trên đầu phe phẩy quạt vừa nói:

"Em từ nhỏ tới lớn bây giờ mới đi ra hướng ni lần này là lần đầu. Các anh chắc đã đi nhiều lần rồi chứ gì?"

"Quang và Vinh thì anh không biết, riêng anh lần này là lần thứ hai. Nhưng đi về hướng nam thì anh đi nhiều lắm. Trước kia, trước 75, mỗi lần có công tác tại Đà Nẵng, anh vẫn thường lấy máy bay từ Sài Gòn ra Huế rồi đáp xe hơi từ Huế vào Đà Nẵng để được đi trên con đường đó. Con đường đẹp qúa. Núi, sông, biển, cồn, bãi, làng mạc, đồng ruộng, xóm chài, con đèo...Cảnh đẹp như tranh."

" Việt kiều có khác," Quang ngắt lời." Anh Minh nói toàn chuyện đâu đâu. Em thì khác. Đi đường bộ vô Đà Nẵng trước hết phải ghé Cầu Hai ăn cá. Cá Cầu Hai ngon có tiếng. Trước đó hay sau đó một quãng thôi cá lại dở ẹt. Ngang qua Truồi thì mua dâu. Tới Lăng Cô có sò huyết với mực. Bánh bột lọc nữa. Nhắc tới là em đã thấy khoái khẩu. Ngày mai đi Cầu Hai nhậu, rồi qua Bạch Mã ..."

"A Bạch Mã," Thi reo lên. "Em chưa biết. Nghe nói đẹp lắm phải không anh? Mà có xa không?"

"Không, gần lắm. Từ quán ăn đi một chút gặp ngả ba rẽ phải, băng ngang qua ngôi chợ nằm dọc theo con lộ nhỏ, rồi đi thêm một đoạn ngắn nữa là tới chân núi Bạch Mã. Lẽ ra hôm nay đi Bạch Mã thì hay hơn, mà anh cứ đòi thăm mộ, thăm mộ. Đồng ý chứ anh Minh, ngày mai đi Bạch Mã."

"Không được rồi, các em."

Quang nhún vai nói dấm dẳng:

"Anh bận lắm sao? Hay vì lý do khác? Nếu vì lý do tài chánh thì... Em có thể trả mọi chi phí cho chuyến đi Bạch Mã vậy. Em có tiền, dư xăng mà!"

Tôi hơi giật mình ngạc nhiên trước cái lối ăn nói sỗ sàng của Quang. Tôi chưa kịp phản ứng thì Thi, vợ Quang, chen vào:

" Quang! Hôm nay anh ăn phải cái chi mà nói lung tung rứa. Ai không biết anh là triệu phú mà phải khai ra. Anh Minh ơi, nhà em ưa ba hoa, anh đừng chấp làm chi cho mệt."

"Anh đâu có ba hoa," Quang tiếp. "Còn điều này nữa, em nói cho anh nghe. Mà em nói là nói chung chung thôi nhe, không có ý nhắm vào ai đâu, Việt kiều về nước khoái đi thăm mộ lắm. Nhưng anh cũng đã thăm mấy ngôi mộ chính rồi, lại còn đi thăm mộ ngài làm chi cho xa. Chiến dịch về nguồn, về cội, gì gì đó, phải không? Nhưng về Huế mà không đi Bạch Mã là một thiếu sót lớn."

Tôi cảm thấy khó chịu thật sự thằm nhủ mới ngày nào nó là một thằng em ngoan ngoản, nếu không muốn nói là nó luôn luôn nể sợ ông anh lớn tuổi hơn nó nhiều. Bây giờ vật đổi sao dời, nó lạ lùng quá chừng. Tôi cười gượng:

"Quang! Em đùa không ra đùa, thật không ra thật. Không nên vậy. Anh quên nói cho các em biết rằng hôm nay là ngày chót anh ở Huế. Sáng mai sớm anh đi Đà Lạt, mua vé rồi. Còn chuyện này nữa, em và anh cứ giành nhau trả tiền ăn tiền uống như từ hôm qua đến giờ thì thật là phiền phức. Cứ để anh lo mọi chi phí. Anh đã dự trù một số tiền cho chuyến về thăm, thì phải tiêu cho hết. Đừng có lắm chuyện, mất vui, nghe!"

Vinh, thằng em út trong gia đình, vốn tính ít nói, bây giờ mới chịu lên tiếng:

"Anh Quang rắc rối lắm!"

"A cái thằng này! Rắc rối cái gì? Nhớ là mày dẫn đường đó nghe, chớ tao không biết đâu đó. "

"Anh chưa đi, anh không biết. Nhưng em đã đi một lần hồi còn ba. Yên chí."

Ra khỏi quán, tôi ngồi sau Vinh, Quang chở Thi. Hai chiếc Honda loại tốt chạy nhanh trên con đường nhựa nhỏ và dài dưới cơn nắng già giận. Gió ào ào, tóc bay lồng lộng. Tiếng chim kêu, tiếng gà gáy, tiếng chó sủa, tiếng người ơi ới văng vẳng bên tai như đã có từ đời nào. Cảnh vật quá quen thuộc mà cũng thật là mới mẻ nối tiếp nhau dàn trải ra trước mắt, nhưng sao lòng cứ bùi ngùi. Trong gió, thoang thoảng mùi cỏ cây,

hoa trái man mác, mùi đồng ruộng, ao chuôm ngai ngái, mùi rơm rạ gây gây. Thế là tôi đã trở lại quê hương sau hơn mười năm xa cách. Đó là điều tôi không ngờ tới. Từ hồi bỏ nước ra đi, tôi nghĩ rằng tôi sẽ không bao giờ trở về. Vậy mà bây giờ tôi đang đi trên những con đường này. Tôi đã gặp lại những người tôi tưởng tôi không thể bao giờ gặp lại, những bà con, bạn bè, quen biết, không còn bao nhiêu, phần đông đều mừng rỡ một cách chân thành, nhưng cũng có người nhìn tôi bằng con mắt hoặc u ám hoặc lạnh nhạt hoặc ganh tị hoặc khinh thường. Một đứa cháu mà khi xa cách tôi thường nhớ đến nhiều hơn cả đã nói với tôi bằng một giọng buồn buồn, cháu tưởng chú không bao giờ về chứ, chú...chú đi luôn là phải. Cháu nói gì vậy hả cháu? Còn chánh quyền địa phương? Không ai hỏi tôi, không ai gặp tôi, và tôi cũng không gặp ai cả. Giấy tờ nộp cho công an phường thì đã có anh bạn thân lo liệu cho hết. Tôi lờ vờ như con đà điểu dúi đầu xuống cát.

Qua khỏi vùng An Cựu, An Hòa, chúng tôi hướng về phía Văn Xá. Chạy hơn nửa tiếng gặp một chiếc cầu khá dài. Cầu gì đó Vinh? Cầu An Lỗ. Vừa qua khỏi cầu Vinh rẽ trái chạy dọc theo con sông. Quang và Thi theo sát đằng sau. Tôi chồm người lên hỏi Vinh:

"Con sông nước trong ghê, lớn không kém gì sông Hương. Sông gì đó em?"

" Sông Bồn. "

Tôi ngoảnh đầu nhìn. Bờ sông nhiều đoạn quá cao so với mặt nước, những cồn cát hoang không một bóng người, không một chòm cây nằm đây đó giữa lòng sông, năm ba chiếc đò rách rưới trông như những cánh bèo trôi giạt, bên kia sông những mái tranh già nua, xám xịt phơi mình dưới nắng, về phía thượng lưu, đồi nọ đồi kia nối tiếp như không bao giờ dứt, và xa hơn nữa, những vệt xanh lam nhiều lớp chồng lên nhau mờ mờ. Đó là dãy Trường Sơn. Sông Bồn, sông Bồn, tôi nhắc đi nhắc lại nhiều lần rồi bỗng nhiên lại nhớ những câu thơ thuộc lòng từ mấy mươi năm về trước thời còn trung học. Tôi lẩm nhẩm đọc:

Sông Bồn gần chốn cát lầm
Lau già trúc cỗi âm thầm quanh hiên
Tiếng chi đó nghe liền sớm tối
Quyên kêu sầu vượn nói véo von
Hoa xuân nở trăng thu tròn
Một mình tay chuốc chén son ngập ngừng...

"Thơ nghe buồn quá. Nhưng em nói sông Bồ. Sông Bồ chứ không phải sông Bồn."

"Thế à. Hồi nãy nếu không rẽ trái mà rẽ phải, thì tới đâu?"

"Sịa."

"Còn cứ chạy thẳng?"

"Tới Phò Trạch, Mỹ Chánh, Diên Sanh, rồi Quảng Trị."

"Em rành quá. Biết hết."

"Sau 75 em có đi lao động ngoài Quảng Trị, Đông Hà gần hai năm. Lao động cực khổ nhưng còn hơn tù cải tạo như anh. Mỗi tháng em đạp xe đạp về Huế thăm nhà một lần."

Mỹ Chánh! Phố Buồn Hiu! Cổ Thành Quảng Trị! Cờ bay, cờ bay! Tôi cố nén tiếng thở dài mà không được.

Đúng là sông Bồ, thế mà tôi lộn tên là sông Bồn! Từ hồi bé xíu tôi đã nghe nói tới con sông Bồ chảy qua quê ngoại của tôi là làng Vân Cù, có ngôi chùa và cái đình cả xưa đến bảy đời vương, bán bún tươi, bún con, bún lá, bún mớ, bún sợi, ăn với nước mắm ớt tỏi chanh đường là đủ ngon, tiếng chày dạp giã bột thùm thụp ngày đêm nghe như tiếng trống ngực hồi hộp khi cô kêu lên bảng hỏi bài, trước đó là làng Triều Sơn chằm nón , rồi tới Nam Thanh với nhiều lò gạch nung mái hình chùm cau đỏ sẫm khói trắng từ đó bay lên trời cao làm tôi lo sợ cho cái lò chắc là sắp cháy rụi, đi xa thêm một quãng là làng Hương Cần nổi tiếng quýt ngọt thì tôi lại mong sao cho chóng lớn để được đi theo ông anh họ trật búa trật sên tới đó trèo lên những cây quýt đầy gai hái trộm ăn cho đã đời, và bên kia sông là làng Phù Lương, quê ngoại của ông vua dữ dội ngang tàng bị Tây vô cớ khi không đem người ta đày đi lỗ mô mất đất. Sông Hương và sông Bồ, hai con sông lớn của quê hương tôi như hai chị em ruột ôm ấp lấy Thừa Thiên-Huế rồi cùng rủ nhau kéo tới phá Tam Giang để về với biển mẹ. Này hai con sông ơi có khi nào hờn dỗi nhau không, cho tôi hỏi? Cô chị xinh đẹp, duyên dáng, đài cát, tiếng tăm vang lừng khắp chốn, cô em đơn sơ, mộc mạc, nhũn nhặn, sống lủi thủi, âm thầm nơi quê xa.

"Sắp tới chưa Vinh?" Tôi hỏi.

"Không còn xa mấy. Mộ ngài ở Hiền Sĩ." Vinh vừa nói vừa cho xe giảm tốc độ, quay đầu nhìn những con đường xóm bên phía phải. Quang chở Thi từ đằng sau vượt qua, nói vói:

" Tìm thấy chưa? Lẹ lên đi!"

Quang vẫn lái nhanh trên con đường nhỏ chạy ven sông Bồ. Con đường trông như con rắn khoan cặp nia dài dằng dặc bò qua những lũy tre, những ruộng đồng, làng xóm, có đoạn đã được tráng nhựa đen, có đoạn đá dăm lởm chởm, có đoạn cỏ mọc lan vàng vọt. Thỉnh thoảng gặp những lớp rơm rạ phơi đầy mặt đường, xe cứ việc loạng choạng lăn bánh qua, rơm rạ càng chóng khô. Bỗng Vinh gọi to dừng lại, dừng lại, và chúng tôi rẽ vào một xóm vắng.

"Lạ thật, qua khỏi hai lùm tre là mộ ngài. Sao không thấy. Chắc mình lộn xộm."

Quang cười khẩy:

"Không lộn đâu!"

"Sao anh biết? Anh chưa đi thăm lần nào cả mà."

"Chưa nhưng vẫn cứ biết như thường. Anh nghe nói, bán tín bán nghi, mộ ngài đã bị tụi Mỹ nó cào đi rồi. Bây giờ đến đây không tìm ra anh mới tin đó là sự thật."

Tôi ngạc nhiên:

"Mỹ cào mộ? Vô lý!"

"Vô lý mà nó vẫn làm mới kỳ chớ," Quang tiếp lời, mặt lạnh như tiền.

Thi lườm Quang:

"Anh nói ngang xương như rứa ai mà hiểu nổi. Để em kể lại cho có đầu có đuôi. Chú Vinh lúc đó còn nhỏ quá chưa biết chi mà anh Minh thì ở tuốt trong Sài Gòn ít khi về thăm nhà. Hồi đó đánh nhau lớn. Trước 75, khoảng 70,71 gì đó, Mỹ đóng đồn gần đình làng Hiền Sĩ... Quang, để em nói cho hết, đó là mệ kể cho nghe chớ không phải em bịa đặt đâu. Du kích thường hay tới đây núp sau mộ ngài bắn tỉa vô. Mộ ngài to lớn, vững chắc như cái pháo đài, cho nên có một lần đánh nhau Mỹ đem máy bay tới dội bom ngôi mộ rồi sau đó cho xe ủi đất tới san bằng. Nhưng ngài công đức và linh thiêng lắm nên dân địa phương đã tìm được bia mộ cất giữ rồi giao lại cho bà con mình. Nay ngôi mộ đã được xây lại đàng hoàng tại vị trí cũ, em nghe nói như rứa đó. Với lại giả sử bà con mình chưa kịp xây lại đi nữa, ngài cũng đã từ lâu được thờ phụng trong Thái Miếu như là vị khai quốc công thần triều Nguyễn. Ngài được phong Nghĩa Hưng Quận Vương."

"Thi biết nhiều chuyện ghê", tôi tiếp lời. "Cô dâu này coi bộ khá hơn mấy ông con trai. À mà...Vậy thì vùng này hồi đó là vùng xôi đậu?"

"Đúng thế," Quang đáp. "Ở đây là xôi đậu, nhưng cứ theo con đường cái ngoài kia hồi nãy mình đi tiếp tục đi sâu vào vài mươi cây số nữa là tới chiến khu Hòa Mỹ. Đó là một căn cứ lớn của Cách Mạng. Đó cũng là nơi gốc gác của người dân tộc Pahi. Hồi Mậu Thân sau khi rời Huế, bộ đội và những người mới theo đều tập trung về Hòa Mỹ trước khi rút lui để bảo toàn lực lượng."

"Theo hay bị bắt đi theo?" Vinh cười cười.

"Tùy," Quang gắt. "Muốn biết rõ mày cứ đi tìm những người đó mà hỏi."

Tôi chen vào:

"Có lẽ họ đi theo. Vì những người không được cho theo, không được cho ở lại, hoặc không chịu đi theo đều đã bị chôn sống trong nhiều mồ tập

thể."

Quang quay ngoắt người lại nhìn tôi như nhìn một khúc gỗ. Tôi muốn tát cho nó một bạt tai. Cố trấn tĩnh, tôi dằn giọng:

"Quang! Sửa lại cái cử chỉ đó đi!"

"Hai anh, hai anh ơi, hai anh nói cái chuyện chi chi rứa hả hai anh?" Thi khẩn khoản. "Nghe em nói đây này. Mình đi lộn xóm rồi. Chiều em một chút đi! Đi đi anh, đi đi Vinh. Đi tới xóm sau coi thử ra sao, nghe anh Minh!"

Chúng tôi sục sạo đi vào nhiều lối xóm mà cũng không tìm thấy ngôi mộ. Trời tối dần. Tôi cáu kỉnh:

"Hay mộ ngài lại bị cào một lần nữa?"

"Có lẽ không đâu anh," Vinh nhìn tôi buồn bã. "Lỗi là tại em. Em cứ ỷ y rằng không có gì thay đổi nên không lo hỏi trước. Trở lại đây mọi thứ đều khác xưa. Nhà cửa, đường sá, cây cối đều lạ hoắc. Tìm một chốc nữa đi anh!"

Trời càng tối. Quang như cái bóng lặng câm không nói một lời, Thi thỉnh thoảng buông tiếng thở dài.

"Thôi, để dịp khác rồi thăm", tôi đưa ý kiến.

"Nhưng mai anh đi rồi," Thi nói giọng nghèn nghẹn. "Em biết anh cần thăm mộ ngài lắm. Cố tìm thêm chút nữa nghe anh."

"Tối quá, không tìm được đâu. Sang năm anh lại về rồi tìm."

Xa xa con sông Bồ âm thầm thao thức ôm lấy những cồn cát hoang vắng giữa lòng sông. Những chiếc đò rách nát hẳn đã tìm được chỗ đậu qua đêm trên một bến cô liêu nào. Không có trăng. Sao mọc lưa thưa lúc mờ lúc tỏ qua những đọt tre xơ xác ngả nghiêng. Gió từ thượng nguồn con sông thổi về lành lạnh. Chiến khu Hòa Mỹ nằm khuất nơi đâu? Những người thuộc sắc tộc Pahi quanh năm bám vào miền đất hiểm trở ấy bây giờ hẳn đã yên giấc ngủ từ khi mặt trời vừa tắt? Dãy Trường Sơn chìm trong biển tối. Từ một ngọn đồi thấp tôi quay người nhìn về hướng thành phố Huế. Có ánh đèn. Có dòng sông tuổi nhỏ của tôi. Có ngôi nhà nay đã sửa sang đẹp hơn một chút nơi thờ phụng ông bà cha mẹ tôi, nơi tôi cất tiếng khóc đầu tiên trong đời. Tôi bỗng nhớ lại câu nói của đứa cháu hôm mới gặp tôi, "Cháu tưởng chú không bao giờ về...chú đi luôn là phải." Đúng vậy, hồi còn trẻ chú cũng nghĩ như cháu bây giờ. Nhưng người ta đến một tuổi nào đó sẽ nghĩ lại, sẽ có lúc cảm thấy mình như chiếc lá vàng trên cành cây không biết lúc nào thì rụng xuống. Vàng đằng nào rồi chiếc lá cũng có ngày rụng xuống, chỉ mong gặp được gốc một lần cho đành lòng rồi sau đó gió muốn đưa đi đâu thì đưa. Cho nên Vinh ơi, Quang và

Thơ Như Chi

Tháng Bảy

lười lĩnh ngày hè
nhớ sóng biển và hải âu
những lâu đài nhỏ
những chú còng
se cát mỏi
mệt

Tháng Tám

nắng và nắng
mùa hè quyến luyến
mặt trời, mây và màu xanh
nhớ những cơn gió mát

Tháng Chín

dịu xuống bằng những sợi tơ mưa
tiếng chim buổi sáng nghe hớn hở
nắng khẽ khàng qua từng ngọn lá
chừng như khắp trời là mùa thu
dịu xuống bằng hơi sương
tấm lòng của nước
có khi muốn khóc
vì yêu thương

Thi ơi, hãy quên hết mọi chuyện xảy ra ngày hôm nay đi. Sang năm anh dành giụm tiền để về. Để thăm mộ ngài.

Ngụ Thuyết
Tháng Chín 2000

Cha, Con

Thu Thuyền

Anh ngồi yên lặng nghe nhưng khi vợ ngừng nói, anh đứng dậy: "Không bao giờ anh gọi ông ấy là "cha" nữa. Em đừng mất công hàn gắn. Có những cái anh chiều em được nhưng chuyện này: Không! "

Cô nhăn mặt:

"Trời ạ! Sao con người có thể mang nỗi thù hận dai dẳng đến thế?"

Anh lẳng lặng bỏ ra sân, châm một điếu thuốc lá. Không lẽ anh dài dòng kể lể như một chị gà mái lắm điều, rằng ông già đã từng phán trước mặt bạn bè, "Con cái đứa nào có tìm đến tao cũng chỉ vì nhòm ngó gia tài chứ chả báu gì thằng này". Câu này lọt đến tai anh, chẳng khác một ngọn lửa tam muội đốt sạch tình phụ tử. Đàng nào chuyện cũng đã thối bét rồi, giải thích hay không cũng vậy thôi.

Mọi sự bắt đầu từ vụ hợp tác làm ăn của ba cha con cách đây mười năm. Sau khi má mất, ba anh vẫn độc tài và ưa chơi chèn thiên hạ nhưng tự nhiên thêm tật thích tiền. Thật nhiều tiền!

"Đức, Dũng. Ba cha con mình chung vốn, tách riêng ra khỏi công ty phân phối đồ biển của tụi Hoa kiều. Muốn ăn phải lăn vô bếp chứ cứ làm mướn hoài khó mà giàu. Hơn nữa, tội gì làm công trong khi mình đã quen thẳng với chủ vựa cá ở Canada?", Ba bảo với hai anh em. Dĩ nhiên anh và thằng Dũng đồng ý. Góp được một số vốn nhỏ. Anh cạy cục liên lạc với chủ vựa cá. Cùng năn nỉ phía khách mua với lời hứa sẽ không tính thêm tiền công cưa cá. Mẻ này bán đi, lời đem về $10,000! Hai anh em cưa mớ cá đông lạnh xong, ngón tay cóng không duỗi ra được mấy ngày trời. Bàn tay co quắp giống hệt mấy con cua. Nhưng không sao, tiền vô là thấy ham rồi!

"Đức, Dũng. Ba cha con mình dốc hết túi ra đánh bạc vố lớn hơn

nghe!", Ba ra lệnh. Kỳ này, anh bỏ tiền riêng, lấy vé máy bay đi Canada gặp chủ vựa cá. Tiếng Tây tiếng Anh ấp a ấp úng thôi, nhưng được việc. Thằng Tây đồng ý mở trương mục. Chuyển tiền vô xong, nó gửi mớ cá và tôm hùm có giá trị gấp đôi. Kỳ này hai anh em khôn. Quấn thỏi cá vô khăn lông cưa cho đỡ cộng. Khăn ướt là vứt ra hiên, hong cho ấm lại. Tiền nhiều lại để lời thêm. Làm ăn sòng phẳng với Tây, nó ưng bụng lắm. Cứ tăng hải sản thêm đài đài. Các tiệm ăn bắt đầu tin tưởng. Gởi mua thêm đầu chiên, bột tempura, ly giấy, khăn giấy, muỗng nĩa nhựa linh tinh... để khỏi mất công lấy hàng từ nhiều điểm.

"Đức, Dũng. Ba cha con mình bớt tiêu hoang, để mướn nhà kho rộng rãi và văn phòng cho tử tế. Thiên hạ thấy công ty bề thế mới dám đặt mua hàng thoải mái chứ", Ba anh tươi cười khuyên. Tội nghiệp ông già. Chưa buôn bán đến đâu đã dệt mộng tùm lum. Hai anh em không nói gì, chỉ cật lực đưa cá vô dàn cưa máy: Ề... ề... ề... sột! Từng khúc cá cắt vuông vắn rơi xuống khay, cho các hãng Fish and Chips bọc bột bỏ vô chảo chiên. Hình như lâu lắm rồi, ba cha con chưa được ngủ quá bốn tiếng một đêm, chưa biết thứ bảy chủ nhật khác ngày thường như thế nào và mũi cả ba lúc nào cũng phảng phất mùi tanh tưởi của cá tôm và dường như quên lửng... hương vị đàn bà!

Đùng một cái, ông già anh mướn được nhà kho lớn, có cả văn phòng ngay cạnh. Anh lấy làm lạ: Bao nhiêu vốn trút vào hàng tồn kho, đào đâu ra của dây? Chưa kịp khen ba thì anh đã nhìn thấy cái xe Toyota của mình bị đụng móp đầu. Ông già tỉnh bơ khoe: "Trong lúc mày dùng xe hàng đi giao cá, tao có việc gấp phải mượn đỡ xe mày. Xui. Bị một cái Mercedes đụng. Tao sợ quá đứng không muốn nổi. Thằng chủ xe tưởng tao bị thương, hoảng hồn đưa tiền mặt cho tao để tao khỏi đòi thưa kiện, khai báo hãng bảo hiểm lôi thôi. Tao lấy tiền ấy mướn văn phòng, nhà kho. Lại dư chút đỉnh tính mua dàn máy điện toán. Ngon lành không?". Anh thấy ông già có vẻ rủng rỉnh nên lật đật xin tiền sửa xe kẻo ông ta cao hứng sắm máy móc hết sạch. Ông tảng lờ hối thằng Dũng đi mua cái miếu nhỏ, lẫn nhang đèn và trái cây để cúng thần tài. Anh giận nhàu trước chiếc xe bị tông méo mó. Nhưng thấy ba và thằng Dũng hào hứng kê dọn văn phòng, anh đành gượng vui, "Thôi chuyện nhỏ, bỏ qua cho đỡ mệt óc..."

Sáng ra, anh đến gặp chủ văn phòng cũ thanh toán tiền bạc. Chỗ đó gọi là văn phòng cho oai chứ thiệt ra là một cái bàn làm việc có điện thoại, nằm ở một xó của hãng bảo hiểm. Thằng bạn thân, kiêm chủ hãng

bảo hiểm tặng lại số tiền thuê, vỗ vai mời anh: "Mày ghé lại nhà ăn sinh nhật vợ tao tối nay. Có nhảy đầm nữa. Làm nhiều cũng phải biết hưởng chớ." Rồi sợ anh ngại đi mua sắm, không chịu nhận lời, bạn dặn thêm. "Quên. Mày mua một chai VSOP đem đến là điệu lắm rồi, khỏi mất công quà cáp nghe!". Anh đùa, "Sẽ có VSOP và cả một cặp Dom Pérignon nếu mày làm mai cho tao một cô! ".

Anh mang rượu đến nhà bạn, gặp cô ở đấy. Cô hồn nhiên vui vẻ. Xinh xẻo như một cái nơ! Trên sàn nhảy, anh ôm cô gọn lỏn trong đôi tay, cùng cô xoay tròn những bước luân vũ. Đến khi tiệc tàn, anh thấy tim mình vẫn còn giữ nhịp luân vũ và mắt anh chưa muốn rời khuôn mặt cô. Chỉ còn cách xin cô số điện thoại!

Liên tiếp mấy thứ Bảy liền, anh đến nhà cô chơi. Khi thì anh tặng cho cô một hộp tôm đông lạnh, lúc thì con tôm hùm còn búng đuôi tanh tách. Cô làm bếp khéo. Nói chuyện lôi cuốn, anh không dứt được áo để về cưa cá. Đêm khuya, anh ôm điện thoại tỉ tê với cô. Rõ ràng anh ráo riết theo đuổi cô với mục đích "tiến xa". Trông mặt anh hạnh phúc hừng hực nhưng coi bộ cha không hảo mối tình của hai trẻ. Ông phải cưa cá hơi nhiều. Mỏi thắt lưng. Mặt thằng Dũng cũng xì xị vì vác nặng. Mấy hôm làm việc, anh thấy hai người hay xù xì với nhau khi anh quay lưng ra ngoài. Lúc trở vô, họ lại im. Anh hỏi: "Nói cái gì vậy?" Hai người nhìn nhau nhún vai.

Một buổi tối Chủ nhật, anh ghé lại thăm cô. Khi trở về nhà, thấy đóng cửa im ỉm. Trước cửa là cái thùng cạc tông đựng quần áo, giày dép và cái bàn chải đánh răng của anh. Tra chìa khóa vô ổ: ổ với chìa không bằng lòng hợp tác. Anh đập cửa. Giọng ba anh vang ra: "Mày cút đi! Tao không muốn chứa mày nữa. Cái thằng mê gái, ham chơi, suốt đời không khá. Tao dám cá cái bản mặt của mày không bao giờ lên thành ông chủ được!". Anh gầm lên: "Vậy trả lại tôi tiền hùn." Bên trong im ỉm. Hàng xóm ló mặt ra cửa sổ, lóng tai nghe. Anh chán nản bưng thùng đồ ra xe. Ngả lưng xuống băng sau suy nghĩ tính toán mông lung, mãi mới ngủ được. Tỉnh dậy khi trời sáng bét, anh lái xe ra kho. Có một thằng cảnh sát Mỹ đi đi lại lại trước kho. Không nghi ngờ gì nữa: Ông già nhất định muốn đoạn tình với anh!

Anh lảo đảo ra xe. Chắc chắn là ông già nghe thằng Dũng đèm xiểm, hất anh ra khỏi công ty chứ ai lại... Bào chữa cho cha chán, anh lại bênh thằng Dũng. Cái thằng suốt đời không quyết định được việc gì ra hồn, làm sao dám xúi bẩy ai? Anh chợt lóe tia hy vọng: "Hay ba muốn cho mình một bài học? ". Chi bằng năn nỉ với ổng, hứa sẽ làm ăn nghiêm chỉnh. Sau đó từ từ rút phần hùn của mình. Nghĩ lại, thấy ngu! Thế nào ông ta cũng

biết anh xin trở về chỉ cốt lấy tiền. Sức mấy ổng chịu! Anh rầu rĩ. Thoáng chốc, anh biến thành vô gia cư, vô nghề nghiệp. Phải chi má còn sống thì đỡ cho mình biết mấy! Cổ họng anh nghẹn lại. Nước mắt ngập lên khóe. Anh bỗng mím môi khi nhớ lại câu nói của cha đêm qua: "Tao dám cá cái bản mặt của mày không bao giờ lên thành ông chủ được! ". Câu nói xoáy buốt tim, dội ầm ầm nơi tai.

Anh không quên cái ngày ngồi ngoài xe, ruột rối bời bời vị bị đuổi ra khỏi nhà với vài chục bạc trong túi. Lúc ấy, anh chỉ muốn tự tử nhưng nhờ nghĩ tới câu nói thách thức đầy vẻ khinh miệt của ông ta, anh nhất định lái xe đi kiếm việc làm. Mỗi ngày anh chỉ dám ăn bánh mì không, uống nước lạnh, một lát phô mai, hai quả chuối. Hôm nào sang mới mua một quả cam. Anh ngủ trong xe. Sáng sớm vô cầu tiêu công cộng tắm rửa, làm vệ sinh. Quần quật trong suốt năm tháng trời, để dành được chút đỉnh. Anh gọi cho chủ vựa cá quen, xin mở trương mục. Thằng Tây Gia nã đại trố mắt vì nghe qua ông già, hắn nghĩ anh bịnh gần chết, không còn làm ăn gì được nữa. Anh run bần bật, căm tức miệng lưỡi độc địa của ông già nhưng vẫn cố bàn chuyện buôn bán (Lúc ấy, anh phải công nhận mình hay!). Khi chủ vựa gởi cá, anh bèn xin bạn mướn một góc của hãng bảo hiểm để đặt văn phòng. Coi như anh ngẩng đầu lên được từ đó!

...

Hút xong điếu thuốc, anh trở vô nhà, quàng tay lên vai cô, nhỏ nhẹ:

"Em ạ, ba tháng trước, ông già tung cá ra với giá vốn để đạp anh ra khỏi thương trường. Anh đành phải bán hạ hơn cả giá vốn. Cố chịu lỗ nên bây giờ mới giữ khách nổi. Còn tâm địa nào rắn rết hơn hả em? Dùng vốn lớn để đánh cho kỳ chết đứa con ruột của mình... Thôi em đừng nghĩ đến ông ấy nữa. Vợ chồng mình có nhau là đủ rồi!"

Cô không trả lời, quay vào nhà lo tắm rửa cho hai con. Bỏ anh ngồi thừ suy nghĩ về các cuộc đấu trí, cạnh tranh sắp tới. Vợ nhắc anh vào đọc sách cho con, anh mới tạm gác chuyện làm ăn ra ngoài. Thấy anh hé cửa, đứa con gái cưng của anh trịnh trọng đưa cuốn sách về Giáng Sinh (con bé đặc biệt thích sách về Giáng Sinh, chẳng dếm xỉa gì tới Xuân Hạ Thu Đông!). Anh chiều con, lật từng trang sách rực rỡ, đọc cho con nghe. Tới cảnh gia đình xum họp: Cha mẹ trang hoàng nhà cửa, ông kể truyện đời xưa cho cháu, bà loay hoay nướng bánh trong bếp; thằng anh bật hỏi: "Ba có ông bà không?". Anh cười, "Ai mà không có! Ông nội còn ở Việt nam đó. Già rồi mà bữa nào cũng chống gậy ra chợ uống cà phê hết. Hồi nhỏ, ba được ông chiều nhất nhà... ". Thằng nhỏ phụng phịu: "Vậy mà con không có ai. Ngày mai là Lễ Ông Bà (Grandparent's Day). Bạn bè trong

lớp, đứa nào cũng đem ông bà vô ngồi học chung. Má hứa sẽ ghé lại nhưng con ưng ông bà hơn. Cho giống tụi nó". Anh chùng lòng. Hôn con rồi lặng lẽ bước ra.

Buổi chiều đi làm về. Vừa đậu xe. Thằng con trai chạy ùa ra mở cửa xe đón anh, tíu tít reo hò ầm ĩ: "Ba ơi, hôm nay con mới có một ông nội! ". Anh ngơ ngác nhìn vợ. Cô giải thích: "Thì thằng bạn ngồi bàn bên cạnh đồng ý cho con anh mượn ông nội. Nó mừng quá, ôm cứng ông già Mỹ. Ông Mỹ xem chừng cũng thương nó lắm. Móc túi cho nó một đô. Thằng bé vui cả ngày, cứ mong anh về để khoe đó! ". Lúc đỡ chiếc cặp da trong tay anh, cô nói khẽ: Trẻ con, đứa nào cũng có ông, con nhà mình lẻ loi, trông thật tội...

Anh vờ cúi xuống cởi giày, dấu ánh mắt xúc động.

Buổi tối, anh lóng ngóng một hồi rồi cầm điện thoại bấm số: "Đức dây... Nếu thứ bảy... bên đó không bận thì... sẽ đưa hai đứa nhỏ qua chào... ", Anh ngập ngừng. Bên kia đầu dây im bặt. Vài phút sau, giọng ông già vang lên mồn một:

"Rảnh chứ sao không? Không rảnh cũng phải thu xếp để gặp cháu nội tao chớ! Tụi nó nói được tiếng Việt không mậy? "

Anh bối hối hộp:

"Nghe hiểu sơ sơ mà nói thì không!"

Có tiếng ông già anh thở dài nhẹ trong ống nghe:

"Ừ đem tụi nó qua sớm đi. Tao mong... "

Cuối tuần, anh đưa vợ con đến ông già. Vừa de xe vào lề đường, anh thấy xe thằng Dũng phóng vụt ra như muốn tránh mặt anh. Còn ông già đứng tưới cây ở trong sân. Tưởng ông vẫn to ngang vạm vỡ nhưng tay đã run. Tưới nước, bắn cả sang cây hàng xóm. Anh nhìn thấy não lòng... Cửa vừa mở, hai đứa nhỏ nhào ra khỏi xe: "Grandpa! grandpa!". Ông khỏ yêu vào đầu thằng lớn, "Đích tôn, mày gọi bằng ông nội chứ grand griếc gì! Ông nội có quà cho tụi bây nè." Vừa nói, ông vừa móc túi ra cái lắc vàng y nặng trĩu, đeo lên tay con trai anh. Quà cho cháu gái, ông mở túi gấm nhỏ lấy ra sợi dây chuyền vàng có tượng Phật Bà Quan Thế Âm bằng ngọc xanh biếc, tròng vào cổ đứa bé: "Của bà nội đó. Cưng lắm tao mới cho. Giữ kỹ nghe con! "

Dắt cháu vô tới cửa, ông già còn quay qua mắng anh:

"Mày không đem tụi nó qua thăm tao sớm. Ít ra tao cũng dạy nó được chút tiếng Việt. Bây giờ thì tao chịu thua! "

Che không hết núi

NGÔ NGUYÊN DŨNG

mơ nghiêng bóng núi trườn lên ngực
một thế kỷ dài ôm nỗi đau
thấy ra góc đất vuông gỗ mục
rừng rú vàng chút lá chia nhau

đêm nghe trăng khuyết chiêm bao cạn
uống một ngụm trào búng huyết câm
săm soi tìm lại xuân xanh tóc
tay nhói thời gian di tích đâm

nguyệt tận tan nát bờ vũ trụ
sao rơi cứa vệt quá tầm tay
dời người ẩn hiện không quán trú
gió hú trùng vây cõi trong ngoài

biên ải hồn sa chạm vực thẳm
quan tái sầu tuôn nẻo sông ngăn
bóng che xuống vạt không hết núi
vọng tiếng ai từ chốn biệt tăm

(6.2000)

Thấy anh cầm tay vợ đứng tần ngần. Ông chống nạnh nhìn hai người:

"Đưa vợ vô nhà chứ còn chờ tao mời hả? À, mày lên bàn thờ má lấy bầu Bồ Đào Mỹ Tửu xuống. Tao với mày cụng ly. Mày làm ăn có bản lãnh lắm. Tao khen đó! "

"Dạ... Cám ơn, ba! "

8/2000

Thu-Thuyền

Mùa hè đã qua

Song Thao

Hân đúng là tên thổ công. Cái gì? Ở đâu? Ra sao? Bao nhiêu? Cứ hỏi hắn khắc rõ. Thời buổi kỹ thuật tân tiến, cái gì cũng phải có chuyên ngành. Thổ công cũng vậy. Hân chuyên về ăn uống. Chuyên thêm một chút nữa. Các tiệm ăn Việt Nam ở trong thành phố và các vùng phụ cận. Vóc dáng mập mạp, ăn mặc xuề xòa, mặt mũi bóng lộn, mồ hôi thường trực (vừa ăn vừa gạt mồ hôi nhễ nhại!), kính cận luôn trễ xuống sống mũi, và giọng nói ồm ồm nhóp nhép. Cả một hình thức thích hợp với cái khoái đầu tiên trong tứ khoái. Vậy nên khi Dụng thấy cái bụng tha thiết muốn một mẹt bún chả chính cống Bắc Kỳ, bèn hỏi thổ công. Chỉ một tích tắc, sau một cái búng tay phát ra một tiếng tróc gọn ghẽ, thêm một lần nuốt vội nước miếng, Hân phán. *Xong ngay!*

Tiệm nhỏ, xuềnh xoàng, nhưng khay bún chả thì khỏi chê. Khay nhôm (bên này làm gì có chiếc mẹt đan bằng tre ông ơi!), thịt nướng thơm lừng, nạc mỡ chen nhau, bềnh bồng trong tô nước mắm pha có rắc đậm hạt tiêu cay nồng, một vầy bún trắng (đào đâu ra những con bún mảnh mai nằm vắt lên nhau?), củ cải cà rốt ngâm dấm, vài cọng rau thơm (tía tô, kinh giới đất như vàng ai đọn nổi cho ông?), mấy lá xà lách (ông phiên phiến dùm con một chút, ở đây mà đòi rau muống chẻ!). Thì cũng phải phiên phiến nhưng thế này cũng đã cái miệng quá mạng rồi!

Buổi trưa, dọt đi ăn, mùi bún chả còn theo trên đường về. Đóng cửa xe, bún chả vẫn lâng lâng thơm lừng trong miệng. Đẩy cửa phòng bước vào, bật ngửa người. Lừng lững một kiều nữ son trẻ đang ngây thơ ngồi vọc chiếc máy điện toán của Dụng. Mùi thơm tỏa lừng căn phòng bốn thước ngang, ba thước dọc đánh át cả mùi bún chả còn đang cố bám theo Dụng. Thấy Dụng, cô gái vẫn điềm nhiên ngồi, hai tay vẫn không rời bàn chữ,cười rất tươi, giơ tay cho Dụng bắt.

"Chào ông Lê! Tôi là Gisèle."

Bàn tay Dụng nắm hờ những ngón tay mát lạnh, đầu phân vân không hiểu mình có vào lộn phòng không.

"Chào cô Gisèle! Hân hạnh được biết cô."

Gisèle phác một cử chỉ vừa quyền uy vừa dễ thương, mời Dụng ngồi trên chiếc ghế dành cho khách đặt trước bàn làm việc. Dụng ngơ ngẩn ngồi xuống, làm khách ngay tại phòng mình. Bụng Dụng lộn tùng phèo. Thú vị cũng có mà ngạc nhiên cũng có. Như vừa nạc vừa mỡ, vừa rau vừa bún đang chộn rộn với nhau trong bao tử. Gisèle bỏ chiếc kính mát xuống (ngồi dán mắt vào màn hình mà đeo kính mát!) bày ra một cặp mắt nâu thẳm rộng mở nhìn Dụng từ đầu tới bụng.

"Ông có thắc mắc tại sao tôi biết tên ông không, ông Lê?

Ôm miệng cười. Có gì đâu mà cười nhỉ, Dụng nghĩ.

"Dễ ẹt! Tôi nhìn bảng tên của ông ngoài cửa phòng. Ông thấy tôi có lanh không?"

Vênh mặt lên chờ khen.Có gì là lanh đâu? Dụng ngay miệng.

"Ừ, lanh. Một đứa con nít khá khá một chút cũng có thể lanh như vậy!"

Tức. Mặt chụp bụp.

"Cho ông biết, tôi không còn là con nít nữa à! Tôi đã đủ mười tám tuổi rồi, tuần trước!"

Tay chỉ vào ngực vênh váo. Quan trọng chứ không phải chơi đâu. Dụng bĩu môi, gật gù. Trông cũng lớn xộn. Trên người thứ nào ra thứ nấy dàng hoàng. Mặt nghiêm và lạnh.

"Ông Mark muốn gặp ông!"

Mark là *boss* trực tiếp của Dụng. Trẻ trung, vui tính. Không hiểu cha này định chơi trò gì mà gửi cô bé lạ hoắc này xuống mời mình lên. Bộ hai ba cái điện thoại liệt hết rồi sao?

"Toa gặp con bé chưa?"

Dụng lừng khừng.

"Gặp rồi mới biết ông cử sứ giả xuống triệu tôi lên chứ!"

Mark cười xòa.

"Chắc nó phá tan hoang phòng toa rồi phải không? Moa bảo nó ngồi đây chờ toa về. Ai ngờ nó ồn ào quá moa làm việc không được nên thảy nó xuống phòng toa ngồi chờ. Mà toa có biết nó là ai không?"

Anh chàng Mark này đôi khi cũng hơi lẩm cẩm, nhất là lúc bị công việc nó nà sát cẳng. Dụng dấm dẳn.

"Toa tưởng moa là thày bói à? Moa chỉ biết không phải là em moa. Chắc là con toa phải không?"

Mark cười oang oang.

"Moa đâu có phúc như vậy! Con Raymond đấy. Hắn nhờ moa cho con nhỏ làm phụ việc gì cũng được trong mấy tháng hè, để có cớ hắn trả lương cho nó. Moa nhờ lại toa. Toa làm ơn làm vú em ít tháng. Có gì cứ sai bảo nó. Mọi việc đều tùy toa sắp xếp. Cám ơn toa."

Raymond là *boss* cỡ lớn. Có chân trong Ban Điều Hành, lại còn có chân trong Hội Đồng Quản Trị Công Ty. Một loại chân voi! Dụng ít khi gặp ông boss này. Ngại lắm! Né được chút nào hay chút đó. Không vui gì khi phải chạm trán với cái đầu hói, cặp lông mày chổi xể, bộ râu cá chốt và cái bụng to như cái trống này. Người trông chẳng mấy mỹ thuật sao mà nặn ra được một tác phẩm cỡ Gisèle. Trời nhiều khi cũng có cái thú muốn làm những chuyện bất con người phải thắc mắc vẩn vơ.

Gisèle đang đứng nhìn tấm hình gia đình Dụng trên bàn làm việc. Nhìn qua cửa kính, cái dáng cao cao thanh tú làm Dụng có cảm tình. Có tí hoa trong phòng suốt một mùa hè cũng là điều hay hay. Chỉ phiền là nếu xếp Raymond thăm hỏi ngày một thì đời cũng mất vui đi nhiều lắm. Phải chi Gisèle đổi được bố! Dụng mỉm cười với ý nghĩ cà chớn của mình. Anh mang nguyên nụ cười đó xô cửa bước vào.

Gisèle vẫn chúi mắt vào tấm hình, nghe tiếng động, quay lại.

"Ông có bà vợ xinh đẹp, hai đứa con dễ thương quá. Chúng nó mấy tuổi rồi ông?"

"Thằng anh tám tuổi, con em sáu tuổi. Trông hình thì hiền lành như vậy nhưng nhìn phía sau bức hình mới thấy không phải vậy. Nghịch ngợm, chọc ghẹo nhau như diên. Chỉ nội việc phân xử phải trái cho chúng cũng đủ làm tôi hối hận là tại sao trước đây không đi học luật, làm quan tòa cho nó chắc ăn. Khai như vậy đủ chưa cô bé? Mà làm ơn bỏ cái chữ *ông* lạnh lẽo đó đi. Mark đã cho biết cô là ai, vậy từ nay mình cứ chú cháu cho thân mật chứ cả ngày cứ ông ông tôi tôi mệt quá. Ô kê?"

Gisèle kêu *ya*, mạnh bạo xòe bàn tay, hất lên, chờ đập vào tay Dụng. Tiếng hai bàn tay đập vào nhau thân tình làm rụng hai cái mặt lạ.

"Chú khai như vậy là tạm OK rồi. Hỏi thêm chú một tí. Vợ chú bao nhiêu tuổi?"

Dụng giơ tay lên trời, nhún vai, lắc đầu.

"Cái vụ đó không khai được dù không có mặt bà ấy ở đây. Cháu cứ nhìn vô hình, đoán chừng số tuổi, trừ đi khoảng năm tuổi, là bà ấy hài lòng rồi!"

Gisèle không vừa ý.

"Chú nói chi mà rắc rối quá. Nói lên một con số, có phải khỏe ru không. Như cháu đây này. Mười tám thì nói phứt mười tám. Có sao đâu?"

Dụng ngồi xuống ghế, nhìn vào màn hình máy điện toán.

"Mười tám thì dễ nói quá đi rồi! Còn vênh mặt lên là đàng khác. Tôi không còn là con nít nữa đâu nhé, người lớn rồi đây nè! Nói mà sướng muốn chết. Đằng này..."

Dụng bỏ lửng câu nói, nhìn Gisèle với ánh mắt chế giễu. Cúi xuống lại, tay chọc chọc vào bàn chữ, nhìn trừng trừng vào màn hình, la lên như bị ai đạp vào chân.

"Này, người lớn! Sao phá quá vậy?"

Dụng nhích người lên như muốn ôm chầm lấy cái màn hình, tay chọt lia lịa vào bàn chữ. Màn hình nhảy xoành xoạch. Một lúc, anh rũ người xuống, ngả lưng ra ghế, thở phào.

"May quá! Tưởng mất luôn thì có nước chết. Này, cô cháu yêu quí, từ nay có muốn chơi *game* thì làm ơn ra cái máy kia giùm nghe! Để chú mở máy cho cháu đã. Máy đó là của cháu, chú giao việc gì thì ráng làm cho xong. Xong rồi muốn chơi *game* thì cứ tự nhiên. Chắc cháu cũng còn dư khối thời giờ."

Mười tám tuổi, con nhà giàu, bố làm lớn, làm chi mà không ăn diện. Nhưng Gisèle chắc tuổi con mèo nên vuốt ve dữ dội. Nội mái tóc thôi mà đã uốn éo mỗi ngày mỗi kiểu. Túm ngược lên trên bó lại bằng một sợi dây trông như một gói quà. Vuốt sát tóc ra phía ót, bôi dầu bóng lộn bết vào nhau trông ướt nhẹp. Rẽ tóc ở giữa đầu, hất sang hai bên phân minh rõ ràng. Cột hai cái nơ túm hai bó tóc lủng lẳng hai bên như đầu búp bê. Chưa hết, thỉnh thoảng còn chơi bạo với một vài kiểu gai góc như trái sầu riêng. Dụng thấy phát mệt với cái đầu của Gisèle.

"Gisèle này, chắc mớ tóc của cháu bị cháu hành hạ như vậy nó cần nhằn dữ lắm đấy. Chú thấy tội nó quá!"

Gisèle đẩy chiếc ghế có bánh xe chạy một mạch qua cạnh ghế Dụng, xổ tung tóc ra.

"Chú tội nó hả? Cháu thả ra cho chú hài lòng. Thế này được chưa?"

Mớ tóc màu hạt dẻ mềm oặt nằm xuôi xuống hai vai dí vào mặt Dụng tỏa mùi thơm ngào ngạt. Gisèle nghiêng đầu sát bên vai Dụng.

"Chú muốn chải tóc cháu như thế nào? Lược đây này!"

Gisèle lết chiếc ghế về lại bàn, mở hộc lấy lược, lết sang lại bên Dụng. Anh chối đây đẩy.

"Chú đâu có biết chải tóc đàn bà bao giờ đâu!"

Dụng lấm lét nhìn ra ngoài khuôn cửa gương. Hành lang không một bóng người qua lại. Gisèle cầm lược, hất mái tóc lên, chải xuôi ra phía sau, túm lại thành một cái đuôi như đuôi gà, quay qua quay lại cho Dụng ngắm. Chiếc đuôi gà đỏng đảnh rung rẩy trước mắt Dụng. Gáy Gisèle

trắng hồng. Những chân tóc nằm mượt dịu. Cổ cao thanh tú. Dụng thấy trước mắt một bức tranh não nùng. Anh cố giữ nhịp tim mình.

Gisèle đứng lên, hất mặt, khuỳnh tay, nhấc một chân kê lên chiếc ghế thấp.

"Mình chơi một chút nghe chú. Cháu làm người mẫu cho chú chấm điểm nghe!"

Chiếc áo bằng tơ mỏng bám sát thân hình Gisèle, vun rõ khuôn ngực, tròn trĩnh bờ mông, một đường xẻ phô ra chiếc đùi trần hồng hào thuôn thả. Đám lông măng nâu vàng oặt oẹo bắt ánh đèn lấp lánh. Người Dụng rơi xuống. Anh cố đánh thức mình.

"Như vậy được rồi. Chú cho mười một trên mười.

Gisèle phô ra hàm răng trắng tươi, chúm môi hôn bàn tay, thổi về phía Dụng. Như một mình tinh màn bạc.

"Cám ơn chú. Nhưng mười một trên mười thì hơi quá. Chú định nịnh cháu dấy à?"

Dụng xuề xòa.

"Thì chú cháu với nhau phải thiên vị chút đỉnh chứ. Thôi mình làm việc. Giải lao như vậy đủ rồi."

Gisèle trở về chỗ ngồi, chưa hết say sưa.

"Mẹ cháu bảo con gái trước hết phải đẹp. Gì chứ săn sóc sắc đẹp thì bao nhiêu tiền mẹ cháu cũng chi hết. Cháu phải tập lắm mới giữ được thân hình như thế này. Ngày nào cháu cũng phải tập ở *gym*, rồi bơi một tiếng, mệt đứt hơi chứ không phải chơi đâu. Tính cháu lười lắm, nhưng cái vụ tập này thì chăm chỉ vô cùng. Đâu có như chú!"

Gisèle ngang xương chĩa mũi dùi qua Dụng. Nó bưng miệng cười thú vị. Dụng nhìn xuống cái vòng số hai bệ xệ của mình, chống chế.

"Tại vì chú hơi ham ăn đấy chứ!"

Gisèle rụt cổ, le lưỡi.

"Cháu cũng ham ăn chết luôn. Bị mẹ cháu la hoài à! Mà con nít ai chẳng ham ăn phải không chú?"

Cái liếc mắt diễu cợt của Gisèle làm Dụng nhột nhạt. Anh làm bộ quắc mắt giận dữ.

"Cháu nói ai con nít vậy? Chú bố con nít rồi. Còn cháu cũng đã thôi là con nít được một tuần rồi. Còn ham ăn không?"

Gisèle tít mắt lại cười.

"Cũng còn. Mà chắc phải bớt từ từ chứ. Đâu có hư như chú được!"

Dụng dứ dứ nắm đấm qua phía Gisèle.

"Cháu mà hỗn với chú nghe! Đã vậy chú sẽ ăn nhiều hơn cho bõ ghét. Cháu có dám đua ăn với chú không?"

"Thôi chú ơi! Dại gì mà đua. Bụng cháu dẹp sát sạt. Ngoài hồ bơi, bọn đàn ông, con trai nhìn muốn rớt mắt. Ăn chi nhiều cho uổng. Chú mà đi bơi với cháu thì biết liền à. Bữa nào đi bơi nghe chú!"

Dụng ừ hử cho qua chuyện. Gisèle đe dọa.

"Cháu nói thiệt đấy. Chú mà không đi, bữa nào cháu mặc áo tắm đi làm cho chú biết tay!"

Gisèle không mặc áo tắm đi làm, may phước! Nhưng những chiếc váy sao cứ càng ngày càng cao, những chiếc cổ áo càng ngày càng trễ xuống, làm Dụng bối rối. Công việc Dụng giao dễ ẹt mà cứ lăn la qua hỏi. Đứng trước bàn Dụng, Gisèle khom người chỉ trỏ trên hồ sơ, chiếc cổ áo há miệng rộng rãi bày ra đôi ngực trễ xuống trắng phau, chiếc nốt ruồi đen bằng hạt gạo trên bầu ngực phải vướng víu mắt Dụng. Ánh mắt Dụng, làm gì nó không biết. Biết nên mới cúi sâu thêm nữa, cười mỉm, mắt tinh nghịch đo mắt anh.

Độ ngắn của chiếc váy cũng treo mắt Dụng mỗi khi nó thản nhiên ghếch mông lên bàn anh ngồi nói chuyện. Vải vóc có làm được gì nhiều đâu. Cặp đùi khỏe mạnh, nâu hồng no nắng, lớt phớt những sợi lông vàng óng, đung đưa sát mắt làm Dụng muốn lơ đi cũng chẳng được. Mắt anh no đủ. Đầu anh lắt lẻo.

Tên đàn ông trong Dụng thích thú nhưng anh biết chẳng nên kéo dài tình trạng này. Anh cố giữ Gisèle trong phòng không dám sai đi các nơi khác. Gisèle cũng chẳng muốn ra khỏi phòng. Thản nhiên quấy rối Dụng cũng đủ vui rồi. Độ vui cũng như mặt trời ngày hè, càng lúc càng cao. Gisèle đã có lần õng ẹo dựa sát vào người Dụng, cọ ngực vào lưng anh, tay với ra sau lật úp khung hình gia đình anh xuống mặt bàn. Dụng hoảng hốt, khéo léo viện cớ, lách ra khỏi phòng. Khi anh trở lại, Gisèle đang ngồi trên ghế, mặt chụp bụp, lơ là ngó vào màn hình. Dụng giả lả.

"Ai đặt cho cháu cái tên Gisèle vậy?"

Gisèle nhíu mày.

"Chú không thích tên đó hay sao?"

Dụng ngả người trên ghế.

"Tên hay chứ!"

Gisèle nhún vai.

"Cám ơn chú. Nhưng đó chỉ là một cái tên. Có gì đáng nói đâu?"

Dụng nhảy qua chuyện khác.

"Gisèle có biết chú bao nhiêu tuổi không?"

Gisèle chăm chú nhìn Dụng.

"Chắc cháu phải làm vài con toán mới được. Con chú tám tuổi. Cứ cho là chú hai mươi lăm khi có con. Vậy là ba mươi ba. Đàn bà trừ đi năm

tuổi như chú nói, đàn ông cháu nhân nhượng cộng thêm, không phải năm, mà ba tuổi thôi. Vậy chú ba mươi sáu. Đúng không?"

Dụng thú vị theo dõi lối tính toán của Gisèle.

"Cháu hơi ngược đãi đàn ông. Nhưng chú vẫn lời. *The price is not right.*"

Anh giơ bàn tay hất cao lên bắt chước người điều khiển chương trình *The Price Is Right.*

"Higher!"

"Ba mươi tám."

"Higher."

"Bốn mươi."

Gisèle le lưỡi sau câu đoán. Dụng chỉ vào mặt mình.

"Cháu không thấy cái mặt này già hơn hay sao? Còn hai tháng nữa là bốn mươi mốt rồi đó!"

"My God!"

Tiếng kêu của Gisèle làm Dụng thấy buồn. Anh đã hy sinh lột trần cái già của mình ra để tránh ngụp sâu vào một hoàn cảnh éo le. Anh ngập ngừng đo trước mức độ phản ứng của Gisèle trước khi tung ra quái chiêu.

"Chú có cái tên thích hợp cho cháu hơn."

Gisèle hào hứng nhổm người đứng dậy hỏi dồn.

"Tên gì vậy chú?"

Dụng thờ ơ buông.

"Lolita!"

Gisèle reo lên, cả người xôn xao nghịch ngợm.

"Bravo! Nếu là Lolita thì cháu phải ngồi lên đùi chú!"

Thôi chết! Ngón quái chiêu Dụng định dùng để thoát ra khỏi tình trạng nhì nhằng đã có tác dụng ngược. Gisèle đang tít mắt muốn nhào vào trò chơi đúng ý. Dụng vội ngăn nước vỡ bờ. Giọng anh ngập ngừng như cố làm một việc quá sức mình.

"Chú muốn nói khác. Cái nông nổi của nhân vật Lolita đã đưa cô ta tới một kết cục phũ phàng. Cháu không nhìn ra sao? Đừng để rơi vào hoàn cảnh đó. Chú chỉ muốn dùng cái tên Lolita để nhắc nhở cháu thôi. Cháu vẫn là Gisèle. Gisèle mười tám tuổi. Chú sắp bốn mốt!"

Gisèle mặt khó đăm đăm như một đứa con nít bất thần bị giật khỏi tay món đồ chơi thích thú. Dụng cắm đầu vào công việc lòng buồn rười rượi. Anh cố tập trung đầu óc nhưng tâm trí anh như một đứa trẻ đi hoang, mải mê rong chơi lãng đãng.

Gisèle từ đó như đánh mất cái hào hứng của cuộc chơi hấp dẫn. Nó

lẳng lặng cắm cúi làm cho xong việc. Không hỏi han, không lần khân quanh Dụng. Dụng âm ỷ trong lòng chút hối tiếc, chút buồn bực, chút ân hận. Anh như không sống thật. Gisèle cũng như đang trong vai kịch. Làm hấp tấp xong việc, nó bỏ ra ngoài. Dụng chẳng biết nó đi đâu mà cửa phòng cứ xoành xoạch đóng mở. Anh muốn ra ngoài xem con nhỏ lai vãng chốn nào. Chẳng phải vì tò mò. Anh không có thói quen rình rập người khác. Nhưng trong anh như có một sức đẩy muốn xeo anh ra khỏi ghế. Dụng cố cưỡng lại cái lực vô hình đó. Anh tự đánh lừa bằng những cú phôn kéo dài. Lúc cho bạn bè, lúc cho vợ, lúc bày chuyện nương theo quảng cáo trên báo hỏi chỗ nọ chỗ kia để lấy những tin tức anh chẳng cần đến. Anh nhấc điện thoại, uể oải dùng đầu cây viết ấn bảy con số. Bên kia đầu giây, tiếng Hân oang oang.

"Oui, allo!"

"Anh mày đây, Hân!"

Tiếng chửi thề chạy tuột vào tai Dụng.

"Sư anh! Sao lâu nay mất mặt vậy? Ới nhau thế này chắc thèm bún chả chăng?"

Dụng nuốt nước miếng.

"Thèm thì có thèm. Nhưng thèm thì cứ lẻn đi một mình không được sao? Hoặc cuối tuần đưa vợ con thong dong đi ăn cho có chính nghĩa cũng đặng chứ?"

"Á à, thằng này chơi trò vong ân bội nghĩa! Mới dẫn đi một lần cho biết đường biết xá mà nỡ đứt nhau một cái rụp ngon lành! Này, ăn ở cho có trước có sau để phúc đức cho con nghe mậy! Nghe nói hồi này mày bận lắm phải không?"

"Mày nghe nói ở đâu vậy?"

"Lỡ mang tiếng thổ công như tao thì cũng phải biết với thiên hạ chứ. Những chuyện vặt vãnh như nuôi mèo nuôi chó búng tay một cái khắc biết chứ khó khăn gì. Sao hôm nay lại rảnh rỗi chịu khó ôm cái phôn réo tao vậy?"

Dụng chột dạ. Định phôn nói chuyện tầm phào cho qua lúc bàn khoăn, ai ngờ bị tên thổ công úp mở chụp cẳng.

"Thì lâu lâu nhớ mày phôn một cái không được sao?"

"Bộ nhớ của mày cũng khá đến đấy chứ, mấy gig ? Sao còn chỗ để nhớ đến tao? Tao có phải cám ơn mày không? Trong phòng có ai không vậy?"

"Có cái bàn với mấy chiếc ghế đây này!"

"Thế à? Muốn đấu tao cho đấu. Liệu hồn, có ngày chết nghe con! Ông bà mình nói sao nhỉ? Cái gì, à nhớ ra rồi, chơi dao có ngày đứt tay.

Mà gặp thứ dao sắc có khi cụt tay luôn không chừng. Tao ít khi thích có thằng bạn cụt tay một cách lảng xẹt lắm. Nghe rõ chưa con?"

"Lâu ngày phôn chơi một cái, gặp mày nói năng lảm nhảm, chán mớ đời. Tao cúp nghe!"

"Ừ, lời không vừa ý có quyền bỏ vào tai hay bỏ ra ngoài tai. Tùy! *Bye!*"

Dụng dằn mạnh chiếc điện thoại xuống. Anh thừ người. Đầu óc anh quay mòng. Mấy tên mít làm chung sở, tên nào đã ngứa miệng nói hành nói tỏi tới tai Hân. Anh bực tức đứng dậy xô cửa bước ra ngoài. Dãy hành lang dài dẫn tới chiếc cửa kính thông sang khu nhà máy. Những chiếc máy kềnh càng đang nhả ra những tiếng ồn ào trầm trầm đều đặn. Dụng tính đẩy cửa đi quanh một vòng thì mắt anh chạm phải dáng Gisèle đang đứng nói chuyện với một công nhân trẻ ở góc phía xa. Hai đứa đang cười ngoặt ngoẽo. Trước mắt anh, cái đầu trọc lốc, cánh tay khỏe mạnh săn cứng có xâm xanh lè trên tay, cặp mắt lộ trừng trừng dữ dằn, hàm râu cạo gọt láng coóng một túm trên mép nối bằng hai đường vòng như hai con sâu chạy quanh miệng thông xuống một túm rậm rạp dưới cằm. Dụng nghĩ nếu có nhìn thấy chân dung này trên những tấm bố cáo có chữ wanted thì cũng không phải là điều lạ. Gisèle không quàng khăn đỏ mà Dụng vẫn thấy ra cô bé quàng khăn đỏ đang ngây thơ trước con chó sói. Bụng Gisèle phơi ra một tảng trắng toát dưới vạt áo cũn cỡn. Chiếc lỗ giữa bụng lủng lẳng một khoen vòng nhỏ óng vàng. Lẫn lộn trong Dụng bực tức lẫn lo sợ.

Dụng trở về phòng ngồi đợi Gisèle. Cánh cửa chưa khép kín, Dụng đã vội hỏi.

"Cháu đi đâu mà đi hoài vậy?"

Gisèle dấm dẳn.

"Đi đổi không khí."

Bụng Dụng cuộn lên giận dữ. Biết con nhỏ đang dở thói ngang ngược, anh cố dằn cơn giận ngồi lặng thinh. Căn phòng như một chiếc hộp kín mít khó thở. Anh bước ra ngoài tính qua phòng Mark. Tới cửa phòng, anh ngần ngừ, rồi đi thẳng.

Gisèle vẫn hàng ngày nói cười, điệu hạnh với thằng... tướng cướp. Dụng đắc ý với cái tên anh đặt cho người công nhân trẻ. Anh trở thành ti tiện lúc nào mà anh chẳng nhận ra. Cũng như anh chẳng biết anh đã nhắm mắt theo rình rập Gisèle hàng ngày trái với bản tính của anh. Anh như đang biến thành một người khác. Anh cứ cắm cúi đi theo con đường mà anh chẳng biết nó sẽ dẫn anh tới đâu.

Trông thấy vẻ mặt tươi tỉnh của Gisèle bước vào phòng, Dụng gắt gỏng.

"Từ nay chú không muốn thấy cháu lai vãng qua khu nhà máy nữa nghe!"

Gisèle vênh mặt thách thức.

"Tại sao vậy?"

"Chú không thích!"

"Cháu đâu có bổn phận phải làm những điều chú thích đâu!"

Dụng cố ôn tồn.

"Chú không đòi hỏi như vậy. Nhưng cháu làm với chú, trong giờ làm cháu phải giữ kỷ luật tối thiểu!"

Gisèle đứng phắt dậy, hai tay giang ra phía trước nhịp theo cái giọng gằn gằn đôi co với Dụng.

"Cháu chu toàn mọi công việc chú giao là xong bổn phận, OK? Cháu tới đây là đi làm chứ không phải ở tù!"

Con nhỏ nổi đũ. Dụng thấy khớp. Anh lúng túng phân bua.

"Chú không muốn cháu lai vãng qua khu nhà máy vì chú có lý do để làm như vậy."

"Lý do gì?"

"Chú không muốn cháu giao thiệp với những người mà chú nghĩ là có hại cho cháu."

Gisèle cười gằn, xuống giọng nhẹ nhàng.

"Chú ghen hả?"

Dụng lặng người. Anh nhìn Gisèle không có câu trả lời. Câu hỏi của Gisèle như đường đạn ngọt xớt làm anh rũ xuống. Gisèle đứng nhìn ra cửa sổ, bất động. Dụng ơ hờ nhìn thân hình Gisèle cắt vào khuôn cửa hứng đầy ánh nắng từ bên ngoài chiếu vào. Anh hoang mang chới với. Ánh nắng hè gay gắt làm anh chói mắt.

Mùa hè rồi cũng qua. Gisèle sửa soạn bước vào một năm học mới. Dụng đề nghị dãi Gisèle bữa ăn chia tay. Con nhỏ sáng mắt, nhảy cẫng lên thiếu điều muốn ôm chầm lấy Dụng.

"Chú *number one*. Cháu OK với một điều kiện. Cháu sẽ chọn nhà hàng. Chú trả tiền, dĩ nhiên. Chú cứ bình tĩnh, không đắt lắm đâu. Cháu vốn có tính thương người!"

Nhà hàng thuộc loại khá sang với những chùm đèn pha lê tỏa xuống từ trần nhà cao vút chạm trổ khéo léo, những bức tranh cổ kính và mỹ thuật nằm trên những vách tường hồng ấm, bàn ghế kiểu cách, hầu bàn lịch thiệp và trang trọng. Thức ăn được dọn ra đẹp mắt nhưng không ngon miệng. Dụng bỗng nghĩ tới bún chả mà mũi lừng mùi thịt nướng quyện trong nước mắm thơm đậm mùi tiêu.

Gisèle chập chờn sau ánh nến lắt lẻo trên bàn. Bộ mặt trang điểm kỹ làm con nhỏ trông già dặn hơn thường ngày. Mái tóc vén khéo để lộ ra chiếc cổ trắng muốt, chuỗi đeo cổ lóng lánh, gò ngực nhấp nhô nhịp thở làm Gisèle đẹp vẻ đẹp của một mệnh phụ quí phái.

Những giọt nhạc tuôn ra từ chiếc dương cầm quyện với tiếng nỉ non của vĩ cầm kéo một vài cặp ra sàn nhảy. Nhịp điệu của một bản nhạc quen thuộc làm Dụng thấy lâng lâng sảng khoái. Gisèle nháy mắt với Dụng. Anh đứng lên dìu Gisèle nhập vào những bóng người từng cặp quấn quít. Gisèle ngả đầu vào vai Dụng lười biếng nhấc bước chân. Mùi thơm từ Gisèle tỏa ra phủ kín Dụng ngất ngây. Ngực anh dày ấp ngực Gisèle nồng ấm. Nhạc chảy miên man kéo trôi anh theo dòng nước cuốn.

Gisèle thủ thỉ bên tai Dụng.

"Cháu muốn tặng chú chút kỷ niệm trước khi mình chia tay."

Dụng mê man trong nhạc.

"Cháu bày vẽ làm chi vậy?"

"Không có gì nhiều đâu. Chú chịu không? Chú không từ chối có nghĩa là chịu nghe! Cháu đếm tới ba là chú sẽ nhận được quà. Bắt đầu nghe! Một..."

Dụng nghe ngóng tiếng đếm nhỏ nhẹ cố ý kéo dài. Tới tiếng thứ ba, anh thấy Gisèle chúi mặt vào cổ anh. Tiếng cười rúc rích xen lẫn với tiếng nói.

"Xong rồi! Chết chú!"

Gisèle buông Dụng ra. Vai áo Dụng hằn rõ vết son môi đậm đỏ. Dụng giật mình hoảng hốt nhưng gượng lại làm mặt tỉnh.

"Chắc chết chú thật rồi, cháu ơi! *Good bye* cháu!"

Song Thao

Tìm mua, tìm đọc
tác phẩm mới nhất của Hoàng Chính
Lời Tỏ Tình Đã Cũ
tập truyện ngắn
Văn Mới xuất bản
Dày 216 trang, giá 10 MK
Văn Nghệ tổng phát hành

Trí nhớ suy tàn

Nguyễn Bình Phương

(truyện vừa, tiếp theo kỳ trước)

Bà già độc thân chết.

Cửa sổ đóng lại, chiếc mũ thuỷ thủ bị khép kín trong quên lãng, biển chẳng còn cơ hội ùa vào Hà Thành. Biển đã chết, với những con sóng nhỏ trắng lan man ở Hạ Long. Tại đó Vũ đã từng dắt em ra chỗ cuối cùng của cầu tàu, dắt ra giữa đêm. Cảm giác chóng mặt và cô đơn như một cột xi măng nhỏ trên bãi cát lúc khuya khoắt. Khi đó Vũ nói về chuyến đi ở đồng bằng Sông Cửu Long với những cuộc nhậu bất tận.

- Anh đã ngã úp mặt vào một bụi đước.

Vũ thản nhiên kết luận và không hề biết rằng nếu đứng lâu ở cầu tàu em cũng sẽ ngã.

Người chết không nhiều thân nhân, những cây cảnh sẽ tàn héo, ban công trở nên ảm đạm khi chiều xuống. Em không chứng kiến người ta đưa bà già rời khỏi nhà nhưng không khí lạnh lẽo thì còn rất rõ. Ra đi mãi mãi chắc là rất buồn. Với bầu trời bị nhuộm đỏ bởi ngọn đèn của tháp truyền hình, bà già khó lòng quay trở lại dương thế.

Quyết định mặc chiếc áo phông trắng để tưởng niệm người hàng xóm vô danh. Tạm thời không bận tâm tới bất cứ cái gì, ngay cả khi lũ choai choai mở cuộc đua xe ở Tràng Thi.

Một người cô độc đi vào chốn mịt mù im lặng, rũ bỏ quá khứ, rũ bỏ luôn cả tương lai.

Vĩnh biệt!

Ghé vào cửa hàng mua chiếc mũ vải kiểu dành cho cho con trai nhưng bây giờ chẳng mấy ai phân biệt. Không có chữ, chỉ một miếng đỏ hình tam giác được may vào giữa lưỡi trai. Soi gương thấy ngồ ngộ, nếu là con

trai sẽ rất đẹp. Trên đường về nhủ rằng sẽ rủ "Chủ hiệu cầm đồ" đi xem phim, nhưng sau lại đổi ý, quyết định cho Quẩy đi.

- Cháu không có tiền mua vé.

Quẩy xa xót nói.

- Con này đở hơi à. Ai khiến mày phải mua.

Quẩy cảnh giác:

- Nhưng cô không được bảo bà trừ vào tiền công của cháu đâu đấy nhá.

- Đồ nhà quê.

Em gắt. Quẩy nhẩy cẫng lên:

- Cháu chưa bao giờ được xem phim đâu cô ạ.

Trong rạp Quẩy bồn chồn vì quá đông người, đến giữa phim nó nghẹo đầu lơ mơ ngủ. Trên màn ảnh một cây cầu gỗ trở đi trở lại cùng người lính. Nòng pháo được quay vuốt từ phía sau trông như ống khói nhìn từ dưới lên. Quẩy tỉnh dậy, nhấp nhổm, cuối cùng ghé tai em thì thào giọng run lên:

- Cháu mót giải.

Em chỉ tay xuống góc sát màn ảnh:

- Đấy, chỗ có chữ đỏ đấy.

- Cháu sợ lắm, cô dắt cháu đi với.

Quẩy níu tay em. Đành chép miệng đứng lên lom khom đi ra, lách qua những đầu gối dài ngắn, mắt vẫn liếc về màn ảnh. Đột nhiên sáng loá, tiếng nổ, sau đó mới thấy người lính và cây cầu toé ra trong đám khói hình bông hoa hướng dương. Quẩy hồ hởi bước nhanh vào phòng vệ sinh. Em tựa lưng vào tường nhìn ngược lại. Bao nhiêu khuôn mặt chập chờn sáng, lúc xanh bóng, lúc đỏ rợn. Những khuôn mặt như những lọ gốm xếp đều đặn trên giá. Một người quan sát nhiều người, vừa kín đáo vừa khinh bỉ.

Trở lại chỗ ngồi. Kịch tính đã được khơi mào. Trên màn ảnh hai quân nhân Đức đang cãi nhau, người thấp bé đang đặt tay lên bao súng, người cao hơn cầm chặt chiếc que thông lò.

Quẩy ườn người ra ghế, khuôn mặt khoan khoái hưởng thụ, nó không quan tâm tới nội dung phim. Trên đường về Quẩy bảo:

- Phim này cháu xem ở quê rồi.

Quay quắt, đối trá nhưng ngộ nghĩnh.

Hoài đến làm việc, lầm lì ngồi gõ như người tham việc, thi thoảng lại đăng hắng trong cổ. Cùng phòng mà cảm giác xa nhau vời vợi. Ai đó gõ cửa.

- Cứ việc.

Rút cuộc không ai bước vào, chỉ có không khí là lạ rờn rợn vây bên ngoài. Thường trực báo có khách chờ dưới cổng. Từ tầng hai nhìn xuống nhận ra cái dáng gù gù của Vân.

- Tao làm báo bận quá, giờ mới đến thăm mày.

Ăn mặc có vẻ bụi, tóc cắt ngắn, áo cũng ngắn, quần âu xanh, kính nâu, giầy cao, thô như miếng cao su cắt hình vuông. Giọng khinh đời, cái gì cũng biết, cái gì cũng nghi ngờ, luôn bĩu môi cười nửa miệng.

- Chỗ mày khá không?

Vân hỏi. Em lắc đầu:

- Bình thường.

Vân vắt chéo hai chân, giọng cao lên:

- Tao kiếm cũng được.

Dùng chữ "được" với thái độ kể cả.

Sự khó chịu rực lên trong em. Vân đã từng biết rằng em là người không thích chuyện tiền nong. Em cau mày, ngôn ngữ sắc lạnh lại xuất hiện, biến đi sự bỗ bã thay vào đó thái độ xã giao. Vân nhận ra thái độ ngang ngạnh của em, vội rút lui như ngày xưa đã từng rút lui. Thật khó gặp lại. Dù sao cũng đã từng học cùng, đã từng bá vai nhau bình phẩm từng thằng con trai một. Và không thể quên được rằng Vân là đứa bạn ở tỉnh lẻ đến.

Lên phòng. Hoài đang nghỉ.

- Chị đỡ chưa?

Hoài mệt mỏi ngáp, lấy tay che miệng.

Cuộc sống có vẻ cồng kềnh lằng nhằng, nếu có thể sẽ cắt bỏ bớt đi cho nhẹ để tiến lên nhanh hơn, thoải mái hơn. Chẳng biết nên cắt bỏ cái gì. Vân? Hoài hay Vũ? "Chủ hiệu cầm đồ" thì không, đó là người bạn thực sự tử tế.

Những chiếc kim khâu khổng lồ vẫn mê mải vào ra Hà Thành.

Khâu lên những tâm trạng.

Lặng im với ánh mắt trách cứ nâu đen và chiếc túi xách da buông thõng ngang ống chân, cùng đôi xăng-đan màu đen. Cố nén một cái gì đó chực bật ra.

Ba ngày không ai có lỗi nhưng vẫn hờn dỗi.

- Anh mua cho em cái này.

Khuôn mặt đen hơn mọi khi, mỉm cười, mở túi lấy ra cuốn sách khổ nhỏ. Chỉ chờ có thế đã không kìm nén được.

- Sao không gọi điện cho em một lần nào?

- Có, nhưng không có em ở nhà.

Lúc ấy em là người con gái cần phải được gìn giữ, cần phải đóng khung lại, không cho bay đi, chảy tràn ra. Mất nhau ở thời điểm này thì không thể hình dung nổi.

Sài Gòn ăn chơi hơn Hà Nội cho nên tinh thần có vẻ hung hãn. Các chủ doanh nghiệp đang điên đảo trong vòng xoáy và "mười lăm phút chìm một người" theo cách nói ngoa ngôn của Vũ. Vừa nói vừa cầm tay nhau lật lên lật xuống. Lòng tay không bốc lửa, đủ nhiệt độ để hôn mà không ngại ngùng, đủ mát để áp lên má với sự trìu mến cuồng nhiệt.

Đèn chiếu sáng nửa tán cây, nửa còn lại chìm lẫn trong bóng tối biến đêm thành những hòn ngọc trôi nổi.

Thời gian xa cách đã bị chôn vùi. Tiếng chuông từ phố Nhà Thờ ngân lên thiêng liêng diệu vợi, sánh vai cùng cảm giác yên ổn vì một trong hai người yêu dấu đã trở lại.

Trưa.

Dưới gốc cây là những chiếc xe đạp deo cồng kềnh đồ gốm Bát Tràng với bình hoa, chậu cảnh, lọ cắm bút. Có những chiếc lọ không để dùng vào bất cứ việc gì. Bên hè phố luôn có những đám người lớn vởn đi lại đứng ngồi chờ một cái cớ để mà tồn tại.

Những hàng ăn nho nhỏ đậu xuống tạm thời, khói quạt chả bay lên, người kéo đi đoàn lũ và bị phân tán đần như dòng sông trước khi ra tới biển. Cả phố quen mặt nhau với màu quần áo trắng, kẻ, xanh nõn chuối. Một cái làng mới.

Ra khỏi phòng là cảm thấy lạc lõng cũng như khi ăn cơm về thấy trời hơi sầm xuống, lòng dạ bâng khuâng sực nhớ rằng cả phố không có một cây diệp vàng mà chỉ toàn xà cừ. Bản thân mình cũng là lạ với mình vì sự thiếu vắng đó.

Cuốn sách Vũ mua không dầy, khổ nhỏ, bìa cứng, chữ đen nhánh trên nền giấy màu ngà. ở Sài Gòn sách in đẹp hơn Hà Nội. Lật hú hoạ vào giữa. Thơ. Kiểu chữ nhỏ in nghiêng điệu đàng.

Ngày xưa em đã chép rất nhiều thơ vào sổ tay. Cuốn sổ ấy không còn giữ được, nó bị thất lạc trong lần chuyển đồ dạc xây nhà. Thơ chép bằng mực Cửu Long xanh, nội dung mờ nhạt láng máng, chỉ còn lại ấn tượng như giọt nước, lung linh nhưng không sáng rõ.

Tóc ngắn mắt buồn

Mơ những điều không ai mơ

Ngờ ngộ. Đó là con búp bê hơn là một thiếu nữ. Một con búp bê với sóng gió của tình yêu, của nhớ nhung, của cuộc chia tay đài lâu.

Hoài đang ngủ, co người quay vào tường. Dáng ngủ phiền não già nua.

Em lật trang sách nhẹ nhàng, lật tiếp...

Giấc ngủ bị thơ đánh dạt đi còn thơ thì bị các ý nghĩ làm chìm đắm.

Tóc ngắn mắt buồn

.....

Tóc ngắn mắt buồn

.....

Tóc ngắn mắt buồn

Dầy đặc như trận mưa lớn trong im lặng.

Một hội nghị quốc tế sắp khai mạc, thành phố cần dọn dẹp trong sạch. Tất cả những kẻ thừa thãi lớn vớn trên vỉa hè đều phải gom lại mang đến nơi xa. Người đàn ông điên phố Bà Triệu bị xua lên thùng xe và chở đi cùng với nhiều người lang thang khác.

Không phản đối, không ngoái nhìn những xác hoa dưới gốc điệp, người đàn ông điên là kẻ canh giữ thờ ơ nhưng trung thành.

Năm phút sau khi người đàn ông điên bị mang đi, trời đổ mưa nhẹ. Những làn nước thoang thoảng bay dạt vào nhau, toả xuống cây điệp làm hè phố sẫm lại. Xác hoa ngời lên màu vàng trong vắt, kiêu hãnh. Ngời lên để tiễn biệt người canh giữ không mệt mỏi.

Bí mật của cuộc đưa tiễn này em không biết vì đầu óc còn bận nghĩ tới chuyến đi xa nào đó chưa rõ ràng...

Trong cái lều câu nhỏ có nhiều ánh nắng lọt vào, Vũ mải mê say đắm với làn da trắng, một chút nũng nịu, tia sáng lạ lùng trong mắt và cái bĩu môi nghịch ngợm.

- Ông điên ở phố Bà Triệu bị chở đi rồi.

Đột nhiên Vũ dừng tay, nói nhanh. Em sững lại. Cảm giác trống trải ùa đến làm mọi vật lảo đảo.

- Đi đi.

Giọng em hơi nhoè.

- Đi đâu?

Vũ nhìn sâu vào mắt em.

- Em không biết, miễn là ra khỏi đây.

Cả hai đứng dậy rời khỏi hồ câu lên xe dấn ra đường quốc lộ sau đó tạt vào con đê chạy dọc sông Hồng. Nước như bùn chảy cuồn cuộn trong những cơn gió, giữa đôi bờ phù sa, sau các ngọn cỏ sắc nhọn.

Sông Hồng chảy trong cái nhìn bâng quơ.

Một người bận tâm tới những bông hoa diệp vàng, một người lúng

túng vì sự bận tâm của người kia.

Đi đến sẩm tối mà không hề đói.

Chia tay lúc bẩy giờ hai mươi nhăm, với lời tạm biệt bí mật. Trang trọng. Im lặng. Với ý nghĩ lớn vởn rằng dù gì hoa điệp vàng vẫn mãi mãi vàng.

Nằm cô đơn trong phòng, bị héo mòn, tan biến đi bởi giấc mơ. Thấy mình ngồi nói chuyện với người đàn bà vận quần áo vàng, chất vải mềm, hơi nhàu, không nhìn thấy đường may, không cúc, không cổ áo. Nội dung cuộc nói chuyện khó xác định, chỉ láng máng rằng câu chuyện rất ảo não. Người đàn bà liên tục thở dài, những ngón nhỏ thon của bàn tay phải luôn lần tìm cái gì đó trên mu bàn tay trái. Không nhìn nhưng biết người đàn bà có ba nốt ruồi đỏ trên người, nếu nối lại sẽ ra hình tam giác cân, kéo tiếp xuống các vết đỏ ở cổ tay thì được một mê cung. Chỉ nghĩ đến thế đã thấy người đàn bà gật đầu xác nhận.

Sau khoảng trống khó lý giải giữa hai người, ai đó chủ động đứng dậy. Bước đến bước thứ năm mới biết là mình đang đi, do đó mình là kẻ đứng dậy. Người đàn bà quần áo vàng ngồi lại với vẻ thản nhiên cay độc trước khi đất dưới chân tụt xuống để lộ ra bầu trời xanh nhạt mịn màng. Nghe tiếng kêu em ngoái nhìn, thấy một vệt vàng lao vụt xuống. Người đàn bà biến mất còn em nhẹ hẫng đi.

Tỉnh dậy nhìn đồng hồ.

Một giờ năm.

Ngoài trời hình như đang mưa nhẹ.

Không biết đêm nay Vũ mơ thấy gì.

Nó là "Con bướm", bay lênh đênh nhởn nhơ, không hại ai, không nổi cáu và chẳng ai hại được nó. Chỉ có điều đôi khi nhìn cũng ngứa mắt vì sự nhàn nhã quá mức và đặc quyền đi muộn về sớm của nó. Chín giờ "Con bướm" đến cơ quan, ba rưỡi đã thấy dắt xe về, đi công khai, gặp ai cũng chào hỏi xởi lởi làm như đi vì công việc chứ không phải về nhà.

Dáng đi của "Con bướm" uyển chuyển nhẹ nhàng, hai khuỷu tay khép vào mạn sườn, mắt luôn ở trạng thái chờ sai bảo dù biết chắc rằng không có ai sai bảo. Giọng nó trong, dẻo, ngọt. Khuôn mặt ưa nhìn của nó lúc nào cũng tươi cười.

Nó có một lịch sử tình ái dầy dặn, bí mật.

Nó có động tác vươn ngực về phía trước rất gợi cảm mỗi khi nói chuyện với đàn ông.

Nó ăn mặc khôn ngoan nhưng bị lộ tẩy chất nhà quê ở cái vẻ quá

thướt tha và chất vải rẻ tiền.

Những đứa con gái khác có dịp là đổ xô vào nói khảy nó.

- Cậu thì ai mà chẳng quý.

- Eo ơi, ấy có nụ cười khéo thật đấy, tớ học mãi mà chẳng được.

- Này, có khi mày không biết tự ái là gì đâu nhỉ.

Nó là biển, bao nhiêu màu sắc đổ xuống cũng chẳng làm thay đổi. Biển cứ tồn tại, nhẩn nha khôn lường, cứ rì rầm mặc cho thiên hạ khó ngủ. ở Hà Thành, biển là cái gì không đáng quan tâm, nó sẽ tự chìm đắm trong tham vọng khôn cùng của chính mình. Cũng như thuỷ triều tự lên tự xuống ở quê nó.

- Ấy đánh cái này, lấy ngay đấy.

"Con bướm" đặt tờ công văn thảo bằng nét chữ nghệch ngoạc xuống trước mặt em, nó luôn nói với em bằng giọng nhũn nhặn.

- Chữ xấu thế.

Em chê.

- Ừ xấu thật đấy.

"Con bướm" đổng tình thái độ nịnh nọt rồi bay ra. Hoài càu nhàu:

- Con này khiếp quá, càng ngày càng nồng nặc.

Em mở cửa. Bên ngoài không khí nóng nực nhưng không nhớp nháp. Một chiếc ô tô con đỗ dưới sân, khách chắc chắn là nhân vật quan trọng.

Điện của trưởng ban gọi lên nhờ em xuống tiếp khách cùng "Con bướm". Bước xuống cầu thang dửng dưng, không sửa sang đầu tóc quần áo. Công việc chỉ là bê một khay đá từ phòng hành chính lên phòng giám đốc.

Sau khi mang đá lên, cẩn thận bỏ vào từng chiếc cốc, lui về phòng bên ngồi chờ. Không đọc báo, xem sách, chỉ hơi ườn ra nhìn trần nhà, mỏi cổ thì ngó ra sân. Qua ô kính trắng mờ, một mảnh sân bị cắt gọn hình vuông với cây ngâu già xum xuê và chiếc đuôi xe máy có biển số là ba con tám. Chiếc đuôi xe gây cảm giác như đang chạy lướt qua và cái nhìn chỉ kịp giữ lại vài con số chẵn. Trái ngược với số điện thoại của "Chủ hiệu cầm đồ".

Đứng dậy tìm giấy gấp một con chim rồi đặt nó lên bàn. Con chim gồm những hình tam giác cấu thành, từ thân, cánh cho đến cổ và đầu. Nếu lấy bút vẽ thêm mắt, con chim sẽ cất tiếng hót hình tam giác.

Con chim giấy bồng bềnh trên nền kính bàn màu nâu sẫm, không đại diện cho bất cứ loài chim nào, có thể tung cánh bay nhưng thật mỏng manh.

Một con chim ra đời trong sự chờ đợi bên cạnh cuộc bàn luận về cơ cấu phát hành sách cho binh sĩ.

Hiển nhiên là cần thêm một bầu trời của trí tưởng tượng.

Ngáp và thấy cây ngâu già nhoà đi, rung rung như có người lồng bên trong.

"Con bướm" đi lại lăng xăng mồm lẩm nhẩm hát, lúc ấy nó giống bướm thực sự, một con bướm loang lổ sinh ra ở nơi ẩm thấp rậm rạp. Cũng thuộc loại rừng rú.

- Ấy khéo tay nhỉ.

"Con bướm" sán lại, hai tay rập rờn xoay quanh con chim giấy. Mùi nước hoa khét lẹt sộc lên làm em thấy xót xa vì mọi thứ đều có thể dễ dàng bị vấy bẩn.

Ở giai đoạn cuối thì bưng hoa quả tráng miệng vào, sau đó là những gói quà nhỏ do cánh tài vụ chuẩn bị sẵn.

- Sách với tiền.

"Con bướm" tiết lộ như một sự ban ơn.

Tháp rùa thấp thoáng sau những cành phượng nhỏ mảnh buông sát mặt nước. ở quầy kem chỉ nhìn được một phần chân tháp viền cỏ xanh mềm mại bồng bềnh và một dải vàng nhạt của những lá khoai non.

- Ngày xưa bọn anh hay trốn học xuống đây chơi.

Vũ nói. Em nhìn Vũ cười, mắt bắn ra những tia sáng mảnh và chói:

- Hồ này trước bẩn lắm, toàn rác là rác.

Chỉ thế thôi đã lại im lặng nhìn nhau, nhìn mãi như thèm khát cái gì đó nằm yên trong mắt. Vũ cúi xuống cốc kem của mình. Đó là lần đầu tiên Vũ lảng tránh ánh mắt em.

- Sao anh không nhìn em nữa?

Em thắc mắc. Vũ ngẩng lên, một vệt xám lướt qua trán:

- Để làm gì?

- Chả biết... Bây giờ chúng mình thi nhìn nhau xem ai phải quay đi trước. Nhưng chỉ trong bản nhạc này thôi, hết nhạc thì coi như hoà.

- Được!

Bắt đầu đi thẳng vào mắt nhau, càng lúc càng sâu, đi mãi theo con đường du dương của bản nhạc phát ra từ góc quán. Mỗi người là một kho báu, cố gắng tìm kiếm cố gắng ẩn giấu cố gắng hoà tan nhau. Lấn chiếm và khép kín. Trong kho báu của em láng máng một nụ cười dịu dàng hạnh phúc.

Bản nhạc kết thúc nhưng Vũ vẫn mê mải tìm kiếm. Em ấn ngón trỏ vào mũi Vũ:

- Hoà rồi, quay đi.

Vũ chớp mắt nói chậm:

- Anh yêu em, anh rất yêu em.

Một câu nói quen thuộc chẳng bao giờ nhàm.

Bản nhạc khác cất lên nhưng lần này nó không dẫn đường cho bất kỳ ánh mắt nào.

- Anh muốn làm tình với em.

Giọng Vũ nghiêm túc, hơi khàn đi.

- Có nhất thiết phải thế không?

Em hỏi lại, thái độ chân tình như đã từng làm tình với nhau. Vũ gật đầu:

- Có. Anh nghĩ yêu nhau thì phải đi đến cái đó. Nó không xấu.

Để một người đàn ông đi vào cơ thể mình là điều hệ trọng. Cộng thêm một thế giới hay trừ đi một thế giới đều tuỳ thuộc ở quyết định này.

Ngoài đường có một chiếc áo màu cà phê lướt qua, một may ô trắng, lại một áo trắng và bốn năm màu xanh cùng trôi trên những chiếc xe đạp màu đỏ. Đoạn đường không dành cho xe xích lô, không xe khách.

Đèn rụt rè sáng. Quán vắng vì tầm này mọi người bận rộn với gia đình.

- Tự nhiên em muốn ôm anh quá.

Em nói nhỏ và nhanh. Bao giờ em cũng nói nhỏ và nhanh khi vấn đề trở nên nghiêm túc. Vũ nới cúc áo cổ. Viền may ô thấp thoáng với đường lượn võng xuống làm nổi lên màu da cổ hơi ửng đỏ. Nếu ở chỗ vắng em sẽ đặt tay lên đó thật nhẹ nhàng, trìu mến như đặt tay lên cánh hoa đang ngả xa khỏi đài hoa.

Vũ gần gũi thân mật.

Người con trai đã hôn lên ngực em trong chiều mưa trên chiếc lều câu giữa hồ.

Đứng dậy và quyết định.

- Đi ăn chí ma phù.

Những chiếc nồi nhôm to bốc hơi nghi ngút cạnh con ngựa đá lẻ bạn. Chủ quán trán hói cằm luôn đưa ra phía trước, quần áo xám nhạt vì thế dễ lẫn với con ngựa đá mỗi khi ông ta tựa lưng vào nó.

Vừa ăn vừa nhìn ra ngoài trông xe, lại vừa để ý tìm ai đó. Một bức tường tróc lở có vẽ ba sọc ngoằn ngoèo như ký hiệu về sông dẫn tới một chiếc cổng cũ và chiếc cổng dẫn vào ngôi nhà cấp bốn mái ngói rêu đen. Trong nhà có người đàn ông chạc bốn tư bốn nhăm sống độc thân.

Đó là em trai người đàn ông điên phố Bà Triệu.

Họ ở đây đã lâu, từ lúc còn là hai đứa trẻ cho đến khi một người rời nhà đi lang thang như mảnh vỏ cây bị gió cuốn. Người còn lại sống lặng lẽ dạm bạc với khuôn mặt của một cuốn sách bói toán nhàu nát. Ông ta cũng

sắp sửa rời nhà.

Người anh bị gọi là ông điên.

Người em được gọi là lão tâm thần.

Hai người cùng làm bạn với những lời thì thầm bí mật xa xôi, cùng nhớ mẹ và một người đã từng quanh quẩn dưới gốc cây điệp phố Bà Triệu.

Chủ quán chí ma phù kể rằng thủa xưa hai anh em nhà nọ cùng yêu một cô gái mặt rỗ hoa. Chỉ kể đến thế, ngắn gọn như buông câu, như rao bán thông tin nhà đất khi chưa cầm tiền thù lao.

- Ông ấy sống bằng gì ạ?

Vũ hỏi, đặt bát xuống dưới chân, chủ quán lắc đầu chán ngán:

- Bánh mỳ.

Vài ba người dừng ăn nhìn chủ quán bằng ánh mắt tò mò.

- Cứ đúng tám rưỡi là đi.

Sau câu nói bâng quơ của chủ quán, em lén nhìn đồng hồ. Tầm giờ hai mươi sáu phút.

Ra khỏi quán, vừa mở khoá xe đã thấy một người đàn ông đầu tóc gọn gàng đi ngược lại tay xách chiếc túi cước màu trắng đục, loại túi không còn ai dùng. Người đàn ông dáng hơi gù, đầu cúi xuống, bước chậm chạp kiên nhẫn.

- Xem ông ấy đi đâu nhá.

Vũ nói, cho xe bám theo người đàn ông. Dọc theo phố Hàng Buồm với những cửa hàng bánh kẹo thơm lừng, người đàn ông tâm thần đi không tránh ai, cũng chẳng ai tránh ông ta. Cảm giác có một con đường vô hình dành riêng cho người đàn ông tâm thần, một con đường vắng vẻ giữa hè phố đêm nhộn nhịp.

Ra Trần Khánh Dư, bước đều đặn qua những túi ni lông bọc rác, trầm ngâm với màu áo sơ mi vàng nhạt, quần ka ki xanh và chiếc đồng hồ sáng loáng nơi cổ tay mỗi khi có ánh đèn chiếu vào.

- Ước gì ông ấy quay ra Bà Triệu.

Em thì thào bên tai Vũ, lập tức người đàn ông tâm thần dừng lại, tần ngần đôi chút rồi đổi lộ trình, quay về Nguyễn Hữu Huân và lần ra Tràng Tiền.

Vũ uể oải ngả đầu ra sau cọ tai vào má em. Hà Thành trong đêm trở nên lộng lẫy xa hoa, không thân mật. Người đàn ông tâm thần giống như một viên chức về hưu xách túi đi kiện, lại giống như người bảo vệ hết ca trực.

Đèn đỏ, người đàn ông tâm thần dừng bước và khi đèn xanh bật lên, ông ta hơi lạng chân về phía Lý Thái Tổ. Tim em thắt lại. Rất may, người

đàn ông tâm thần vẫn đi thẳng, ông ta chỉ lạng sang bên để tìm chỗ vạch dành cho người đi bộ qua đường.

- Có khi ông ấy ra chỗ cây điệp của em thật đấy.

Vũ nói nửa đùa nửa thật.

- Em chẳng biết.

Giọng em mỏi mệt run rẩy vì căng thẳng.

Người đàn ông tâm thần xuôi xuống đường Bà Triệu, đi sát hè bên phải. Còn ba cây nữa sẽ tới cây điệp vàng của em thì người đàn ông tâm thần dừng lại đặt cái túi xuống dưới chân nhìn quanh quất.

- Không phải cây ấy - Em thì thầm một mình.

Người đàn ông tâm thần cầm túi lên, đi thêm vài bước nữa. Em nhắm mắt, cầm tì xuống vai Vũ. Xe máy dừng lại.

- Kỳ lạ thật.

Vũ thốt lên. Em cương quyết không mở mắt, giục Vũ:

- Đi thôi anh, em muốn về nhà.

Toàn thân em tê dại choáng váng.

Người đàn ông tâm thần nở nụ cười mãn nguyện như kẻ đi xa trở về nhà. Dưới gốc cây điệp hoa vàng, ông ta là ông điên. Một ông điên trong số hai ông điên cùng yêu người con gái mặt rỗ hoa.

Chia tay Vũ bằng nụ cười gượng gạo rồi bước nhanh vào nhà.

Đóng cửa phòng, bật máy nghe nhạc, không chọn suối, không chọn cơn mưa và băng tan. Nghe tiếng sáo réo rắt thánh thót ước tất cả những gì vừa xảy ra chỉ là ảo giác.

Ước gì không ai canh giữ cây điệp hoa vàng.

Tiếng sáo thoang thoảng mời gọi đến những không gian rộng lớn đàn giã, rộng lớn hơn bất kỳ chỗ nào rộng lớn nhất ở Hà Thành.

Ngủ trong cơn đói, trong cả sự bâng khuâng chưa rõ ràng. Ngủ và thấy người đàn bà áo vàng dắt tay người đàn ông điên đi quanh gốc điệp, dưới làn mưa lất phất được soi sáng bởi một ngọn đèn cao áp vàng.

Vẫn phấp phỏng một chuyến đi xa.

Đi một mình, không Vũ, không sách, không máy nghe nhạc, không chụp bất cứ bức ảnh nào và không gọi điện cho ai. Sẽ đi như đi vào khoảng trống trong sạch để xem mình bụi bặm rườm rà thế nào. Dự tính vào đầu tuần sau vì cuối tuần này đội bóng mình yêu thích sẽ có trận đấu quyết định. Một trận chung kết bất ổn vì nhiều ngôi sao lu mờ, biến mất hoặc phải dính thẻ đỏ.

Hoài thông báo anh bạn Việt kiều đã trở về Đức.

- Anh ấy ca cẩm là Hà Nội lắm đèn đỏ quá cho nên bức bối.

- Có hứa gì với nhau không?

Em hỏi đùa.

- Em lạ thật, bọn chị có gì với nhau đâu mà hứa với chả hẹn.

Giọng Hoài dằn dỗi, không phải với em mà là với kẻ đã đi xa.

- Chị già rồi thì phải.

Lâu sau tự nhiên Hoài thốt lên, đau xót tấm tức.

Gõ rào rào thoăn thoắt đến kín màn hình nhưng không hề sai một dấu phẩy. "Con bướm" lại lên, nhẹ nhàng lách cửa vào nở nụ cười tròn trịa vô vị.

- Có việc gì không?

Hoài liếc xéo sang hỏi gay gắt. "Con bướm" nhởn nhơ:

- Em lên xem một tý thôi. ở dưới kia ồn quá.

Nó tự rót nước uống, lởn vởn sau lưng em mùi nước hoa sặc sụa.

- Ấy biết không, thằng Thành sắp chuyển đi rồi đấy.

"Con bướm" bắt chuyện, giọng véo von.

- Thế à?

Em vẫn gõ, đáp cho qua chuyện, thầm mong một cơn gió thần kỳ nào đó cuốn phăng "Con bướm" đi. Hoài khụt khịt cố ý. "Con bướm" khẽ khe hát, chất giọng tốt nhưng nội dung bài hát rẻ tiền hơn cả những lọ gốm bán rong ngoài đường. Chỉ có tiếng gõ lách cách của bàn phím làm nhạc đệm. Hoài dừng tay, đứng phắt dậy:

- Chị nói thật nhá, em để bọn chị làm việc một tý, mệt quá.

Tiếng hát tắt ngấm như chiếc bật lửa ga bị buông tay đột ngột.

- Thế thì em xuống đây.

Không tự ái, không giận dỗi, "Con bướm" bay ra khỏi phòng vạt váy hoa tung lên yểu điệu. Hoài thở dài hai tay ôm lấy khuôn mặt nhàu nhĩ. ở viền tay áo của Hoài có một vết ố màu cà phê hình như mặt trăng khuyết.

Rất lâu em chưa được ngắm trăng thoả thích. Đôi ba lần vô tình nhìn thấy trên đỉnh trời một vật sáng vàng nhạt, không thật là mặt trăng. Dịp nào đó sẽ rủ Vũ ra ngoại thành vào một đêm rằm.

- Chị cầm cuốn sách của em về mà đọc. Đọc trước khi đi ngủ ấy, dễ chịu lắm.

Hoài lắc đầu tay nọ bẻ khớp tay kia giống như một đứa học trò bị truy bài:

- Tâm trí đâu mà đọc... Mẹ chị lại bị áp huyết thấp. Chán ghê cơ.

- Ôi giời ai cũng có số cả, chị lo làm gì cho mệt. Mà áp huyết thấp có gì nguy hiểm đâu.

Em át đi.

Giá như Vũ đến. Nếu Vũ không đến thì một cơn mưa đến cũng được.

Nhưng cả hai đều vô tâm tích.

Người áp huyết thấp thường lịm đi từ từ.

- Đêm hôm qua chị mơ thấy bao nhiêu là máu.

Hoài nói với một ai đó vô hình trong phòng, một kẻ lạnh lùng nhưng biết tất cả và chia sẻ tất cả.

Huyền vừa nói vừa vuốt ve bụng mình.

- Hai mẹ con đến làm lành tao mới ra viện, không thì còn lâu. Với lại nằm mãi nó cũng chán mày ạ.

Huyền khoe dạo này năng đi lễ, kể vanh vách tên thầy nọ cô kia với một lịch trình bận rộn từ đền sang chùa, càng nói càng hăng như sắp sửa nhập đồng. Trong tiếng nói của Huyền có âm thanh của đồng tiền gieo âm dương, hơi rè, đục.

- Thầy bảo số tao cao lắm. Ông xã nhà tao là sa trung kim, vàng trong cát ấy mà, mày hiểu không. Nhờ có tao dãi mới ra, vì thế cả nhà nó phải ngại tao. Thật đấy, số tao dưỡng lão ấy mà lại...

Có một nét gì đó không bình thường trong cách nói vội vã của Huyền.

- Tao có cô chị chết lúc mới được hai tháng. Tao đi gọi hồn, bà ấy lên gọi đúng tên tao. Bà ấy bảo dứt khoát không cho tao sinh con nếu không cúng cho bà ấy một hình nhân. Đứa trước của tao do bà ấy bắt đi đấy.

- Thế cúng chưa?

Em hỏi hơi tò mò. Huyền trợn mắt, gò má bóng rực lên:

- Rồi, thế mới được yên chứ. Lần này chắc chắn là mẹ tròn con vuông. Mà bà ấy còn nói tao sẽ sinh con trai nhé. Không cần siêu âm siêu iếc gì hết.

Vẻ mặt Huyền chập chờn như sốt. Vươn nửa người trong chiếc ghế mây hai tay Huyền ốp lấy bụng, vai nhô cao, mấy sợi tóc bết vào thái dương. Ngày xưa Huyền thuộc loại đẹp nhất trong số những người bạn của em. "Tao mất rồi". Buổi sáng nào đó, không thể nhớ, ở năm thứ hai, sau một đêm biến đi, Huyền trở lại ghé tai em thì thào. Lúc ấy trông Huyền có vẻ mệt mỏi. Lần đầu tiên biết một người bạn không còn trinh trắng, cũng lần đầu tiên nghĩ về sự trinh trắng vô tâm của chính mình. Người đàn ông ngủ với Huyền đêm ấy không phải là người kết hôn với Huyền.

Im lặng. Thời gian đi chậm, nhạt nhẽo.

Ngoài kia những dòng chảy tạp nham, khét, không mục đích và dở dang.

- Mày quen bác sĩ nào không?

Huyền hỏi đột ngột, thảng thốt.

- Làm sao?

Em giật mình hỏi lại.

- Tao lo lắm... nếu tao hỏng lần này nữa nó sẽ đi với con khác.

Giọng Huyền trùng xuống, rời rã, vẻ đồng bóng biến mất, thay vào đó là quầng mắt thâm u ám với những nét chẩy não nề của khuôn mặt.

- Sao lúc nãy mày vừa nói...

Em tự kiềm chế, dừng lại để tránh gây sốc cho Huyền.

- Tao không biết... Tao vẫn lo lắm... Tại sao tao khổ thế hả mày?

Những âm thanh dính chặt vào nhau. Nửa đầu câu chuyện chỉ là sự giả tạo, là tự gồng lên với chính mình. Nhưng nỗi sợ là nỗi sợ, nó không thể tự biến mất, cũng giống như tình yêu, không thể tự xoá nhoà tự bôi đen. Nước mắt bắt đầu tràn ra, chẩy ngoằn ngoèo xuống má, trượt theo vạch hằn làm nhoè đi đường son môi đỏ tím.

- Mày chỉ lo hão. Được rồi, tao sẽ mách cho một bà cực giỏi...

Nói không nhiều nhưng em tự thấy mệt và khô cổ.

- Tao về đây. Có gì gọi điện cho tao nhé.

Huyền đứng vụt dậy bước ra như chạy trốn.

Một người đàn bà đi chiếc xe máy màu đen nhập vào dòng chẩy tạp nham trên đường. Một người đã từng là sinh viên nổi tiếng với đôi môi gợi cảm, làn da trắng mịn màng giờ đang mang trong mình nỗi lo lắng không thể san sẻ.

Một người chửa cô đơn.

Sinh nhật.

Dành một ngày thật yên tĩnh để nghĩ về giây phút ra đời. Hình dung mình xuất hiện trong căn phòng vắng lặng sạch sẽ, không khóc, không tím bầm như những đứa trẻ khác. Lúc ấy chỉ có hai mẹ con, mẹ và mình, một người mỏi mệt nhẹ nhõm một người chân tay vồn vã xung quanh.

Với hình dung như thế, ngày sinh nhật không nhất thiết phải có người thứ hai tham dự.

Không hiểu khi sinh ra mình đỏ hay trắng, những ngón tay của mình đã thon chưa, nốt ruồi đỏ có sẵn hay phải chờ sau đó.

Bao nhiêu thời gian qua đi, cái gì bị lược bớt, cái gì thêm vào để trở thành mình bây giờ.

Lấy xe đến phố Bà Triệu.

Người đàn ông điên thứ hai vẫn cần mẫn nhẫn nại ở đó, cẩn trọng với từng cử động để khỏi dẫm lên những xác hoa.

Cách đây sáu năm, cũng vào ngày này, dưới gốc cây này, đã nhận lời với Tuấn, nhận sự gặp gỡ mềm mại da diết. Tuấn đã sở hữu cây điệp vào

một ngày duy nhất trong tất cả các năm chỉ với nụ hôn sớm hơn Vũ.

Tuấn là một kỷ niệm, một ký ức khó phai tàn cho dù không được chăm sóc thường xuyên.

Những đứa con gái mười sáu tuổi gánh đài sen đi dọc theo hè phố.

Chiếc xe đạp cũ kỹ chở một rổ hoa hồng đỏ, ghi đông đeo cái làn nhựa thò ra chùm hoa cau vàng nhạt, lấm tấm với mùi thơm ngọt ngào choáng váng.

Những người đàn bà ăn mặc quê mùa chân chất, áo phin hoa, quần đen gánh hàng rong đi qua cây diệp, bóng họ đổ xuống hè còn hình hài in trong cửa kính lẫn với xe máy, đài, tủ lạnh, phích điện. Tuồng như những người đàn bà đó từ quá khứ trở về, lại tuồng như họ chỉ tình cờ đi ngang qua trong vẻ uể oải mãn tính. Điểm dừng chân của người bán hàng rong là một bí mật sâu kín.

Cốm, chè lam, khoai luộc, bánh dầy giò trôi nổi luồn lách khắp Hà Thành như những chiếc lá khô trong cơn nước lũ. Mà không hiểu sao dạo này đài, báo lại hay ra rả nhắc đến lũ làm lòng người bị lung lạc phấp phỏng.

Ăn một que kem ở cửa hàng cách cây diệp vài chục mét. Ăn chậm, nhẩn nha, chỉ cốt có chỗ ngồi ngắm kỹ lại cái màu vàng làm mình chao đảo.

Hoa diệp nở thành nhịp điệu phức tạp lắt léo, gợn sóng ở tầng dưới, lộn xộn rời rã ở tầng trên. Màu vàng chạy chéo nhau đan cài dập dềnh với mối liên kết ma quái nhưng thi thoảng vẫn có những cụm hoa riêng lẻ tự do trôi dạt như những giờ phút lang thang chán đời. Cả cây hoa là một chiếc áo vàng chập chờn lay động. Và sực nhớ tới người đàn bà kỳ dị trong mơ.

Ngày sinh nhật hoa rụng nhiều.

Ngày sinh nhật nhìn thấy vệt sáng khác lạ ở phố Bà Triệu.

Người đàn bà được đặt tên cho phố thủa xưa cưỡi voi xông trận đã phải vắt vú ra sau lưng cho gọn.

Về nhà lặng lẽ như một con mèo, gọi Quẩy vào phòng, tặng nó lọ nước hoa nhỏ.

Qua đi ngày sinh nhật kín đáo, trọn vẹn.

Hai mươi sáu tuổi, sống giữa thời tiết oi bức, không nhớ thương ai quá mức, không cả kịp phân tích kỹ lưỡng về các ước mơ của mình.

(còn tiếp một kỳ)

Về chủ đề đạo Công giáo trong xã hội Nhật Bản
hay một Tâm-Thức-Mới cho thời đại

Đọc "Bên giòng sông Hằng"

của ENDO SHUSAKU (Viễn Đằng Chu Tác)
*do Nguyễn văn Thực dịch **

Phạm Xuân Đài

Nguyên tác cuốn sách này trong Nhật ngữ là *"Thâm Hà"* (Sông Sâu). Trong ngôn ngữ Hán Việt, và chắc trong Nhật ngữ cũng thế, hai chữ *thâm hà* gợi một cảm tưởng mênh mông và thẳm sâu. Nguyễn Văn Thực dịch là *"Bên Giòng Sông Hằng"* cũng đã rất khéo để nói lên nội dung câu chuyện một nhóm du khách Nhật Bản đến thăm sông Hằng bên Ấn Độ, nhưng chính người dịch cũng nhận thấy chữ *"thâm hà"* mới diễn tả được cái chủ đề đích thực về tâm linh rất lớn của tác giả trong cuốn tiểu thuyết này.

Viễn Đằng Chu Tác (1923-1996) là một trong những nhà văn Nhật Bản được độc giả Nhật và Tây phương biết đến và yêu mến còn hơn cả Kenzaburo Oe, nhà văn Nhật đoạt giải Nobel văn chương năm 1994. Là một người theo đạo Chúa, đề tài lớn theo đuổi suốt sự nghiệp sáng tác của ông là sự khó khăn của Kitô giáo trong tiến trình hội nhập vào tâm thức Nhật Bản. Đề tài này manh nha từ những cuốn *Người Da Trắng - Shiroi Hito* và *Người Da Vàng - Kìroi Hito* (viết trong thập niên 50); nhưng phải đến cuốn *Sao Chúa Mãi Im* (Trầm *Mặc) - Chin Muku,* viết năm 1966, đề tài này mới được khai thác một cách mãnh liệt và được xem là khá "bạo." Chúng ta hãy lược qua tác phẩm này, trước khi đề cập đến hậu thân lớn lao và sâu sắc của nó là cuốn *Bên Giòng Sông Hằng*.

Viễn Đằng Chu Tác đã nghiên cứu nhiều sử liệu truyền giáo của giáo hội La Mã vào thế kỷ 16 và 17 trên đất Nhật để viết nên cuốn tiểu thuyết *Sao Chúa Mãi Im* (cũng đã được Nguyễn Văn Thực dịch sang Việt ngữ,

Anh Em ở Na Uy xuất bản năm 1998), cuốn sách mà Graham Green đã phát biểu sau khi đọc xong: "Theo tôi tác phẩm này là một trong những tác phẩm hay nhất thời đại chúng ta."

Truyện thuật hai sự quyết tâm: các giáo sĩ Thiên Chúa giáo trong thế kỷ 17 quyết tâm xâm nhập Nhật Bản để truyền đạo, và nhà cầm quyền Nhật Bản quyết tâm ngăn chặn và bóp nát ý định đó. *"Sao Chúa Mãi Im"* là câu tán thán của vị giáo sĩ trong cơn bách hại, đối diện với bao nỗi khốn khó đau đớn trong cô đơn. Thiên Chúa giáo bắt đầu được truyền vào đất Nhật từ giữa thế kỷ 16, lúc đầu gặp nhiều thuận lợi vì các tướng quân đều muốn o bế các thương thuyền Bồ Đào Nha, và do đó thân thiện với các vị thừa sai, để đem lại lợi nhuận cho mình. Theo tài liệu các thừa sai viết đầu thế kỷ 17 thì con số giáo dân lúc cao nhất lên đến 250,000 người.

Tuy nhiên, trong tiền bán thế kỷ 17, các tướng quân bắt đầu cấm đạo, vì những lý do, ví dụ theo sắc lệnh của tướng quân Gia Khang: ...gieo rắc tà đạo, phỉ báng chính đạo, có âm mưu chống lại phép nước và xâm chiếm lãnh thổ...

Cuộc bách hại vô cùng tàn khốc và hiểm độc, đã khiến một số các thừa sai bỏ đạo, trong đó có linh mục giáo sư Ferreira, từng hoạt động ở Nhật trong hai mươi năm với chức Giám tỉnh dòng Tên ở đó, đại diện tối cao của dòng Tên, có nhiệm vụ cai quản các linh mục dưới quyền và chăn dắt các bổn đạo Nhật thời ấy. Ông bỏ đạo, lấy vợ người Nhật, có tên Nhật và sống luôn tại đất Nhật, một sự kiện mà giáo hội La Mã không tưởng tượng nổi.

Và vì thế mới có câu chuyện này. Vào năm 1635 ở La Mã một nhóm gồm năm linh mục tìm cách rửa hờn cho mối nhục bỏ đạo mà cha Ferreira đã gây nên, đã cùng nhau vạch một kế hoạch truyền giáo tại Nhật, ngay cả trong thời kỳ bách hại dữ dội nhất. Cuối cùng có ba giáo sĩ được cử thực hiện công tác này, cả ba đều là học trò cũ môn Thần học của cha Ferreira. Sau bao nhiêu khó khăn, hai trong ba người đã xâm nhập được vào đất Nhật, bắt liên lạc được với một họ đạo và được che giấu để hoạt động. Nhưng với sự kiểm soát dân chúng rất chặt chẽ của các sứ quân, cuối cùng tất cả, giáo dân cùng linh mục, đều bị bắt. Một vị đã phóng xuống biển chết theo các giáo dân bị nhận nước. Vị còn lại, sau bao ngày giam cầm, đấu tranh với bản thân và với các mưu mô của nhà cầm quyền để dẫn dụ việc bỏ đạo, cuối cùng cũng đã phải chịu thua, chấp nhận dạp lên ảnh Chúa. Và mọi chuyện lại được lặp lại: lấy vợ Nhật, đổi tên Nhật, thậm chí có cả pháp danh Phật giáo, cho đến khi chết lại được hỏa thiêu ở chùa.

Cực hình không hề khuất phục được các vị đó. Tổng đốc Tỉnh Thượng đã nghĩ ra một cách bắt các vị phải chịu thua: chứng kiến giáo dân của

quý vị đang bị cực hình và hành hình. Một lý lẽ rất đơn giản được đưa ra: vì quý vị vào xứ này truyền đạo nên mới có giáo dân, và giáo dân phải bị trừng trị theo luật lệ. Nếu đạo của quý vị là bác ái, quý vị hãy hành xử để cứu những con người ấy: chỉ cần quý vị làm một cử chỉ bỏ đạo, các giáo dân sẽ được tự do. Vị linh mục buộc phải chọn lựa giữa con người cụ thể và những nhân danh trừu tượng, và giữa cơn giằng xé, phải thốt lên trong tâm tưởng: Nhưng con biết, Đức Chúa Trời mà Giáo hội dạy, khác với Đức Chúa Trời của con.

Sự đối đầu ghê gớm giữa nhà cầm quyền Nhật Bản và các nhà truyền giáo diễn ra âm thầm, khốc liệt, tài năng tiểu thuyết của tác giả Endo Shusaku đã tạo dựng lại, có lẽ dựa rất sát vào các tài liệu thu lượm được, những trang lịch sử bi tráng, lớn lao. Chính trị, đức tin, lòng tàn bạo hiểm độc, sự hy sinh vì lý tưởng cao cả đã đối chọi, cọ xát nhau, nhưng tia lửa bật ra, cao điểm của truyện, vẫn là sự thắng thế của tình yêu thương con người. Đó là cái thắng trong cái thua của những vị linh mục. Ngẫm ra không khác quan niệm của người Việt Nam:

Dù xây chín bực phù đồ
Không bằng làm phúc cứu cho một người

Có lẽ đó là tất cả ẩn ý của tác giả Endo Shusaku khi dựng lại sự đụng độ của hai sức mạnh thế quyền và thần quyền trên đất Nhật vào thế kỷ 17. Chỉ trong tình huống cực kỳ bi đát trong cuộc đời truyền giáo của mình, vị linh mục mới nhận thức ra được rằng bao nhiêu bực phù đồ của thần quyền cũng không thể bằng sự làm phúc cứu những con người thảm thương ra khỏi trận hành hình. Chính trong giây phút ấy vị linh mục cảm nhận sự thông cảm hoàn toàn với "một Đức Chúa Trời của riêng mình."

Trong *Sao Chúa Mãi Im*, tác giả đã nhờ những trang lịch sử để đưa ra sự đụng chạm mãnh liệt giữa nước Nhật và giáo hội Thiên Chúa giáo. Đằng sau hai thế lực có tính cách "đời" ấy phải là hai sức mạnh khác, tiềm ẩn hơn, đã ám ảnh tác giả và đã làm thành chủ đề chính suốt cuộc đời sáng tác của ông. Đó là cái tinh túy của tinh thần Nhật Bản và tinh thần Thiên Chúa giáo, cả hai ông đều hiểu rõ với tư cách vừa một công dân Nhật mang trong mình truyền thống ngàn đời của đất nước, vừa là một người Công giáo. Có lẽ nhiều lần trong tâm hồn tác giả đã vang lên câu hỏi: Những cái tinh túy trong tinh thần của những nền văn hóa khác nhau trên quả đất này, rốt cuộc vẫn không khác gì nhau, thế thì tại sao trong lịch sử đã và đang diễn ra những bi kịch ghê gớm làm điêu đứng bao nhiêu con người? Những cái nhân danh nọ kia có đáng cho bao nhiêu điều bi thảm như thế xảy ra hay không? Đâu là mẫu số chung cho tâm hồn tất cả chúng ta, trong đó những loại đức tin khác nhau có thể hòa lẫn vào

nhau như bao nhánh sông đều chảy vào một dòng sông cái?

Có lẽ *Bên Giòng Sông Hằng* đã được thành hình trong một khắc khoải như thế nơi Endo Shusaku. Ông đã đi chọn một hình ảnh đặc trưng về tâm linh là dòng sông Hằng của Ấn Độ để làm nơi hòa giải cho những xung đột nơi chính ông – hay là những nhân vật Nhật Bản của ông cũng thế –, coi dòng sông như một người trọng tài mà ông tin có đủ uy tín và đức độ để bao dung những khác biệt. Trong xứ Ấn Độ quê hương thăm thẳm của bao vấn đề tâm linh của nhân loại, dòng sông Hằng là một tượng trưng chứa đựng trong lòng nó những sạch và dơ, đau khổ và giải thoát, đã được nhiều người mệnh danh là dòng sông thiêng có khả năng làm êm dịu đi, nếu không nói là giải quyết, những khắc khoải của kiếp người. Nhiều cây bút trên thế giới đã tìm nó, viện dẫn nó, kể cả những nhà thơ Việt Nam.

Đón em suốt bãi sông Hằng
Cát muôn kiếp mải nhớ lần gặp xưa
Tô Thùy Yên

Mặt trời thức dậy trên sông Hằng
ngày đầu tiên một thiên niên kỷ mới
mặt sông rực rỡ ánh bình minh
lòng sông sâu thẳm
chuyên chở kiếp nhân sinh
...
Người về đây làm hạt bụi ban sơ
chìm vào bát ngát
Ngàn vạn năm qua
Dòng sông chảy mãi
Hạt bụi còn là
Khánh Hà

Nhưng không ai quy tụ về đây nhiều câu chuyện, nhiều vấn đề như tác giả Viễn Đàng Chu Tắc. Mỗi nhân vật của ông có một câu chuyện riêng, xảy ra tại Nhật Bản, tại Mãn Châu, trên đất Pháp, trong rừng già Miến Điện... độc lập với nhau, nhưng tất cả gặp nhau trong một chuyến du lịch từ Nhật sang Ấn Độ để đến với dòng sông Hằng, và hình như được nối kết lại trước dòng sông thiêng cuộn chảy.

Trước hết là câu chuyện của cô Mỹ Tân Tử và anh chàng Đại Tân, được xem như hai nhân vật chính trong cả cuốn truyện. Chàng là một thanh niên thật thà, mộ đạo, làm ngứa mắt cô bạn sinh viên rất tân thời Mỹ

Tân Tử, và nàng quyết định quyến rũ chàng làm người tình của mình để "phá" chơi. Con người thật thà ấy sa vào bẫy tình thật, nhưng trò chơi của Mỹ Tân Tử sớm kết thúc để cô nàng còn... đi lấy chồng, và Đại Tân, tỉnh cơn mộng tình, đi tu linh mục tại một nhà dòng mãi tận tỉnh Lyon bên Pháp.

Kế đến là "trường hợp của ông Cơ Biên." Vợ ông mất vì bịnh ung thư, nhưng trước khi chết đã trối trăn cùng ông: "Em... biết chắc... em sẽ được tái sinh ở một nơi nào đó trong thế giới nầy. Mình nhớ đi kiếm em... gặp em... Mình hứa đi! Mình hứa đi mình!"

Trường hợp ông Chiểu Điền là một nhà văn viết cho nhi đồng, một người từ nhỏ đã yêu súc vật, và suốt đời viết văn của ông, các con chim nuôi trong nhà đã là những người bạn tâm sự của ông. Cho đến khi bệnh nặng, phải mổ, các con vật vẫn hiện diện bên cạnh ông, và ông nghĩ chúng đã cứu mạng ông...

Ông Mộc Khẩu lại là một trường hợp có liên quan đến đại chiến thế giới thứ hai, khi ông là một người lính Nhật bại trận trong rừng già Miến Điện, đã phải ăn thịt đồng đội để sống còn. Và nhiều chục năm sau, đó vẫn là một ám ảnh không nguôi trong tâm trí ông.

Cô Mỹ Tân Tử, ông Cơ Biên, ông Chiểu Điền, ông Mộc Khẩu cùng nhau đi thăm Ấn Độ trong một chuyến do hãng du lịch tổ chức. Mỗi người một tâm trạng, một mục đích thầm kín riêng và phản ứng mỗi người một cách trước xứ Ấn Độ nghèo mà huyền bí. Ông Cơ Biên theo đuổi một mục tiêu mơ hồ là tìm người mà có thể vợ ông đã đầu thai, nhưng làm sao tìm cho ra? Nhưng người gặp chuyện không ngờ nhất chính là cô Mỹ Tân Tử: cô đã gặp Đại Tân ở Ấn Độ. Chính trường hợp Đại Tân và sự kiện mọi người tập hợp nhau bên bờ con sông thiêng mới là chủ đề chính được tác giả ấp ủ.

Trong tác phẩm *Sao Chúa Mãi Im*, những khó khăn trong sự hội nhập của Kitô giáo vào Nhật Bản cách đây ba bốn thế kỷ là do nguyên do chính trị, lịch sử, còn bây giờ, với *Bên Giòng Sông Hằng*, sự khó khăn ấy vẫn còn, nhưng hoàn toàn do tính-cách-nhật-bản của người Nhật, mà đại diện là anh chàng Đại Tân thiệt thà, chân chất qua tận Pháp để tu thành linh mục. Hãy nghe một vài đoạn đối thoại, Đại Tân tâm sự với Mỹ Tân Tử khi hai người gặp nhau tại Lyon, nơi Đại Tân đang tu.

...Tôi ở đây đã ba năm rồi. Đã quá chán cái lề thói suy nghĩ của người nước này. Lề lối suy nghĩ, mà họ bóp méo vê tròn làm sao cho thích hợp với ý muốn của họ, thật là nặng nề với một người có não trạng Á đông như tôi. Tôi không thể hòa đồng được. Ngày nào cũng như ngày nấy, cứ bứt rứt vì những chuyện như thế. Khi tôi trình bày những chuyện như thế

với các thầy cùng lớp và với các cha giáo, họ nhắc nhở cho tôi biết rằng đã là chân lý thì không còn phân biệt chân lý của người Tây phương hay Đông phương. Họ cho là, chẳng qua vì tôi bị chứng loạn thần kinh chức năng, bị ẩn ức mặc cảm gì đó.

... Tôi không thể phân biệt Thiện, Ác rạch ròi như những người ở đây được. Tôi nghĩ là trong Thiện có Ác mai phục, trong Ác có Thiện nằm vùng. Có thế Chúa mới dùng ngón ảo thuật của Ngài được. Mặc dù tôi là kẻ tội lỗi, Ngài cũng đã uốn nắn tôi, đưa tôi vào đường cứu rỗi.

... Đối với Giáo hội, tư tưởng của tôi là tư tưởng rối đạo. Tôi đã từng bị quở trách như thế. Cô đừng nên tách biệt, phân biệt cho ra đầu ra đuôi bất cứ cái gì. Chúa thì không như thế.

... Trong dòng, họ vẫn cho tôi là kẻ có khuynh hướng rối đạo, nhưng vẫn chưa đuổi tôi ra khỏi tu viện. Có điều là tôi không thể lừa dối với chính mình được. Sẽ có ngày tôi trở về Nhật Bản - tôi sẽ đào sâu suy tư về một Kitô giáo ứng hợp với tâm thức Nhật Bản.

Có một sự không đồng nhất, không hài hòa giữa đức tin của Đại Tân và cái hệ thống mà anh đang ở trong để thể hiện lòng tin ấy. Chàng cảm thấy Tình Thương đích thực rộng lớn hơn bất cứ khuôn khổ tổ chức nào, giống như vị linh mục trong *Sao Chúa Mãi Im* đã thốt lên trong cơn bách hại: *"Nhưng con biết, Đức Chúa Trời mà Giáo hội dạy, khác với Đức Chúa Trời của con." Chính vì thế, Đại Tân đã đi Ấn Độ, và đã hành xử không theo tư thế của một linh mục Công giáo dù lúc bấy giờ chàng đã là linh mục. Chàng sống như một tiện dân Ấn, đến với các tiện dân khác, và nhất là chuyên đi thu nhặt các xác chết vô thừa nhận để mang đến bãi hỏa thiêu trên bờ sông Hằng.*

"Nếu Người ấy trú ngụ trong thành phố này, tôi tin là Người cũng sẽ cõng những người gục chết đó đến bãi hỏa táng, giống như Người đã từng vác thập tự giá vậy."

Đó là lời Đại Tân nói với Mỹ Tân Tử khi hai người gặp nhau lại tại Ấn Độ, nơi cái thành phố có dòng sông Hằng chảy qua. Tại đây ông linh mục người Nhật ấy đã bị nhà thờ của tôn giáo ông xua đuổi, và nếu không giả trang thành kẻ tiện dân để làm những điều ông thấy cần làm thì chính người Bà La Môn cũng sẽ xua đuổi ông nữa, vì Ấn giáo tuyệt đối cấm những người khác tôn giáo đi vào bãi hỏa táng của họ. Ông đã thể hiện Tình Thương theo cách của ông, tâm thức ông trực tiếp hòa nhập với một tâm linh rộng lớn không cần thông qua một giáo hội, một tổ chức, một luật lệ do con người đặt ra, những thứ không sớm thì muộn cũng sẽ trói buộc, xiềng xích, điều kiện hóa những Đức Tin bao la phơi phới nơi những người như ông.

Endo Shusaku với *Bên Giòng Sông Hằng* đã đưa đến tột đỉnh chủ đề mà ông cưu mang suốt cuộc đời viết văn của ông, chính trong tác phẩm này người ta mới thấy được thị kiến về một TÂM-THỨC-MỚI chuyên chở được muôn dòng sông tư tưởng và tôn giáo. Với một nội dung linh hoạt, hấp dẫn, rất thời đại, ông đã thành công đưa ra một vấn đề muôn thuở, mà có lẽ hơn lúc nào hết con người của thời đại này phải lo vun đắp, đó là Tâm Linh nơi mỗi chúng ta.

* *Bên Giòng Sông Hằng*, Endo Shusaku, Nguyễn Văn Thực dịch, Thế Kỷ xuất bản năm 2000. Liên lạc: Yen Tran, 9702 Bolsa Ave. #112 Westminster CA 92683 - USA. Tel: (714) 839-8746

PHẢI TÌM ĐỌC

Cuốn tiểu thuyết vào hàng hay nhất của thời đại chúng ta

Bên giòng sông Hằng

của tác giả Nhật Bản **VIỄN ĐẰNG CHU TẠC - ENDO SHUSAKU**
Dịch thẳng từ bản Nhật ngữ: **NGUYỄN VĂN THỰC**
(dịch giả rất thành công cuốn ***Sao Chúa Mãi Im,*** cùng một tác giả)

Endo Shusaku mà nhà văn Nhật Bản được độc giả Nhật và Tây phương biết đến và yêu mến còn hơn cả Kenzaburo Oe, nhà văn Nhật đoạt giải Nobel văn chương năm 1994. Ông đã nhận được những giải thưởng văn chương cao quý nhất của Nhật, và nhiều lần được đề cử tranh giải Nobel về văn chương.
Sự khó khăn của Kitô giáo trong tiến trình hội nhập vào tâm thức Nhật Bản là đề tài lớn trong sự nghiệp sáng tác của ông. Nhưng phải chờ đến BÊN GIÒNG SÔNG HẰNG (Thâm Hà) người ta mới thấy được thị kiến về một tâm-thức-mới chuyên chở được muôn giòng sông tư tưởng và tôn giáo, trong đó có Công giáo, là tôn giáo của tác giả.

Liên lạc, chi/lệnh phiếu (check, money order) xin đề:
YEN TRAN

9702 Bolsa Avenue # 112, Westminster
CA 92683 - USA * Tel: (714) 839-8746

THẾ KỶ xuất bản, 325 trang, giá 14 mỹ kim.
Ở xa xin gửi thêm $2 cước phí.

Ý kiến

Thư trả lời Ông Phan Cảnh Long

Cám ơn ông đã đọc và đã góp ý về bài viết của tôi. Với tôi, ý kiến xây dựng của người đọc luôn luôn bổ ích, cho dù có những khác biệt. Xin được đi thẳng vào những điểm ông đưa ra.

1. Bộ hạ và Hạ bộ

Thưa ông, tôi thật sự không dám định nghĩa (hay giải thích) *Bộ hạ* và *Hạ bộ* một cách tùy tiện theo ý mình. Nếu đọc kỹ, ông sẽ thấy tôi viết như sau:

"Mở lại những trang sách cũ của người xưa, ta sẽ thấy ngay được điều này.

Bộ hạ: (danh từ) người theo hầu một viên chức cao cấp; (nghĩa rộng) kẻ thuộc hạ tin cẩn và trung thành.

Hạ bộ: (danh từ) bộ phận ở dưới tức cơ quan sinh dục. (4)" (Văn Học, số 169, trang 43)

Tôi có ghi cước chú số (4) rõ ràng ở cuối bài viết, trang 47 rằng: (4) "Thanh Nghị, *Việt Nam Tân Tự Điển Minh Họa*, nhà xuất bản Khai Trí 1967, trang 147 và trang 608". Ông cho rằng "giải nghĩa" như vậy là không chính xác, và đã đưa ra những định nghĩa từ các Từ Điển khác, như sau:

Bộ hạ: Người bị thống suất, ở dưới quyền một người khác (theo Đào Duy Anh); Người ở dưới quyền một người khác (theo Nguyễn Văn Khôn)

Hạ bộ: Bộ phận sinh dục của đàn ông (theo Nguyễn Văn Khôn); Phần ngoài của cơ quan sinh dục ở đàn ông (theo Viện Ngôn Ngữ Học, Hà Nội 1992)

Nếu ông dùng định nghĩa của một hay nhiều quyển tự điển khác và

không đồng ý với định nghĩa này của Thanh Nghị, cũng không có gì quan trọng cần phải bàn. Nhưng khi ông đặt câu hỏi *"Đâu cần "viên chức" (...) mới có bộ hạ, còn những thành phần khác như các thủ lãnh đảng phái, tướng cướp, các bố già ... không có bộ hạ sao?"* (*Văn Học*, số 173, trang 140), tôi thấy phải có nhiệm vụ trả lời.

Thưa ông, tự thân phần nghĩa rộng của Thanh Nghị đã trả lời câu hỏi này. Có lẽ ông quên phần này khi đặt câu hỏi chăng?

2. Nhà văn, nhà địa lý, nhà khoa học

Ông cho rằng nhà văn khác với nhà địa lý, nhà khoa học vì thế đừng đòi hỏi sự chính xác ở nhà văn.

Đúng như ông nói, "nhà" này khác "nhà" kia. Người đọc có thể không đòi hỏi nhà văn phải biết: khoảng cách từ trái đất đến mặt trăng bao xa, hay định luật thứ hai của Newton như thế nào v.v. (Dù muốn biết cũng chẳng khó khăn gì với lượng thông tin đầy ắp hôm nay). Nhưng có những điều hiển nhiên, rất đơn giản, mà "nhà" nào cũng phải biết. Chẳng hạn: Sông Hương ở Huế, Chùa Một cột ở Hà Nội, Khu vực Phan Rang là nơi có nhiều tháp Chàm v.v.

Nếu một người cho con sông Cửu Long chảy ngang Huế, Chùa Một cột ở Hải Phòng, hay đổi Phan Rang thành Khánh Hòa v.v. thì khó lòng được người khác chấp nhận. Ngay cả một người bình thường, ta đã khó chấp nhận, huống hồ gì khi họ được người khác gọi là "nhà" (văn, báo, địa lý .v.v.)

Có ngoại lệ cho "nhà" văn trong những điều rất hiển nhiên này không?

3. Tiếp cận và đánh giá một tác phẩm

Phần lớn những điều còn lại mà ông đề cập trong bài viết, nằm ở sự tiếp cận và đánh giá một tác phẩm.

Vấn đề này không nhỏ. Không dễ gì 10 hoặc 20 dòng có thể bàn đến thấu đáo được. Vì thế, nếu ông có nhã ý, muốn tiếp tục trao đổi về đề tài này, tôi đề nghị, chúng ta có thể trao đổi riêng, qua email chẳng hạn. Điều này sẽ giúp cho sự trao đổi nhanh hơn và thiết thực hơn (không phải đợi 1 tháng sau mới biết được câu trả lời hay câu hỏi của người khác), đồng thời để khỏi làm choáng chỗ những trang báo của VH, làm thiệt thòi đến quí độc giả. (Nếu ông thấy như vậy là hợp lý, xin ông cho tôi biết email, qua VH. Tôi sẽ liên lạc với VH để nhận email của ông).

Một lần nữa, cám ơn ông đã đọc bài viết của tôi và đã có những ý kiến rất chân tình đóng góp trong tinh thần xây dựng. Cũng xin được cám ơn ban chủ biên tạp chí VH.

Trân Trọng
Đoàn Nhã Văn

Thư Bà Lê thị Anh, Burwood, VIC Australia:

Thưa ông, mới đầu tháng Tám chúng tôi đã nhận được *Văn Học* số 172 tháng 8/2000 rồi. Thật là may và vui, vì nhận được báo mới trước báo số 171.

Đọc trang Thư Tòa soạn, chúng tôi biết là từ số báo này, cỡ chữ in tăng lên từ 10 đến 11 points theo yêu cầu của một số độc giả cao niên.

Thấy số lượng bài trong số báo ít đi, chúng tôi rất tiếc rẻ. Chúng tôi rất nhiều tuổi, mỗi khi nhận được *Văn Học* đều đọc đi đọc lại, nhiều khi để dành đó để đọc dần, và đọc hết đủ các mục, thấy báo ít bài thì tiếc lắm.

Năm nay tôi 73 tuổi, và ông nhà tôi 78. Đọc mà đeo kính lão cũng không thấy có chi trở ngại, riêng nhà tôi không phải đeo kính. Vậy xin có ý kiến gửi tới quí báo.

Xin chúc quí vị trong Ban Biên tập nhiều sức khỏe, chúc *Văn Học* vững mạnh mãi mãi.

Kính gửi Bà Lê thị Anh,

Chắc hôm nay Ông Bà đã nhận được báo tháng Chín số 173. Do lời yêu cầu của một số khá đông quí cụ cao niên độc giả Văn Học, với cùng một lý do như Ông Bà đã nêu ra, chúng tôi đã trở lại cỡ chữ 10 points như cũ. Xin cảm tạ lòng ưu ái của Ông Bà đối với tờ tạp chí.

Ông Francis Vinh, Lillestrom Norway

...Thú thực tôi ít đọc sách, lý do thiếu tài liệu. Và cũng khó tánh, khá kén chọn. Thích nhất là những bài thơ hay (wraie poésie) hay prose (như của Đinh Hùng, Nguyên Sa, Phạm Thiên Thư). Tôi cũng thích đọc văn của Lâm Chương (bạn cùng học Võ bị Thủ Đức và cùng trại tù sau 75). Ngày trước tôi yêu quí bộ *Sáng Tạo* và *Thế Kỷ 20*. Bây giờ tôi mất hết, và cảm thấy thiếu thốn nhiều quá. Thành thực mà nói, văn học hải ngoại những năm trước khá dồi dào, nhưng nay, theo tôi, thấy có vẻ monotone quá. Thi ca, lâu lâu mới cảm nhận được một vài bài. Có lẽ thi sĩ bây giờ có quá nhiều như lá mùa thu ở rừng, đồi. Thiếu vắng cái hồn thiêng mênh mông, nhiều bài như "đá cục" chứ không phải là "sỏi"...

giới thiệu sách mới

THƠ

🕮 Khánh Hà, ***Ở đây,*** tập thơ, Thế Kỷ 21 xuất bản, Tựa của Phạm Xuân Đài, bìa Tiêu Dao, trình bày trang thơ Tâm Thanh, nhạc phổ thơ của Võ Tá Hân và Nguyễn văn Thực, thơ in trên giấy quí vàng nhạt, dày 130 trang, giá 10 MK.

Trong lời tựa, nhà văn Phạm Xuân Đài viết: "Đọc thơ Khánh Hà, chúng ta cảm thấy được chia sẻ nhiều. Những gì ta ấp ủ trong lòng, tác giả nói giùm hộ, thật và hay hơn chúng ta tự bộc lộ lấy. Những gì ta chưa có trong lòng, tác giả mách cho chúng ta biết. Giác quan của thi nhân khác người phàm, họ có thể thấy và cảm nhận nhiều cái chúng ta không tự biết được. Thơ của họ cho chúng ta rất nhiều ý nghĩa từ những cái ta vẫn tưởng chẳng có ý nghĩa gì, vì quá thông thường chung quanh".

Nhận định đó bao quát được "chất thơ" Khánh Hà, vì khởi đầu của thi hứng trong thi tập là những chuyện bình thường, dung dị, gần gũi giống như lời thơ của chị. Nhưng từ những điều bình thường ấy, Khánh Hà gợi ra được những vấn đề lớn, những thắc mắc siêu hình, như thân phận quê hương, nỗi đau nhân thế. Có lẽ vì vậy mà Phạm Xuân Đài trích hai câu thơ Huy Cận:

Một chiếc linh hồn nhỏ
Mang mang thiên cổ sầu
để ví với người thơ và thi tập *Ở Đây*

Địa chỉ liên lạc: Nguyễn Thị Khánh Hà
Midtskogvn 7A
N-2020 Skedsmokorset, Norway
Phone: (47) 63 87 80 53
Email: cucu@online.no

📖 Nguyên Nhi, ***Quái phong,*** thi tập do Liên Mạng VHNT xuất bản, bìa Phạm Chi Lan, thơ in trên giấy trắng thường, dày 160 trang, không thấy đề giá bán.

Nhan đề tập thơ được tác giả giải thích bằng hai câu in trang trọng ngay đầu sách:

Ngọn quái phong thổi suốt bốn ngàn năm
Thổi thông thống nửa vòng trái đất

và cũng được giải thích bằng chân dung tác giả ở bìa sau, với hàng chữ *"Nên ở Oklahoma có thằng làm thơ như tráng sĩ mạt thời đêm đêm ngắm trăng mài kiếm để tư cắt đầu mình"*. Nghe "ghê thấy mồ". Nhưng đọc kỹ hơn trăm trang thơ thì thấy thơ và người thơ không có gì "quái" cả. Ngược lại là khác. Thơ tình da diết, nồng nhiệt đam mê ngay cả khi bị phụ rẫy. Mới gặp tưởng người thơ cao ngạo, nhưng nói chuyện ít lâu thì thấy "lành như củ khoai". Cái "quái" chỉ là mộc che để sống được với đời. Từng bài thơ trong thi tập đều có một sức cuốn rất mạnh, chứng tỏ nội lực khác thường của ngòi bút thơ. Một tập thơ hay!

Địa chỉ liên lạc: VHNT, PO Box 452512, Garland TX 75045 USA
Webpage: http://www.saomai.org
Email: vhnt@saomai.org

📖 Rabindranath Tagore, ***Tặng vật của Tình yêu*** *(The Lover's Gift)* bản Việt ngữ của Bùi Bảo Trúc, Văn Nghệ xuất bản, bìa Khánh Trường, sách dày 90 trang in cả hai ngôn ngữ Anh và Việt song song nhau, giá 8 MK. Phần đầu sách có nhận xét về bản dịch của Bùi Bảo Trúc của Bùi Vĩnh Phúc, Kiều Chinh, Du Tử Lê, Quỳnh Giao, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Thị Giáng Châu; và bài giới thiệu ngắn về Tagore và thi tập.

Muốn mua sách xin liên lạc Nhà Xuất bản Văn Nghệ.

KHẢO CỨU, TRUYỆN

📖 Đặng Mai Lan, ***Phòng 111***, tập truyện, Tạp chí Văn xuất bản, Tựa của Nguyễn Xuân Hoàng, sách dày 180 trang, giá 12 MK, Văn Nghệ tổng phát hành.

Nguyễn Xuân Hoàng nhận định rất đúng về truyện ngắn Đặng Mai Lan: "Nhẹ nhàng, tế nhị, thơ mộng và đầy xúc cảm, nhân vật của Đặng Mai Lan, dù sao, cũng đã đào xới tận cùng nội đau của một tình yêu không đáp số. Nhân vật ấy, bầu không khí ấy và một thứ chữ nghĩa sàng

lọc đã làm cho tác phẩm đầu tay của cô trở thành một khúc bi ca mới."

Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Văn
PO Box 611626 San Jos CA 95161 USA
Phone: (408) 263-5283
Email: van0996@aol.com
hoặc nhà xuất bản Văn Nghệ.

🕮 Võ Hồng, ***Trầm tư***, nhà xuất bản Trẻ (Sài Gòn) in lần đầu năm 1994, Văn Nghệ tái bản lần thứ nhất tại USA năm 2000, sách dày 100 trang, giá 7 MK.

Trong lời Giới thiệu, tác giả giải thích: đây là những câu "ghi rải rác trong những trang nhật ký, trên bìa cuốn vở nháp, sau lưng cuốn sách, cuốn lịch...là những suy nghĩ nhỏ, bất chợt. Nay chọn lọc lại, xén cắt, trang điểm, đặt tên là Trầm Tư".

Hãy nghe Võ Hồng "trầm tư" về nghề văn:

"Ông nhà văn, ông được ưu đãi nhiều quá. Ông được nói chuyện dịu dàng với người đọc vào một giờ yên tĩnh nhất, trong một khung cảnh êm đềm nhất. Người đó đem trọn tâm hồn ra để nghe ông và ông được chọn nói những điều mà ông cho là thâm thúy. Những cánh cổng uy nghi, những cửa phòng hoa lệ tự nguyện mở ra đón ông"

Và nghề thơ:

"Phải biết cách làm thơ mới không sợ người làm được thơ. Phải làm được thơ mới biết sợ người làm thơ hay".

🕮 Lý Hồng Xuân, ***Nhận diện chân dung nhà văn***, do Văn Nghệ xuất bản và phát hành, sách dày 366 trang, giá 16 MK (ngoài Hoa Kỳ thêm 2 MK).

Trong văn giới Miền Bắc trước 75 và Việt Nam sau 75, Xuân Sách nổi tiếng một phần nhờ những bài thơ phác họa chân dung bạn văn rất sắc sảo, chính xác (và nhiều khi độc địa) của ông. Xuân Sách làm những bài chân dung này suốt 30 năm, và những bài thơ ấy đặc sắc ở chỗ tác giả thường lấy tên những tác phẩm nổi tiếng của từng tác giả ghép lại với nhau một cách tài tình để thành một nhận định sắc sảo về cả đời văn của người đó.

Lý Hồng Xuân là một người miền Bắc biết khá rõ hậu trường sinh hoạt chữ nghĩa của Hà nội, nên lời chú giải và bình luận những bài chân dung của Xuân Sách sẽ giúp ích rất nhiều cho bạn đọc hải ngoại.

Nhà Văn Nghệ đã bày bán sách tại hiệu sách Văn Nghệ, và phân phối đi khắp các hiệu sách.

📖 Linh mục Phêrô Đinh Ngọc Quế, ***Hồi ký một linh mục trong tù cộng sản (1975-1988),*** hồi ký, mô tả chi tiết đời sống hằng ngày của Linh mục Đinh Ngọc Quế, thuộc dòng Chúa Cứu thế, trong suốt thời gian học tập cải tạo từ 1975 đến 1988, những năm kế đó sống tại Sài Gòn và một số năm định cư tại Hoa Kỳ.

Một bản dịch tiếng Anh xuất bản song song với tập hồi ký, do Giáo sư Anh ngữ Trần văn Điền dịch.

Cả hai ấn bản đều là tài liệu quí giá về chính sách đàn áp tôn giáo và nhân quyền của chính quyền cộng sản Việt Nam.

Địa chỉ liên lạc: LM Đinh Ngọc Quế
3452 Big Dalton Ave
Baldwin Park CA 91706
Phone: (626) 814-8804. Fax (626) 851-1280

📖 Hoàng Dung, ***Chiến tranh Đông dương 3 - Chiến tranh biên giới Hoa Việt và Việt Miên 1979,*** Văn Nghệ xuất bản và phát hành, sách dày 250 trang, giá 13 MK.

Tác giả là một bác sĩ y khoa ưa đọc sách, và ghi chú cẩn thận những gì đọc được, rồi tìm ra những nhận định về điều học hỏi qua sách. Vì không phải là người nghiên cứu sử học chuyên môn, nên tác giả khiêm nhường xem "Chiến tranh Đông Dương III" là "ghi nhận của Hoàng Dung" , không phải là sách biên khảo.

Tuy nhiên qua "các ghi nhận" ấy, người đọc bình thường cũng thu thái được từ sách Hoàng Dung nhiều kiến thức bổ ích, nhất là cuộc chiến tranh giữa VN và hai nước "anh em" Trung quốc và Khmer Đỏ.

📖 Nguyễn Thị Thụy Vũ, ***Khung rêu,*** truyện dài, Giải thưởng Văn chương Toàn quốc 1970 ở Sài Gòn, Kẻ Sĩ xuất bản lần thứ nhất 1969, Văn Nghệ tái bản và phát hành, sách dày 336 trang, giá 15 MK.

Nguyễn Thị Thụy Vũ là nhà văn nữ thành danh ở Sài Gòn trước 1975, cùng thời với Nhã Ca, Túy Hồng, Nguyễn Thị Hoàng, Trùng Dương, và đã xuất bản 6 tác phẩm: *Mèo đêm* (tập truyện), *Lao vào lửa* (tập truyện), *Chiều mênh mông* (tập truyện) *Ngọn pháo bông* (truyện dài), *Thú hoang* (truyện dài), và *Khung rêu*. Sau 1975, bà không thể tiếp tục cầm bút dưới chế độ mới, và phải sống một cuộc sống vất vả ngoài Sài Gòn. Việc tái bản *Khung rêu* ở hải ngoại có thể là động cơ giúp bà cầm bút trở lại, sau 25 năm gát bút. Muốn mua sách xin liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ.

hộp thư

Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ

Francis Vinh (Norway), Lê văn Ba (Westminster CA), Tôn Thất Chiểu (Langley Park MD), Phạm Việt Cường (San JOse CA), Loan Le (El Paso, TX), Thanh Ha Le (Richmond BC Canada), Quang Doan (Antelope CA), Vu Van Tam (Muenchen Germany), Nguyễn Lê Thủy Yên (Foster City CA), Dr. Nguyen, Thanh Nhan DDS (Downsview Ont Canada), Tam & Vui Nguyen (West Plam Beach FL), Phuong Lan Nguyen (Anaheim CA), Vu Duc Thanh (Orlando FL, đổi địa chỉ), Kim Fitzgerald (Wailuku HI), Son Nam Nguyen (Clifton VA), Kimberly Pham (Fresno CA), Chi Nguyễn (Tustin CA), Mai Tất Đắc (đổi địa chỉ, Coconut Creek FL), Trần Cang (Stockton CA), Lê Ngọc Thọ (Anjou Canada), Nguyễn Công Khai (Poway CA), Nguyễn Công Thuần (Binghamton NY, đổi địa chỉ), Nguyễn thị Hồng (Bernice LA), Nguyễn Tất Tiến (Irvine CA), Dr. Trần Xuân Dũng (Footscray VIC Australia), Vũ Công Định (Bellevue WA), Lê Đức Long (Huntington Beach CA), Lâm thị Nhung (Sarasota, FL), Thanh T. Ton (Lemon Grove CA), Phyvan Doan (Westminster CA), Tung Ni (Kennesaw GA), Châu Minh Đức (Orlando FL), Ly-Le Tran (Nutley NJ), Thuy Vinh Ho (Pasadena CA), Nguyễn Huy Bích (Nepean ON, Canada), Vũ Thị Nghĩa (Santa Ana CA), Sương Mai (đổi địa chỉ, Fair Oaks CA), Nguyễn văn Vy (Richfield MN), Truc Nguyen (Cocoa FL)

Bài nhận được trong tháng:

Thư góp ý của Bà Lê thị Anh về cỡ chữ Văn Học (Burwood Australia),"Những bữa giỗ của bà nội tôi" gửi từ Champigny/Marne France, "Nắng lạ" gửi từ Seattle WA, "Gối chăn" gửi từ Long Beach CA, Thư Họa sĩ Nguyễn Đại Giang, Thư Anh Nguyễn Đăng Trúc France, "Vài nét về bài thơ Lộc Trại của Vương Duy" gửi từ Palawan Philippines, "Thực" gửi từ Chomedey Quebec Canada, "Sắc, Không, Yêu người Lương Sơn Bạc" gửi từ Toronto Canada, Thư của Ông Bà Trần văn Dĩnh (Washington DC), "Những phương pháp dạy đọc chữ" gửi từ Bergen Norway, "Người con gái VN da vàng thời bình" gửi từ Milpitas CA,

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện.

Trong tháng Chín 2000, hộp thư e-mail Văn Học đã nhận được một số bài từ xa gửi tới. Trừ trường hợp do trục trặc kỹ thuật các email ấy bị trả lại, những bài khác đều đã tới hộp thư email Văn Học đầy đủ.

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Một Dây Trầm
Tập truyện Hoàng Du Thuy
Cơn Giông Ngày Về
Tập truyện Ninh Hạ
Chân Mang Giày Số 6
Tập truyện Song Thao
Gió Biếc
Tập truyện Lê Minh Hà
Qua Mấy Trời Sương Mưa
Thơ Hoàng Lộc
Miêng
Tuyển tập truyện ngắn của Miêng
Cồn Mây
Truyện dài Hồ Minh Dũng
Người Chết Vẫn Sống
Tạp luận Nguyễn Quốc Trụ
Loanh Quanh Những Nẻo Đường
Ký Trần Doãn Nho
Kẻ Giật Dây
TIến Sĩ Công Pháp Lê Đình Chi
Cảm Nhận
Võ Phiến
Bay Đi Cánh Chim Biển
Tập truyện Hoàng Nga
Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000
67 tác giả
Cõi Người Trong Văn Chương Bình Dân
Huỳnh Văn Phú
Lời Tỏ Tình Đã Cũ
Tập truyện Hoàng Chính

Sách có bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
Nhà Phát Hành Văn Nghệ:
Điện thoại: (714) 934-8574

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI
Tác phẩm phát hành tháng 10 năm 2000
****

DÌ THU
Tập truyện TRANG CHÂU
Tựa MAI KIM NGỌC - Bạt KIỆT TẤN
Bìa KHÁNH TRƯỜNG

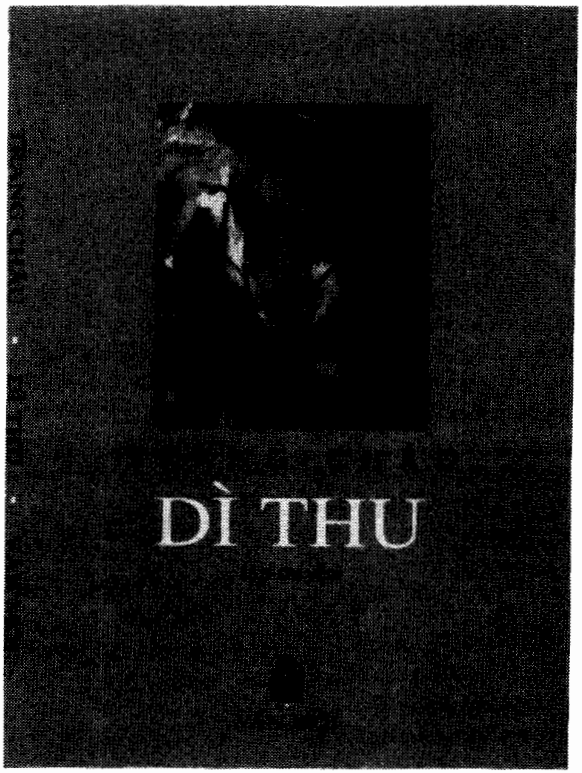

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu Bang_____ Zip_____ _____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

Đã tái bản hạn chế
hai bộ trường thiên của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(ấn bản có sửa chữa & bổ sung)

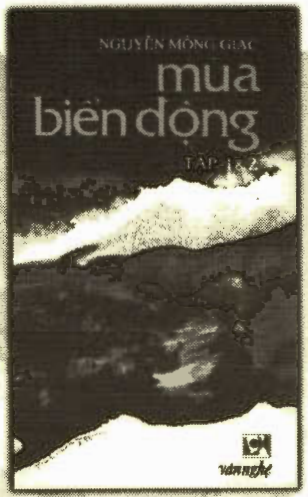

Mùa Biển Động (5 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

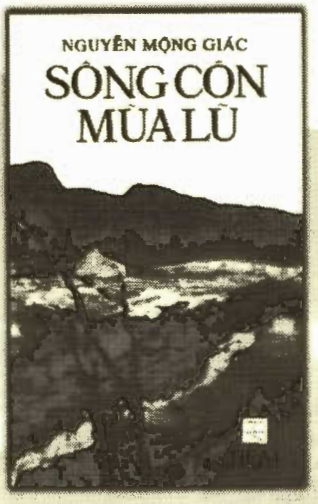

Sông Côn Mùa Lũ (4 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

Thư từ, chi phiếu xin gửi về:

Nguyễn Khoa Diệu Chi
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92842

Phone: (714) 894-8535
E-mail: nmg@vinet.com

NHÀ SÁCH
VĂN NGHỆ
SÁCH - BÁO - MUSIC - KINH SÁCH PHẬT GIÁO
9351 Bolsa ave. - Westminster, CA 92683 - USA
Tel (714) 934-8574
Email: vannghe@pacbell.net
Homepage: http://hom.pacbell.net/van nghe

SÁCH MỚI NĂM 2000

• TĂNG SĨ VÀ TRIẾT GIA 22MK
Hội luận về tôn giáo – Phật Giáo giữa hai nhà đại trí thức Pháp: triết gia ***Jean-Francois Revel*** (cha) và nhà bác học-tăng sĩ ***Matthieu Ricard*** (con). Bản Pháp ngữ và Anh ngữ đều thuộc loại Best Seller hiện nay. ***Linh Thụy*** chuyển ngữ.

• CHUYỆN NƯỚC NON 12MK
tiểu luận ***Nguyễn Minh Cần***

• GIỮA HAI MIỀN MƯA NẮNG 13MK
tạp ghi ***Hoàng Mai Đạt***

• MÙI HƯƠNG QUẾ 14MK
truyện ***Dương Như Nguyện***

• RỪNG MẮM VĂN NGHỆ 13MK
18 chuyện văn nghệ, ***Võ Đình***

• MẤY NẺO ĐƯỜNG CỦA NGHỆ THUẬT VÀ CHỮ NGHĨA 13MK
Huỳnh Hữu Ủy

• BÔNG HỒNG VÀNG 15MK
Konstantin Paustovsky, ***Vũ Thư Hiên*** dịch

• GIAI THOẠI THIỀN SƯ 10MK
Lâm Thanh Huyền, ***Phạm Huê*** dịch

• NHAN SẮC 10MK
truyện ***Dương Nghiễm Mậu***

SÁCH MỚI PHÁT HÀNH

• CHUYỆN KỂ NĂM 2000 (toàn tập) 20MK
Ấn bản Thời Mới Canada

Độc giả trong nước Mỹ muốn nhận được CKN 2000 mau trong 3, 4 ngày xin gởi thêm $3.20 + $20 = $23.20.
Sách sẽ gởi theo Priority Mail

Giá:$4.00